

Thu Giang NGUYỄN DUY CĂN

TÔI TỰ HỌC

Phương pháp tự học, tự đào luyện
cho mình một nền tảng văn hóa
vững chắc cả về bề sâu lẫn bề rộng



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TÔI TỰ HỌC

Tác giả: Thu Giang Nguyễn Duy Cần

Nhà xuất bản: Khai Trí

Năm xuất bản: 1971

Số trang: 383

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

()

()

MỤC LỤC:

TỰA

§I. THỬ TÌM MỘT ĐỊNH NGHĨA

- A. Thế nào là người học thức?
- B. Học để làm gì?
- C. Thế nào là bậc thiên tài?

§II. NHỮNG YẾU TỐ CHÍNH

- A. Học vấn và thời gian
- B. Cái học về bề rộng và cái học về bề sâu
- C. Cố gắng: Điều kiện đầu tiên của sự tiến bộ tinh thần
- D. Cố gắng mà được bền bỉ là nhờ có sự hứng thú làm hậu thuẫn
- Đ. Biết tổ chức sự hiểu biết của mình
- E. Óc phê bình
- G. “Biết mình” là cái học đầu tiên của người trí thức
- H. Học để thành công trong con đường xử thế
- I. Óc tinh nhuệ
- K. Biết tuyển chọn

§III. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN TIỆN

- A. Thời giờ
- B. Tinh thần tận mác
- C. Đời sống đơn giản
- D. Sự tập trung tinh thần
- Đ. Óc tổng quan
- E. Óc nhân quả
- G. Óc tế nhị
- H. Óc thần thưởng

§IV. NHỮNG PHƯƠNG TIỆN CHÁNH

- A. Đọc sách
 - 1. Thế nào là sách hay?
 - 2. Đọc sách để tìm hiểu mình
- B. Phải đọc sách cách nào
 - 1. Tánh cách tôn nghiêm của sự đọc sách
 - 2. Chỉ đọc những tác phẩm hay
 - 3. Sách gói đầu giường
 - 4. Uống nước tận nguồn
 - 5. Sách quá nhiều chú giải
 - 6. Đọc sách cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần
 - 7. Cần đọc những sách cao hơn tầm hiểu biết của mình
 - 8. Đối với bất cứ sách nào, phải dành cho nó một tấm lòng thiện cảm
 - 9. Cần ôn lại những gì ta đã hiểu biết hoặc đã suy nghĩ về vấn đề của quyển sách đã nêu ra
 - 10. Đọc sách cần phải đồng hoá với nó và phản động lại nó

11. Đọc sách cần đặt cho mình trước một vấn đề... hay một câu hỏi để tìm kiếm, săn đuổi...
12. Làm thế nào để nghiên cứu một hệ thống tư tưởng?
13. Làm cách nào để hiểu biết được học thuyết mới?
14. Cái hại của những sách toát yếu
15. Viết lại những gì mình đã đọc
16. Đọc sách cần xem bản mục lục

§V. ĐỌC NHỮNG GÌ?

1. Đọc tiểu thuyết tâm lý
2. Đọc sử
 - A. Phê bình ngoại bộ
 - B. Phê bình nội bộ
1. Giải thích tài liệu
2. Tìm sự thành thực của tác giả
3. Tìm sự đích xác của chứng cứ
4. So sánh tài liệu
3. Đọc báo
4. Đọc những sách về thiên văn và địa lý
 - a. Con người trong Vũ trụ
 - b. Con người trong thời gian
 - c. Con người trong không gian

§VI. HỌC NHỮNG GÌ

- A. Học viết văn
- B. Học dịch văn

§VII. BA YẾU TỐ CHÍNH ĐỂ XÂY DỰNG MỘT NỀN VĂN HÓA VỮNG VÀNG

- A. Óc khoa học
- B. Óc triết học
- C. Biết xúc cảm

§VIII. MỘT VÀI NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII

KẾT LUẬN

PHỤ LỤC

LỜI HAY Ý ĐẸP

GHI CHÚ

TỰA

Tôi còn nhớ một câu chuyện ngụ ngôn Ả Rập rất ngộ nghĩnh sau đây do văn sĩ Anatole France thuật lại: Có một Nhà Vua gọi các bậc trí giả trong nước, bảo tìm tòi và mang lại cho ông sự khôn ngoan. Các bậc bác học ấy sưu tầm tất cả sách vở hay nhất trong nước để chở đến cho Nhà Vua. Nhà Vua đang bận vui chơi trong một yến tiệc nên không có ngày giờ đọc: “Nhiều quá! Làm sao đọc hết được? Suốt đời ta cũng không đọc hết. Các người hãy tuyển lại trong đồng sách ấy những quyển nào hay nhất và cần thiết nhất thôi!”

Các nhà bác học mới ngày đêm tuyển chọn, còn được một mớ sách hay nhất, bèn đem chở đến Nhà Vua. Bấy giờ Nhà Vua đang mơ màng buồn ngủ, bèn bảo: “Vẫn còn nhiều quá! Các khanh cố gắng thêm lên, đọc lại thật kỹ các sách này và tóm tắt lại tinh hoa của nó, viết thành một quyển sách thôi, rồi ta sẽ đọc quyển ấy để thu thập sự hiểu biết của những bậc thông minh nhất thế giới từ cổ chí kim, có phải tiện hơn không?”

Các nhà bác học uyên thâm nhất, cặm cụi cả năm trường mới rút đăng tinh hoa vào một bộ sách duy nhất. Lòng mừng khắp khởi, vị cao niên nhất trong các nhà thông thái ôm bộ sách quý ấy vào đền. Nhà Vua cũng vẫn chê là còn dài dòng lắm:

“Khanh hãy cố gắng rút tất cả tinh hoa bộ sách này làm thành một câu thôi, như thế ta chỉ học lấy câu ấy để biết được tất cả cái biết của con người từ xưa đến nay, trong khắp thiên hạ.”

Nhà thông thái trở về, và sau một tháng trở vào đền, cầm theo câu tư tưởng tinh hoa của tất cả sự hiểu biết của con người, viết trên một tấm lụa ngà: “Con người sinh ra, yếu đuối, trần truồng. Càng ngày càng lớn hơn, về sức mạnh cũng như về dục vọng, nhưng lòng tham muốn lại không bao giờ thoả mãn. Rồi tàn tạ, rồi tiêu vong.”

Nhà Vua đang bận sửa soạn ra quân tỏ vẻ giận dữ nói: “Điều ấy có gì mà phải nói. Ta đã biết dư rồi! Chúng anh toàn là bọn lão cá!”

Câu chuyện này muốn nói gì thế? Theo Charles Baudoin, thì trong những ý kiến các trí giả xưa nay, ý kiến sau này của Alain có lẽ là đúng nhất: **“Văn hoá là điều không thể truyền được mà cũng không thể tóm tắt lại được.”**

Tôi cũng nhìn nhận lối nhận xét trên đây của Alain là đúng. Như thế, sao lại còn viết ra quyển **“Tôi tự học”** để làm gì?

Tự học là một nghệ thuật. Là nghệ thuật thì không thể truyền được. Trang Tử cũng có câu chuyện ngụ ngôn sau đây, gần rất là ý vị.

“Hoàn Công đọc sách ở trên lầu. Có người thợ mộc đang đẽo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng đọc, bỏ tràng, đục, chạy lên thưa với Nhà Vua:

“Cả dám hỏi Nhà Vua học những câu gì thế?”

Hoàn Công nói: “Ta đọc những câu của Thánh Nhân.”

- Thánh Nhân hiện còn sống không?

- Đã chết cả rồi?

- Thế thì những câu Nhà Vua đọc chỉ là những cặn bã của cổ nhân đấy thôi.

- À, anh thợ! Ta đang đọc sách, sao dám được nghị luận. Hễ nói có lý thì ta tha, bằng không có lý ta bắt tội.

Người thợ mộc nói:

“Tôi xin cứ lấy việc tôi làm mà suy luận. Khi dẻo bánh xe, rộng, hẹp, vừa vặn, đúng mực thì thật là tự tâm tôi liệu mà nảy ra tay tôi làm, như đã có phép nhất định, chứ miệng tôi không thể nói ra được. Cái khéo ấy, tôi không thể dạy được cho con tôi, con tôi không thể học được của tôi. Bởi vậy, năm nay tôi đã bảy mươi tuổi rồi mà vẫn giữ nghề dẻo bánh xe.”

“Người xưa đã chết, thì cái hay của họ khó truyền lại được, tưởng cũng như đã chết cả rồi. Thế thì những câu nhà vua học, thực ra chỉ là những cặn bã của người xưa mà thôi.”

Thật có đúng như lời của Alain đã nói:

“Văn hoá là một cái gì không thể truyền, mà cũng không thể tóm tắt lại được.”

Văn hoá tuy không thể truyền được cái hay, nhưng có thể kêu gọi và giúp cho người ta đi đến chỗ hay. Cũng như nguyên tắc dạy vẽ, tuy không truyền lại được cái thiên tài của họa sĩ, nhưng cũng giúp cho người người có thể có được những lẻ lối làm việc để thành một nhà họa sĩ chân tài.

Tác giả là người trước đây đã vất vả rất nhiều trong con đường học vấn. Trước đây, tác giả là người rất kém về trí nhớ, lại cũng kém cả thông minh và sức khỏe, sau khi ra trường lại cảm thấy mình bơ vơ, ngơ ngác trước con đường học vấn mênh mông. Thú thật, ở trường tác giả không học được gì hơn là những ý thức thông thường, nhưng không tiêu hoá được bao nhiêu. Là vì chương trình quá nặng mà thời gian tiêu hoá rất ngắn. Cho nên ra trường được vài năm thì dường như đã quên gần hết những gì mình đã học. Sở dĩ sau này mà có được chút ít học vấn, dù nông cạn đến đâu cũng đều nhờ công phu tự học cả. Tác giả nhận thấy câu nói này của Gibbon rất đúng: “Mỗi người đều nhận được hai thứ giáo dục: một thứ do người khác truyền cho; một thứ quan trọng hơn nhiều, do mình tự tạo lấy”. Đó là trường hợp của tác giả. Và, như Bác sĩ Gustave Le Bon đã nói, tác giả cũng đã “dùng phần thứ hai của đời mình để đả phá những ảo vọng, những sai lầm và những nếp suy tưởng hẹp hòi lạc hậu mà mình đã hấp thụ được trong khoảng đời thứ nhất” của mình ở nhà trường.

Trước đây về vấn đề này, tác giả đã có cho xuất bản hai quyển **Óc sáng suốt** và **Thuật tư tưởng**. Quyển **Tôi tự học** hôm nay chỉ để bổ túc hai quyển trước mà thôi. Bởi vậy, nếu các bạn đọc nhận thấy rằng đề cập đến vấn đề học hỏi mà bỏ qua vấn đề luyện trí nhớ, tập quan sát, luyện giác quan, cùng những phương pháp suy luận là một điều thiếu sót lớn, thì xin các bạn nên biết cho rằng những vấn đề ấy đã được bàn rất rộng trong hai quyển đã kể trên. Lắm khi cũng có một vài vấn đề đem ra bàn lại, dĩ nhiên là với nhiều tài liệu phong phú hơn, được bàn rộng về nhiều khía cạnh hơn.

Đây là một mớ nguyên tắc, không phải chỉ tự mình tìm ra, mà phần nhiều là của những bậc tiền bối cổ kim, đã giúp ích tác giả rất nhiều trong con đường học vấn. Những kinh nghiệm của tác giả trong thời gian tự học thường chỉ dùng để tán rộng và bình phẩm những nguyên tắc do các bậc đàn anh chỉ dẫn. Dĩ nhiên là khi biên chép lại, tác giả đã nhìn nhận rằng nó đã giúp được rất nhiều cho tác giả, và như thế cũng có nghĩa là rất có thể nó sẽ không giúp ích gì cho những ai khác có những thiên tư cùng năng khiếu khác mình. Vì vậy mới có tên làm tựa sách là **Tôi tự học** mà không dám đề là **Tự học** suông, như các sách cùng loại đã xuất bản. Như vậy, những thiếu sót, hoặc vụng về hoặc sai lạc đều là do những kinh nghiệm còn nhiều bở ngỡ của tác giả. Seignobos, Désiré Roustaou, Marcel Prévost, Jean Guittou, Jules Payot, Gustave Rudler, là những học giả mà tác giả đã chịu nhiều ảnh hưởng nhất, không phải về tư tưởng, mà về phương pháp tự học.

Học là để cho đầu óc và tâm hồn càng ngày càng cao hơn, rộng hơn... Có cao, có rộng thì mới tránh được cái nạn thiên kiến, chấp nhất của những đầu óc hẹp hòi. “Óc hẹp hòi”, theo Charles Baudoin, “là những đầu óc không thường thức nổi những gì mình không ưa thích”. Ông lại nói: “Từ sự không có văn hoá đến lòng thiên chấp, chỉ có một bước mà thôi” (De l’inculture à l’intolérance, il n’y a qu’un pas). Thật có như vậy.

Người có văn hoá cao là người mà tâm hồn thật cao rộng, dung nạp được tất cả mọi ý kiến dị đồng, không có những thành kiến hay tư tưởng một chiều, bao giờ cũng nhìn thấy tất cả mọi bề mặt và bề trái của sự đời. Bởi vậy, muốn có được một tâm hồn cao rộng ít ra phải có một nền học thức rộng đủ mọi mặt, kiêm cả Đông Tây Kim Cổ. Kẻ nào tin tưởng một cách quả quyết rằng chỉ có mình nắm được chân lý tuyệt đối, là không thể có lòng khoan dung rộng rãi. Nhất là không thể là một nhà tâm lý sâu sắc được.

Học rộng sẽ giúp ta đi từ “tuyệt đối luận” qua “tương đối luận”, biết vượt lên trên những lập trường eo hẹp hạn định của một hệ thống tư tưởng hẹp với mình để thông cảm với những hệ thống tư tưởng khác không hẹp với lòng ưa thích của mình. Người học thức rộng là người biết thưởng thức tất cả mọi hình thức văn hoá bất luận Đông Tây hay Kim Cổ.

Đầu óc hẹp hòi, hay suy nghĩ có một chiều, nên dễ sanh ra cuồng tín. Cuồng tín là tai hoạ ghê tởm nhất của thời đại, bất cứ là thời đại nào. Trừ bớt nó được chút nào, may ra chỉ có Văn hoá. Như vậy, phải chăng Văn hoá là phương tiện tranh đấu duy nhất để đem lại Tình Thương và Hoà Bình cho nhân loại. Đó là mục tiêu cao nhất của Văn Hoá: làm cho con người hoàn thành sứ mạng của Con Người.

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
Sài thành 22 tháng 5 năm 1960

CHƯƠNG THỨ NHẤT. THỬ TÌM MỘT ĐỊNH NGHĨA

A. THẾ NÀO LÀ NGƯỜI HỌC THỨC?

Lễ Ký có nói: “*Ngọc bất trác, bất thành khí; nhân bất học, bất tri lý*”. Có người dịch như vậy: “*Ngọc chẳng mài, chẳng ra chi. Người mà chẳng học, trí tri đâu tường...*”

Nhưng thế nào là “người có học”?

Có kẻ học đậu năm ba cấp bằng, có người đậu cử nhân, tiến sĩ... thế mà cũng còn bị người ta mắng cho là đồ “*vô học*”. Như thế thì “người có học” là người như thế nào? Chắc chắn, nó phải có một định nghĩa rõ ràng, nhưng thường được hiểu ngầm hơn là nói trắng ra.

Tôi có quen nhiều bạn đậu kỹ sư điện, thế mà trong nhà có máy điện nào hư, phải đi tìm những anh thợ máy điện đến sửa... Nếu ta bảo họ giảng nghĩa về điện học, thì phải biết, họ sẽ làm cho ta điếc óc... Tôi có biết nhiều ông giáo sư ở trường sư phạm ra, thế mà trong khi dạy học, họ không biết áp dụng một nguyên tắc sư phạm nào cả; học trò vẫn than phiền là giờ dạy của họ buồn ngủ muốn chết, không hiểu được gì cả... Rồi họ còn bảo: “Học trò mà học dở, không phải lỗi tại thầy”... Tôi cũng có thấy vài ông đậu bằng tiến sĩ hay thạc sĩ triết học, thế mà cách ăn ở với đời vụng dại như một người ngu, không hiểu chút gì về tâm lý của con người cả.

Ai ai, nếu để ý quan sát, cũng sẽ nhận thấy như tôi... Sự tình ấy không phải lỗi gì nơi những người ấy, họ là nạn nhân của chế độ nhà trường ngày nay, mà tôi sẽ bàn đến ở một nơi khác. Tôi chỉ muốn nói, những người có những bằng cấp nói trên đây, họ có hơn gì kẻ vô học không? Nếu có hơn là họ hơn về lý thuyết, nhưng về phần thực tế... họ đâu có hơn gì một con “Vẹt”. Nói cho đúng hơn, họ chỉ có “*học*” mà không có “*hành*”. Học là để biết. Biết, mà không thực hành được, cũng chưa gọi là “*biết*”. *Tri* và *Hành* cần phải hiệp nhứt mới được gọi là người “*có học thức*”.

Người xưa có ví: “*Con chiên ăn cỏ, đâu phải để mà nhả cỏ mà là để biến thành những bộ lông mượt đẹp. Con tằm ăn dâu, đâu phải để mà nhả dâu, mà là để nhả tơ...*” Học mà không tiêu hoá, có khác nào con chiên nhả cỏ, con tằm nhả dâu... Người ta rồi cũng chẳng khác nào cái máy thu thanh, chỉ lặp lại những gì kẻ khác đã nói... Học như thế, không có lợi ích gì cho mình mà còn hạ phẩm cách của con người ngang hàng với máy móc. Georges Duhamel có nói: “*Đừng sợ máy móc của bên ngoài... hãy sợ máy móc của cõi lòng...*” (42). Một xã hội mà con người chỉ còn là một bộ máy thì sứ mạng của văn hoá đã đến ngày cùng tận rồi... mà tinh thần loài người rồi cũng đến lúc diệt vong: có xác mà không hồn... Học mà đưa con người đến tình trạng ấy, tôi tưởng thà đừng học có hơn không? Cái hiểm trạng của xã hội ngày nay phần lớn phải chăng một phần nào đều do những bộ óc “*học thức nửa mùa*” ấy gây nên?

Thế thì, *học* và *học thức* không thể làm lẫn với nhau được. Ta cần phải để ý phân biệt hai lẽ ấy.

Thật vậy, có những sự hiểu biết chỉ bám ngoài da mà không thể ăn sâu vào tâm khảm của ta. Nó chỉ là một nước sơn bóng nhoáng và chỉ là một lớp sơn thôi... Cái học của ta không có ảnh hưởng gì đến tâm hồn ta cả. Trái lại, cũng có nhiều thứ hiểu biết liên lạc với ký ức ta, với tư tưởng ta, với tình cảm dục vọng ta, nó hoà hợp với cái người tinh thần của ta không khác nào khí huyết tinh tuỷ đối với thân thể của ta vậy. Giữa những sự hiểu biết ấy và ta, có một thức tác động và phản động, xung đột nhau, hoà hợp nhau để thay đổi nhau và thay đổi luôn cả cái người của ta nữa...

Tôi muốn nói: giữa ta và những điều ta học hỏi phải có một sự *tiêu hoá*, hay muốn nói theo Kinh Dịch, phải có một việc *thần hoá* (thần nhi hoá chi) mới được.

Vậy, ta phải dành chữ “*học thức*” cho những bộ óc thông minh biết đồng hoá với những điều mình đã học. Như thế thì, *học nhiều* và *học thức* không giống nhau.

Phân đông chúng ta thường nhận lầm việc ấy. Chúng ta thường đánh giá con người theo cấp bằng của họ, những cấp bằng ấy phần nhiều là những cấp bằng trí nhớ: kẻ nào nhớ giỏi thì thi đậu. Sự nhận xét sai lầm này gây không biết bao tai hoạ cho loài người hiện thời.

Tóm lại, người học thức không phải cần biết thật nhiều, mà cần phải thật biết những gì mình đã biết.

“Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã” – Biết, thì biết là mình biết, không biết thì biết là mình không biết, ấy mới là thật biết. *Học thức là một vấn đề thuộc “phẩm”, chứ không phải thuộc “lượng”.*

Cái học mà đã được đồng hoá rồi thì không còn nói là cái học bên ngoài nữa. Cỏ mà bị chiên ăn rồi, không còn là cỏ nữa. Dâu mà bị tằm ăn, không còn gọi là dâu nữa.

Học, cũng như ăn.

B. HỌC ĐỂ LÀM GÌ?

Học để làm gì? Và tại sao ta phải học?

Ta phải quan sát chung quanh ta, ta sẽ thấy có hai hạng người: học vì tư lợi, và học không vì tư lợi gì cả, nghĩa là học để mà học, học theo sở thích của mình...

Hạng học vì tư lợi, chiếm một phần rất đông. Họ học một nghệ thuật nào, một khoa học nào, một nghề nghiệp nào là để tìm một kế sinh nhai. Cái ý muốn thiết thực này cũng là cái ý muốn chính của các bậc làm cha mẹ khi tìm thầy cho con, hay khi gởi chúng đến trường. Mà chính các học sinh, đa số cũng chỉ có một mục đích ấy: nắm lấy cấp bằng để tìm lấy một con đường sinh kế.

Thật ra, cũng có nhiều kẻ, đối với nghề nghiệp sau này của mình, cảm thấy thích thú lắm. Cũng có thể rất sung sướng khi nghĩ đến sau này sẽ được làm kỹ sư, giáo sư, nghệ sĩ hay sĩ quan... Nhưng, cái ý nghĩ nhờ đó để kiếm địa vị, tiền bạc, danh vọng, quyền tước... cũng đủ làm cho tâm hồn mình mất cả cái sung sướng tinh khiết của cái học vô tư lợi... Cái mộng của tuổi trẻ qua rồi, tôi thường thấy có nhiều bậc phụ huynh không muốn cho con em mình sau này đeo đuổi theo nghề nghiệp của mình. Học để tìm một nghề nghiệp làm kế sinh nhai, có cái lợi ích của nó, không một ai có thể chối cãi được, nhưng dầu thích hay không thích nó chỉ là một cái học để thành công, một cái học vì lợi... mà đối với những người có đầu óc thiết thực, ít lý tưởng, cho là thoả mãn lắm rồi!

Bên những nhà “tập sự” vì lợi ấy, chúng ta cũng thấy có nhiều kẻ, ngay buổi còn thơ, nhất là lúc mà trí thức đương chùng nẩy nở, họ ham học mà không có một ý nghĩ gì dục lợi cả: không phải để kiếm tiền, không phải để tìm địa vị, cũng không phải để tìm danh vọng...

Chiều theo ý của cha mẹ, hoặc vì hoàn cảnh bắt buộc mà phải chọn một nghề nào, kỳ thực họ không để chút tâm hồn nào nơi ấy cả. Họ là một công chức sở hởi đoái mà họ mê say thi phú hay âm nhạc. Họ là một sĩ quan mà họ mê say lịch sử và văn chương. Họ là một trạng sư mà họ mê say toán học. Có kẻ, ngoài giờ phải lo lắng giời mài nghề nghiệp của mình để kiếm ăn, cũng rảnh dành một vài giờ để thoả mãn tính tò mò của mình, học những môn không lợi ích gì cho cái đời vật chất của mình cả, khi thì đọc triết học, khi thì đọc sách nghiên cứu về văn chương, lắm khi tập tễnh cầm bút viết văn hay hội hoạ...

Đây cũng là một cách học, một cái học hoàn toàn không chút vì lợi. Những kẻ học như thế, họ học văn chương vì văn chương, học nghệ thuật vì nghệ thuật, học khoa học vì khoa học.

Hai hạng người trên đây, ai có lý? ai vô lý? Thật cũng khó mà trả lời. Cái thích của người này chưa chắc cũng là cái thích của người kia.

Lại còn có người họ *thích không học gì cả*, thì sao? Họ sẽ nói: “Đời người ngắn ngủi, học cùng không học thì có khác gì nhau. Anh thích khoa học, tạo hoá ban cho anh nhiều năng khiếu, thì anh thành nhà bác học giúp đời...”

Còn tôi, không có năng khiếu gì cả, cố mà nhồi vào sọ những cái học hỏi của kẻ khác, cố mà sản xuất những văn nghệ phẩm không hơn gì những bài làm của học sinh... thì phỏng có lợi gì! Ta hãy cứ tìm lấy những hạnh phúc rẻ tiền không cần dụng công nhọc sức chi cả có hơn không! Anh đọc truyện Kiều, anh biết thích... Tôi, tôi đọc Lục Vân Tiên, tôi cũng biết thích vậy. Anh, anh thích nhạc cải cách, anh thích nhạc Âu Mỹ. Tôi, tôi nghe vọng cổ, tôi xem hát bội tôi cũng biết thích vậy. Anh đọc tiểu thuyết của Âu Mỹ, anh biết hay; còn tôi, tôi đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Phú Đức tôi cũng biết mê say... Vậy, thì cũng chưa chắc cái sướng của anh hơn cái sướng của tôi?

Ta phải trả lời với họ cách nào?

Đã không thiếu gì những quyền luận lý tân cựu đã trả lời với họ rất hùng hồn... Nhưng, theo tôi,

mặc dầu có rất nhiều bài văn mà tài hùng biện của tác giả không thể chối cãi được... tôi thấy cũng chưa đủ sức cảm hoá hạng người trên đây.

Ta hãy can đảm nhìn ngay sự thật; có nhiều kẻ họ sống hết sức hạnh phúc trong sự ngu dốt và ở không-nhưng của họ... Họ ghét đọc sách, họ ghét suy nghĩ, họ ghét làm việc bằng tinh thần cũng như họ ghét gong cùm tù tội vậy: một vấn đề hoàn toàn thuộc về bản chất...

Goethe, lúc mà danh vọng của ông lên đến tột độ, ngày kia dạo trên bờ sông thành Naples, gặp một tên ăn mày nằm ngủ phơi mình trong ánh nắng... Ông dừng chân, tự hỏi: Ta và anh ăn mày này, ai hạnh phúc hơn ai? Thật, cũng khó mà trả lời cho dứt khoát.

Tuy nhiên, tôi chắc chắn, các bạn cũng như tôi, chúng ta thích sống trong hạnh phúc của Goethe hơn.

André Gide cũng nói: *“Một cái hạnh phúc mà vô tâm, tôi không chịu sống trong hạnh phúc ấy”*.

Nếu bạn là người theo phái “ăn rồi nằm ngửa nằm nghiêng, có ai mướn tở, thời khiêng tở về...” nghĩa là theo phái thích “ăn không ngồi rồi”, “tối thiểu nỗ lực” và cho đó là hạnh phúc nhất đời, thời xin mời bạn hãy để quyển sách này xuống. Nó không phải viết cho bạn.

Thú thật, tôi không đủ tài để thuyết phục bạn. Sách này viết ra, là cho những ai cùng đồng một ý kiến với tôi, cho rằng hạnh phúc của Goethe hơn hạnh phúc của anh ăn mày, hay nói cho đúng hơn, Goethe cao trọng hơn anh ăn mày.

Theo tôi, hạnh phúc là được làm chủ hành động ta, tư tưởng ta, tình cảm ta... và mỗi ngày mỗi làm cho cái người của ta thêm sáng suốt hơn, thêm tự do hơn, thêm to rộng hơn... nghĩa là thêm mới mẻ hơn. *“Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân”*. Mỗi ngày một mới, và ngày ngày càng mới mãi... Đây là lời khắc trên bồn tắm của vua Thành Thang ngày xưa. Và cũng chính là lý tưởng của Pasteur: *“Cao lên, cao hơn lên, và cao lên mãi...”*

Như thế, ta thấy rõ mục đích của sự học là gì rồi. *Học, là để mưu hạnh phúc, nghĩa là để làm cho mình càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng rộng...* Học, là tăng gia sự hiểu biết của mình, là mở rộng tâm hồn của mình bằng cách thu nhận sự hiểu biết cùng những kinh nghiệm của kẻ khác làm của mình. Có khác nào một đứa trẻ mới sinh, cân không đầy hai ba ký... Thế mà nhờ đâu càng ngày càng lớn đến năm sáu chục ký... trong khoảng vài mươi năm sau? Phải chăng nhờ rút lấy những vật liệu chung quanh: không khí, món ăn, món uống... mà tiến từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, nghĩa là càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng lớn. Bởi vậy, trước đây tôi có nói: học cũng như ăn.

Ăn mà không tiêu, có hại cho sức khoẻ. Học mà không hoá, có hại cho tinh thần. Cỏ của con chiên ăn mà được tiêu, không còn gọi là cỏ nữa, mà là bộ lông mượt đẹp của nó. Dâu của con tằm ăn mà được tiêu, không còn là dâu nữa, mà là sợi tơ mịn màng tươi tốt của nó. *Người có học thức là người, đã thần hoá những cái học của mình*. Bởi vậy, người có học thức là người dường như không biết gì cả, mà không có cái gì là không biết.

Học mà đến mực dường như quên hết cả sách vở của mình đã học thì cái học ấy mới thật là nhập diệu. Herriot nói: *“Học thức là cái gì còn lại khi mình đã quên tất cả”*.

Một nhà tâm lý học có nói: *“Quên là điều kiện cần thiết của cái Nhớ”*. Thật là chí lý. Một điều gì học mà mình còn cố nhớ, là nó chưa được nhập vào tâm. Chỉ khi nào mình không cần nhớ mà nó vẫn tự nhiên hiển hiện trong tâm trí mình thì môn học ấy mới được gọi là đã được tiêu hoá. Người học đánh máy chữ mà còn để ý tìm từng nút chữ, cố nhớ vị trí của mỗi nút chữ... là người đánh máy chưa tinh. Người học đi xe máy mà còn nhớ mình còn ngồi trên xe máy, còn để ý đến bàn đạp, cách đạp... là người đi xe máy chưa tinh.

Tôi còn nhớ, lúc còn học thi, gần đến ngày thi, tôi bắn khoăn nói với cha tôi: “Sao con học nhiều quá mà nay dường như con không nhớ gì cả. Lòng con như quên hết, không biết có nhớ được gì không? Con sợ quá”. Cha tôi cười bảo: “Đây là con đã học “mùi” rồi. Quên, tức là nhớ nhiều rồi đó. Con hãy yên tâm...” Thật đúng như lời. Ngày thi, giám khảo hỏi đâu, tôi trả lời liền đó, một cách dễ dàng hết sức.

Trang Tử nói: “*Người bắn cung mà còn để ý đến việc bắn cung của mình là người bắn chưa tinh. Kẻ lợi mà còn để ý đến cái lợi của mình là người lợi chưa giỏi. Phải biết quên thị phi đi, thì cái tâm mình mới thông suốt được cái lẽ thị phi...* (Tri vong thị phi, tâm chi thích dã)”. Hiểu được câu nói này của Trang Tử là hiểu được cái diệu pháp của phép Học rồi vậy.

C. THẾ NÀO LÀ BẠC THIÊN TÀI?

Nói đến những bậc thiên tài nhiều người đã tưởng tượng họ như những kẻ phi thường, cô phong độc tứ... xa hẳn với loài người. Thực ra cũng không có gì lạ giữa họ và chúng ta cho lắm; có nhiều kẻ còn tệ hơn chúng ta nhiều về vấn đề thể chất lẫn tinh thần nữa.

Họ chỉ khác ta có một điều thôi: họ có một *đức tin vững vàng về phương pháp làm việc của họ*. Họ tin rằng với sự cần cù nhẫn nại và cách làm việc có phương pháp, họ sẽ đạt được ý muốn cao xa của họ. Theo họ “*thiên tài chỉ là một sự bền bỉ nhẫn nại lâu ngày*” mà thôi.

Darwin, tác giả bộ “*Vạn vật nguyên lai luận*”, người đã gây được một cuộc cách mạng to tát trong tư tưởng giới, là một người có một trí nhớ rất tồi tệ, một sức khỏe rất bạc nhược.

Spinoza thì đau bệnh phổi, chết vào khoảng 45 tuổi.

Pascal thì đau mãi và mất sớm năm 39 tuổi.

Montaigne cứ than vãn mãi về trí nhớ thậm tệ của ông cũng như về trí não “chậm chạp và tăm tối” của ông, còn Herbert Spencer thì không thể nào làm việc trong một giờ mà không đau. Có ai dám bảo rằng những người nói trên đây không phải là những bậc vĩ nhân trong nhân loại? Sự nghiệp tinh thần của họ đều là những kỳ công bất hủ, những tinh hoa của nhân loại. Thế mà vấn đề thể chất họ còn thua ta xa, còn về vấn đề tinh thần có khi cũng không hơn gì chúng ta cho lắm. Nếu phải kể ra cho hết, thì cả năm mươi trang cũng không sao kể đủ tên tuổi của các bậc vĩ nhân mà về phương diện thể chất và tinh thần không có gì là đặc sắc hơn những kẻ tầm thường.

Thế nhưng họ đã để lại cho đời những kỳ công vĩ đại là nhờ đâu? Vì họ biết cách làm việc có phương pháp, có nghệ thuật.

Trong giới trí thức, cũng như trong các hiện tượng khác của tự nhiên: những hành động bạo phát, hùng hổ mãnh liệt như địa chấn, thủy tai... chỉ là những hiện tượng bạo phát mà bạo tàn...

Những gì có tánh cách vĩ đại khó thoát khỏi yếu tố thời gian. Muốn học cho thâm, muốn gây tạo những công trình to tát cũng phải cần đến thời giờ... Nhất là văn hoá, không thể chấp được thời gian. Một giọt nước con, mà với thời gian đã điêu khắc dải Hoàng Sơn, Tuyết Lĩnh...

Nếu các bạn xem kỹ đời niên thiếu của các bậc vĩ nhân đã làm vẻ vang cho tổ quốc họ và cho cả nhân loại, các bạn sẽ thấy, khi các ông ấy còn là học sinh đâu phải luôn luôn là những học sinh đứng vào hạng nhất trong lớp họ. Có khi họ lại là những anh học sinh “*hạng bét*” là khác. Có nhiều kẻ, chính các ông thầy của họ cũng không để ý đến họ nữa. Nhưng, một ngày kia, một tình cờ dun rui, bỗng dưng cảm kích như Malebranche, sau khi đọc quyển “*Traité de l’Homme*” của Decartes, đem hết nghị lực lao đầu vào sự học, nhẫn nại, cố gắng cho tới ngày tài hoa xuất hiện.

Một việc làm âm thầm, lặng lẽ, trong cô tịch nhưng đầy hăng hái, đầy kiên nhẫn sẽ là những công việc có nhiều kết quả vẻ vang và sâu sắc nhất. Trong khoảng âm thầm lặng lẽ, nghiên cứu học hỏi, các bạn đã tìm ra được lắm ý nghĩ hay ho, nhiều tư tưởng tân kỳ, có thể là những nền tảng cho một đời sống tinh thần và phát minh sau này của bạn.

Trong lúc ấy, trong lúc mà các bạn-tác của bạn, nhiều may mắn hơn, đi vào các trường cao đẳng để tận mác trí lực của họ trong những cuộc đua chọi cấp bằng và địa vị cao sang quyền quý, thì trong bóng tối, trong im lặng, tác phẩm của bạn như tiếng sấm đêm đông... làm cho mọi người kinh khủng. Công trình sự nghiệp của bạn chẳng khác nào những hòn đảo kia, từ lượn cát đắp bồi, bỗng trời lên mặt nước, một cách vững vàng như non núi.

Những bậc vĩ nhân đều hiện lên một cách từ từ và lặng lẽ như thế. Họ nhẫn nại mà đi từng bước một; nhưng một bước của họ là một bước chắc chắn.

Leo núi cao, các người từng trải đều quả quyết rằng những kẻ nào háo thắng, vội vàng sẽ không bao giờ đi tới mức được. Họ sẽ nhọc mệt, đuối sức và bị bỏ lại giữa đường. Các bậc vĩ nhân, họ đi từ từ mà không nghỉ, một cách hết sức trật tự và qui củ.

Ông Newton nói: “Nếu tôi có phát minh được một đôi điều gì, cũng là nhờ nghĩ ngợi mãi một việc và đem việc ấy mà quan sát đủ mọi phương diện. Nếu những phát minh của tôi có được chút ích lợi cho đồng bào là do sự cần cù và đeo đuổi mãi theo một ý nghĩ mà không thôi vậy”.

Giáo sư Duclaux, trong một bài diễn văn nói về Pasteur có nói: “Tôi không rõ những phát minh kỳ vĩ có phải là do thiên tài sản xuất, không cần đến sự cố công gắng sức không? Chứ ở trường hợp Pasteur đây, tôi thấy hẳn không phải vậy. Nếu ông là một nhà phát minh đã lập đăng rất nhiều kỳ công vĩ đại trong nhân loại, trước hết là nhờ ông là một người làm việc rất nhẫn nại và lặng lẽ...”

Nhất là họ không bao giờ hiếu danh, hối hả trong công việc học hỏi và nghiên cứu của họ.

Người ta bảo rằng lúc Pasteur thi vào Đại học, chỉ đậu hạng ba hạng tư gì đó. Năm ấy, ông không chịu vào Đại học. Học thêm cho một năm nữa, kỳ thi năm sau ông đứng đầu. Ông tự cho rằng sức ông còn yếu, nên cần học lại thêm một năm nữa, đâu có muộn gì, bởi theo ông cần nhất là phải có thật tài hơn là hối hả trong công trình học vấn. Thật có khác với đầu óc tầm thường của phần đông chúng ta ngày nay, bao giờ cũng muốn cướp thời gian và thành công mau lẹ.

Tóm lại thiên tài là một sự nhẫn nại bền bỉ và lâu dài. Muốn thành những bậc tài hoa, điều thứ nhất là phải có lý tưởng, có đủ tin tưởng, và chí kiên nhẫn để thực hiện lý tưởng ấy; điều thứ hai là làm việc cho có trật tự, có phương pháp, nhẫn nại và lặng lẽ, không bồn chồn, không vội vã...

CHƯƠNG THỨ HAI. NHỮNG YẾU TỐ CHÍNH

A. HỌC VẤN VÀ THỜI GIAN

Trang Tử nói: “Đời sống ta có hạn mà sự học hỏi thì vô hạn...” Đời bây giờ mà ông còn nói thế, thì sống vào đời nay phải như thế nào? Khoa học đã đi đến trình độ cực kỳ phức tạp và sâu rộng, dầu là bậc thông minh đến đâu cũng không dám nói: Óc tôi có thể chứa được tất cả cái học hiện thời. Người như Trang Tử mà Tư Mã Thiên bảo là có một cái học thông kim bác cổ, vậy mà còn phải nói thế. Ta cứ nhìn kỹ chung quanh từng ngành học, sẽ thấy sự tăng gia của nó trong mấy năm gần đây mà ngợp. Dù cho ta có thể đầu thai mấy ngàn kiếp cũng không sao chứa được hết cái học của con người, ngay trong mỗi một ngành học nào cũng vậy.

Sự học càng ngày càng tăng, mà thời giờ con người càng ngày càng thu hẹp. Đừng nói thời giờ rỗi rãi của ta ngày nay có nhiều... Lấy ngay một cái nghề giáo sư cũng đủ thấy ngày giờ của mình đã mất hết. Dù ta bỏ hết thời giờ của ta không sao có đủ để nghiên cứu học hỏi cho tinh chuyên. Nghề y sĩ, nghề kỹ sư... và bất luận là nghề nào, muốn học đến chỗ tinh vi của nó, đều phải mất thời giờ không ít. Thế là sự học càng tăng thì thời giờ để thu thập nó lại càng hẹp.

Thật là một sự mâu thuẫn đau đớn cho những người ham học như chúng ta. Trước vấn đề khó giải này ta phải đối phó cách nào?

Chắc chắn là chúng ta không nên giải quyết một cách tiêu cực như hạng “dốt kim thời” này: họ viện lẽ “bể học mênh mông mà thời giờ không có đủ... vậy tốt hơn việc nhà mình mình biết, ghé mắt vào việc nhà kẻ khác để làm gì? Học làm gì, rút cuộc cũng không hiểu biết gì hơn người không học... Socrate há không có nói: “Điều mà ta biết rõ nhất là ta không biết gì cả!”^[1] hay sao?”

Hạng “dốt” này, may thay, chỉ là một phần tử rất ít trong xã hội ngày nay. Nói thế, đâu phải chỉ có đời nay mới có hạng người này mà thôi. Đời nào cũng có cả. Nhưng có điều là hạng “dốt kim thời” này họ dốt và biết biện hộ sự dốt nát của họ: họ viện đủ lẽ, nào là khoa học phá sản, nào là sức hiểu biết của trí não thì hữu hạn còn sự hiểu biết của loài người thì vô biên... Nói cho đúng, họ là hạng dốt, có “triết lý”. Họ lý sự lắm và tìm đủ cách để biện hộ sự khuất phục của họ trước vấn đề học hỏi.

Lại còn có một hạng người phản đối hạng trên. Họ nhất định không chịu khoan tay chịu dốt... Nhưng cẩn thận hơn, họ quyết định chọn một vài sự hiểu biết nào mà họ thích nhất, rồi bám lấy, ngăn tường đắp lũy, đem tất cả thời giờ và tâm trí họ để nghiên cứu một cách sâu xa triệt để hơn. Đây là giải pháp của *nhà chuyên môn*. Hạng người này hiện thời rất đông. Bất cứ là đi vào giới trí thức nào ta luôn luôn đụng chạm với những nhà thông thái “trong tháp ngà” ấy. Một ông kỹ sư cầu cống không biết gì cả đến các phong trào văn nghệ trong nước, cũng không đủ sức hiểu biết một bài thơ hay. Một bác sĩ y khoa không bao giờ đọc sách triết học, hay văn chương. Một kịch gia suốt đời không đọc một quyển sách về khoa học thực dụng...

Ngoài các ngành chuyên môn của họ, họ không buồn biết đến việc gì ngoài chỗ sở trường của họ. Họ cũng là hạng người công nhận sự bất lực của trí não con người trước vấn đề mênh mông của sự học hỏi. Nhưng, thay vì như anh “dốt kim thời” trên đây bó tay chịu dốt, thì họ lại quyết định chọn con đường cô lập và chuyên môn. Tuy vậy, hạng người này đáng mến hơn hạng người trên đây, nhất là họ dễ thương hơn hạng người “nguy trí thức” sau đây.

Hạng người “*nguy bác học*” hay “*nguy trí thức*” lại cũng là nạn nhân của vấn đề nan giải trên đây: cái học thì vô cùng mà thời gian thì có hạn. Họ không chịu dốt, nhưng họ cũng không có đủ can đảm làm nhà chuyên môn. Họ là hạng người “dở dở ương ương”: cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì

thực biết. Đây cũng là lối học ở nhà trường đã đào tạo một hạng người “bác học nửa mùa”. Sách gì họ cũng đọc... nhưng mà họ chỉ đọc phớt qua như con bướm giỡn hoa... Họ bàn đến nguyên tử lực, họ nói chuyện Einstein và thuyết tương đối, họ bàn đến Vô Vi của Lão Tử, họ luận về tam giáo, sánh chảnh trị, kinh tế... không có câu chuyện gì là không thấy họ phê bình chỉ trích như một kẻ chuyên môn. Những nhà “bác học nửa mùa” này hiện thời đã chiếm gần hơn chín mươi phần trăm nhân loại. Chế độ dân chủ cho phép họ nghênh ngang múa mép trong khắp các ngành hoạt động xã hội. Những báo chí, những sách phổ thông viết một cách hời hợt của những “học giả nửa mùa” là những “tội nhân” đã đào tạo ra hạng người này, nhất là cái học “bách khoa” của chương trình giáo dục hiện thời.

Hạng “ngụy trí thức” này thật là cả một tai vạ cho xã hội hiện thời. Đối với hạng dốt và hạng chuyên môn trên đây, họ là hạng người bêu xấu sự học, hạng người đáng ghét nhất. Dân chúng thiếu học thường bị bọn người này loè bịp. Kẻ nào múa môi leo mép nhất, thường được quần chúng hoan nghênh... Và chính họ là kẻ dẫn dân chúng vào những con đường phiêu lưu tăm tối của lịch sử sau này.

B. CÁI HỌC VỀ BỀ RỘNG VÀ CÁI HỌC VỀ BỀ SÂU

Có hai thứ học vấn: học về bề sâu và học về bề rộng.

Có một thứ hiểu biết do bên ngoài đưa đến, có một thứ hiểu biết do bên trong mà phát huy ra được.

Cái học bao quát mà người xưa ở Đông Phương khuyên bảo: “*thượng tri thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự*” là một cái học hết sức cần thiết để tìm biết được chân lý trong đời này. Thật vậy, mọi sự, mọi vật trên đời, rất liên quan mật thiết với nhau. Có biết được nguyên nhân mới hiểu rành lý sự. Nhưng cái nhân này sanh ra cái quả kia, rồi cái quả ấy lại là cái nhân cho cái quả khác, tiếp tục nhau mà đến. Sự việc vừa xảy ra trước mắt ta hôm nay, trước đây đã có một dục nguyên nhân mà ta không biết và có biết được chẳng, cũng chỉ biết được một vài nguyên nhân thiên cận nhãn tiền mà thôi, còn lại không biết bao nhiêu nguyên nhân khác nữa, hữu hình có, vô hình cũng có mà ta không làm sao biết hết được. Người *trí* sở dĩ khác được kẻ *ngu* chỉ ở điểm này: một đảng đã tìm thấy được nhiều nguyên nhân sâu xa và rộng rãi, còn một đảng chỉ không nhận thấy một nguyên nhân nào khác hơn là sự việc đã xảy ra mà thôi. Vì vậy người trí thức cần phải có một cái học rộng rãi để khỏi phải bị thiên kiến trong khi nhận xét và phê bình.

Nhưng cần nhất là phải có một cái học chuyên môn, một cái học về bề sâu. Victor Duruy nói: “*Phải có một cái học tổng quát để phụng sự cho ngành chuyên môn của mình!*”.

Câu chuyện sau đây chứng tỏ rằng cái học chuyên môn mà được tận tâm huấn luyện, bắt buộc ta phải đi đến cái học tổng quát.

Một nhà tiên sĩ văn chương cổ điển ngày kia đến viếng ông Kerschensteiner, bấy giờ đang làm hiệu trưởng các trường ở Munich, để xin một chân giáo học ở trường tiểu học của ông. Dĩ nhiên trong việc xin dạy đây, chắc chắn không phải vì vấn đề sinh nhai, mà chính vì ông ta muốn tự mình nghiên cứu sự tổ chức và phương pháp dạy dỗ ở cấp đại học mà ông sẽ có phận sự đảm nhiệm.

Kerschensteiner, trước lòng tha thiết nhiệt thành ít có ấy, bằng lòng nhận cho ông ấy vào dạy học, nhưng cũng không quên nhắc ông rằng cái học chuyên khoa về ngôn ngữ học của ông e sẽ là một trở ngại to tát cho công việc dạy dỗ của ông đối với cấp sơ học. Ông này cho biết rằng sự chuyên học về tiếng La tinh và Hy Lạp đầu tiên đã hướng ông vào công việc nghiên cứu về lịch sử thời cổ sơ. Và nghiên cứu về lịch sử cổ thời lại lôi kéo ông đi vào ngành nghiên cứu của thời tiền sử, và vì thế bắt ông phải đeo đuổi theo nhân loại học. Chính lúc ấy ông cảm thấy ông cần phải có một sự hiểu biết vững vàng về vạn vật học và ông bắt đầu nghiên cứu về thực vật học và động vật học. Nhân đó ông cảm thấy ông còn thiếu sót rất nhiều về vật lý học cũng như hoá học, bởi vậy ba năm sau khi thi đậu bằng tiến sĩ văn khoa, ông theo thọ giáo những nhà khoa học trứ danh Roentgen và Bayer (14).

Câu chuyện trên đây, đâu phải là một câu chuyện đặc biệt riêng tư gì của một người: các nhà học thức chân chánh nào cũng đi một con đường như ông tiến sĩ trên đây cả. Thật vậy, khi mình muốn đi thật sâu vào một vấn đề nào, thường thường lại phải cầu cứu đến các ngành học khác có liên lạc đến nó. Như cái học về vật lý bắt ta phải sành toán học, cái học về địa lý buộc ta phải có một cơ sở học vấn vững vàng về địa chất học.

Thành ra, chỉ đi sâu vào một ngành học nào, người ta rốt cuộc cũng tìm ra được cái học bao la tổng quát, vì sự vật trong đời chẳng chịt dính líu nhau, không có một sự vật nào là cô đơn độc lập cả.

Rồi ra, cái học tổng quát có cái hại này, là cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì chuyên môn thực hiện được cả cho sự tiến bộ chung của nhân loại. Tuy vậy, nó có những cái lợi to tát này là nó đào tạo

cho ta có được một cái nhìn bao quát, không thiên kiến, trí óc và tâm hồn rộng rãi, hiểu được người chung quanh, không có tinh thần quá khích. Đời sống tinh thần cũng dồi dào mà hưởng thụ sự sung sướng cũng rộng rãi. Thử tưởng tượng một người có óc thẩm mỹ, hiểu biết được cái hay của âm nhạc hay hội họa, bất kỳ là âm nhạc hay hội họa của nước nào. Người đó phải chăng là người có một nguồn hạnh phúc tinh thần vô tận không? Trái lại, những kẻ chỉ biết cái hay của Vọng cổ mà không biết thưởng thức cái đẹp của một bản nhạc Beethoven, biết cái hay của một tuồng hát bóng Âu Mỹ mà không thưởng thức nổi cái đẹp của một tuồng “hát bội” Á đông... thì dĩ nhiên nguồn cảm hứng mỹ thuật phải kém nhiều, vì bị hạn định.

Cái học chuyên môn thì có lợi nhiều cho xã hội, khiến cho công việc làm càng ngày càng trở nên tinh tiến, mau lẹ, nhưng nó có cái hại là thường hay biến con người thành bộ óc hẹp hòi, và bị sai ngoa vì nghề nghiệp. Có nhiều nhà chuyên môn họ làm thái quá đến như lối bạch... Như nhà y sĩ kia bị ám ảnh vì vi trùng, rồi thì dưới con mắt ông, cái gì cũng cắt nghĩa bằng vi trùng... Cho đến tình yêu, họ cũng cắt nghĩa là bị vi trùng “yêu”. Dưới mắt y sĩ, điên là một chứng bệnh, nhưng thiên tài đối với các ông cũng là một chứng bệnh. Thậm chí có nhà bác học nọ cho Đức Chúa Jêsu cũng là một người điên, vì là một người “phi thường”. Lại nữa, nhà chuyên môn cũng thường bị mang chứng bệnh “sai ngoa về nghề nghiệp” nữa. Đó là một tai hại đáng lo ngại, cần phải tránh xa vì nó có tánh cách phản văn hóa.

C. CỐ GẮNG: ĐIỀU KIỆN ĐẦU TIÊN CỦA SỰ TIẾN BỘ TINH THẦN

Muốn có sự tiến bộ về văn hoá, tức là muốn cho sự học được bổ ích cho tinh thần, phải để ý đến yếu tố đầu tiên này, là sự *cố gắng*.

Một cố gắng dù nhỏ bực nào cũng là điều kiện cần thiết để tinh thần trí não ta tiến bộ. Ngày nay, phần đông đã hiểu một cách sai lầm rằng: ông thầy dạy hay, không phải ông thầy bắt ta làm việc, mà là ông thầy làm việc thế cho ta. Cũng như sách hay không phải là sách mà tác giả bắt ta suy nghĩ, trái lại, là sách mà tác giả đã suy nghĩ sẵn cho ta, có khi tác giả đã làm sẵn bài tóm tắt cùng dàn bài cho ta nữa như những sách học trò lớp năm... vậy.

Người ta lại còn rút ngắn và lược thuật các quyển sách chỉ nói đại cương như loại Digest của Mỹ, và loại sách ấy rất được đa số quần chúng ưa thích... Dường như càng cố tránh cho độc giả phải nhọc công tìm kiếm, và suy nghĩ được chừng nào hay chừng nấy, đó là người ta đã đạt được mục đích mà họ gọi là “phổ thông”... Kể ra những công việc làm ấy, về mặt văn hoá, không giúp ích gì cho tinh thần bao nhiêu. Độc giả chỉ đóng một vai tuồng thụ động trong khi đọc sách, thành ra, đọc sách thì thật nhiều, mà kết quả về văn hoá thì chả có là bao.

Đọc sách du lịch, viếng các viện bảo tàng, đi nghe âm nhạc, nghe diễn thuyết... không phải là đi tìm món ăn tinh thần, gây dựng cơ sở văn hoá cho mình sao? Làm mấy công việc đó đâu cần gì phải cố gắng?

Ta nên nhớ rằng, người ta có thể đọc sách rất nhiều, đi du lịch cùng khắp thế giới mà dốt nát vẫn hoàn dốt nát. Là tại sao? Đọc sách có nhiều cách. Nếu đọc sách chỉ để giết thời giờ, tìm vui thích hoặc để tìm quên lãng trong những lúc buồn chán ở trên toa xe, hay đọc sách để tìm giấc ngủ, thì đọc sách không có lợi gì cho tinh thần cả. Đọc sách mà có lợi cho tinh thần là khi nào mình biết vận dụng tất cả năng lực và năng khiếu của mình, nhận thức được rõ ràng những ý kiến sâu thẳm của lòng mình và đem ra so sánh với những ý kiến dị đồng của tác giả, biết sắp đặt lại những ký ức của mình, biết trầm ngâm suy nghĩ, biết làm việc có phương pháp, tóm lại, biết thảo luận và thông cảm với tác giả quyển sách mình đọc, đó là biết cách đọc sách đấy.

Du lịch cũng là một nguồn học hỏi, nhưng biết du lịch mới là thụ dụng, bằng chẳng biết quan sát, biết suy nghĩ thì dù có lê chân suốt đời khắp năm châu thế giới cũng chẳng ích gì. Sở dĩ du lịch đã giúp ích cho sự “đa văn quảng kiến” cho nhiều bực văn hào trên thế giới như bằng chứng nơi những tập du ký của những bực đại văn hào H. de Keyserling, Aldous Huxley, R. Rolland, A. Gide... là vì những nhân vật ấy đã khéo biết quan sát, không phải cái bề ngoài của sự vật và con người, mà là vì họ đã biết nhìn xem cái động cơ vô hình đã nhào nặn những sự kiện hữu hình dưới mắt họ kia. Sự du lịch của họ không có tính cách thụ động mà hoàn toàn hoạt động, nhưng không phải hoạt động nhọc nhằn chán nản như một thí sinh dự thi một cách đau khổ chán chường... Sự cố gắng trong vấn đề học hỏi rất có thể, trái ngược lại, là một cố gắng đầy hứng thú và hăng hái nhất đời, như sự cố gắng của nhà đánh vợt hay đá banh trong một cuộc tranh hùng nhiệt liệt, hào hứng và sung sướng. Ta lại cũng có thể so sánh sự cố gắng ấy như sự cố gắng của nhà thi sĩ “nặng” được một vần thơ... tuy vô cùng nhọc mệt, nhưng cũng vô cùng hạnh phúc.

D. CỐ GẮNG MÀ ĐƯỢC BỀN BỈ LÀ NHỜ CÓ SỰ HỨNG THÚ LÀM HẬU THUẦN

Giáo dục mà có hiệu quả chỉ khi nào gây được nơi người một sự cố gắng tinh thần. Nhưng đừng hiểu lầm rằng lối “giáo dục mới” ngày nay chủ trương sự giáo dục tự do, nghĩa là không ép buộc làm việc, trái lại, để cho học sinh thích gì học nấy, đừng bao giờ bắt buộc học sinh học những gì nó không thích, mà phải biết gây hứng thú cho việc học, là lối giáo dục hủy bỏ sự cố gắng. Hiểu thế là sai lầm: lối giáo dục mới ngày nay không bao giờ chủ trương hủy bỏ sự cố gắng, mà thực ra là tìm cách để gây hứng thú thì sự cố gắng mới bền bỉ. Lòng ham muốn mê say là một động cơ thúc đẩy và nuôi nâng sức cố gắng không ngừng đến cực độ. Bởi vậy, tìm được hứng thú cho sự học, bất cứ là cái học nào, đó là điều kiện đầu tiên và cần thiết để duy trì sự cố gắng được lâu bền và có đường lối.

Đ. BIẾT TỔ CHỨC SỰ HIỂU BIẾT CỦA MÌNH

Người học thức không phải là người học nhiều mà thôi, mà là người đã tiêu hoá được cái học của mình, vì đã biết tổ chức những tài liệu mà mình đã thu thập thành một cái biết có cơ sở vững vàng và rộng rãi. Tổ chức sự hiểu biết của mình không phải đem nó gò bó vào một hệ thống tư tưởng nào. Đừng học theo thói các nhà có óc câu nệ: bất cứ sự kiện nào cũng đều đem sắp vào một hệ thống tư tưởng mà mình tôn thờ.

Người có một trình độ văn hoá cao là người có một đầu óc rộng rãi, một tâm hồn khoáng đạt, không bao giờ chịu giam mình trong một học thuyết hay một chủ nghĩa nào. Họ biết rằng trong đời còn biết bao là điều hay chuyện lạ khác ngoài cái triết học mà họ tôn sùng. Vòng chân trời to rộng của sự hiểu biết của họ cứu họ thoát khỏi cái nhìn thiên cận và nô lệ của tâm hồn. *Kẻ có trình độ văn hoá cao rộng là người có rất nhiều bậc thầy, nhưng không nô lệ một ông thầy nào cả.* Nhờ đọc Epictète mà họ thoát khỏi ảnh hưởng của Montaigne, cũng như nhờ đọc Montaigne mà họ thoát khỏi Epictète. Nhờ đọc Lão –Trang mà họ thoát khỏi Khổng–Mạnh, nhờ đọc Vương Dương Minh mà họ thoát khỏi cái học của Hán Nho.

Tóm lại, nhờ họ có rất nhiều “Thầy” nên họ không lệ thuộc một ai cả. Họ nhờ đó mà biết quan sát một cách không thiên kiến, biết nhìn lại các vấn đề quan trọng bằng những nhãn quan khác nhau, biết kiểm lại tư tưởng và những thành kiến của mình với cặp mắt luôn luôn mới mẻ. Họ không bao giờ có những định kiến không thay đổi, nghĩa là họ có óc “*hoài nghi triết lý*” (*doute philosophique*) thỉnh thoảng biết đặt lại những vấn đề mà họ thiết tha tin tưởng nhất. Một bậc “thức giả” xứng đáng với cái danh từ tốt đẹp ấy sở dĩ khác kẻ tầm thường trong đời chỉ vì một đàng thì có những phản ứng cực kỳ uyển chuyển tùy nghi thích ứng, còn một đàng thì chỉ có những phản ứng hạn định một chiều mà bất cứ một ai để ý quan sát đều có thể đoán trước được. Họ là kẻ biết rõ cái đạo “tiến thoái tồn vong”, nghĩa là kẻ biết lúc nào nên tiến, lúc nào nên thoái, lúc phải giữ cho còn, lúc nào phải làm cho mất.

E. ỨC PHÊ BÌNH

Đành rằng, người học thức không thể tránh được tất cả những ảnh hưởng ngoại giới... nhưng họ là người biết phê phán, biết lựa chọn với một đầu óc sáng suốt, độc lập và tự do. Dĩ nhiên những danh từ này dùng với cái nghĩa tương đối của nó. Hay nói một cách khác, họ là người có óc phê bình sáng suốt và linh động.

Một cái “học” mà xứng đáng với danh từ chân chánh của nó, ít ra cũng phải có đủ hai điều kiện sau đây:

1. Trước hết cái “học” ấy đừng phải là một cái học “quá chuyên môn”. Một nhà khảo cứu về các loài bướm hay các loại “tem” bưu điện chưa phải là một nhà có học thức cao.
2. Cái “học” ấy phải là một cái học do sự suy nghĩ nghiền ngẫm mà có, chứ không nên là cái học do kẻ khác mang lại cho mình, sẵn sàng tránh cho ta vận động đến óc phê bình, phán đoán hay suy nghĩ gì cả. Một sự hiểu biết không giúp ta suy nghĩ thêm, lại làm tắt hẳn óc tò mò và gây tạo một tinh thần thụ động, không ham thích tìm tòi gì nữa cả... là một cái học “chết”. Những kẻ tự hào có một cái học như một cái “đơn bá chứng” có thể dùng để giải quyết được tất cả mọi vấn đề trong đời mình là những kẻ đáng thương hại nhất.

Loài thú cũng như loài người đều có thiên tính. Thiên tính là một năng khiếu mà tạo hoá đã ban cho tất cả mọi sinh vật trên đời để phản ứng được với tất cả mọi biến cố trong đời mà không cần phải dùng đến lý trí, không cần phải đặt vấn đề. Trái lại, văn hoá làm cho nảy sinh trong đầu óc con người vô số vấn đề, bắt phải luôn luôn suy nghĩ. Cặp mắt của người có trình độ văn hoá cao, luôn luôn nhìn đời với những khía cạnh và màu sắc mới lạ. Và phải chăng đó là tất cả danh dự của con người?

G. “BIẾT MÌNH” LÀ CÁI HỌC ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI TRÍ THỨC

Sự học hỏi của ta thường có thể đi vào hai chiều. Chiều hướng ngoại, tức là óc tò mò của ta thiên về ngoại giới, thì đi theo những vật gì ngũ quan tiếp xúc được như mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, chân tay sờ mó được mà sự nghiên cứu có lẽ lối phương pháp, người ta cho nó cái tên chung là khoa học. Hoặc chiều hướng nội, thì đi vào đời sống tình cảm và ý tưởng của ta, tức là đi vào một cõi thế giới mà chỉ có tâm tư ta đạt đến được mà thôi, nghĩa là đi đến cái học về con người của ta, không phải về con người vật chất mà là về con người biết suy nghĩ, biết “tư tưởng” với cái nghĩa rộng của nó, tức là biết đau khổ, biết sung sướng, biết ham muốn, biết nhận thức, biết hiểu biết, biết phê bình, biết lý luận, biết sáng tác và biết tự mình định đoạt quy tắc cho hành động mình, biết chọn lựa sự tín ngưỡng của mình và biết trù liệu suy nghĩ đến số phận của mình. Sự hiểu biết về đời sống nội tâm của mình dường như đã bị nhà khoa học xem thường và cho đó là một cái học “xa xỉ phẩm” dành cho nhà luân lý, triết học, tâm lý và văn chương thi sĩ lo nghĩ mà thôi. Đối với thường nhân, đó cũng chỉ là một cái học sống trong tưởng tượng chứ không phải là cái học trong thực tế.

Thực sự, trong lịch sử tư tưởng loài người bao giờ cũng khởi đầu bằng sự chú ý đến ngoại giới trước khi đi về cái học nội tâm. Phải có một trình độ văn hoá cao mới có thể dùng đến khẩu hiệu này: “Biết mình là đầu mối của sự khôn ngoan”, và đi sâu vào con đường quan sát nội giới.

Cái học cần thiết cho con người là cái học về bản thân.

Tất cả những cái học khác đều là phụ thuộc, đều dễ mà phụng sự nó, không được quyền cướp phần ưu tiên. Một nhà hiền triết Đông Phương có nói: “*Tri nhân giả trí; tự tri giả minh*” (Biết người là trí; biết mình là sáng). Hiền giả Hy Lạp Socrate cũng bảo: “*Connais-toi toi-même*” (Hãy tự tri). Cuối thế kỷ thứ 18, Goethe khuyên ta: “Cái học về con người là cái học hứng vị nhứt đối với chúng ta, và có lẽ là mục đích quan trọng nhất mà ta nên chú trọng. Tất cả chung quanh ta chỉ là cái khung cảnh để chúng ta sinh hoạt, hoặc là để dùng làm dụng cụ cho ta mà thôi. Nếu chúng ta lại quá quan trọng và chú ý đến những hoàn cảnh bên ngoài ấy, đó là ta làm giảm mất nơi ta cái chân giá trị con người của ta và của xã hội nữa”^[2]. Và ông đã phải than: “Cái mà người ta biết thì không biết dùng để làm gì; trái lại cái mà người ta không biết thì lại chính là điều mà ta cần dùng nhất” (Ce qu’on sait, on n’en a que faire; ce qu’on ignore, c’est précisément ce dont on aurait le plus besoin). Thật là một câu nói đáng cho ta chú ý, nhất là ở thời buổi này, thời buổi mà người ta đâu đâu cũng quá thiên về cái học “trục vật”.

H. HỌC ĐỂ THÀNH CÔNG TRONG CON ĐƯỜNG XỬ THẾ

Có kẻ cho rằng học là để có một phương tiện đắc lực để thành công, – thành công trong con đường xử thế. Nhà văn Vauvenargues nói: *“Người có một tinh thần sâu sắc cần phải tự đào tạo một cái học để khám phá những tế nhị của lòng người, tuy đối với nhà toán học, nó là một cái học mơ hồ, nhưng chắc chắn nó giúp ta rất nhiều trong sự thành công trong đời”*.

Theo ông Vauvenargues thì sự hiểu biết một cách thâm sâu lòng người là để giúp ta gây ảnh hưởng và cái học xử thế phải chăng là cái học cơ sở mà chúng ta cần phải có, để được thành công trên đời? Nghĩa là không có cái học nào là cái học xứng đáng với danh từ của nó, nếu nó không giúp ta điều khiển được kẻ khác? Hay nói một cách khác, nói theo danh từ ngày nay, *học là để thành công*.

Thực ra, cái quan niệm về sự học này, có điều không ổn thoả. Dù rằng, có văn hoá cao, tức là ta có thêm một yếu tố để khuất phục được kẻ khác, nhưng đâu phải nó là yếu tố chánh, yếu tố duy nhất để gây được uy tín cho mình. Người ta sở dĩ có được uy tín là nhờ rất nhiều yếu tố khác nữa như những yếu tố khách quan này: giọng nói chững chạc, tướng mạo điềm đạm, hoặc có được những thiên tư quyết định lệ làng, can đảm dám nhận lãnh trách nhiệm... Và lại, văn hoá cao tuy giúp cho ta có được thêm nhiều phương tiện để phô trương ý chí của mình, thì mặt khác nó cũng giúp cho ta nâng cao tâm hồn, và đồng thời làm giảm bớt những dục vọng ích kỷ, không đem con người làm con vật hy sinh, nghĩa là sai sử họ và lợi dụng họ để làm nấc thang cho con đường danh lợi của mình. Nó giúp cho ta có lòng biết tôn trọng nhân phẩm kẻ khác, nâng cao tánh công bình và lòng nhân đạo của mình. Sự học hỏi không còn phải là một khí cụ để ta ngự trị và bóc lột người đồng loại, một năng lực để ta thành công trên sự vụng về ngu dại của kẻ khác. Nhưng, hiểu ngược lại cũng là sai. Nếu bảo rằng sự học không giúp gì cho con người trên thực tế, thì học để làm gì? Sống trong loài người, chúng ta phải cần đến mọi người khác, không có họ ta cũng không làm gì được cả. Ta cần phải làm cho họ nghe theo ta, phụ lực với ta... Vậy làm cách nào cho họ phục ta, đem người thù làm người bạn, đó là cái học xử thế rất cần... Cái học dùng trong đạo xử thế không còn phải là cái học dùng để lợi dụng bóc lột người.

Dĩ nhiên, cái học xử thế không thể còn dùng đến toán học để giải quyết những vấn đề khúc mắc của lòng người. Mà trái lại, phải dùng đến một năng khiếu khác hơn là óc khúc chiết: tôi muốn nói đến *óc tinh nhuệ*.

I. ÓC TÌNH NHUỆ

Ngoài lý trí, tức là óc khúc chiết, ta cần phải lo đào luyện *óc tình nhuệ*.

Chính *óc tình nhuệ* nó giúp ta trên con đường nghiên cứu những gì mà giác quan của ta không còn nhận xét được nữa, tức là giúp ta hoạt động trên những vùng tinh thần rất tế nhị của tình cảm và tư tưởng: ở đây ta chỉ có thể cảm được chứ không còn suy tính ra được, ta có thể nhận thấy ngàn muôn sợi dây liên lạc vô cùng tế nhị và chằng chịt mà ta không sao thấy được dấu hiệu gì bộc lộ bên ngoài... Óc tình nhuệ giúp ta thấy được chỗ không thể lìa ra của sự vật trên đời, trong khi phần đông người ta thấy toàn là rời rạc.

Muốn đào luyện *óc tình nhuệ*, điều kiện đầu tiên là phải biết tập trung tất cả sự chú ý của ta về cái con người “sâu sắc, phức tạp mà duy nhất” của mình đây... Trong tất cả cái học trên đời này, cái học về mình là quan trọng nhất. Cần suy nghĩ, nghiền ngẫm đến con người nói chung và của mình nói riêng, tìm hiểu một cách sâu sắc tinh tế những tình cảm của ta, những cách suy nghĩ và hành động của ta... Phải để ý quan sát tìm hiểu ý nghĩa và từng cử động của con người trong khi mình giao thiệp với họ, từ cái tiếng cười hay câu nói, trong cái lặng thinh hay liếc mắt đều có một cái gì biểu lộ được cái sâu kín của cõi lòng... Đó là phương pháp hiệu quả nhất để mài giũa óc tình nhuệ của ta... Muốn cho óc tình nhuệ được thêm tế nhị, ta cũng cần rút kinh nghiệm nơi những bộ tiểu thuyết danh tiếng của các đại văn gia Âu Mỹ cùng những tuồng truyện có tiếng tầm quốc tế.

K. BIẾT TUYỂN CHỌN

Học, cần phải biết tuyển chọn. Tuyển chọn, tức là phê phán, quyết định và lọc lại trong mớ sách ngổn ngang chồng chất trong các nhà sách những sách nào hợp với mình và cần thiết cho nhu cầu hiện thời của mình. Không lựa chọn, đùng đầu đọc đó, là làm tổn tác tinh thần mà cũng không hiệu quả vào đâu cả.

Tuyển chọn phải là công việc đầu tiên của người ham học. Chẳng những phải biết chọn riêng cho mình những sách mà mình thích nhất, lại cũng phải biết tuyển chọn trong một quyển sách những chương nào hay nhất để ta thỉnh thoảng đọc đi đọc lại. Tuyển chọn cũng có nghĩa là tuyển lại một trang, một đoạn hoặc một câu nào hay nhất có thể là tinh hoa của cả một chương, hay của một tiết để xem đi xem lại, hoặc để học thuộc lòng hay ghi nhớ trong tâm khảm. Phải có những tập trích tuyển các câu văn hay, những câu thơ đẹp hoặc những đoạn sách đặc sắc với những tư tưởng tân kỳ... cho riêng mình. Nhưng cũng phải có một cuốn tập riêng để tóm tắt và phê bình những sách hay mà mình đã đọc. Ở đây mỗi người đều có một phương pháp riêng không thể bắt ai phải theo ai được.

Tập trích lục các đoạn văn hay nên sắp theo thứ tự vấn đề và theo mẫu tự. Tôi thấy có nhiều người cho dán vào những quyển sổ to luôn cả bài báo nào hay nữa. Thói quen ấy cũng rất hay, nhưng cốt yếu phải sắp đặt cách nào để một khi ta muốn dùng đến là tìm được ngay lập tức. Có người chép lại những đoạn văn hay trên những tờ giấy rời, dĩ nhiên là chép trên một mặt mà thôi, – và bỏ chung vào trong một bao thơ lớn có đề tựa.

Tóm lại, ta cần phải tuyển chọn những sách hay nhất trong những sách hay, nhưng trang hay nhất trong những sách hay nhất. Phương pháp tuyển chọn ấy dĩ nhiên là có tánh cách cá nhân, nhưng đó mới thật là phương pháp hay. Khi ta tìm ra một trang sách hay là vì nó là tiếng dội của lòng ta và ta có thể nói: “đây là ý tưởng và cảm xúc của tôi và nếu tôi viết ra, tôi chỉ muốn viết được như thế, chỉ tiếc vì tôi không đủ tài hoa để miêu tả được thôi”.

Ta nên dành riêng cho những sách ta đã tuyển chọn ấy một ngăn đặc biệt trong tủ sách ta, và có người lại khuyên ta nên “đem nó mà đóng lại, giấu nó đi, và đừng cho ai mượn cả, dù là bạn chí thân cũng vậy”.

Sự tuyển chọn là một phương pháp hay để tự mình biết rõ cái chân tướng của mình. Cứ đọc những tập trích tuyển là đủ biết khuynh hướng và tâm hồn của người trích tuyển ấy: hễ “đồng thanh” mới “trùng ứng”, “đồng khí” mới “trùng cầu”.

Khi mình còn ít tuổi thì tánh mình chưa định, chưa biết tuyển chọn, nên sự kết giao rất là bừa bãi. Đến khi có tuổi, thì sự kết giao bắt đầu siết chặt lại vòng dây: ta bắt đầu tuyển chọn. Về việc học cũng thế.

Lúc còn trẻ, mình thường có nhiều cao vọng muốn *biết tất cả* và *nhớ tất cả*. Vì vậy mà tuổi ấy là tuổi khó học nhất, bởi chưa biết tuyển chọn.

Ngay khi viết sách cũng thế. Có nhiều nhà văn “trẻ tuổi” họ không biết tự giới hạn vấn đề, không biết tiết kiệm lời nói, họ thao thao bất tuyệt và giành hết quyền sáng tác của độc giả. Bởi vậy có người đã bảo: “Thế nào là quyển sách hay? Là quyển sách mà tác giả đã biết hạn chế vấn đề, tiết kiệm lời nói. Trái lại, quyển sách dở là quyển sách mà trong đó tác giả đã không còn để thiếu sót cái gì cả, không để cho độc giả cùng bàn góp thêm được phần nào ý kiến của mình.” Cần nói nửa lời thôi, nhưng là những lời nói khôn ngoan. Phải biết giúp cho người suy nghĩ, đừng suy nghĩ thế cho người. Sách hay, tức là sách bắt ta suy nghĩ, bắt ta thương-xác, bắt ta hoài nghi và đặt lại vấn đề. Jean Guittou nói: “Nhà văn cần phải biết nín lặng, đừng nói hết ý nghĩ của mình và phải để cho độc giả có chỗ tỏ ra

sự hiểu biết của họ”(15). Như vậy, những vở tuồng hoặc truyện hay là những vở tuồng truyện như vở Rhasomon hay là Địa ngục môn (Les portes de l'enfer) của Nhật, hoặc tiểu thuyết của André Gide trong đó tác giả chỉ trình bày và đặt vấn đề, chứ không giải quyết. Lối dạy học của Socrate cũng một thể ấy: ông chỉ đặt câu hỏi. Đọc sách mà suy nghĩ thì nên đọc những quyển sách ấy, và sách như thế mới là những quyển sách hay.

Người ta bảo Pascal chết sớm nên sự nghiệp văn chương của ông bị gián đoạn. Nhưng, chính nhờ ông chết sớm mà sách vở của ông có tánh cách giáo dục nhiều hơn cả, bởi một lẽ rất giản dị là nó bị gián đoạn và Pascal không kịp nói hết lời... Tiếng đồn hay là hay ở dư âm... Lời nói hay là lời nói vắn tắt mà hậu ý thâm trầm và man mác...

“Kẻ nào chưa biết tự hạn chế là người không bao giờ biết viết văn” (Boileau)

Có hai cách tuyển chọn:

Cách thứ nhất là lượm lặt tinh hoa của tất cả sách vở bất cứ thuộc về loại gì, bất cứ thuộc về thời nào.

Cách thứ nhì là chọn trước một đầu đề rồi sau lấy đó làm trung tâm nghiên cứu, tuyển chọn những gì liên quan mật thiết với nó, và mỗi ngày mỗi đi sâu vào vấn đề, được chừng nào hay chừng nấy.

Trong hai cách tuyển chọn ấy, cách sau này là thụ dụng hơn hết, nhưng cách trước là lý thú hơn hết. Cũng cần tham bác cả hai.

Về sự tuyển chọn, có người khuyên ta: “Đừng bao giờ đọc những bài văn bây giờ, nhất là vừa mới viết, do những ngòi bút mới lạ. Đừng đọc sách mới xuất bản. *Phải để cho thời gian đào thải*... Ngày giờ ta rất ngắn ngủi: đừng thềm đọc những sách chưa chịu nổi thử thách của thời gian. Đừng đọc sách của những nhà văn chưa có tên tuổi. Chỉ nên đọc những sách gì đã được tái bản hay xuất bản được trên ba năm là ít nhất. Rồi hãy lựa những sách nào đã xuất bản được trên ba mươi năm, trên ba trăm năm, trên ba ngàn năm... bấy giờ bạn sẽ lại gặp văn hào Homère” (16).

Lại cũng nên “tuyển chọn những sách nào làm cảm xúc được ta”. Nhưng ta nên hiểu chữ “cảm xúc” đây không có nghĩa là cảm động ngoài da bằng một thứ cảm giác kích thích thần kinh của ta gây ra do những tiểu thuyết diễm tình hạng rẻ tiền. Cảm xúc đây là sự cảm xúc sâu nặng như sự cảm xúc của Augustin Thierry khi đọc quyển *Les Martyrs* của Chateaubriand, của Malebranche khi đọc quyển *Traité de l'homme* của Descartes: một người thì tìm ra được cái khiêu về sử học, một người thì tìm ra được cái khiêu về triết học của mình. Quyển sách đầu tiên đã làm cho tôi xúc cảm quá sâu nặng và đã ảnh hưởng tư tưởng của đời tôi không nhỏ là quyển *La Conquête de l'Illusion* của J.J. Van Der Leeuw. Đó là những sách có thể gọi là hay, dĩ nhiên là đối với riêng từng cá nhân vậy.

CHƯƠNG THỨ BA. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN TIỆN

A. THỜI GIỜ

Trong những điều kiện đầu tiên để có thể xây đắp cho mình một nền học vấn vững vàng, ta phải kể trước hết điều kiện thời gian.

Phân đông muốn học rút thời gian, học mau, học tắt... Họ chấp thời gian. Dù là bậc thông minh đến đâu cũng không thể chấp thời gian mà thành công trên con đường học hỏi. Ta nên biết rằng những kẻ thông minh, nghe qua là hiểu suốt mọi lẽ là hạng người rất hiếm trên đời. Bực tầm thường như chúng ta, không làm gì chấp thời gian mà học hiểu sâu sắc được. Tưới cây, người ta cũng tưới từ từ, và phải có thời gian, nước mới có thể thấm nhuần gốc rễ. Có thời gian, trái mới chín, hoa mới nở. Thiếu thời gian, cái học của con người chỉ được có bề rộng, kém bề sâu hay cũng chỉ có được một nước sơn bóng loáng bên ngoài mà thôi. Chấp thời gian là phản văn hoá.

B. TINH THẦN TẢN MÁC

Muốn có được một học vấn uyên thâm, cần phải tránh những cơ hội làm cho tinh thần tản mác trong một đời sống quá phiền phức.

Tản mác vì những xã giao nhảm nhí: sáng này mình định nghiên cứu về một vấn đề mà mình ôm ấp từ lâu. Sau khi tắm rửa xong xuôi, mình định lại bàn viết đọc sách và làm việc. Nhưng thắc mắc, mình lật quyển sổ tay xem coi ngày hôm nay có hứa hẹn với ai gì không? Chết chữa! suýt lại quên mất, mình đã hứa đi lễ cưới con của một người bạn ở Phú Nhuận. Mười giờ... Thì bây giờ... còn sớm chán... Ngồi lại bàn, lấy sách ra đọc... Nhưng thỉnh thoảng áy náy mình cứ nhìn đồng hồ. Kết quả công phu nghiên cứu của mình chả có gì cả vì mình không còn tin tưởng nơi kết quả nữa, mình đã bận nghĩ đến cái phút mà mình bắt buộc phải dừng lại, thay áo quần, lên xe đi cho thật nhanh đến nơi kỳ hẹn... Rồi còn phải xã giao, miễn cưỡng, vui cười giả dối, chúc mừng, tán tụng hảo... Lại còn nghĩ mình trước khi ra đi hôm nay, mặc bộ áo gì? Còn khổ nổi, đây rồi còn bắt buộc phải gặp mấy thằng bạn “trời đánh” chuyên môn quấy rối và làm mất thời giờ người khác bằng những cái tán nhảm, những câu chuyện không đâu mà mình đã cố lẩn tránh từ lâu. Thật ra, buổi sáng này chắc chắn ta sẽ không làm nên trò gì được cả rồi!

Thôi thì ngày mai... có lẽ ta sẽ “yên thân” mà làm việc và học hỏi có kết quả hơn. Nhưng quyển sổ tay của ta đã ghi những gì? 8 giờ sáng đi dự đại hội nghiệp đoàn; 10 giờ đi dự lễ khai mạc phòng triển lãm hội họa; 11 giờ đưa đám tang ông phó chủ tịch hội Khuyến học; ba giờ chiều nghe diễn thuyết tại Đại học đường Văn khoa... và, 5 giờ đi xem chớp bóng...

Thưa bạn, nếu thời dụng biểu ấy giống tựa tựa với cái thời dụng biểu hằng ngày của bạn, thì bạn đừng mong đi sâu vào con đường học vấn... Hoặc ít ra, bạn phải cương quyết tổ chức thời giờ của bạn bằng cách giản dị hoá nó lại. Đời sống bạn, phiền phức lắm. Nếu bạn có thời giờ, tôi xin điềm chỉ cho bạn quyển “*Đời sống giản dị*” (8) của Charles Wagner để mà nghiền ngẫm. Bây lâu nay chúng ta đã đi dự không biết bao nhiêu đám cưới, không biết bao nhiêu đám tang, không biết bao nhiêu phòng triển lãm nhảm nhí, không biết bao tuồng hát tầm thường không giá trị... Đám tang thì chỉ nên dự vào những ai là người chí thân; những kẻ đến dự cho có, không nên đến nhiều, làm rộn tang gia. Đám cưới mà dự cho đông, toàn là để có dịp khoe khoang tán hảo, không lợi gì thiết thực cho đôi tân nhân là chân hạnh phúc của tình yêu của họ. Đi dự các phòng triển lãm nhảm, hoặc đi xem những vở tuồng “xoàng” là một sự mất thời giờ đáng tiếc.

Phải biết bệnh vực cái thời giờ quý báu của ta. *Biết từ chối, đó là một sức mạnh của tâm hồn.* Đừng sợ làm phật lòng kẻ khác bằng sự từ chối khéo léo: mình đã chẳng những làm lợi cho mình mà cũng không làm bận cho người. Những người thông minh, họ rất hiểu tâm sự của các bậc học giả cũng như của các nhà ham học. Phải thật can đảm, mới chống trả nổi những dụ dỗ của cuộc sống xa hoa phù phiếm chung quanh. Người quyết tâm đào tạo cho mình một đời sống tinh thần, phải ít ra có một đời sống đơn giản, một nếp sống xa hãn cuộc sống xa hoa của đời náo nhiệt bên ngoài, nghĩa là, nếu có thể được, nên có một nếp sống của một người “ẩn dật”...

C. ĐỜI SỐNG ĐƠN GIẢN

Điều kiện thuận tiện nhất cho một người cố tâm học hỏi là phải có được một *đời sống đơn giản* nhất.

Sống đơn giản, đâu có nghĩa là sống nghèo khó trong cảnh muối dưa đậm bạc, sống thiếu tất cả tiện nghi và trở lại sống cái sống của người bán khai mộc mạc. Sự bận lòng vì quá thiếu thốn về vật chất, không những làm cho đời ta bức bối, lại còn làm cho nó thêm phiền phức hơn nữa, chứ không giản dị hoá nó được như ta đã tưởng. Trái lại, có một sự nghiệp to lớn, tiền của nhiều cũng làm bận thêm tâm trí: lo làm thêm ra mãi, lo thu cất giữ gìn, lo tranh đấu với những kẻ tranh thương với mình là cả một công việc vô cùng phiền phức. Đời sống như thế không thể nào gây dựng một công trình văn hoá gì được cho ra hồn. Chỉ có những đời sống mà gia tư kha khá về mực trung mới có thể có đủ điều kiện thuận tiện nhất cho công trình tự học.

Tuy nhiên, ở đây, ta nên để ý đến vấn đề phẩm hơn là lượng. Không phải cái số tiền bạc tài sản nhiều hay ít là điều quan trọng. Quan trọng chẳng là cái quan niệm của mình đối với tiền bạc. Đời sống đơn giản, tức là cái nếp sống tổ chức theo một quan niệm biết nhìn thấy cái gì là chánh, cái gì là phụ trong đời, biết quý cái cần thiết mà bỏ qua những cái không cần thiết. Phần đông con người không biết phân biệt cái gì là chánh, cái gì là phụ, chỉ loay hoay quan trọng hóa những cái phụ thuộc của cuộc đời mà quên lửng những gì cốt yếu.

Lấy ngay một việc hôn nhân thì đủ rõ: người ta lo nghĩ tất cả, nào là môn đương hộ đối, nào là chàng rể đẹp trai, nàng dâu kiều diễm, nào là tuổi tác đôi bên xứng đôi vừa lứa, cha mẹ đôi bên xứng đáng sui gia, nào là sắm lễ vật cùng trao tặng quà vật đắt giá, nào là quan khách đông đặc toàn là những bậc quyền quý cao sang, nào là xe hoa lộng lẫy, chúc tụng lẫn nhăng... Nhưng cái điều cốt yếu, cái điểm chánh là tình yêu của đôi tân nhân có thành thực yêu thương nhau không, tánh tình họ có hoà thuận nhau chẳng và họ phải làm cách nào để yêu thương nhau mãi và tự mưu hạnh phúc cho nhau... Phần chánh đó, người ta đã không bao giờ để ý đến hay nhắc đến. Người ta đã để ý đến cái phụ nhiều quá mà quên mất cái chính yếu.

Làm cái phụ với cái chánh, làm hình thức với nội dung, có thể nói đó là cái thông bệnh của phần đông người đời nay vậy.

“Sự sung sướng vật chất, học vấn, tự do, tất cả nền văn minh... chỉ là cái khung của một bức tranh. Cái khung đâu phải là bức tranh. Cũng như cái áo choàng đâu có làm thành được nhà tu, bộ quân phục đâu có biến con người thành một chiến sĩ... Bức tranh ở đây, tức là con người với tất cả những gì thâm sâu nhất của con người, tức là lương tâm, tánh khí và ý chí của mình. Trong khi người ta chăm lo săn sóc và đánh bóng cái khung cho đẹp đẽ, người ta đã quên mất, khinh thường và làm hỏng mất bức tranh. Cũng như, chúng ta có thừa thãi về vật chất bên ngoài, nhưng lại hết sức nghèo nàn về cái đời sống bên trong... Chúng ta có thừa thãi tiền của mà ta có thể không có cũng không cần, trái lại, ta lại rất nghèo thiếu cái điều cần thiết nhất của đời ta...”

(...) “Thế nào là một cây đèn tốt? Cây đèn tốt đâu phải là cây đèn có cái dáng ngoài rất đẹp, được điêu khắc cầu kỳ hay được làm bằng một thứ kim khí quý báu. Một cây đèn tốt là một cây đèn thấp sáng. Con người cũng một thế...”(8). Người giản dị nhất là người đã bộc lộ và thực hiện được cái người thật của mình mà không bị ràng buộc trong những điều phụ thuộc của mình như tiền của, danh vọng, sự nghiệp... của mình. Một hiền triết Hy Lạp có nói: “Nếu anh có ngựa tốt, hãy nói: Con ngựa tôi tốt, chứ không phải tôi tốt.” Người đời phần đông không phải đều có óc giản dị như thế cả. Phần đông có con ngựa tốt, lại cũng tin tưởng thật rằng mình tốt: họ đã đồng hoá họ với những vật ngoại giới mà họ đã có. Bởi vậy, phần đông con người đánh giá chính mình cũng như kẻ khác bằng những ngoại

vật mà mình đã chiêm đoạt. Có khi nhà lâu của họ rộng, nhưng con người của họ không rộng; địa vị của họ cao sang mà chính họ không cao sang. Họ đã làm lẫn cái chánh và cái phụ, cái thực và cái hư, cái chân và cái giả. Có khi họ có tiền của nhiều và cứ tin tưởng rằng, họ là chủ nhân ông của số tiền ấy mà trong thực tế, họ chỉ là kẻ nô lệ tiền tài cùng chức vị của họ. Họ đã lấy tiền của làm cứu cánh trong khi nó chỉ là phương tiện thôi.

Đời sống giản dị là đời sống của phần đông các bậc vĩ nhân. Họ là người chống lại sự tản mác tinh thần không chạy theo những phụ thuộc của cuộc đời.

Đời sống của nhà hiền triết Spinoza có thể xem là gương mẫu của một đời sống đơn giản. Người thì ốm yếu, bệnh hoạn và đã phải làm cái nghề mài kiếng đeo mắt để mưu cho mình một đời sống tự do. Ông quyết định cư ở La Haye, trong một căn phòng ở tầng lầu thứ hai. Ông cho người bưng cơm lên phòng và ở miết cả hai ba ngày không tiếp ai. Về sau, ông cảm thấy sống như thế vẫn còn tốn kém, ông bèn mượn một căn phòng khác và tự tay mình sẵn sàng lấy miếng ăn miếng uống của mình. Ông có ngày chỉ ăn có một món súp nấu với sữa và chút bơ, chỉ tốn ba xu và một ve rượu bia chừng một xu rưỡi.

Phải chăng là ông sống khổ hạnh? Hay vì ông chán đời? Không! Triết lý của ông là vui sống. Ông cũng không phải ghét đời hay chán đời: ông vẫn cho sự giao thiệp với đời là cần thiết cho sự rộng thấy, xa nghe. Ông cũng đâu có khinh thường những tiện nghi của đời. Ông nói: “Người khôn ngoan biết hưởng thụ những khoái lạc của cuộc đời, phải biết ăn mặc đẹp, thưởng thức các mùi hương hoa, âm nhạc...” Nhưng, ông lại tự đặt cho mình một quy luật là không bao giờ vì một vài tiện nghi và sung sướng nhục thân đến phải hy sinh các tự do của tâm hồn mình. Người ta đề cử ông một chân giáo sư triết học ở Heidelberg. Ông từ chối: “Không khi nào tôi nghĩ đến việc làm cái nghề ấy. Dạy dỗ thanh niên sẽ làm trở ngại sự nghiên cứu học hỏi của tôi...” Nhiều bạn lại muốn tặng cho ông một số bạc thật to, ông cũng từ chối: “Chính cái hình ảnh của bạc tiền nó ám ảnh những tâm hồn tầm thường. Nhưng đối với những kẻ biết dùng tiền và biết ăn xài theo túi tiền của mình thì họ phải biết sống an phận và sống không cần gì đến phải tiền nhiều cả”.

Đó là người biết sống một cách đơn giản, biết phân biệt cái gì là chánh, cái gì là phụ, cái gì là cứu cánh, cái gì là phương tiện.

Học, cần phải làm như con ong hút nhụy, đừng học đòi theo con bướm giỡn hoa. Có người tưởng rằng mình sẽ có được số vốn học hỏi vừa căn bản, vừa rộng rãi bằng cách hằng ngày đọc năm ba quyển sách, chín mười tờ báo, đi xem ba bốn phòng triển lãm, đi nghe hai ba cuộc diễn thuyết văn học, chánh trị, triết lý... Là vì theo họ, nhờ thế họ sẽ được “nhìn xa thấy rộng”, tất cả mọi năng khiếu đều sẽ được khai phát đủ mọi khía cạnh. Họ lầm! Tôi có thấy nhiều người họ đọc sách, đọc báo như điên... Bất cứ gặp gì dưới tay là họ đọc ngón, đọc nghiêng, họ đọc cả từ sách này đến từ sách kia, bất cần là sách hay, sách dở... Nếu họ là bậc thông minh triệt để thì tôi chẳng dám nói, vì đó là những ngoại lệ. Thực sự, với hạng tầm thường như chúng ta, tôi quả quyết những người học như thế ấy không làm gì đào tạo cho mình một cơ sở văn hoá vững vàng được cả. Với cách học như thế, chắc chắn họ chỉ có được một cái học ngoài da, một cái hào nhoáng không sao tiêu hoá được. Cái học ấy có hại hơn là có lợi cho óc phán đoán đứng đắn và mực thước. Chồng chất không thứ lớp những sự học hỏi hiểu biết của ta, đâu phải đó là mục tiêu của văn hoá. Riêng ta, mỗi sự kiện tự nó không có ý nghĩa gì cả: nó chỉ có giá trị khi nào nó được sắp đặt ngay vào vị trí của nó, liên lạc mật thiết với nhau như một tổ chức tự nhiên của một vật sống. Một ý tưởng rời rạc không thể dặt dấn gì ta được trên con đường hành động. Là vì trong thực tế, sự việc trên đời là một cái gì phức tạp muôn màu và một khi muốn đem nó ra thích ứng với sự đời, ta phải đem ý tưởng này sửa chữa lại bằng những ý tưởng khác, chứ không thể

theo một chiều nào được. Vì vậy, sự tổ chức lại các điều học hỏi của ta còn quan trọng hơn là những điều mà ta đã học hỏi. Và chính sự tổ chức cho có hệ thống đàng hoàng là quan trọng nhất, nên sự tán mạn đó đây của óc tò mò của ta như trước đây đã nói không lợi gì cho ta cả, mà trái lại, là một trở ngại to lớn cho cái học về bề sâu của ta vậy.

Cái học mà vụ về bề rộng và bề cạn nghĩa là cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì là thật biết, là mối thù số một của Văn hoá. Có người lật sách đọc mà không quan tâm gì đến cái tên của tác giả, cái tựa của quyển sách. Họ đọc rồi là quên rồi. Có người, mỗi tuần lễ, đọc có trên mười quyển tiểu thuyết, hoặc mười quyển sách nghiên cứu phổ thông hạng rẻ tiền về triết học hay khoa học dành riêng cho những kẻ không thích cố gắng và suy nghĩ. Đó không phải là lối đọc sách để mà học.

Đọc sách để giải buồn trong những lúc ngồi không ở trên toa xe... thì lại là một việc khác. Đọc sách để giải trí thì nên đọc những tác phẩm cầu vui, trái lại, đọc sách để mà đào tạo cho mình một cái vốn hiểu biết đứng đắn, phải đọc một cách chọn lọc những tác phẩm hàm súc tư tưởng và ý nghĩa, những tác phẩm không thể nào đọc qua một bận mà lĩnh hội hết được ý nghĩa, những tác phẩm mà ta càng đọc đi đọc lại càng thấy thâm trầm. Vấn đề này chúng ta sẽ xem xét lại một cách rạch ròi hơn sau đây.

Đọc sách để mà học, cần phải chọn lọc thật kỹ. Sự gần gũi thân mật với những loại sách quá tầm thường sẽ càng ngày càng làm hạ thấp tinh thần trí não của ta. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

D. SỰ TẬP TRUNG TINH THẦN

Muốn có được một nền tảng văn hoá vững vàng phải biết thống nhất tất cả sự hiểu biết cùng học hỏi của ta vào một chiều sâu nào đó.

Một nhà văn Pháp có nói: “Tất cả những trước tác danh tiếng của những bậc tài hoa viết ra, toàn là những giải thích về chiều rộng một ý tưởng duy nhất nào đó, một tình cảm về cuộc sinh tồn đang tìm đường sống... Đào mãi một cái lỗ, đó là phương thế duy nhất để đi sâu vào lòng đất và khám phá được những bí ẩn của nó” (1).

Nhờ sự tập trung tinh thần, ta lần lần tìm ra mối dây liên lạc duy nhất nối liền những ý tưởng cùng những sự kiện tạp nhạp mà mới xem qua ta không thấy ăn chịu với nhau chút gì cả. Nhưng chính cái chỗ “*nhất dĩ quán chi*” ấy là cái bí quyết của tất cả những danh tác bất hủ của nhân loại.

Khổng tử có nói: “*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*” (đạo của ta trước sau chỉ có một lý mà thông suốt cả mọi việc).

Cái “*một*” ấy cũng là cốt tử của tất cả nghệ thuật và tư tưởng. Một học thuyết, một quyển sách, một bài văn hay một bức hội hoạ... đều phải có điểm chánh dùng làm trụ cột.

Một danh hoạ bao giờ cũng gọi cho ta một cảm giác gì. Cảm giác ấy mạnh hay yếu cũng nhờ nơi khéo lựa chọn một cách cẩn thận, cân nhắc những chi tiết vừa đủ để gây cho ta cái cảm giác ấy. Nếu trái lại, hoạ sĩ phung phí những chi tiết vụn vặt không ăn, hoặc không mấy ăn vào đề, thì đó là một bức hoạ thiếu tính cách nhất quán, một bức hoạ hỏng. Người ta xem nó, không hiểu rõ nó muốn miêu tả cái gì. Đứng trước nó, ta cảm thấy hoang mang.

Sự *thuần nhất* trong một tác phẩm hội hoạ hay văn chương là điều khó thì hành nhất. Có gì dễ bằng chồng chất một cách hỗn độn những chi tiết rất hay, rất ngộ, nhưng không liên lạc gì với ý chánh của tác phẩm mình. Trong mỗi ý tưởng hay cảm giác hỗn tạp do sự kích thích của ngoại giới đưa đến cho ta, ta phải biết lọc lừa, chọn những gì trọng yếu nhất ăn sát vào đề để sắp đặt lại và trình bày một cách khéo léo, hầu gây cho kẻ khác một cảm tưởng thuần nhất mạnh mẽ. Không khác nào người trồng nho: họ tỉa những nhánh lá không cần thiết hoặc đèo đẹt để tăng sinh lực cho những nhánh lá khác có thể trở sanh được nhiều trái hơn: hoạ sĩ hay nhà văn cần phải biết hy sinh những chi tiết không cần thiết hoặc còn bạc nhược để cho tác phẩm mình thêm nhiều sinh lực. Có nhiều nhà văn tư tưởng họ đòi hỏi quá, họ phung phí tư tưởng họ trên mặt giấy không khác nào những cành lá rườm rà của đám nho rừng...

Vì thế, viết một bài văn hay, hoặc vẽ một bức hoạ khéo, đâu có dễ. Người viết nó phải, trong khi giải bày những ý phụ, đừng cho sa đà ra ngoài đề. Giá trị của một nghệ sĩ là chỗ biết giản lược những gì phiền phức rườm rà để tăng gia sinh lực cho cái cảm giác chung, nghĩa là phải biết *hy sinh*. Mặc dầu là những chi tiết hay, hoặc là những tài liệu quý đến bậc nào, nếu thấy không liên lạc một cách chặt chẽ với đầu đề, hãy có gan hy sinh nó đi. Nó là những thứ “chùm gởi” không nên dung dưỡng trong tác phẩm của mình. Viết văn mà biết mình thi hành nguyên tắc “*nhất dĩ quán chi*” ấy, đó là mình đã tập cho tinh thần mình bao giờ cũng được tập trung sáng suốt.

Taine có nói: “Điều khó khăn nhất trong khi nghiên cứu là tìm cho ra cái điểm đặc biệt và chủ yếu, do đó tất cả đều có thể quy về một mối...”^[3] Ông lại bày giải pháp làm văn của mình: “Trong khi viết lại một tác phẩm nào, tôi luôn luôn làm một cái bản mục lục phân tích từng vấn đề. Tôi làm bản ấy, không phải lúc mới khởi thảo, hoặc sau khi viết xong bản thảo, mà là lần lần sau khi viết xong mỗi đoạn. Tôi tóm lại mỗi đoạn bằng một câu hết sức gọn gẽ và rõ ràng. Đầu phải dễ dàng gì tìm ra được liền câu đại lược ấy, nhưng hễ đã một khi tìm ra được nó rồi thì câu ấy chỉ cho ta thấy trong đoạn văn này có những gì dư, những gì thiếu, những gì không ăn chịu nhau, hoặc không đầu đuôi, bởi thấy đều

phải quy về câu tóm tắt ấy. Hơn nữa, câu tóm tắt này cùng những câu tóm tắt khác của các đoạn sau, gộp chung lại, giúp ta thấy cái yếu điểm của toàn chương”.

Đây chẳng những là phương pháp làm văn mà cũng là phương pháp đọc văn và rộng hơn nữa, nó là tất cả phương pháp học hỏi bất cứ môn học nào.

Muốn có được luôn luôn một đầu óc sáng suốt phải biết tập cho mình cái thói quen tìm ngay cái ý chánh, biết phân biệt liền cái gì là yếu điểm với những gì là phụ thuộc, nhất định không bao giờ để mình bị lôi cuốn theo những đề phụ... mỗi khi đọc sách, xem tranh, làm văn, xem kịch hay nghe diễn thuyết...

Nhất là khi đọc sách. Đọc sách là phương tiện quan trọng nhất trong khi tự học. Đọc sách mà muốn tìm nắm lấy cái đại ý của toàn tập, phải đọc nó suốt một hơi, đừng bận những tiểu tiết về văn từ cũng như về ý tưởng. Về sau sẽ đọc trở lại vài lần một khi đã nắm được đại ý. Bây giờ ta sẽ đọc kỹ lại từng thiên, từng đoạn, từng câu. Nhưng bao giờ cũng phải biết để ý đến chỗ thuần nhất của nó.

Nếu ta thi hành nguyên tắc “*nhất dĩ quán chi*” này một cách trung thành trong mỗi khi đọc sách hay làm văn, lâu ngày ta sẽ tạo cho ta một thói quen rất tốt là bất kỳ đứng trước một việc gì phiền phức bực nào cũng không bao giờ để tinh thần mình bị lôi cuốn vào những chi tiết chi ly vụn vặt, không phân biệt được cái gì chánh cái gì phụ... Người xưa thường dặn: “*Tri kỳ lý giả, nhứt ngôn nhi chung, bất tri kỳ lý giả, lưu tán vô cùng.*”

Đây nào phải đâu chỉ là công phu trong những khi đọc sách hay làm văn mà thôi đâu, ta phải lấy nó làm công phu của suốt đời, bất kỳ là đứng trước một trường hợp nào...[\[4\]](#)

Cái đặc điểm của những bậc vĩ nhân là nơi sức mạnh của sự tập trung tinh thần của họ. Roederer bàn về Napoléon Bonaparte có nói: “*Ông sở dĩ khác người là nhờ nơi sự tập trung tinh thần của ông rất mạnh và rất bền. Ông là người có thể làm việc liên tiếp mười tám giờ đồng hồ về một công việc... Không có người nào biết để hết tâm tư mình vào công việc mình làm hơn ông.*”

Có kẻ hỏi Newton, nhà đại thiên văn nước Anh, cái mật pháp của sự phát minh về sự “*dẫn lực của Vũ Trụ*” của ông. Ông trả lời: “*Có gì lạ, chỉ vì tôi cứ nghĩ đến nó mãi mà thôi!*”

Ông Darwin sở dĩ làm được công nghiệp vĩ đại trong khoa học giới là nhờ ông có tài “*đeo đuổi mãi theo một vấn đề suốt năm này đến năm kia mà không biết nản*”, không bao giờ chạy theo cái phụ mà quên cái chánh.

Khổng Tử cũng thường nói: “*Ta là người, hễ có việc gì nghĩ chưa ra, thì nghĩ đến quên ăn, nghĩ ra được thì vui quên cả lo, không biết rằng tuổi già đã sắp tới vậy.*”

“*Thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu dài*”, kiên nhẫn đeo đuổi mãi một ý nghĩ, một việc làm cho kỳ được mới thôi.

Darwin, mỗi buổi sáng, làm việc từ 8 giờ đến 9 giờ rưỡi, từ 10 giờ rưỡi đến 12 giờ trưa. Chiều, thì làm việc từ 3 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi, nhưng không phải luôn luôn như vậy, vì đó là công việc làm thêm. Tuy làm việc rất ít, mà hễ làm thì ông làm một cách nhiệt thành, đem cả tâm trí chuyên chú vào đó và *không khi nào ông làm một việc gì mà còn phải làm lại một lần thứ hai nữa.*

Bạn ông là nhà địa chất trứ danh Lyell cũng chỉ làm việc có 2 giờ liên tiếp thôi. Herbert Spencer, người bạn đồng hương của ông, có một sức khỏe rất tồi tệ, ông này không đủ sức tập trung tinh thần tư tưởng lâu được: thần kinh hệ của ông rất suy nhược. Làm việc liên tiếp ba giờ thì ông phờ cả người, không còn đủ sức để đọc một quyển tiểu thuyết nữa, ông đã đuối sức rồi. Thế mà vì khéo biết tập trung

sinh lực vào một công việc suu tâm của ông thôi và biết hy sinh tất cả những gì phụ cho cái chánh mà sau cùng ông đã để lại cho đời một công trình hết sức to lớn.

Bất cứ làm việc gì, chuyên tâm chú ý, tập trung tinh thần là bí quyết của thành công.

“Trọng Ni đi qua nước Sở, vừa ra khỏi rừng, thấy một người tật bấu bắt ve bằng một cây sào dài, rất lẹ và chắc chắn cũng như nó bắt bằng tay vậy.

Trọng Ni nói: “Anh thật là tài. Xin cho ta biết cái thuật của anh”.

Tên tật bấu nói: “Thuật của tôi là đây: trong năm, sáu tháng, tôi tập để viên đạn đứng thẳng bằng trên ngọn sào của tôi mà không hề rớt. Khi tôi để đứng dặng hai viên, thì ít con ve nào thoát khỏi tay tôi. Khi tôi để đứng được ba viên, thì mười con trậ có một mà thôi. Khi tôi để đứng dặng năm viên, tôi không hề trậ một con nào hết. Cái thuật của tôi là biết quy tất cả tinh thần của tôi vào chỗ chỉ hướng mà tôi mong đạt đó. Tôi trị cái tay tôi, cả thân thể tôi cho đến chừng nào thành một khúc gỗ, không còn xao lãng nữa. Tuy Trời Đất là lớn, vạn vật là nhiều, nhưng tôi chỉ thấy có con ve mà tôi muốn bắt nó thôi. Không chi làm cho tôi xao lãng ngoài cái ý của tôi muốn đó, con ve làm gì thoát khỏi tay tôi”.^[5]

Đó cũng là cái bí quyết của phép tự học nữa.

Đ. ỨC TỔNG QUAN

Như ta đã thấy trên đây, sự đi tìm cái lẽ “*nhất dĩ quán chi*” của mọi sự mọi vật trên đời, đó là cách đào tạo cho mình *tinh thần tổng quan*.

Như thế, *óc tổng quan* thực là khuynh hướng chống lại với sự tản mạn tinh thần chống lại với sự quá phung phí tư tưởng vào những cái chi ly vụn vặt và phụ thuộc, nghĩa là biết đem những chi tiết phụ ghép vào cái chánh, biết nhận thấy cái dây liên lạc mật thiết giữa các sự vật rời rạc nhau, biết tìm hiểu cái ý nghĩa thâm sâu của mọi sự mọi vật trên đời, nhưng chú ý đến không có nghĩa là đã quên mất cái đại ý của cuộc đời, cái ý nghĩa thâm sâu của sự sống để mà giản dị hoá nó, mà “*chuyên tâm bảo nhất*”.

“Tập trung tinh thần” cũng không có nghĩa là khép mình trong “chuyên môn”. Đây là hai hoạt động tinh thần khác nhau xa. “Chuyên môn” là hoạt động bằng tư tưởng cũng như bằng hành vi trong một khu vực hạn định nào, không khác nào một người thợ bắt bù lon, cứ bắt bù lon mãi suốt ngày, hay một người thợ ký đánh máy cứ đánh máy mãi suốt ngày... Tập trung tinh thần, là biết trung thành luôn luôn với lý tưởng. Tập trung tinh thần không có nghĩa là tự giam mình trong một phạm vi chật hẹp nào của nghề nghiệp, mà trái lại, tự mình lựa chọn một trung tâm hoạt động rồi tha hồ quyền biến mà không bao giờ sai với tôn chỉ.

E. ÓC NHÂN QUẢ

Sự vật trong đời, không bao giờ ngẫu nhiên mà có, cũng không bao giờ ngẫu nhiên mà không. Có hoặc không chỉ là cái quả, nguyên nhân nó hoặc gần hoặc xa, chắc chắn là phải có. Có biết đặng nguyên nhân, mới biết rành kết quả. Thấy quả phải tìm đến nhân, đó là một trong nhiều khía cạnh của tinh thần khoa học. Cần phải tạo cho mình một khuynh hướng luôn luôn đứng trước một sự kiện gì đều phải biết tìm dây nhân quả thì sự học hỏi của ta mới chắc chắn vững vàng.

Thật vậy, chỉ có những đầu óc nông nổi mới hay tin đến sự cộng đồng sinh tồn và sự tiếp tục ngẫu nhiên trong sự vật mà thôi. Đời sống phức tạp, tảo tạc, giáo dục hấp tấp vội vàng, thói đọc sách sơ sài ngoài mặt là những nguyên nhân làm cho tinh thần ta thiên bạc lười biếng, thấy sao, hay vậy... không chịu khó tìm xem nguyên nhân sự vật ở nơi đâu.

“Có biết đặng nguyên nhân mới hiểu rành mọi sự... Tiền nhân, hậu quả. Quả cùng nhân tương tiếp tương thừa. Dây nhân quả vô cùng vô tận. Chận một khoảng nào thì khoảng ấy là quả của bao nhiêu nhân trước, mà là nhân của cả dọc quả về sau. Vậy thì quả đây, nhân nó ở đâu? Người ta cắt nghĩa làm một sự là vì chỉ thấy một cái nhân này mà không thấy cái nhân khác của sự ấy, chỉ thấy có cái nhân gần mà không thấy được cái nhân xa của sự ấy. Muốn hiểu rõ một sự, phải biết cho tường tận cái dọc nhân ở đằng trước nó là gì? Song le có nhiều sự không phải chỉ có một dọc nhân làm ra nó mà có nhiều dọc nhân làm ra. Không hiểu được hết cái dọc nhân, người ta đổ cho sự may rủi”^[6].

Biết tìm được cái dây nhân quả trong mọi sự, mọi vật trên đời thì tư tưởng ta mới được đầy đủ và cường kiện thêm lên. “*Không có gì ngẫu nhiên cả, thấy đều có cái lý của nó*”. Đó là cốt yếu của tinh thần khoa học.

Vậy, trước một hiện tượng nào, hãy hỏi: Tại sao? Và nếu có ai quả quyết với mình một điều gì, phải lập tức đòi hỏi lấy “bằng cứ”!

Đọc báo, thấy nhà phê bình chê hoặc khen một tác phẩm nào, phải tự hỏi để tìm lấy cái nguyên nhân thâm kín của nó: “Tại sao khen? Tại sao chê?”. Ta phải đòi hỏi ở nơi nhà phê bình những bằng cứ đúng đắn trước khi nhận những lời phê phán của họ.

Nếu muốn hiểu rành một điều nghe thấy nào, cần phải “có đủ các dọc nguyên nhân” mới được. Nhưng “việc đời phức tạp mà đời người rất ngắn, con người phải tạm sống với những kết luận tạm”. Thà kết luận tạm với một mớ nguyên tắc thiếu sót, có phải còn quý hơn là kết luận liều lĩnh mà không cần hiểu đến một nguyên nhân con con nào cả không?

Óc nhân quả, giúp cho ta nhận thấy được sự mâu thuẫn trong các hành vi tư tưởng của kẻ khác. Có nhiều nhà văn tả cảnh xuân mà lại nói đến “sen nở mai tàn” hoặc là cảnh ban đêm mừng một mà “vàng trắng vắng vạc, bóng sao ngời ngời”. Delacroix, trong bức hoạ *Barque de Don Juan*, vẽ nhiều người chết đói mà cánh tay hãy còn tròn ửng no nê. Những người viết ra, vẽ ra những cái ngớ ngẩn ấy, và những kẻ xem nó lại không để ý đến, toàn là tại thiếu óc nhân quả. Có được một đầu óc nhân quả thì công phu học hỏi của ta mới mong có kết quả chắc chắn được.

G. ÓC TẾ NHỊ

Lại cũng phải cần tạo cho mình *óc tế nhị*. Trong khi học hỏi, quan sát ngoại giới cũng như nội giới, ta cần phải quan tâm đến sự giống nhau và khác nhau của mỗi sự vật. Không thể, ta chỉ có được một mớ học thức mơ hồ mà thôi.

Phần đông chúng ta hay có thói quen suy nghĩ theo loại vì đó là lối suy nghĩ thô sơ nhất. Phân biệt được những chỗ khác nhau và biết nhận thấy được những chỗ giống nhau của sự vật là một công phu không phải dễ.

Người vô học thường quan niệm sự đời bằng cách loại suy: họ không biết so sánh. “*Những đầu óc tinh nhuệ mới nhận thấy được sự khác nhau trong sự vật, những đầu óc tầm thường chỉ thấy toàn là những sự giống nhau thôi*”^[7]. Anh lính thủy thiện nghệ, thoáng qua nơi chân trời có thể nhận được liền một chiếc tàu hàng hay một chiến hạm. Anh bán vải sành, thoáng qua là đã phân biệt được thứ lụa giả, lụa thiệt. Nhà trinh thám đại tài, thoáng qua là phân biệt liền được kẻ gian người ngay.

Về chỗ giống nhau của sự vật, cũng đâu phải dễ nhận thấy. Thấy cho đúng chỗ giống nhau, nhận cho đúng chỗ khác nhau, phải là một đầu óc tinh nhuệ sắc sảo lắm mới được. Phải có một thiên tư xuất chúng mới thấy được chỗ giống nhau hay khác nhau của sự vật. Nhiều việc bề ngoài thấy rất phiền phức khác biệt nhau mà kỳ trung lại giống nhau như một. Cũng có nhiều việc bề ngoài giống nhau như một mà kỳ trung khác nhau như trời vực.

Trong khi đọc sách, đọc báo hoặc đọc các bài diễn văn “giật gân” của những lãnh tụ các đảng phái chính trị, ta cần phải thận trọng để ý xem xét cho thật kỹ những lối so sánh tỉ luận của họ, như ta đã thấy trên đây, để ngừa sự nguy luận.

Hằng ngày nên tập quan sát sự đồng dị giữa sự vật. Thấy chỗ khác biệt giữa hai sự đồng tánh là khó, nhưng nhận được sự giống nhau giữa hai sự vật không đồng tánh cũng không phải dễ. Người ta thường nói Phật và Lão phỏng phát giống nhau. Nhưng giống nhau chỗ nào? Khác nhau chỗ nào? Trong Phật học, Phật giáo có mấy tông phái? Các tông phái giống nhau chỗ nào và khác nhau chỗ nào? Không và Mạnh, Lão và Trang giống nhau chỗ nào và khác nhau chỗ nào? Nếu mỗi mỗi ta đều để ý quan sát để xem xét những chỗ đồng dị thì lý thú không biết chừng nào mà thụ dụng cũng không biết là ngần nào.

Bất kỳ gặp một cơ hội nào cũng đừng bỏ qua: hễ thấy những vật giống nhau, cần phải tìm những chỗ dị đồng của nó. Không bao lâu ta sẽ thấy sự nhận xét của ta càng ngày càng tinh mật một cách hết sức mau lẹ. Bấy giờ ta sẽ có được cái biết tài rất quý báu này là thấy được nhiều khía cạnh mà thôi.

Đứng về mặt thực tế, thì óc nhận xét này có rất nhiều lợi ích. Nó giúp ta thấy được sự thực giả một cách rất dễ dàng trong các sự vật.

Hãy tập phân biệt sự thực giả của hột xoàn, của hột trai, của giấy bạc... là những điều rất cần thiết trong đời sống hàng ngày. Tập cho mình có được một đầu óc tế nhị là mình đã có một cơ sở khá cứng cáp để đi vào con đường tự học.

H. ÓC THẦN THƯỜNG

Aristote nói: “*Tất cả mọi người đều ao ước được có nhiều hiểu biết. Nhưng muốn hiểu biết, điều kiện đầu tiên là phải biết nhìn đời với cặp mắt của đứa trẻ thơ: cái gì cũng mới lạ và làm cho ta ngạc nhiên được cả.*”

Biết ngạc nhiên biết nhìn đời bằng cặp mắt mới lạ, giúp cho Newton tìm ra cái lực “*vũ trụ hấp dẫn*” trong khi ông nhìn thấy quả “*bôm*” rụng. Denis Papin tìm ra sức mạnh của hơi nước cũng chỉ vì biết nhìn với cặp mắt ngạc nhiên bình nước sôi... mà ai ai cũng thường thấy hàng ngày.

Sự quen thuộc thường làm cho ta không nhận thấy đáng những cái hay, cái đẹp của chỗ ta ở hàng ngày. Người ngoại bang đến xứ ta, thấy bao nhiêu là việc lạ mà chính ta không dè. Hãy biết phản ứng ngay với những thái độ tiêu cực ấy: phải biết xem xét chung quanh ta với cặp mắt của người xứ lạ. Ta sẽ thấy đời ta đổi khác với nhiều tư tưởng bất ngờ mà xưa nay ta chưa từng nghĩ đến. Nhà văn Lamennais có nói: “*Tất cả mọi người đều biết nhìn cái tôi đã nhìn, nhưng họ không thấy được cái chỗ tôi thấy*” (Tout le monde regarde ce que je regarde, mais personne ne voit ce que je vois).

Đừng để trong trí rằng dưới đời không còn có gì mới lạ và cái gọi là mới lạ, chỉ là những gì người khác đã nhận thấy và đã nói ra rồi.

Ta phải tập nhìn đời với một cặp mắt mới mẻ, với giác quan tinh tế của một kẻ đau liệt trên giường bệnh vừa mới khỏi, bắt đầu tiếp xúc với ánh sáng và không khí bên ngoài...

Nói thì có hơi như nguy biện, nhưng sự thật cần phải quả quyết rằng cái đức đầu tiên của óc thông minh là phải có cảm giác mình *không hiểu biết gì cả*. Một bộ óc “*thông minh*” mà việc gì cũng cảm thấy không có gì lạ cả, là một bộ óc tê liệt, bệnh hoạn, không còn cơ phát triển gì được nữa. Đức Khổng Tử có ý bất mãn về Nhan Hôi khi Ngài nói: “*Hôi không dạy được ta gì cả. Ta nói ra điều gì, nó hiểu liền và không ham cất vấn*”.

Jules Lemaitre cũng nói: “*Đứa học trò hay nhất của tôi là đứa không đồng ý kiến với tôi*”. Và đức học trò giỏi hơn nữa, có lẽ sẽ là đứa biết rõ ràng nó không hiểu gì cả. Phần đông, ta thường có cái khuynh hướng hay tưởng tượng rằng mình đã hiểu rõ rồi, nhưng khi bắt buộc phải giảng giải ra thì mình mới nhận thấy mình mới chỉ nhận thức một cách rất lơ mờ... Phải chăng ta thường thấy có nhiều kẻ hoạt bát, quá thông minh nhưng kỳ thật chỉ là những đầu óc thiên cận và chỉ bùng sáng lên như ngọn lửa rơm; trái lại, có nhiều kẻ mới xem thì lù đù mà tư tưởng lại uyên thâm... Họ hiểu chậm, nhưng đến khi hiểu thì họ hiểu một cách sâu sắc thâm trầm. Là tại sao? Nhờ họ không xem thường một việc nhỏ nhặt nào cả. Nhân đó ta có thể phân biệt rõ ràng kẻ nào biết tư tưởng với kẻ không có tư tưởng gì cả. Trước một sự kiện huyền bí, kẻ không tư tưởng quả quyết là không có gì lạ mà không hiểu. Trái lại, dù là đứng trước một sự kiện hiển nhiên, kẻ biết tư tưởng vẫn e dè và tự bảo: “*Tôi cũng chưa hiểu rõ là cái gì cả!*”. Và chính đây mới là chỗ sâu sắc nhất của lời nói này: “*Điều mà tôi biết rõ hơn hết, là tôi không biết gì cả*”^[8].

Cũng chính Socrate đã nói: “*Không có sự dốt nát nào nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã hiểu những gì mình không hiểu*”^[9].

Phải chăng bước đầu tiên của tư tưởng là phải dám đặt nghi vấn trước những vấn đề mà người người đều xem thường hay tin tưởng là mình đã hiểu rồi.

Một văn hào Pháp, Charles Péguy, có nói: “*Trong đời ta, ít ra cũng phải có một lần đặt lại và kiểm soát lại những tư tưởng của ta*”, nhứt là những tư tưởng mà ta thích nhất và tín ngưỡng nhất.

Chỉ có những người tự đắc và nông nổi mới dám quả quyết: “*Đời đục cả, một mình ta trong. Đời say cả, một mình ta tỉnh*”. Tự mãn trong sự hiểu biết của mình và tin tưởng rằng không còn có gì phải

suy xét lại nữa là tự hủy hoại con đường tiến thủ tinh thần ta rồi.

Vì vậy, theo thiên ý, một trong những mật pháp của một nền giáo dục sâu sắc không gì bằng tập cho thanh thiếu niên sớm biết được cái nghệ thuật thần thưởng. Platon có nói: “*Biết ngạc nhiên, đó là nguyên nhân của triết học*”^[10].

Truyện Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, sở dĩ có thể xem là một quyển sách hay về tư tưởng, không phải vì nó đã giải quyết sẵn cho ta một vài quan niệm về cuộc đời, mà chỉ vì nó đã đặt thêm cho ta nhiều vấn đề mà hiện thời ta chưa rõ phải giải quyết ra sao cả. Tiểu thuyết mà hay không phải những loại tiểu thuyết có luận đề, trong đó người ta cố nặn bóp thế nào cho mọi sự kiện đều đi về một chiều, một hướng như Lục Vân Tiên chẳng hạn. Tiểu thuyết của André Gide sở dĩ đã làm chấn động dư luận thế giới, tựu trung đã nhờ sự *biết đặt những nghi vấn và tác giả đã biết nhường cho độc giả cái phần sáng tạo thêm* là tìm hiểu lấy những nghi vấn ấy, chứ tự tác giả không bao giờ giải quyết sẵn cho. Cũng như đọc Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần, đó ai biết được dụng ý của pho truyện này là để chứng minh quan niệm gì? Lối viết truyện này, tức cũng là lối viết truyện của André Gide ngày nay vậy.

Giờ đây, chúng ta thử bàn qua những phương pháp đào tạo óc thần thưởng.

Có hai cách thần thưởng: *tiêu cực* và *tích cực*.

Thần thưởng *tiêu cực* là biết ngạc nhiên, biết thần thưởng một cách tự nhiên không cần cố gắng gì cả. Tức là trường hợp của những người ở đồng quê vắng vẻ lần đầu tiên lên đến đô thành đồ sộ nguy nga và vô cùng náo nhiệt. Họ nghĩ ngợi, họ bị bắt phải suy nghĩ và có những cảm tưởng lạ lùng. Là nhờ nơi đâu? Nhờ nơi sự *so sánh* và sự *tương phản* giữa hai hoàn cảnh khác nhau.

Chân lý là gì? Phải chăng chân lý là sự đối chọi và so sánh những chân lý tương đối khác nhau? Phải có một sự khác nhau mới làm cho ta để ý và suy nghĩ. Chính nhờ có bóng tối mới làm nổi bật được ánh sáng. Có sống trong nô lệ người ta mới biết nghĩ đến giá trị của tự do mà tiếc uống.

Tóm lại, người ta mà có biết suy nghĩ, phần nhiều là nhờ có sự tương phản của hoàn cảnh gây nên. Sự có mặt của một sự vật nào mãi mãi bên ta sẽ gây thành thói quen. Thói quen sẽ làm nhục cả cảm giác của ta đối với sự vật ấy. Bởi vậy, có một nhà văn đã nói: “*Ta sống nhờ ngó đằng trước, ta hiểu nhờ ngó lại sau, ta cảm nhờ có sự vắng mặt*”. Hay thay! Cái gì “*đã đi qua*” mà còn trở lại sẽ làm cho ta sung sướng không biết chừng nào!

Ngày mà ta thấy thâm cảm được mối tình sâu nặng của cha mẹ ta, chính là ngày mà hình bóng ấy đã vắng bật trên cõi đời. Khi mà ta nếm được hương vị thần tiên của tình yêu thâm trầm ấy, chính là ngày mà ta cảm thấy đã quá muộn màng không còn phương gì để đền ơn đáp nghĩa nữa.

Và vì thế mà sự *vắng mặt* giúp cho ta suy gẫm nhiều, đồng thời nó cũng là món ăn tinh thần cho những tâm hồn đa cảm. Xa nhau thường là mối dây thiêng liêng ràng buộc tình cảm càng thêm bền chặt. Sự sống chung đụng hằng ngày dễ làm cho ta nhàm chán và xem thường. Cho nên một trong những phương pháp nuôi dưỡng tình yêu là thỉnh thoảng nên xa nhau để cho tình thương càng thêm nung nấu.

Tóm lại, *phương pháp giúp cho ta có nhiều sáng kiến và suy tưởng là phương pháp đối chiếu, phép dùng mâu thuẫn*. Và những hình ảnh hay nhất trong văn chương phải chăng cũng là những hình ảnh do đối chiếu mà ra.

Giờ thử bàn đến phương pháp tích cực để kích thích óc thần thưởng, tức là *biết đặt vấn đề, đặt những câu hỏi*, để mà “*tiên đoán*” hay dự đoán những gì ta sắp đọc, sắp nghe...

Rất có thể mình dự đoán sai. Nhưng cái đó không mấy câu. Chính cái chỗ khác nhau giữa sự thực với việc ta dự đoán mới là điều quan trọng: nó kích thích óc tò mò và làm cho ta nhớ thật dai, đồng thời bắt ta suy nghĩ và làm óc giàu sáng kiến. Thiết tưởng những giáo sư dạy sử cũng nên dùng đến phương pháp này để dạy học trò, chắc sẽ linh động lắm. Khi ta trình bày những sự kiện lịch sử, đến khi kết cuộc ta nên dừng lại và “đố” học sinh phải tìm lấy... Học sinh có thể đoán lầm... và phần nhiều hay đoán lầm... là vì sự đời nhiều khi rất vô lý. Sự xảy đến thường lại không xảy đến như lòng ta sở nguyện: “*nhơn nguyện như thử, thiên lý vị nhiên*”!

Chính đây cũng là phương pháp dạy học của Socrate hay của Khổng Tử: biết *đặt câu hỏi* là cả một nghệ thuật của phép dạy dỗ, làm kích thích tư tưởng.

Có người đề nghị phép học nên gồm trong câu châm ngôn này thôi: Nếu muốn học “thấy” hãy “bịt” mắt lại mà tưởng tượng trước bằng một viễn tượng trong tâm hồn; nếu muốn học “nghe” hãy “bịt tai lại”; nếu muốn học cách “đọc sách”, hãy “xếp sách lại mà phỏng đoán trước những gì ta sắp đọc”... đó là để mà lóng nghe cái tiếng dội của tâm hồn. Platon nói rất sâu sắc: “*Hiểu biết, thực ra, là một sự nhận ra những gì ta đã biết*” (Connaître, au fond, c’est reconnaître). Nghĩa là, *cái thật biết là cái biết do mình đã tìm ra*. Ta chỉ thấy được những gì ta đã thấy. Ta chỉ thích được những gì ta đã thích. Có đồng mới có ứng, không đồng không ứng. Đọc sách mà biết hay, chẳng qua vì nó là tiếng dội của lòng mình. Những ý tưởng mà ta đã nghĩ qua, những tình cảm mà ta đã trải qua, nhưng vì không được hàm dưỡng đúng mực nên đã giống như ngọn lửa than âm ỉ trong đáy lòng, nay bỗng gặp được ngọn gió thổi lòn nên nó bùng lên mà cháy lại. Thực ra, chỉ có “đồng thanh” mới “tương ứng”, “đồng khí” mới “tương cầu”.

Những văn gia đại tài thường là những kẻ biết khêu gợi và làm sống lại những tư tưởng ấp ủ trong lòng người. Họ là những kẻ khéo gieo vào lòng người những câu hỏi, những thắc mắc, những hoang mang, những nghi vấn... Họ là những kẻ biết “thổi” vào lòng người ngọn gió “hoài nghi”, một thứ hoài nghi triết lý mà André Gide gọi là “*hoài nghi phá hoại*” (doute destructeur) làm nghiêng ngả tất cả lâu đài tư tưởng mà vì tánh lười biếng, người ta đã âm thầm xây dựng trên những thành kiến lâu đời... Có thể nói họ là những nhà đại cách mạng và cứu thoát tâm hồn con người ra khỏi gông xiềng của những tư tưởng hẹp hòi lâu nay đã giam hãm con người trong những giá trị sai lầm, không động. Thích Ca, Lão Tử hay Jésus phải chăng là những nhà đại cách mạng của nhân loại vì họ đã dám phá tan những ảo vọng của con người. Họ là những người làm thức tỉnh chứ không phải là người làm ru ngủ nhân loại bằng cách “gãi chỗ ngứa” của quần chúng.

Và vì thế mà họ thường là những người bị kẻ đồng thời đối đãi một cách có khi hằn học hay lạnh lùng... nếu họ không bị đem lên cây Thập ác mà hành hình như Đức Gia-tô. Trái lại, một Françoise Sagan, một James Deans... lại được phần đông thanh niên sùng bái như một vị thần. Đó là chỗ phân biệt những bậc vĩ nhân, thứ chân và thứ giả.

Phương pháp này chẳng những rất hiệu nghiệm trong khi đọc sách, mà nó cũng rất thực dụng trong khi đi nghe diễn thuyết, đi xem bảo tàng viện hay các cuộc triển lãm hoặc đi xem xi nê hay diễn kịch. Nó cũng là phép dùng ức thuyết của các nhà bác học, y sĩ hay các nhà mật thám đại tài^[11].

Cũng còn có nhiều cách để kích thích óc thần thưởng và sự ngạc nhiên là thường *nen lân la với người có những quan niệm về cuộc đời khác ta, hoặc chống đối lại với ta*. Đọc sách cũng nên đọc những sách có những chiều tư tưởng nghịch lại với ta. Kẻ đồng chí với ta là bạn ta, mà kẻ thù của ta thường là “thầy” của ta, nếu ta biết lợi dụng sự chống báng của họ để kiểm điểm lại những sai lầm thiếu sót và nghiên cứu lại cho thật kỹ hơn những lý thuyết hay quan niệm về nhân mạng mà ta hằng

ngày hằng sùng bái để nó càng ngày càng thêm khởi sắc. Chính đây là ý nghĩ thâm trầm câu nói của Jules Lemaire mà tôi đã nhắc trước đây: “*Đứa học trò hay nhất của tôi là đứa không đồng ý với tôi*”. [\[12\]](#)

Những người còn trẻ nên lân la những bậc trưởng thượng, những kẻ đã từng trải cuộc đời để nghe họ nói chuyện. Họ là những người không còn dục vọng sôi nổi của tuổi trẻ, đã có nhiều kinh nghiệm và cuộc đời của họ sẽ có nhiều bình tĩnh hơn. Tóm lại, kẻ lớn tuổi cũng cần gần gũi thanh niên để khỏi bị tê liệt tinh thần; còn thanh thiếu niên cũng nên gần gũi với người già: họ không còn quyền lợi gì để lừa dối ta nữa. Đương lứa với nhau, vì sự tranh đua với nhau mới có sự lừa dối nhau, chứ kẻ không còn tranh hơn tranh kém với mình, họ đâu có lợi gì để lừa bịp mình nữa! Sự va chạm giữa hai thế hệ là một nguồn kích thích tư tưởng rất lợi ích cho hai đảng.

Lại nữa, cũng nên cố gắng mà trả lời một cách thành thật và đừng dẫn những câu hỏi đột ngột của trẻ thơ. Con trẻ thường giữ được sự thán thưởng tự nhiên: đối với chúng thấy đều là những hiện trạng bất thường... Chúng thường có những câu hỏi bất ngờ nhưng đầy ý vị sâu xa, mà phần đông người lớn không sao trả lời cho xuôi được. Nhưng thường lại là những câu hỏi đầy ý nghĩa của triết học nếu ta biết để ý đến. Đừng bỏ qua mà la rầy đàn áp chúng như chúng ta thường có thói quen khinh thường chúng.

Có đứa trẻ nọ hỏi cha nó: “Tại sao Trời không giết những loài ma quỷ hại người, thì làm sao người ta còn phải khổ nữa?” Phải chăng là một câu hỏi thuộc về triết lý, một câu hỏi thuộc về vấn đề Thiện ác? [\[13\]](#)

CHƯƠNG THỨ TƯ. NHỮNG PHƯƠNG TIỆN CHÁNH

A. ĐỌC SÁCH

Giáo dục có mục đích giúp cho trẻ em trong một thời gian hạn định, vượt qua con đường mà nhân loại đã trải qua từ thượng cổ đến giờ, từ lúc còn ăn lông ở lỗ đến ngày văn minh của hiện đại. Vậy nhà giáo dục là kẻ có phận sự giúp trẻ em phải sống lại lịch sử của nhân loại...

Nhưng phải làm cách nào để thu ngắn lại con đường kinh nghiệm của nhân loại? Chỉ có đọc sách, ngoài ra ít có phương pháp nào hơn nữa.

Đọc sách là phương tiện cần thiết nhất, hiệu quả nhất để đào tạo cho mình một cơ sở học vấn vững vàng.

Thật vậy, dầu là bậc thông minh đến đâu cũng nhờ đọc sách mà kiến văn ngày một thêm rộng.

Đọc sách có lợi cho đường học vấn và tư tưởng mình thế nào, cái đó khỏi cần minh chứng, không còn một ai là không nhận thấy.

Những bậc vĩ nhân trong tư tưởng giới, phần đông đều nhân đọc một quyển sách nào của người trước mà nghĩ ra được nhiều ý tưởng hay lạ khác. Một câu sách, hoặc một quyển sách đọc xong, có khi đổi cả một đời tư tưởng của ta. Cái đó thường lắm.

Sách giúp ta suy nghĩ, chỉ cho ta khỏi phải tốn công tìm kiếm một điều gì mà kẻ khác đã tìm ra được trước ta. Đó là đã đỡ bớt cho ta một sự phí công vô ích. Ta cần dành sức, để tìm kiếm thêm những cái mà kẻ khác đã tìm, và nhân đó làm cho nó thêm sáng tỏ hơn. Hoặc nó cũng chỉ cho ta biết vấn đề đã phát ra như thế nào, và người ta đã giải quyết nó như thế nào, hoặc người ta đã tìm nó tới đâu rồi.

Đành rằng, xem tận mắt, nghe tận tai quý hơn xem bằng sách... Nhưng, các điều ta có thể quan sát đăng sao có thể sánh kịp với những điều sách vở để lại, bởi nó tóm cho ta biết bao nhiêu thể kỷ suy tìm và kinh nghiệm mà nếu ta phải tự mình tìm lại, tuổi thọ của ta không làm sao cho phép. Vậy, ta phải dứt giai đoạn là chỉ có sách là miễn được cho ta công trình khổng lồ ấy mà thôi.

Học bằng sách – rất quan trọng ở thế kỷ này – có thể tóm trong hai điều kiện này:

- *Chỉ đọc những sách hay mà thôi.*
 - *Và phải biết cách đọc.*
-

1. Thế nào là sách hay?

Thế nào là một quyển sách hay?

Làm cách nào để nhìn ra nó, và tìm ra nó?

Sách hay, đây là nói về *sách học* trước hết. Tùy theo loại, mỗi loại đều có cái hay của nó và cách lựa chọn cùng đánh giá cũng khác nhau xa.

Bắt đầu bằng cách *loại trừ*.

Loại trừ đầu tiên những thứ sách học mà dài nhằng nhẵng, mà to lớn nặng nề. Một người đọc sách, nhất là đọc sách để học, ngày giờ của họ dĩ nhiên có hạn, sự chăm chú, năng lực tinh thần cũng như trí nhớ vẫn có hạn. Bởi vậy, một quyển sách học mà dài lê thê bất tận không thể thích nghi được. Thật ra, người nào viết sách học mà viết lê thê bất tận là chứng tỏ sự bất tài và bất lực của mình. Sách học, càng ngắn càng tốt, càng gọn càng hay. Loại sách “*Expliquez moi...*” của “*Les Editions Foucher*” rất tài tình.

(Hầu hết những sách dạy về sử học ở Trung học thường là những sách quá dài)

Sách nào quá dài, tốt hơn đừng đọc. Hãy đợi khi mình đã có được một luồng mắt thông quan rồi, bấy giờ sẽ đọc đến những sách trường gian của những nhà nghiên cứu và chuyên môn.

Kể đó nên loại trừ những sách *buồn chán*. Sách học mà trình bày một cách buồn tẻ khô khan là sách không nên đọc. Mất thì giờ, mất hứng thú, thật không kết quả gì.

Và sau cùng, hãy loại trừ những sách *khó hiểu*. Sách khó hiểu, là sách của hạng tác giả không biết mình nói cái gì. Phần đông họ là những kẻ có đầu óc mù mờ, cho nên họ luộm thuộm, nói cái gì cũng chả ra cái gì. Rất có thể, tác giả là bậc thông thái, nhưng họ đã quên họ đang dạy học, dạy học cho những đầu óc tầm thường. Họ viết cho họ hơn là cho học sinh. Đó là cái tật của phần đông các nhà viết sách học hiện thời. Có khi vì họ muốn cầu kỳ để tăng “giá trị” của họ. Những loại sách ấy không nên giao cho học sinh, vì nó sẽ dễ làm chán nản và làm cho học sinh mất cả hứng khởi của sự học.

Tóm lại, cần phải loại trừ những sách dài lê thê bất tận, những sách buồn chán, những sách đọc khó tiêu. Tuy nhiên, một quyển sách ngắn, vui vẻ và dễ dàng cũng rất dễ biến thành những thứ sách đơn sơ quá, thiếu căn bản, thiếu cương yếu và là những thứ sách rỗng tuếch, rất tầm thường. Vậy, cần phải làm một cuộc chọn lọc trong đồng sách không dài, không chán mà cũng không khó đọc như đã nói trên. Phải làm cách nào để chọn lựa, trong khi mình chỉ là tay ngang, một người đang ở thời kỳ “tập sự”? Muốn phê bình cho đứng đắn “ông thầy” của mình, ít ra mình cũng phải biết rõ cái khoa của mình học. Như thế, thì làm gì chọn lựa cho được!

Thì như đã nói trên, chúng ta hãy căn cứ vào ba yếu tố trên: loại trừ những sách dài lê thê, những sách buồn ngủ, những sách đọc khó hiểu. Chả lẽ mình lại không quen biết được một vài bậc học thức cao thâm nào để mà hỏi thăm và cậy họ giới thiệu sách hay mà đọc.

Có người kia muốn mua một món đồ dùng thật tốt, nhưng họ không phải người chuyên môn, họ cũng không có kinh nghiệm để có thể phân biệt món hàng nào thật, món hàng nào giả, họ lại không có ai có thể tin cậy để hỏi thăm, – vậy họ phải làm cách nào để mua món đồ cần dùng ấy mà không bị lừa? Có gì khó. Họ lựa món đồ của “hiệu có danh tiếng” quốc gia hay quốc tế. Mua đồng hồ tay mà lựa hiệu “Omega”, “Longines” hay “Movado” của Thụy sĩ thì ít sợ lầm thứ xấu. Cũng có thể họ mua lầm được lắm nhưng ít ra họ đã thu hẹp được rất nhiều sự rủi ro lầm lạc.

Những ai không được may mắn gặp được những bậc thức giả cao thâm giới thiệu cho những sách hay, tại sao không biết làm như người đi mua đồ trên đây mà lựa những sách do những tác giả có tên tuổi viết ra? Đành rằng trong buổi giao thời này vàng thau còn lẫn lộn, nhưng những ai đã chịu được

thử thách của thời gian, ít nhiều đã chứng minh được giá trị tương đối của tác phẩm mình rồi.

André Maurois khuyên ta: *“Chúng ta nên tin cậy nơi sự lựa chọn của các thế kỷ đã qua. Một người có thể làm, một thế hệ có thể làm, nhưng cả nhân loại không thể làm. Homère, Shakespeare, Molière, chắc chắn là những người xứng đáng với danh tiếng của họ. Chúng ta sẽ chuộc các tác giả này hơn là các nhà chưa chịu sự thử thách của thời gian”*.

Muốn đọc sách để bổ túc cho trí thức, cần nhất là phải *biết cách đọc sách* mới đúng.

Có nhiều kẻ đọc sách như điên, luôn luôn sách chẳng rời tay, nhưng kết quả không ích lợi gì cho đường học hỏi của họ cả, là vì họ không biết đọc sách.

Trong túi họ, ta thấy luôn luôn đầy sách báo. Hễ vừa ngồi xuống, bất luận là ở trên xe đò hay toa xe điện, là ta thấy họ mở sách báo ra mà đọc. Họ đọc tiểu thuyết, đọc những tin tức hàng ngày, đọc luôn cả những cột quảng cáo không sót một chữ. Sách ở thư viện họ đọc gần hết. Nhưng họ không hiểu họ đọc những gì, cũng không rõ tên tác giả là ai. Đó là lỗi đọc sách nguy hiểm nhất. Jules Payot nói: *“Đọc sách là một cách lười biếng nguy hiểm nhất, bởi kẻ làm biếng mà ở không nhưng, họ cảm thấy như khó chịu với lương tâm. Trái lại, nếu họ có đọc sách, họ tin rằng họ có làm việc và nhân thế, cái bệnh lười biếng của họ không còn thế nào trị được nữa”*. Thật có đúng như vậy. Lỗi đọc sách này chỉ làm phí thời giờ mà thôi. Nếu ta thành thực với ta, ta sẽ thấy sau một tuần lễ, ta sẽ không còn nhớ gì nữa cả.

Có một hạng độc giả đọc sách để mà lo việc khác. Họ vẫn chăm chú đọc hàng này đến hàng kia, nhưng thực sự tâm tư họ đi vào chỗ khác. Đó là một cố tật, không nên bắt chước.

Lại cũng có một hạng độc giả, sách gì cũng đọc, nhưng họ chỉ đọc từng chặng, khúc đầu, khúc đuôi rồi xếp sách lại, tin tưởng rằng mình đã hiểu được tất cả ý tưởng của tác giả. Tôi dám quả quyết kẻ đọc sách như thế, dù là bậc thông minh bậc nào, cũng không làm gì hiểu được tất cả trong quyển sách. Nhất là một quyển sách thuộc về loại sách học, trong đó, mỗi câu có khi là một vấn đề, sự liên lạc của nó không thể bỏ qua một đoạn nào mà khỏi phải hiểu sai. Hạng độc giả này, đọc đây một đoạn, đó một đoạn... họ lật hình này xem, lật hình kia xem... đọc câu vui, đọc không mục đích... và đọc mãi suốt ngày. Có ai hỏi họ làm gì trong ngày: họ bảo họ đọc sách. Nhưng thực sự, trí họ như con bướm đập chồn lờn vờn từ đoá hoa này sang đoá hoa kia. Xong rồi, đầu óc họ vẫn trống trơn, không còn lưu lại một ấn tượng gì cả. Cũng có khi họ nhớ, nhưng chỉ nhớ những vụ lật vạt không đầu đuôi, không thành vấn đề gì cả.

Trở lên là lỗi đọc sách không bổ ích gì cho tri thức cả. Kẻ nào muốn lợi dụng sự đọc sách để giúp óc suy nghĩ, phán đoán của mình và giúp thêm tài liệu cho sự hiểu biết của mình, đừng bao giờ đọc sách như những cách đã nói trên.

Goethe lúc về già, nói với Eckermann: *“Người ta đâu biết rằng phải tốn bao nhiêu thời giờ, bao nhiêu công khó mới học được cách đọc sách. Tôi đã bỏ công vì nó, trên 80 năm, thế mà bây giờ tôi chưa thể tự hào là đã đạt được mục đích ấy rồi vậy.”*

Nghệ thuật gì mà khó khăn thế? Chỗ liên lạc giữa người đọc sách và người viết sách phải như thế nào? Người đọc sách phải giữ thái độ gì để khỏi phải bị sách đầu độc, và trái lại nhờ sách mà làm giàu thêm kinh nghiệm? Phải đọc những sách gì, và nhất là phải đọc cách nào? Đối với những loại sách danh tác ta phải đối xử như thế nào? Trái lại đối với sách hạng thứ, những sách phổ thông có tánh cách nhập môn, những sách có tánh cách đại lược hay trích lục ta phải sử dụng cách nào? Lợi ích của quyển sách phải chăng cũng chỉ có một giới hạn nào và nó phải dừng lại nơi đâu? Đó là mới kể sơ vài

phương diện của vấn đề đọc sách để rèn luyện trí não mà thôi, chứ thật ra có rất nhiều cách đọc sách: có kẻ đọc sách để tìm tài liệu, tin tức; cũng có kẻ đọc sách để giết thời giờ và để giải buồn. Nhưng ở đây, chúng ta chỉ nên chú trọng đến cách đọc sách để tự học nghĩa là để đào tạo cho mình một cơ sở văn hoá tinh thần mà thôi, vì đó là mục đích của quyển sách này. Như vậy thì sự đọc sách để tìm an ủi trong đau khổ, đọc sách để tìm một sức mạnh tinh thần, giúp tâm hồn mình thêm nhẫn nại, can đảm mà vượt qua những thống khổ của cuộc đời, đọc sách để tìm hứng thú cho tinh thần cũng đều thuộc về loại đọc sách để tự học cả, vì phàm cái chi hoạt khởi được tâm cảm mình, đổi mới được về khuynh hướng chân, thiện, mỹ đều bổ ích cho tinh thần trí não của mình.

2. Đọc sách để tìm hiểu mình

Đọc sách mà đến mức cao thâm, là đọc sách không phải để tìm hiểu cái ngoài ta, mà là để tìm hiểu cái người thật của ta. Sách vỡ, đối với ta, sẽ chỉ còn là cái nguồn khêu gợi... mà thôi.

André Maurois có khuyên ta một câu này mà tôi cho là sâu sắc nhất: *“Phải tự làm cho mình xứng đáng với những tác phẩm mình đang đọc...”* (2) *“Thuật đọc sách là cái nghệ thuật tìm thấy lại cuộc đời của mình và hiểu biết nó hơn, bằng sách”*. Ông lại nói rõ ràng hơn: *“Không có gì cảm động hơn là thấy người thanh niên năm ngoài chỉ chịu đọc những chuyện phiêu lưu, bỗng dưng nay lại đâm ra ham mê đọc những quyển như Anna Karénine^[14] hay Dominique^[15], bởi vì bây giờ họ đã ném qua thể nào là cái vui sướng và đau khổ của tình yêu. Những người ưa hoạt động là những độc giả thưởng thức Kipling, những nhà chính trị đại tài là những độc giả của Tacite hay của Relz.”* (12)

Thật có đúng như thế. *“Đoạn trường ai có qua cầu mới hay”*. Hễ *“đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”*. Những kẻ thích đọc Lão, Trang hay Phật đại thừa là những hạng độc giả thuộc hạng hướng nội nhiều hay ít... Phải chăng đọc sách là một cái thú thâm trầm khi chúng ta tìm thấy trong một tác phẩm, giải bày một cách chu đáo và đầy đủ những tư tưởng mà chính mình đã nghĩ qua, đã hoài bão lâu ngày và băn khoăn tha thiết... Chúng ta nhận thấy những ý nghĩ kín đáo nhất của mình được một người khác công nhận, lại nói ra một cách vỡ vạc thì còn gì thú vị bằng! Phải chăng chỉ có những ai đã từng sống gượng xa người bạn thân yêu mà hoàn cảnh bắt buộc phải tươi cười với những kẻ chung quanh mà mình không chút tình thương, mới cảm thấy cái hay và thâm trầm của câu:

*“Vui là vui gượng kéo là,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai.”*

(KIỀU)

Một câu văn mà ta gọi là hay, phải chăng là câu văn đã làm vang động tâm hồn trí não ta, nghĩa là đã khêu gợi những gì sâu kín trong đáy lòng ta... André Gide có nói: *“Hình như nếu tôi không đọc Dostoievsky, Nietzsche hay Freud... có lẽ tôi cũng sẽ nghĩ thế. Tôi chỉ tìm thấy ở họ một sự khuyến khích hơn là một mầm tư tưởng mới mà họ đã tặng thêm cho tôi, thật ra chính họ là những kẻ đã dạy tôi đừng e sợ, đừng rụt rè và ngò vức tư tưởng của mình nữa...”* (12)

B. PHẢI ĐỌC SÁCH CÁCH NÀO

1. Tánh cách tôn nghiêm của sự đọc sách

Nói đến sự tôn nghiêm, tức là muốn khuyên các bạn nên “gây chung quanh những lúc đọc sách của ta một không khí trang nghiêm và trầm lặng thường bao bọc những cuộc hoà nhạc hay những buổi lễ cao quý”. Nên tránh cái cảnh vừa đọc, vừa ăn, vừa nói chuyện, hoặc đọc thoáng qua một trang, thì ngừng lại để trả lời với máy điện thoại, hoặc cầm sách mà trí nghĩ đâu đâu... rồi lại bỏ dở vì có người bạn đến nói chuyện khào, rủ nhau đi ăn uống hay đi dạo mát... Người biết đọc sách phải biết dành cho mình một buổi nào để đọc sách trong yên lặng và cô tịch. Nên dành riêng cho một nhà văn nào mình rất yêu quý, một buổi chiều trong ngày chủ nhật trong tuần, hay một buổi chiều thứ bảy nào.

Riêng tôi, suốt một đoạn đời từ 21 tuổi đến nay, tôi đã dành cho mỗi buổi tối ít nhất là 2 giờ đồng hồ để đọc sách khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ không bao giờ sai chạy. Giờ ấy đối với tôi cũng như giờ cầu kinh, nhất định không để cho ai quấy rầy... Giờ đọc sách này là giờ đọc sách hoạt động. Tất cả người trong gia đình đều phải nể cái giờ phút thiêng liêng này của tôi... ngoài ra, tôi không đòi hỏi gì hơn là để cho tôi được quyền sống một mình trong cô tịch và lặng lẽ. Ngoài cái giờ ấy, tôi cũng đọc sách, cũng xem báo như mọi người... nhưng làm việc một cách tiêu cực, hoặc sưu tầm tài liệu để qua một bên, đợi lúc đọc sách chánh thức đem ra mà nghiền ngẫm.

Dĩ nhiên là trong lúc đọc sách trang nghiêm ấy, tôi chỉ đọc toàn những tác phẩm hay nhất mà thôi.

2. Chỉ đọc những tác phẩm hay

Jules Payot nói: “*Nếu cho tôi được sống lại cuộc đời của tôi, tôi tự thề trong lúc trẻ tuổi, chỉ đọc rỗng sách hay, do những bậc vĩ nhân trong tư tưởng giới viết ra thôi. Tôi đã mua rất đắt cái kinh nghiệm đã qua của tôi khi còn nhỏ, đã làm phung phí sức lực của tôi rất vô lối vì những tác phẩm vô giá trị. Nếu anh em muốn có một tương lai tốt đẹp về tinh thần, hãy nghe theo tôi, đừng bao giờ đọc sách nhảm...*”(25)

Vậy làm cách nào để nhìn biết một quyển *sách hay*? Trước đây đã nói qua về loại sách học. Nay xin bàn đến những sách có tính cách đào luyện tinh thần trí não con người.

Sách hay nói đây chẳng những hay về văn chương tao nhã mà hay về ý tưởng thâm trầm.

Có một đặc điểm này để nhận thấy cái hay của một quyển sách, bất cứ là một quyển sách loại gì, là *càng đọc đi đọc lại chừng nào, càng thấy nó rộng rãi sâu xa chừng nấy*. Một quyển sách mà tháng này đọc thấy hay, tháng sau đọc lại thấy bớt hay hoặc hết hay là một quyển sách tầm thường. Có nhiều quyển sách mình chỉ đọc qua một bận là hết muốn giữ nó bên mình. Trái lại quyển sách hay dù cho một năm sau, ba năm sau, hay mười năm sau nữa mà đọc lại vẫn thấy thâm trầm man mác không biết chừng nào. Trình độ mình càng ngày càng lên cao, mình lại thấy nó càng thâm sâu hơn nữa. Những sách tầm thường không sao chịu nổi thử thách của thời gian. Đó là loại sách mà người ta thường gọi là “sách bất tận”. Cần lựa những sách ấy làm sách “gối đầu giường”. Những sách như quyển *Ngữ lục* (Pensées) của Pascal^[16], *Ethique* của Spinoza, *Pensées* của Epictète và Marc-Aurèle, *Imitation de Jésus-Christ*, *Bible*, *Nam hoa Kinh*, *Đạo đức Kinh*, *Dịch Kinh*... là những sách rất hay, đọc đến chết vẫn thấy còn luôn luôn sâu sắc thâm trầm.

Tuy nhiên, sách hay cũng không phải cần luôn luôn là “sách bất tận” mới được. Những quyển sách khêu gợi được ta nhiều ý nghĩ đột ngột, lạ lùng và mới mẻ, dù ta không thể nhìn nhận tư tưởng của tác giả, ta cũng không sao tránh khỏi những băng khuâng và hoài nghi, hoặc trong nhất thời đưa đến cho ta những vấn đề mà xưa nay ta chưa từng để ý đến, – đều là những thứ sách làm giàu thêm cho ta về kinh nghiệm, về tư tưởng và về tài liệu. Những thứ sách ấy cũng được xem là sách hay.

3. Sách gối đầu giường

Tiện đây, xin nói qua về những sách “*gối đầu giường*”. Những sách “*gối đầu giường*” phải là những bộ sách mà bất cứ ở hoàn cảnh nào đều có thể giúp cho ta một vài ý tưởng thích nghi và an ủi; những sách đưa ta lên cao bằng những tư tưởng thanh thoát hay những gương mẫu của những bậc anh hùng vĩ nhân trong nhân loại; những sách giúp cho ta biết hoài nghi suy nghĩ thêm, biết đặt vấn đề, biết làm cho lòng ta nhẹ nhàng và phấn khởi, khôn ngoan và trong sạch hơn. Có người nói rằng: “Quyển sách đẹp nhất có lẽ là quyển sách viết ra không phải để mà đọc, và chỉ in ra khi nào tác giả đã qua đời, và nhờ vậy, nó có tánh cách của một bản di thư tinh thần, không có một ẩn ý gì chiều chuộng hay làm vui lòng độc giả” (7). Thật vậy, một quyển sách viết ra, không phải vì tiền, vì danh mà phải là một quyển sách viết ra vì một nhu cầu cần thiết nào của tác giả. Người đọc sách phải cảm thấy có một sự kêu gọi khao khát thì sự đọc sách mới thật là hứng thú và có nhiều thụ dụng, nếu cảm thấy không có gì trong thâm tâm khát khao kêu gọi gì cả, thì thà đừng đọc sách còn hơn, cũng như nếu mình cảm thấy không có gì cần phải nói ra, thì đừng bao giờ miễn cưỡng mà viết sách. Những bài thơ hay và cảm động nhất phải chăng là những bài thơ mà thi sĩ đã cảm động nhất trong khi sáng tác nó?

Học cũng như ăn. “*Mỗi một tâm hồn đều có một thức ăn riêng. Phải biết nhận cho ra ai là những tác giả của riêng mình. Dĩ nhiên là những tác giả ấy sẽ khác hẳn với những tác giả của bạn bè ta. Trong văn chương cũng như trong tình yêu ta thường phải ngạc nhiên vì sự chọn lựa của người khác. Chúng ta cần phải trung thành với các tác giả đã thích hợp với mình. Về việc lựa chọn này chỉ có chính mình mới là người xét đoán đúng nhất mà thôi*”... (12)

Có những sách “*gối đầu giường*” mà người ta đọc mỗi ngày như kinh nhật tụng. Nhưng cũng có những thứ người ta không cần phải đọc, mà ảnh hưởng của nó đối với ta rất lớn: chỉ một cái tựa sách, hoặc cái tên tác giả mà thôi cũng đã là một khuyến lệ, một vị thiên thần luôn luôn ủng hộ che chở ta và nhắc nhở an ủi ta rồi.

Sau cùng, cũng cần giữ bên mình ta những sách có những tư tưởng *đối lập* với ta dùng làm sách “*gối đầu giường*”. Pascal lại đọc Montaigne, Montaigne lại đọc Senèque. Cái người “*thù*” với tư tưởng ta, thường lại là người giúp cho ta suy nghĩ nhiều hơn tất cả, vì chính họ là kẻ giúp ta thấy rõ những nhược điểm của ta và bắt buộc ta phải tìm thêm bằng cứ cho lập trường tư tưởng của ta. Họ là kẻ nhìn thấy rất tăm tối chỗ mà ta nhận thấy rất sáng sủa, và chính họ là kẻ giúp ta biết giữ vững lập trường, biết hoài nghi và thận trọng.

4. Uống nước tận nguồn

Đọc sách hay, cần đọc ngay nguyên văn. Nếu không đọc được nguyên văn, thì phải tạm đọc sách dịch. Như thế thì sự hiểu biết của ta cũng kể là hiểu biết tạm thời thôi. Văn dịch chỉ đưa đến cho ta có một phương diện về tư tưởng của tác giả thôi, bởi người dịch cũng chỉ dịch theo sự hiểu biết tạm thời của họ. Câu nguyên văn, ta có thể ví như mặt biển rộng thênh thang, còn câu văn dịch không khác chi là mặt nước ao tù.

Văn dịch, nếu dịch đúng, chỉ đem lại cho ta một phần nào cái ý vị của nguyên văn thôi. Bởi vậy, nếu muốn đọc sách cho đúng đắn, cần phải đọc chánh văn. Đọc một trăm quyển sách khảo cứu về Vương Dương Minh, Lão tử, hay Trang tử... không bằng đọc ngay Vương Dương Minh, Lão tử, hay Trang tử. Vì vậy, học được nhiều ngoại ngữ chừng nào càng tốt đối với người muốn tạo cho mình một cơ sở học vấn rộng rãi và sâu sắc.

Có kẻ tưởng cần kiếm những sách nghiên cứu về Lão tử, Trang tử hay Vương Dương Minh để dễ thấy đại lược tư tưởng của các ông ấy hơn là phải đọc ngay các ông ấy, khó khăn hơn. Tính như thế thật sai lầm. Đọc sách nghiên cứu trước khi đọc một tác giả nào, có cái lợi là khỏi cần mất nhiều thời giờ để hiểu tác giả ấy trong khi đã có người làm trước cho ta công việc đó. Nhưng ta sẽ bị cái hại này là ta chỉ hiểu biết tác giả qua sự hiểu biết và nhận xét của nhà nghiên cứu thôi, chứ khó lòng biết được cái chân diện mục của tác giả. Muốn biết Lão tử mà đọc cuốn Lão tử của Ngô Tất Tố thì ta chỉ biết được Lão tử theo Ngô Tất Tố chứ chắc chắn không làm gì hiểu được Lão tử. Nhưng thực ra, cũng không biết ta phải hiểu cách nào mới thật là hiểu đúng theo như Lão tử đã hiểu, là vì *“không có một danh từ nào mà có một nghĩa đối với hai người”* (acun mot n’a le même sens pour deux hommes). Mỗi độc giả đối với Lão tử có một cách nhận xét và phản ứng riêng, vì vậy, như ta đã biết, không biết bao nhiêu là bản dịch *Đạo đức kinh* hoàn toàn khác nhau và những nhà chú giải Lão tử cũng không sao kể xiết.

Sở dĩ tôi đã nói trước khi đọc ngay chánh văn của Lão tử, đừng vội đọc sách nghiên cứu về Lão tử, là tôi muốn cho các bạn đối với Lão tử (hay bất cứ đối với một tư tưởng gia nào) đừng bị một thiên kiến nào trước cả, nó sẽ làm tê liệt óc phê phán của ta. Đối với những học sinh hay sinh viên không ngày giờ nghiên cứu nghiền ngẫm thì sự đọc những sách nghiên cứu trước khi đọc chánh văn là một sự cần, để biết mà trả lời cho giám khảo. Việc ấy là một sự bắt buộc, không thể nào làm khác hơn được. Chỉ cần đợi họ sau khi ra trường làm lại công cuộc giáo dục của họ sẽ hay. Chứ đối với người có công tự học thì việc “đi sau đuôi” kẻ khác, tìm lấy một “con đường mòn” theo kẻ khác mà đi... là một điều không nên có.

Dù sự phán đoán, phê bình của ta không được xuất sắc bằng nhiều nhà nghiên cứu khác, nhưng nó là của ta... nó là của trình độ hiểu biết hiện tại của ta... Sau này, ta sẽ đọc lại các sách nghiên cứu khác để so sánh và chữa lại hoặc bổ túc thêm những phán đoán sai lầm hay thiếu sót của ta, thì công phu tự học thụ dụng không biết chừng nào. Sự lợi ích của sách nghiên cứu là giúp cho ta so sánh lại những nhận xét của nhà nghiên cứu với những điều ta quan sát và suy xét, chứ không nên để cho nó quy định trước lẽ lối tư tưởng của ta và làm mai một tinh thần sáng tác và tự chủ của ta. Đọc sách phải là một sự sáng tạo. Chứ không phải là một sự nô lệ. Đừng bao giờ tìm hiểu biết một người bằng lời giới thiệu của một kẻ thứ ba. *Sự ưa ghét, bao giờ cũng thiên lệch. Ưa thì nói tốt, ghét thì nói xấu... đều là những phê bình chủ quan cả. “Đồng với ta, cho ta là phải; không đồng với ta, cho ta là quấy”*. Cái Phải Quấy của con người thường chỉ có thế thôi.

Phân đông một số sách nghiên cứu ngày nay ở nước ta là một sự nhai đi nhai lại những ý kiến của những người đi trước và chỉ có thể thôi, nhất là những sách giáo khoa. Vì vậy, một cái lầm lạc của

người trước sẽ được người ta “tụng” đi “tụng” lại mãi như con “kết”, thật đáng thương hại không biết chừng nào!



5. Sách quá nhiều chú giải

Có nhiều người tin tưởng rằng đọc những sách có nhiều chú giải và phê bình sẽ giúp cho mình hiểu tác giả một cách rành mạch hơn.

Giữa ta và quyển sách cần phải có một sự tiếp xúc trực tiếp, không nên có nhiều kẻ xen vào “giành giật” sự thông cảm của riêng ta. Có những quyển sách dịch, vừa dịch vừa chú giải quá rườm rà, kể lẽ ông này bà nọ đã nói gì về ý nghĩa của câu văn kia trải qua từng thời đại. Kể ra công phu thì công phu thật, nhưng họ đã làm “mất” cả sự hứng thú của những cảm giác hồn nhiên của ta đối với tác phẩm. Sự bác học của nhà chú giải làm “rộn” ta nhiều hơn là giúp ích cho ta... Có gì bức mình bằng lúc mà nhà thơ đang đưa ta vào cõi mộng mê ly của một câu thơ tuyệt đẹp thì nhà chú giải bác học của ta kéo giật ngược ta lại để giới thiệu cái nhạc điệu của câu văn và cách dùng chữ ở những vần bình thượng bình hạ, hoặc cắt nghĩa cho ta nghe chữ dùng kia của nhà thơ là một chữ có một nguyên lai cực kỳ lạ lùng bí hiểm... Có khác nào trong khi ta đang nghe một khúc nhạc thâm trầm mê mẩn... người ta lại bắt ta dừng lại để nghe diễn thuyết cả một bài học về luật điều hoà! Ta đòi hỏi người ta nên để cho ta lặng lẽ mà nghe tiếng vang trong cõi lòng thâm kín của ta khi tiếp xúc với tác phẩm ấy...

Đọc sách cần phải “uống nước tận nguồn” nghĩa là tìm chánh văn mà đọc, đừng vội đi tìm những sách về tác giả ấy do một “bàn tay thứ hai” viết lại.

Như thế ta lại cũng cần phải tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm ấy *lâu chừng nào hay chừng này*.

Tôi xin thử lấy một thí dụ. Các bạn muốn đọc Pascal là một đại văn hào Pháp ở thế kỷ thứ mười bảy, nhưng từ trước đến giờ chưa có được nghe ai nói đến để dự bị cho bạn. Những sách chú giải về Pascal là cả một cái rừng, thấy đều có giá trị cả. Như bộ sách Port-Royal của Sainte-Beuve có thể được xem là quyển sách chú giải rộng nhất và tự nó đã cũng là một tác phẩm rồi. Vậy, bạn có cần phải khởi đầu bằng đọc sách của Sainte-Beuve chẳng? Nghĩa là bạn có bằng lòng đọc trước ba nghìn trang sách, trước khi mở ra quyển Tư tưởng lục (Pensée) của Pascal không? Dĩ nhiên là bạn sẽ không phải làm một việc luống công vô ích, dù bộ Port-Royal là một bộ sách rất phong phú, nghiên cứu rất kỹ, thống quan về lịch sử tư tưởng văn chương của nước Pháp hồi thế kỷ thứ mười bảy. Nhưng muốn gặp Pascal mà phải đánh một cái vòng to rộng như vậy, kể ra cũng khó quá, huống chi công phu của bạn nếu đã xong rồi, bạn cũng chỉ nghiên cứu về Sainte-Beuve chứ cũng chưa gặp được Pascal. Mà trong hai người ấy, bức vĩ nhân hơn hết có lẽ cũng chỉ là Pascal. Đành rằng Sainte-Beuve là một phê bình gia sâu sắc lắm, nhưng vẫn cũng không sao qua nổi Pascal là một thiên tài kỳ vĩ, uyên thâm và rộng rãi đã làm danh dự chung cho nhân loại.

Bạn nên đi ngay vào Pascal đừng diên trì gì cả, dĩ nhiên là bạn phải biết đặt ông vào hoàn cảnh xã hội của ông trước để có một ý niệm thống quan về những điều kiện khách quan đã chi phối và cấu tạo thiên tài của ông, nghĩa là bạn cần phải biết qua về sự hoạt động của nhóm “jansénisme” cũng như sơ lược về đời tư của ông. Nhưng muốn có được một khái niệm như thế, bạn chỉ cần đọc lỏm ba mươi trang sách và mất chỉ vài giờ là cùng. Bạn hãy lựa một quyển văn học sử đứng đắn như của các ông Gustave Lanson, hay của Bédier và Hazard, hoặc là trong một bài tự ngôn nho nhỏ ở đầu sách các quyển “Pensées” của Pascal cũng là đầy đủ lắm rồi. Dự bị được bao nhiêu đó, hãy đi ngay vào tác phẩm của Pascal. Và sau khi đã đọc đi đọc lại nhiều lần và nghiền ngẫm nó... bấy giờ nếu có thời giờ, hãy đọc thêm Sainte-Beuve, hoặc những bài nghiên cứu công phu của các văn gia Brunshvig, Ravaisson, Ranh, F. Strowski, Petitot, Jacques Chevalier... Nhưng dù sao, Pascal vẫn phải được quyền ưu tiên (3).

6. Đọc sách cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần

Đọc sách hay, không nên đọc sách mượn. Sách mượn phải trả, không nên giữ nó lâu ngày đến đợi người ta đòi. Cái đó thiếu liêm sỉ. Vậy đọc sách hay, phải đọc sách mình đã mua, để có thể đọc đi đọc lại nhiều lần.

Đọc đi đọc lại nhiều lần, chẳng phải để cho dễ nhớ, mà là bởi có nhiều thứ sách rất hàm súc: nếu chỉ đọc qua một bận, không tài nào hiểu nó được hết. Có nhiều quyển sách đọc đến lần thứ ba, thứ tư mới hiểu được. Trước đây tôi có bàn đến sách khó đọc. Khó đọc đây là khó đọc vì văn từ lòng dòng, cách cấu tạo hỗn độn mà ý nghĩa thì thực chẳng có gì. Còn ở đây, tôi muốn bàn đến những sách hàm súc mà văn từ quá điêu luyện, cần phải chú ý rất nhiều mới khám phá được những ẩn ý hoặc những tế nhị của tư tưởng. Nhất là sách xưa, văn từ rất ngắn, không thích giảng giải hay minh chứng dài dòng, nhưng hàm chứa những ý tưởng vô cùng sâu sắc.

Gặp phải những thứ sách như thế, có nhiều kẻ thận trọng, nhưng thiếu kinh nghiệm, họ nhất định không chịu bỏ qua một chữ nào còn nghi ngờ cả. Nếu họ gặp một câu nào khó hiểu, họ dừng lại, cố tìm cho ra nghĩa của câu đó mới chịu tiến tới. Với phương pháp đó, tôi dám quả quyết họ sẽ không bao giờ đọc hết mười trang sách Trang Tử hoặc của Kant hay Hegel. Gặp trở ngại mà cứ đứng lỳ lại, không chịu đi tới nữa, theo tôi là một phương pháp sai lầm.

Hãy cứ đi tới mãi... và đi cho tới cùng. Bấy giờ ta mới thống quan được cái đại ý, nắm được cái giềng mối. Biết được cái tổng quan niệm của tác giả, mình mới nhận đó mà suy xét lại những chi tiết của nó. Rồi những gì mập mờ sẽ lần lần sáng tỏ lại. Đọc lần đầu, cần phải đi thật mau, để xem cái lẽ lối đại cương của quyển sách, chẳng khác nào xem trước cái hoạ đồ của một đô thị trước khi mình đi vào đó vậy. Đọc lần thứ hai, ta sẽ ngạc nhiên thấy những trở ngại trước kia tiêu tan lần lần. Tư tưởng bấy giờ liên lạc tiếp tục nhau không bị gián đoạn nữa, là vì mình đã biết được phương hướng của nó rồi.

Đừng nói là đọc lần thứ nhì, có loại sách đọc đi đọc lại ba, bốn lần mà nghĩa nó vẫn mờ tối. Nhưng dù sao mình cũng đã biết được đại cương và phương hướng của nó rồi. Những chỗ mờ tối ấy thủng thẳng lâu ngày rồi cũng sẽ có ngày hiển lộ. Ta biết rằng câu văn của nhà đại tư tưởng thường rất vắn tắt mà hàm súc lắm. Kinh nghiệm của ta còn ít, tư tưởng của ta còn nông, muốn hiểu hết ý nghĩa của nó phải cần đến *thời gian*.

Không phải họ cố ý làm cho tư tưởng họ mờ tối làm gì. Chỉ vì họ có rất nhiều tư tưởng phải nói với ta, hiềm gì họ phải dùng đến một tiếng nói tầm thường, không thể nào biểu diễn hết ý nghĩ của họ được. Ai đã từng cầm bút mới biết rõ nỗi thống khổ của ta khi biểu diễn tất cả nỗi lòng của ta mà văn từ không sao biểu diễn nổi. Dù là bậc văn tài đến bậc nào cũng cảm thấy cái chỗ thâm sâu của tâm lòng không sao truyền vào câu văn cho hết được. Thánh nhân mà còn nói: “*Thơ bất tận ngôn, ngôn bất tận ý*” thay!

Vậy, đọc sách mà độ tới cái chỗ “không thể nói được” đó, nhận được cái mà người ta gọi là “*ý tại ngôn ngoại*”, thời đọc sách mới tinh thần.

Trang Tử nói: “*Có nôm vì cá. Muốnặng cá phải quên nôm. Có dò vì thỏ, muốnặng thỏ phải quên dò. Có lời vì ý, muốnặng ý phải quên lời*”

Phật tổ ngày kia lấy ngón tay chỉ mặt trăng mà bảo các đệ tử: “*Kìa là mặt trăng! Các đệ tử hãy ngó theo ngón tay ta thì thấy. Nhưng, nên nhớ: ngón tay ta không phải là trăng. Những lời giảng của ta về Đạo cũng vậy. Các con cứ nghe lời ta giảng mà tìm Đạo. Nhưng nên nhớ: lời giảng của ta không phải là Đạo*”.

7. Cần đọc những sách cao hơn tầm hiểu biết của mình

Một nguyên tắc trong việc tự học mà ta không nên quên là chỉ có những công phu nào có nhiều cố gắng mới có thể có lợi cho sự tiến bộ tinh thần trí não thôi. Không cố gắng, không sao tiến bộ được.

Có nhiều người quá thận trọng, quá rụt rè, không dám đọc những sách cao quá trình độ hiểu biết của mình. Đọc sách cũng một trình độ tư tưởng của ta, cũng như đọc những sách cùng đồng một chí hướng của ta chẳng khác nào kết bạn với những bậc ngang hàng, chỉ được có người tán tụng phụ họa mà không được có người nâng đỡ hoặc giúp ta đặt lại vấn đề cùng suy nghĩ thêm nhiều khía cạnh bất ngờ khác.

Có ích gì những sách cùng một trình độ với mình, vì họ chỉ mang lại cho ta có cái tiếng dội của những ý kiến của ta mà thôi. Tác giả không cao hơn ta sẽ không giúp ích gì cho ta. Tuy lắm khi mình không theo kịp họ, nhưng cũng có lúc mình cũng lấn họ, và nếu cần, cũng chống lại với họ.

Sau khi đọc xong quyển sách, mặc dù mình không đạt được hết tư tưởng của tác giả, mình cũng thấy chỗ thay đổi trong cái người tinh thần của mình. *Những chỗ tối tăm khó hiểu* của họ lắm khi cũng giúp cho ta suy nghĩ thêm nhiều hơn là khi họ nói ra một cách rạch ròi vớ vạc. Nhà tư tưởng Joubert có nói đại khái như vậy: “*Những ý tưởng rõ ràng sáng sủa giúp cho ta tư tưởng; nhưng chính những ý tưởng mập mờ lại giúp ta hành động, chính những ý tưởng ấy chỉ huy sự sống của ta*”. Ở đây chúng tôi muốn nói về những quyển sách cao sâu, vượt quá cái tầm hiểu biết thường của ta, chứ không phải muốn nói về những loại sách tối nghĩa của những kẻ muốn lập dị cầu kỳ mà thực ra rất tầm thường và nông nổi.

Làm bạn thì nên làm bạn với những kẻ cao hơn mình về tài đức, đọc sách nên đọc những quyển sách cao hơn trình độ tư tưởng của mình thì mới mong tiến bộ mau trên con đường trí thức.

8. Đối với bất cứ sách nào, phải dành cho nó một tấm lòng thiện cảm

Trước khi phê bình một quyển sách nào, phải để chút hy vọng và tin tưởng nơi nó. Một người viết sách, dù có dở đến bậc nào, cũng đã lao khổ nhiều với tác phẩm của mình. Họ cũng đã bỏ nhiều thời giờ suy nghĩ nghiền ngẫm mới viết ra. Thật cũng đã lao tâm khổ tứ với nó không ít. Nếu trước khi đọc nó, mình lại thiên ý, hoặc có ý kình địch, ác ý, đó là tự mình làm mất một cơ hội tốt. Biết đâu trong khi cùng “âm thầm đàm luận” với quyển sách, nó không kêu gọi cho mình nhiều ý nghĩ hay hay.

Có nhiều người viết văn rất khúc mắc khó đọc. Có khi vì họ kém cái tài ăn nói, không biểu diễn ý tưởng của mình được một cách giản dị rõ ràng, hoặc là tác giả có ý cầu kỳ lập dị... Nhưng mình cũng không vì đó mà không rón công với họ một chút để tìm hiểu họ. Có khi họ sẽ đền đáp với mình rất hậu. Cần nhất là mình phải có chút ít thiện cảm, để cùng nhận xét và thông cảm với họ.

Thường ta có thói quen “hễ đồng với ta là phải, không đồng với ta là quấy” mà mang theo mình đây thành kiến trong khi đọc sách. Như thế, đọc sách không lợi ích gì cho ta cả. Huống chi đọc sách mà có nhiều thiên kiến, nhất là ác cảm, thì chắc chắn không làm gì hiểu được thâm ý của tác giả.

9. Cần ôn lại những gì ta đã hiểu biết hoặc đã suy nghĩ về vấn đề của quyền sách đã nêu ra

Lại nữa, mình cần phải có hiểu biết hoặc suy nghĩ trước chút ít mới được. Đến khi đọc sách là mình tìm coi tác giả sẽ giải quyết hoặc đặt vấn đề ấy như thế nào, có đồng hoặc không đồng với ý kiến của ta chẳng, mà nếu có đồng thì đồng chỗ nào, “đại đồng” mà “tiểu dị”, hay “đại dị” mà “tiểu đồng”? Còn nghịch với ta, thì tác giả nghịch chỗ nào? Đừng vội đọc liền quyển sách. Nên chờ cho mình nhận định vấn đề trước đã. Muốn vậy nên đọc trước bản mục lục hay bài tựa để có một khái niệm chung về đề tài của quyển sách.

Không phải riêng gì việc đọc sách, đi nghe diễn thuyết cũng vậy, cần phải ôn lại những gì mà ta đã hiểu biết hoặc đã suy nghĩ về đề tài sắp đem ra trình bày... để mình có thể theo dõi cuộc nói chuyện một cách hào hứng... Bằng không mình chỉ nghe đến đâu hay đến đó, chứ không sao nhận thấy liền được những ý tưởng đặc biệt tân kỳ của diễn giả.

10. Đọc sách cần phải đồng hoá với nó và phản động lại nó

Đọc sách là để nuôi dưỡng tinh thần trí não.

Đồ ăn vào bao tử mà tiêu hoá được là nhờ các chất tiêu hoá dịch. Những điều hiểu biết mà mình mới thu thập được nơi sách vở sở dĩ bổ ích được tinh thần mình là nhờ mình biết so sánh, đối chiếu với sự hiểu biết của mình đã có trước. Hễ mình đã hiểu biết được nhiều chừng nào, đọc sách sẽ được bổ ích thêm chừng nấy. Một quyển sách mà mình thích đọc là vì nó với mình có nhiều chỗ cảm ứng mật thiết với nhau.

Khi cho in quyển sách, bản tâm soạn giả bao giờ cũng muốn cùng độc giả san sẻ tư tưởng về một vấn đề nào. Vậy muốn cùng tác giả suy nghĩ thì độc giả cũng phải để một phần ý kiến mình vào trong đó, nghĩa là nếu muốn hưởng ứng cùng tác giả một cách thân mật, người đọc cần phải đem tư tưởng của tác giả đối chiếu với kinh nghiệm của mình.

Chỉ có cách so sánh và đối chiếu ấy mới giúp cho mình *tìm thấy được mình*, nghĩa là giúp cho chính mình nhận thấy được khuynh hướng thâm kín và sâu xa của cái người tinh thần của mình mà thôi. Trong cảnh tĩnh mịch âm thầm... một tư tưởng của tác giả đã làm rung động cả tâm hồn trí não ta, làm thành một tiếng gọi xa xăm mà rõ rệt. Bấy giờ ta mới thức tỉnh, nhìn lại mới hay là tư tưởng của thâm tâm mình mà bấy lâu nay mình không dè, – hoặc vì mình đã nghĩ đến mà chưa tìm ra được câu nói cho vỡ lẽ. Cả tâm hồn ta bấy giờ rung động sung sướng như mừng gặp được người tri kỷ đã lâu ngày cách biệt. Cũng như, đối với nhiều nhà viết sách, ta không thể hưởng ứng được, vì cái người tinh thần của họ không thể nào hoà hợp được với cái người tinh thần của ta. Tuy vậy, đối với họ, mình nên giữ thái độ một người bạn hơn một kẻ thù.

Đọc sách mà tin cả sách, cũng như đọc sách mà bất cứ câu nào cũng phản đối... đó là hai thái độ không nên có của một người đứng đắn.

Đọc sách mà phản động lại với sách là cái quyền, hơn nữa, là phận sự của mỗi người. Nhưng, ta chỉ có cái quyền đó, cái phận sự đó khi nào ta đã làm hết sức ta để đứng theo quan niệm của tác giả.

Nên nhớ kỹ: phản đối, chống lại tác giả không phải là bảo tác giả phải bỏ quan niệm của họ để nhìn nhận quan niệm của mình, mà trái lại, chỉ cho tác giả biết, đứng trong trường hợp của tác giả, tác giả phải nên có quan niệm như thế nào để khỏi phải có sự mâu thuẫn, phải lẽ hơn hoặc hay hơn mà thôi.

Những kẻ có tánh ưa phản đối công kích chỉ để phản đối công kích mà thôi, thì thật là khả ố. Họ lắm lần óc phê bình với óc phản bác. Hai thái độ ấy khác nhau rất xa. Những kẻ dụng dẫu phê bình đó, không kể gì đến liêm sỉ, thường lại được bọn người vô học ưa thích, vì họ tưởng làm hạng người ấy là hạng đại tài, bởi có tài mới phê bình kẻ khác một cách dễ dàng được. Đứng về phương diện tâm lý mà xét thì phần đông kẻ có óc phản bác (hay ưa nói nghịch), đều có lẽ vì bị cái “tâm cảm tự ty”: họ đim kẻ khác để nâng cao mình lên. Ngoài ra họ không còn có phương tiện gì khác để nâng cao giá trị của họ cả. Tôi thường thấy họ đọc một cách cẩu thả đến thế này: gặp bất cứ một quyển sách nào trên bàn, họ lấy lên, lật càn ra một trang nào cũng được, “túm” lấy một câu nào ở đâu cũng được, rồi lấy riêng nó ra mà đọc lên và nhạo báng mỉa mai. Mà làm gì không chế nhạo được? Trong một bài có nhiều câu, câu này ăn với câu kia mới có nghĩa. Nếu lấy rời ra một câu thôi có khi nghe nó vô lý và ngây ngô là thế nào! Bảo đọc riêng nó lên, và dụng ác tâm mà tha hồ giải thích nó thì không làm trò cười cho kẻ khác sao được! Họ cắt xén đoạn mạch của bài văn, trong một đoạn họ rút ra một câu, thay đổi ý chánh, bắt tác giả phải nói những điều họ không có nói, để chỉ trích phê bình có khi mỉa mai chế nhạo là khác. Đó là một việc làm thiếu liêm sỉ mà bất cứ một nhà văn nào có lương tâm không thể làm được. Một nhà phê bình trứ danh có nói: “*Hãy đưa cho tôi một vài hàng chữ của người nào, tôi sẽ làm cho hẳn*

11. Đọc sách cần đặt cho mình trước một vấn đề... hay một câu hỏi để tìm kiếm, săn đuổi...

Gặp những sách hay, đừng bao giờ đọc nó như ta đọc tiểu thuyết giải trí, tới đâu hay đó.

Ta nên biết rằng sách hay về tư tưởng, bao giờ cũng đề cập rất nhiều vấn đề. Ta không cần phải biết tất cả các vấn đề trong đó làm gì. Cứ lấy riêng ra một vấn đề nào để đặt lấy cho ta một câu hỏi, rồi tự mình tìm lấy một giải quyết tạm tạm trước khi đi vào quyền sách.

Ta sẽ tìm coi giải quyết của tác giả sẽ như thế nào? Cách giải quyết của tác giả có hợp với quan niệm của mình không? Nếu không hợp, vậy quan niệm của tác giả có đứng vững chẳng, trước thực tế? Đọc sách như thế mới thật là thụ dụng.

Nếu trước khi đọc một tác phẩm nào mà ta lại đọc được một bài phê bình nào về nó, thì phải biết lợi dụng ngay bài phê bình đó, tìm coi bài phê bình ấy đối với quyền sách đã nêu thêm được vấn đề nào. Lấy vấn đề ấy làm câu hỏi cho mình, rồi đi ngay vào quyền sách mà quan sát tìm tòi theo phương hướng đó.

Tỉ như muốn đọc *Luận ngữ*, ta thử đặt trước một trong những vấn đề hay những câu hỏi sau đây:

- Đối với Khổng Tử quan niệm về giáo dục như thế nào?

- Sao gọi là người quân tử, theo Khổng Tử?

- Người quân tử theo Khổng Tử có sống được trong xã hội ngày nay không?

- Nhân sinh quan của Khổng Tử như thế nào? Quan niệm ấy có khác với Lão Tử không? và khác chỗ nào?...

Ta có thể nêu ra không biết bao nhiêu là câu hỏi hay vấn đề khác tùy thích. Nhưng cần phải nêu ra từng vấn đề một và tìm giải quyết riêng từng vấn đề, chứ nếu xem tất cả một lượt thì sẽ không thấy gì cả.

Tìm ra một vấn đề hay một câu hỏi rồi, bấy giờ lật sách ra mà đọc và cứ theo phương hướng đó mà đi, ta sẽ thấy lý thú vô cùng.

Hoặc nhân câu này của một nhà phê bình: “*Đạo trung dung bất thiên bất ý, không xu hướng về cực đoan, không thái quá, không bất cập tức là chiết trung chủ nghĩa vậy*”. Nhân đó ta nêu lên một vấn đề: Đạo Trung dung của Khổng Tử có phải là chủ nghĩa chiết trung không?

Hoặc nhân một câu khác này của một nhà phê bình khác: “*Xã hội nước ta chịu ảnh hưởng của thuyết trung dung mà hoá ra một cái xã hội dở dở ương ương trắng không ra trắng, đen chẳng ra đen... Trung dung chỉ là cái thai đẻ ra khiếp nhược và là cái ổ chứa gian tà thôi.*”

Nhân đó ta sẽ nêu ra vấn đề này: Đạo Trung dung có phải là “cái thai” đẻ ra khiếp nhược và là cái ổ chứa gian tà không? Thuyết Trung dung nghĩa nó thật như thế không?

Đó là cách lợi dụng những phê bình của kẻ khác để tạo cho mình một câu hỏi, dùng làm phương hướng trong khi đọc sách.

Tóm lại, tôi thường dùng phương pháp này: đầu tiên, đối với quyền sách, tôi lấy hết sức *thiện cảm* để đọc nó. Có thiện cảm mới có thể tìm hiểu được tác giả. Kế đó, tôi lấy tư cách *đối phương* để đọc nó. Tôi tìm đủ cách để bươi móc chỗ dở của nó, phê bình nó một cách hết sức nghiêm khắc như một kẻ thù. Rồi sau cùng, lấy tư cách của một *trạng sư*, tìm đủ lý lẽ để bênh vực nó, kỳ cho được lý mới chịu thôi. Như thế, bề mặt, bề trái của nó, tôi thấy rõ ràng hết sức. Sự phê phán của tôi bấy giờ mới có thể nhứt định đặng. Phương pháp ấy đã giúp tôi từ lâu nay để tránh khỏi mọi phê phán cẩu thả và bất công.

12. Làm thế nào để nghiên cứu một hệ thống tư tưởng?

Nếu muốn tự mình có được ý niệm về một luồng tư tưởng nào, bất cứ thuộc về xưa hay nay, thì chỉ có một phương pháp duy nhất này: *đi ngay vào những tác phẩm chính*.

Lấy một thí dụ: nếu ta muốn có được một ý niệm về chủ nghĩa “khắc kỷ”^{[171](#)}, ta phải làm sao? Tạm thời hãy tạm gác một bên những bài tóm tắt chủ nghĩa ấy trong các quyển triết học sử. Đừng bắt chước lối học của học sinh ở nhà trường. Phải dám đi ngay vào những tác phẩm chánh của phái học ấy. Nghĩa là hãy đọc ngay quyển “*Entretiens d’Épictète*” do Adrien suru tập và Courdaveaux phiên dịch (Paris, Perrin. 1908). Đừng nghe theo phân đông mà chọn quyển “*Manuel d’Epictète*” vì quyển Manuel chỉ là bộ trích yếu tư tưởng của nhà hiền triết này, một bản trích yếu rất khô khan và không còn gì là hương vị của quyển trên. Ta cũng có thể đọc thêm quyển “*Pensées de Marc-Aurèle*”. Quyển này có nhiều bản rất hay. Hoặc là ta hãy đọc quyển “*Lettres à Lucilius*” của Sénèque. Một trong ba quyển trên đây cũng vừa đủ để cho ta có một tài liệu rõ ràng về chủ nghĩa trên đây mà không một nhà phê bình chú giải nào giúp ta hơn được. (3)

Phải biết và dám tin tưởng nơi sự phê phán của mình trước hết: tiếng dội ấy sẽ là tiếng dội thành thật nhất và hồn nhiên nhất.

13. Làm cách nào để hiểu biết được học thuyết mới?

Dù là đối với những lý thuyết mới, phương pháp cũng như trên. Ví dụ đối với học thuyết phân tâm học của Freud. Bất cứ nhà trí thức nào cũng muốn biết qua nó như thế nào? Sách báo bàn tán đến nó không ngớt, nhưng thực sự người ta cũng chỉ thực biết nó rất là thiển cận.

Mặc dù biết đến học thuyết Freud mà chỉ đọc mấy quyển *Introduction à la Psychanalyse* hoặc quyển *Science des rêves* thì cũng chỉ biết nhá nhem thôi, nhưng mà cần nhất là phải khởi đầu bằng những quyển ấy.

Có nhiều người có học thức khá, thế mà họ chỉ đọc ròng những sách kích bác học thuyết Freud mà chưa từng bao giờ đọc ngay tác phẩm của Freud. Làm thế là tự mình đã chịu khuất phục rồi, không làm gì có đủ tư cách và tài liệu để nhận xét những lời phê bình kia có đúng đắn hay không?

Tóm lại, bao giờ cũng phải kê cứu ngay những tác phẩm do tay tác giả trước tác, hoặc nếu không có thì chỉ nên đọc những tác phẩm có giá trị. Đọc những sách, dù là đọc một phần thôi, chứ không được đọc hết tất cả tác phẩm của danh gia ấy, ta cũng có được một ý niệm giá trị hơn là đọc những sách toát yếu của nó.

14. Cái hại của những sách toát yếu

Dùng đến những sách toát yếu rất nguy hiểm cho những người mới học. Đọc một bài tóm tắt một lý thuyết nào hay một quyển sách toát yếu kiểu Reader's Digest của Mỹ, đâu phải là lối học tắt. Nó chỉ có ích để giúp trí nhớ cho những người đã biết rõ rồi, nay chỉ cần một vài câu để nhắc lại những gì mình đã học. Chứ khởi đầu học mà lại dùng đến những sách toát yếu thì là cả một sự sai lầm đại dột. Ngay khi mình đã hiểu rồi mà dùng đến sách toát yếu cũng vẫn còn nguy hại: những ý tưởng dồi dào phong phú kia đã mất cả sự linh hoạt của nó vì đã bị nhốt vào một vài câu văn cằn cỗi khô khan, không còn chút gì là sinh khí, mạch lạc, tư tưởng bị đứt đoạn, trí nhớ chỉ còn ghi lại những danh từ... và chỉ là những danh từ mà thôi. Sách toát yếu chỉ còn là sự “táo kết”, sự “khô gầy” của trí thức, nó chỉ nhằm vào mục đích “nấu cao” lại sự hiểu biết của con người... đã biến thành một chứng bệnh thiên về nghề nghiệp của một số người chuyên môn dạy học. Thời gian rất ngắn, mà sự hiểu biết của một chương trình không lồ và tham lam bắt buộc người ta phải thu ngắn lại tất cả ngành hiểu biết của con người vào một vài trang sách để thắng thời gian. Người ta đã quên rằng văn hoá là một vấn đề phẩm chất không phải lượng, và cũng là một vấn đề thời gian. Cái lợi của những sách toát yếu đại lược chỉ giúp cho ta một quan niệm tổng quát, dĩ nhiên thiếu sót về phần tinh vi sâu sắc... tức là phần cần thiết để đào luyện phần thâm thiết nhứt của tâm trí con người.

15. Viết lại những gì mình đã đọc

Đọc sách để học, cần phải đọc thật kỹ, sau khi đọc xong phải biết nhận đại ý như thế nào. Đọc sách cần phải suy nghĩ, và muốn cho sự suy nghĩ được thâm sâu, tưởng không có phương pháp nào hiệu quả bằng viết lại và tóm tắt những gì ta đã đọc.

Nhưng chép lại và tóm tắt cũng vẫn còn là một việc làm thụ động. Ta còn phải biết biên lại cảm tưởng của ta, hoặc những ý kiến riêng của ta chống đối lại với tác giả, lọc lựa những gì nên giữ, những gì nên bỏ. Tuy vậy, trước hết đừng có thái độ chống đối mà cần phải có sự thông cảm vì đó là điều kiện đầu tiên để tìm hiểu tác giả. Phải biết để cái người của mình qua một bên, nghĩa là phải biết quên tất cả những thành kiến của mình, đem mình đặt vào hoàn cảnh của tác giả xem theo cặp mắt của tác giả để đi sâu vào tình cảm và tư tưởng của tác giả.

Nhưng khi đã đọc xong, và nếu có thể được, sau khi đã đọc xong lần thứ hai hay thứ ba, phải biết trở về với sự phản ứng của con người thật của mình. Ta không cần phải viết lại một bài luận năm, mười trang giấy làm gì mà chỉ nên cố gắng trong mười hàng để tóm tắt cảm tưởng của mình là đủ nếu thật tình mình muốn thấy rõ lòng mình.

Đây là thí dụ đọc sách của Félix Pécaut, một nhà đại giáo dục nước Pháp. Ông có viết một quyển sách trứ danh nhan đề là *Quinze ans d'éducation*^[18]. Quyển sách này là kết tinh của công trình đọc sách hằng ngày của ông. Mỗi buổi sáng, ngồi lại bàn viết, ông thảo sơ những đề tài thảo luận cho sinh viên trường Sur phạm Fontenay-aux-Roses trong ngày. Đề tài thảo luận thường là đề tài của một quyển sách mà ông vừa đọc được. Mặc dù là một kẻ rất sành sỏi kinh nghiệm, ông vẫn không chịu chiều theo cái hứng của ông, ông tự đặt cho mình một kỷ luật gắt gao là nghiền ngẫm trong sự tĩnh tâm tịch mịch những yếu điểm sẽ làm đề tài cho cuộc thảo luận. Mỗi ngày ông biên chép thêm một vài trang... lần lần tập ký ức biến thành tập sách danh tiếng ấy, trong đó ông chỉ viết ra những cảm tưởng dành riêng cho ông với mục đích là kiểm soát lại tư tưởng của ông và sắp đặt nó lại cho có hệ thống. Thiết nghĩ không còn cách nào hay hơn nữa để đọc sách cho có hiệu quả. (3)

Tóm lại: Ta cần phải đọc những sách “vĩ đại”, những sách thật hay; đọc ngay nó mà đừng đi vòng vo chung quanh nó; đọc nó ít lắm cũng hai lần, lần thứ nhất để nhận thấy tổng quan và đại ý, lần thứ hai, đọc lại thật kỹ từng chi tiết; phải có can đảm đọc ngay những sách hay mà khó để bắt ta cố gắng và suy nghĩ, và phải đọc nó với một vấn đề tự mình đặt lấy và giải đáp trước để rồi sau kiểm soát lại; phải đọc sách thật có giá trị, dù chỉ đọc vài đoạn một, mà đọc ngay chánh văn còn hơn là đọc lại những bản toát yếu khô khan của nó: đọc xong nên ghi chép lại cảm tưởng của mình một cách đơn giản và chân thành.

Đọc sách mà thiếu lòng hâm mộ, nhiệt hứng, đọc một cách thụ động... đó là một tật làm biếng nên tránh xa. Nhiều kẻ đọc sách để tự mình khỏi phải suy nghĩ: đọc sách mà tin cả sách, mà không dám phản ứng lại với sách, thì thà đừng đọc sách còn hơn. Đọc sách như thế tức là tự huỷ hoại tư tưởng cùng nhân cách của mình. Đọc sách là để khai phát cõi lòng thâm sâu của mình, tìm thấy con người chân thật và sâu sắc của mình để tăng cường đời sống tinh thần của mình thì mới nên đọc sách mà thôi. Nhược bằng đọc sách để nô lệ sách vở, đọc sách để mà bắt chước suy nghĩ theo kẻ khác thì đọc sách rất là có hại.

16. Đọc sách cần xem bản mục lục

Tựa quyển sách, chỉ cho ta tổng quan của nó, còn bản mục lục giúp cho ta thấy trước đường lối để đi vào tư tưởng của tác giả. Nhờ có nó ta mới nhận thấy được mau lẹ mạch lạc của quyển sách, biết trước cách giải quyết của tác giả như thế nào. Đọc xong bản mục lục, bản mục lục rõ ràng tinh tế, ta biết trước quyển sách sẽ giúp ích ta về phương diện nào...

Nghiên cứu học hỏi mà gặp phải những sách không có bản mục lục thật là chán không biết chừng nào. Nhiều nhà viết sách làm bản mục lục cho có chừng. Thật là một điều hết sức sơ sót. Sách vở thì nhiều, nếu mỗi quyển mình đều phải làm lại một bản mục lục riêng cho mình để thấy rõ cách cấu tạo của nó thì thật là nhọc cho mình hết sức. Đó là tôi muốn nói đến những sách nghiên cứu tư tưởng cùng những sách thuộc về loại sách học. Ta cứ xem những sách nghiên cứu của các văn sĩ Âu Tây sẽ thấy bản mục lục của họ mà ham. Họ đã chẳng những làm bản mục lục rất tỉ mỉ, lại còn làm thêm bản mục lục theo thứ tự từ vấn đề là khác.

Người đọc sách có sẵn một bản đồ không sót một chi tiết gì cả mà bỏ qua không dùng được. Đọc xong quyển sách, bản mục lục ấy lại giúp ta ôn lại những đại cương trong quyển sách và bất kỳ vào buổi nào, muốn cần dùng đến nó, bản mục lục sẽ giúp ta tìm lại những điều ta đã đọc qua như ta tìm từ điển vậy. Bản mục lục giúp cho tư tưởng ta tổ chức lại đàng hoàng. Thiếu nó, sau khi đọc xong quyển sách trí óc mình hoang mang không hệ thống gì cả.

CHƯƠNG THỨ NĂM. ĐỌC NHỮNG GÌ?

1. ĐỌC TIỂU THUYẾT TÂM LÝ

Đọc tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết tâm lý hoặc kịch, là để xem người ta bày giải tâm trạng con người qua nhiều khía cạnh trong khi tiếp xúc với đời để giúp cho ta suy nghĩ việc đời một cách sâu sắc hơn. Tiểu thuyết và kịch cũng giúp cho ta đặt lại vấn đề giá trị của cuộc đời nữa, và đi sâu vào tâm lý của con người.

Nhưng làm cách nào, do tiêu chuẩn nào để nhận thấy một tiểu thuyết gia hay một kịch gia sành sỏi về tâm lý?

Tiểu thuyết gia hoặc kịch gia tầm thường bao giờ cũng miêu tả nhân vật của họ có một chiều thôi, nghĩa là nhân vật của họ rất thuần nhất, trung hay nịnh. Sự thật trong đời, con người, dù là bậc hiền hay ngu, quân tử hay tiểu nhân, không có một tâm hồn nào thuần nhất cả. Người cao nghĩa không phải luôn luôn là người cao nghĩa, người quân tử hay người anh hùng. Có những lúc tâm hồn họ bị nhiều thử thách và có những cái tầm thường quá mức tầm thường. Bề mặt nào cũng có bề trái của nó. Những nhân vật thuần thanh cao hay đê tiện là những nhân vật ngẫu tạo. André Gide có bảo: *“Chính nhờ nơi những mâu thuẫn của họ mà một nhân vật làm cho ta lưu ý và chứng tỏ sự thành thật của y”* (C'est par ses contradictions qu'un être nous intéresse et témoigne de sa sincérité). Pascal cũng có nói: *“Con người không phải là một vị tiên thánh, mà cũng không phải là một con vật. Và kẻ nào chỉ muốn làm bậc thánh lại trở làm con vật”*.

Tâm hồn con người bao giờ cũng có hai mặt: một mặt phàm, một mặt thánh. Không có một bậc anh hùng vĩ nhân nào mà không có những lúc tầm thường và ti tiện. Không có một bậc thánh nào mà chẳng có những lúc sa ngã cùng tội lỗi. Có điều là bậc thánh hay bậc hiền là những kẻ trong cuộc tranh đấu với cõi lòng họ đã đem ông thánh trong con người của họ thắng được cái con vật trong lòng họ.

Đời người thật là hết sức phức tạp. Trên thế, chưa từng có một người nào mà con đường đi được luôn luôn phẳng phiu không trở ngại. Ai ai cũng phải hằng ngày đụng chạm với người và vật chung quanh. Cách phản ứng phải có khi mềm, bao giờ cũng còn phải biết chiều theo hoàn cảnh, theo biết bao nhiêu là sự bó buộc của xã hội không thể nào tránh được.

Khi tạo một nhân vật điển hình yếm thế ghét đời, một nhà văn vụng về thiếu tâm lý sẽ làm thế nào? Họ sẽ đặt nhân vật của họ ở trong những trường hợp và hoàn cảnh luôn luôn thuận tiện để cho nhân vật ấy tha hồ thi thố tấm lòng hiếu tổ của mình không gặp gì trở ngại cả: họ tha hồ mĩa mai chỉ trích thiên hạ không sợ thù oán, không chút thắc mắc gì cả. Tánh tình ấy vẫn luôn luôn không thay đổi bất cứ ở vào trường hợp nào.

Cách miêu tả ấy rất sai với sự thực. Thực ra, không bao giờ có hạng người như thế trong đời này. Dù là một người chuyên quyền độc tài bậc nào cũng phải có lúc lo nghĩ và biết nể người chung quanh mình. Cũng phải có lúc biết sợ đến dư luận chung quanh, biết sợ đến trời đất thánh thần, và cũng muốn được lòng người chung quanh mình. Cho nên họ cũng phải biết chiều chuộng và nhún nhường. Chính những lúc ấy, giữa sự xung đột của bản tánh và hoàn cảnh là những lúc gây căng và linh hoạt nhất làm cho câu chuyện trở nên thú vị.

Thật vậy, một nhà tâm lý sành sỏi như Molière sẽ trình bày nhân vật ấy như thế nào? Đọc vở *“Misanthrope”* của Molière các bạn hẳn đã thấy kịch gia đại tài ấy dùng những lối nào? Molière để cho chàng “ghét đời” Alceste trong những trường hợp khó khăn đặc biệt làm cho chàng ta không làm sao tha hồ kích bác chê bai như ý muốn. Alceste rất ghét những kẻ luôn luôn tươi cười và chiều đời, xu thời nịnh thế. Anh ta rất bất bình đối với chàng Philinte, vì anh này mới vừa gặp người lạ mặt là đã

niềm nở ngon ngọt không tiếc lời. Cái đó cũng có lý do: anh vừa bị kiện tụng bởi một gã “lưu manh” mà tất cả mọi người đều biết mặt, nhưng trước mặt lại được người người tươi cười niềm nở. Vì vậy, anh ta tức giận muốn điên. Qua màn nhì, Alceste lại gặp một anh “nịnh thần” đến đọc cho anh ta nghe những bài thơ “ngủ” không vô. Alceste cũng muốn nói tạt trong mặt ông ta sự thật chua cay... nhưng làm sao mà nói cho thẳng cho được, nhất là địa vị của anh này kể ra cũng đáng sợ. Dù sao một người có giáo dục chả lẽ lại nói thẳng một sự thật trắng trợn và không đẹp đẽ ngay trong mặt một nhà thơ đã có mỹ ý đến đọc thơ người ta cho mình nghe, cũng như ai nữ nào nói trắng trợn sự thật trước mặt một cô gái làm dáng rằng cô ấy không đẹp chút nào cả và lại vô duyên là khác? Alceste biết rõ rằng ở trường hợp này, anh ta phải bắt buộc không được nói sự thật...

Và ông ta đã phải đôi ba lần thối thác không dám nói thẳng một sự thật mà ông biết sẽ làm nặng lòng, dù là đối với một người xác xược hỗn láo. Lòng nhân của Alceste cũng như lễ độ đã bắt buộc anh ta khôngặng quyền nói thật những sự thật đau lòng và làm nhục người ta một cách vô ích. Cái hay của tác phẩm là chỗ mà tác giả khéo đặt nhân vật chánh của mình trong những nghịch cảnh như ta đã thường thấy trong đời sống hằng ngày. Càng gặp nhiều nghịch cảnh càng làm cho nhân vật càng tăng lòng cương quyết tranh đấu, càng làm cho vở kịch thêm nhiều hứng thú.

Nhưng những kẻ có một tâm hồn như Alceste, ghét đời, ghét những thói đời siểm nịnh, Molière lại bắt chàng ta đáng buồn cười hơn là phải bị si tình... Mà si tình phải một cô nhí nhảnh... Rõ là một sự phi lý... Nhưng trong thực tế lại luôn luôn có những sự tình oái ăm và ngang trái, nếu không nói là phi lý như thế. Người ta là một cái gì mâu thuẫn không thể giải được. Những nhà đạo đức, những bậc vĩ nhân thường lại có rất nhiều tiểu tật, những cái yếu đuối, những cái ngu dại tầm thường và bất ngờ (3). Nhà bác học Newton là một bậc thông minh xuất thế, nhưng lắm lúc tỏ ra đàn độn buồn cười: Ông có nuôi hai con chó, một con chó lớn và một con chó nhỏ. Muốn cho hai con chó ra vào khỏi phải mở cửa, ông bèn khoét cho mỗi con một cái lỗ trống nơi chân vách. Thánh Benoit nói: *“Người trí sở dĩ khác thường nhân là trong ngày chỉ sống ngu có vài khắc đồng hồ thôi”*. *“Khôn ba năm, dại một giờ”* là thường sự mà cũng là may mắn lắm mới được thế.

Dem những hoàn cảnh trái ngược với bản tính của nhân vật chánh trong truyện để làm nổi lên rõ ràng hơn tánh đặc sắc ấy, đó là phương pháp chung của những nhà văn đại tài và tâm lý sâu sắc.

Jean Valjean, trong vở truyện Les Misérables của Victor Hugo, là một nhân vật cũng linh động lắm. Ông là một người có một tấm lòng hào hiệp, cứng cỏi, anh hùng nhưng gặp toàn là nghịch cảnh. Càng gặp nghịch cảnh bao nhiêu ông lại càng tỏ ra hào hiệp, anh hùng bấy nhiêu. Tuy vậy phần đông các nhân vật của Victor Hugo không được thực tế lắm.

Hamlet, trong vở kịch bắt hủ của Shakespeare, là một thanh niên đa cảm, có tánh do dự và thờ ơ, đang sống một đời sinh viên lười biếng êm đềm ở Đức. Bỗng tin cha chết và hồn cha về mách cho biết là ông bị ám sát mà người ám sát ấy lại là chú của Hamlet. Hamlet hứa với hồn người chết sẽ trả thù... Nhưng anh ta là một tâm hồn uỷ mỵ nay gặp việc cần phải cương quyết, anh ta tìm đủ mọi cách để diên trì và thối thác. Tất cả vở truyện toàn dệt bằng những do dự, rụt rè của chàng Hamlet. Khi cơ hội đã đến, chàng thấy rõ bằng cơ chắc chắn để trả thù, lúc ấy kẻ sát nhân kia đang quỳ đọc kinh... Hamlet rút gươm, nhưng rồi, ngừng lại... do dự và tìm lý lẽ để tự nhủ: “Nó đang cầu nguyện... giết nó, thế là nó đang sám hối và hồn nó sẽ lên trời. Ta sẽ đợi lúc nó đang tội lỗi mà giết đi thì mới đưa hồn nó vào địa ngục”... Thế là bản tánh Hamlet vẫn càng ngày càng hiển lộ ra rõ ràng trong nhiều trường hợp gây cần bắt buộc anh ta phải làm sái lại với bản tánh của anh ta. (2)

Dem đối chọi hoàn cảnh và bản tánh của những nhân vật chánh để bắt buộc nó phải bộc lộ ra một cách tinh tế và muôn mặt, đó là một pháp chung của phần đông các nhà tiểu thuyết, các kịch gia tài

giỏi.

Tóm lại, đọc tiểu thuyết có ích cho sự học là để giúp ta hiểu biết rõ hơn ý nghĩa của đời sống của ta và là của đời sống của những người chung quanh ta thường bị thói quen hàng ngày che giấu. Cần phải đọc tiểu thuyết để đi sâu vào nhiều hoàn cảnh xã hội khác ta để tìm thấy chỗ đại đồng của bản tánh con người sống dưới hình thức của những phong tục khác nhau, và để mà nghiên cứu mọi vấn đề quan trọng của nhân sinh như *tội lỗi*, *ái tình* và *số mạng* một cách cụ thể hơn, ngoài sự giải thích xuyên tạc của luân lý, đạo đức... Những tiểu thuyết hay bao giờ cũng đặt cho ta nhiều nghi vấn về cuộc đời... và bắt ta suy nghĩ. Ngoài ra những tiểu thuyết có mục đích khêu gợi những dục vọng tầm thường của ta để thoả mãn óc tò mò bệnh hoạn đều là những sách cần phải vứt vào lò lửa.

Về phương diện này, nên đọc tiểu sử các bậc danh nhân thế giới. Nó sẽ giúp ta thấy rõ tâm lý phức tạp của con người, và những bậc phi phạm cũng chỉ phi phạm ở những mức độ nào thôi. Có nhiều lúc họ cũng tầm thường và lại tầm thường hơn chúng ta nhiều.

Đọc tiểu thuyết cần phải thận trọng. Kẻ nào đọc những loại tiểu thuyết nhằm sẽ làm mất thời giờ rất quý báu của họ và đáng ân hận hơn, là rồi họ sẽ mất lần óc phán đoán và quân bình của tâm tình họ nữa. Ngày giờ cần phải dành cho những sách chuyên môn, những sách tu luyện thân tâm cùng trí não. Những loại tiểu thuyết diễm tình xa sự thực dắt dẫn những kẻ đầu óc non nớt, nhất là phụ nữ đa cảm đa tình đi vào con đường phiêu lưu lãng mạn ngoài thực tế đến nỗi quên rằng đời là một trường tranh đấu trắng trợn của các dục vọng, quyền lợi của con người, và chỉ có những kẻ nào thật khôn mới sống nổi. Lãng mạn của những tiểu thuyết như *Tố Tâm*, *Werther* đã làm hư hỏng đầu óc thanh thiếu niên nam nữ không phải ít.

Những tiểu thuyết phải đọc là những tiểu thuyết có tánh cách soi đường chỉ nẻo, cắt nghĩa đời sống con người trải qua những giai đoạn đi tìm con đường lập chí. Loại tiểu thuyết ấy trong văn học giới rất ít. Những quyển *Les Années d'Apprentissage de W. Meister* của Goethe; *Jean Christophe* của Romain Rolland là những bộ sách không thể bỏ qua được đối với những người tự học. Sách Việt dĩ nhiên là chưa có loại này.

Nhất Linh, trong quyển “*Viết và đọc tiểu thuyết*” có nói: “*Thế nào là những cuốn tiểu thuyết hay, có giá trị trong không gian và thời gian và giúp ích nhiều nhất cho nhân loại? Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh tế nhị của tâm hồn, bằng cách dùng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những hành vi, cảm giác và ý nghĩ của họ. Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều và không phải hay chỉ vì cốt truyện.*”

Biết đọc tiểu thuyết là biết thưởng thức cái hay của tiểu thuyết. Muốn biết thưởng thức cái hay của tiểu thuyết cần phải biết qua những quy tắc cần thiết để viết một quyển tiểu thuyết hay. Về sách giúp cho ta có một quan niệm tổng quát về tiểu thuyết, các bạn nên đọc những quyển sau đây: *Khảo về tiểu thuyết* của Phạm Quỳnh (1929), *Khảo về tiểu thuyết* của Vũ Bằng (1951) và nhất là *Viết và đọc tiểu thuyết* của Nhất Linh (1961).

Sách Pháp thì nên đọc *Défense des Lettres* của Georges Duhamel, *Comment un Romancier fait ses Romans* của Claude Farrère (Conférencia số 12, 5/6/1927), *Pour quoi et Comment on écrit un Roman* của André Maurois (Conférencia số 3, 20/1/1932), *Réflexions sur le Roman* của Albert Thibaudet (Gallimard).

Theo Georges Duhamel, trong *Défense des Lettres*, thì thể văn tiểu thuyết tuy khác nhau nhiều, nhưng kể về loại thì chỉ có 2 loại: một loại cốt *làm cho ta quên cuộc đời đang sống của ta đây*, và một loại khác cố gắng soi sáng và *làm cho đời sống trong thực tế của ta trở nên có ý thức hơn*. Hay nói một cách khác: Có hai loại tiểu thuyết, một loại giúp ta trốn cuộc đời hiện tại và một loại giúp ta sống cuộc đời hiện tại bằng cách nhìn thẳng vào thực trạng của nó.

Nhưng dù sao, dù tiểu thuyết thuộc về loại tả chân, tả thực, cũng là “*đặt ra một truyện khác với việc thường của mỗi người, khiến cho người ta trong cái khoảng dài hay ngắn, cảm đến quyền truyện trên tay, thoát ly được ra ngoài cái đời mình mà cùng với người trong truyện hoặc vui hoặc buồn, hoặc sướng hoặc khổ, hoặc đi viễn du những nơi xa lạ, hoặc ngồi hồi tưởng những việc xa xưa. Tiểu thuyết hay, người đọc trong lúc đọc tưởng như mình không phải là mình nữa mà là người trong truyện...*”^[19]

Người ta sở dĩ khác muôn vật là có tánh không chịu an phận, không chịu mãn nguyện với hiện tại của mình, bao giờ cũng đứng núi này trông núi nọ, tìm cách thoát ly cuộc đời bình thường của ta đây để mà tưởng tượng một cuộc đời khác thú vị hơn, ly kỳ hơn, sung sướng hơn. Vì vậy, đối với phần đông, tiểu thuyết là nguồn an ủi duy nhất để ta có thể an phận mà vượt qua những đau khổ trắng trợn của cuộc đời đầy gió bụi và ngang trái... Đó cũng là sứ mạng cao cả nhất của nó, một sứ mạng văn hoá nếu nó đừng huyền hoặc người đời đến nỗi kéo họ vào cõi mộng và không còn biết phân biệt đâu là Thực, đâu là Mộng nữa. Nó là con dao hai lưỡi, nếu sử dụng sai lầm, nó là một tai hoạ cho người đời không nhỏ.

2. ĐỌC SỬ

Đọc sử có ích gì cho sự đào luyện óc phán đoán của ta chăng? Phần đông cho rằng sử là việc đã qua, sử là để học những bài học của quá khứ.

Nói thế có đúng mà cũng có sai.

Muốn cho sử học giúp ta những tài liệu đã qua, để hiểu hiện tại và dự bị cho tương lai thì sử phải trước hết được viết ra và thuật lại một cách đúng với sự thực đã xảy ra, nghĩa là phải được thuật lại một cách khách quan. Nhưng làm gì viết sử được một cách khách quan? Nhiều người còn rất hoài nghi chỗ đó. Tôi nhớ có đọc được một câu chuyện mang máng như sau đây do nhà văn Anatole France thuật: *Có một nhà bác học quyết đem hết đời mình để viết lại một bộ sử tổng quát về nhân loại. Ông đã tham khảo hầu hết sách vở từ cổ chí kim để soạn bộ sử ấy. Công việc gần xong, thì ông đã già gần xuống lỗ. Ngày kia, vào một buổi sáng, ông đứng trên lầu cao, trước cửa sổ, chứng kiến được một cuộc cãi lộn và ẩu đả ở phố trước từ đầu đến cuối. Một hồi lâu, chị nấu bếp dọn ăn cho ông, vui miệng thuật lại câu chuyện cãi lộn và ẩu đả ấy cho ông nghe. Nhưng ông lấy làm lạ tại sao những chi tiết đều sai cả với những điều chính ông đã nghe thấy? Ông suy nghĩ và không bao giờ ngờ đến lòng thành thực của chị nấu bếp vì ông biết chị ấy thực thà lắm. Ông bèn xách gậy đi xuống đường phố... Khi ông vừa gặp bà giữ cửa, bà ấy thuật lại cho ông nghe câu chuyện trên, hoàn toàn không giống với những điều ông nghe thấy, lại cũng không giống với những điều nghe thấy của chị bếp nữa. Ông tò mò đi từ đầu phố đến cuối phố... thì ông lại được nghe biết bao chi tiết ly kỳ hơn nữa... không đúng với những sự nghe thấy của ông mà lại còn nghịch nhau lung tung. Ông trở về... cảm thấy sự mỏng manh của chứng cứ con người... Các chứng cứ do các sử gia từ thế kỷ này đến thế kỷ kia để lại... ông cảm thấy cũng chỉ là những chứng cứ không sao tin cậy được nữa... Buồn chán, ông cho chồng sử của ông đã viết vào lò lửa...*

Hẳn các bạn cũng đã có xem qua vở tuồng Rashomon của Nhật và các bạn cũng đã có dịp nghĩ qua sự mong manh của những chứng cứ của con người.

Huống chi những cái mà người gọi là những “bài học lịch sử” lại càng bắt ta nên thận trọng. Người ta thường có thói dùng lịch sử để làm những bài học luân lý, chánh trị. Thực ra, những sự kiện lịch sử thường chỉ có giá trị của những tài liệu lịch sử mà thôi chứ tự nó không có ý nghĩa để dùng làm bài học.

Tôi xin đơn cử một tài liệu lịch sử này về trận giặc Péloponèse. Vào khoảng 431 trước tây lịch kỷ nguyên là khởi đầu trận giặc Péloponèse giữa hai địch quốc Athènes và Sparte. Vào năm 404 trước tây lịch kỷ nguyên thì Sparte thắng Athènes và bắt Athènes phải chịu nhận một chánh phủ do ba mươi vị quan toà cai trị thường gọi là Ba mươi vị Độc tài (Les Trente Tyrans) phân đông là người Sparte.

Tại sao lại có sự kết cuộc như thế, đem Sparte làm bá quyền Athènes? Là vì người xứ Athènes, nghệ sĩ, thông minh nhưng không kỷ luật, rất ghét giai cấp và sống dưới chế độ dân chủ và tự do. Trái lại, địch thủ của họ thì tuy không quan thiết gì đến văn minh, nhưng biết lấy tánh khí làm căn bản, và sống dưới chế độ giai cấp, khát khe theo truyền thống, theo kỷ luật khát khe, biết đem uy quyền đặt trên những nền tảng vững chắc và độc tài.

Dĩ nhiên, Sparte phải thắng Athènes.

Đó là *bài học của lịch sử*.

Và người ta đã nhai đi nhai lại mãi bài học ấy từ đời này sang đời kia, và cho học sinh ngâm nga tụng đọc.

Nhưng người ta lại không để ý, cũng chính lịch sử cho ta biết, chính Thrasybule lại lật đổ “Ba mươi vị Độc tài” kia trong mấy tháng sau khi Athènes thất thủ, và hai mươi bốn năm sau, Pélopidas, người Thèbes đuổi quân Sparte ra khỏi thành này. Epaminondas, tám năm qua, cũng là dân Thèbes, thắng dân Sparte trong trận Leuctres, và Mantinée làm cho Sparte mất cả tên tuổi trên lịch sử ngày xưa. Ta nên nhớ rằng Thèbes là bạn đồng minh của Athènes.

Những anh học sinh ngoan ngoãn đều biết rõ những sự kiện lịch sử ấy và đã học thuộc lòng nó để trả bài cho giám khảo họ, nhưng cũng luôn luôn không quên nhắc đến cái bài học lịch sử trên đây về việc Sparte bá quyền Athènes. Ta thấy rằng ở đây lịch sử lại bị lịch sử cải chính, nhưng rồi cũng không ai quan tâm đến, người ta chỉ lo nhớ cả cái bài học lịch sử và luôn sự cải chính lại nó nữa, mới là mĩa mai!

Các bài học lịch sử khác thì cũng một thể: phần nhiều đều có một tánh cách chung là dạy cho người ta những gì người ta đã biết, nghĩa là không dạy thêm được việc gì cả.

Khi người ta đọc sử với cái mộng tìm nơi đó một bài học, thì có khác nào người ta gặp phải tâm trạng của một luật sư đang soạn bài biện trạng của ông ta. Ông luật sư ấy không làm việc như một nhà khoa học đi tìm chân lý mà chỉ làm cái việc tìm những chứng minh cho một định kiến sẵn có của anh ta. Những sự kiện lịch sử chỉ là những bằng cứ để anh ta dùng chứng minh những ước đoán của anh ta: anh ta đã biết trước phải dùng những sự kiện gì rồi. Thực ra, sự kiện không chứng minh gì cả (les faits ne prouvent rien). Phần đông ngày nay người ta quá mê tín, quá tin tưởng nơi nó và cho rằng tự nó có đủ uy quyền để bảo đảm sự thật. Người ta không để ý rằng: cũng thời những sự kiện ấy, người ta lại có thể dùng mà giải thích rất hợp lý những lý thuyết trái nghịch nhau như nhiều nhóm duy vật và duy tâm đã làm. Như vậy, những sự kiện lịch sử tự nó không thể bảo đảm rằng nó là một chân lý bất di bất dịch, giá trị của nó có cùng không là do sự giải thích của nhà viết sử mà thôi.

Muốn viết sử mà được liêm khiết, nhà viết sử chỉ nên trình bày sự kiện lịch sử đủ mọi phương diện nhưng đừng cố gắng rút ra một bài học lịch sử quá vội vàng.

“*Lịch sử vị lịch sử*” cũng như “*nghệ thuật vị nghệ thuật*” là quan niệm rất cận thời. Ngày xưa lịch sử trước tiên là do chánh trị mà ra, thường là công việc của những kẻ chuyên môn ca tụng chánh thể, những kẻ nịnh thần, những nhà lập pháp, nghĩa là của những kẻ phụng sự một chủ quyền nào. Đọc sử cần phải biết tránh sự xuyên tạc của nhà viết sử.

Tóm lại, viết sử cho thật đúng rất khó. Huống chi, nhân quá khứ để tìm một bài học cho tương lai, thiết tưởng ta cũng cần phải hết sức thận trọng mới được.

Ta nên tự hỏi những bài học của cuộc đời trong quá khứ có thể nào giúp ta để giải quyết được những vấn đề rất phức tạp của thời buổi hiện tại này chẳng? Thời cung tên dao kiếm, đánh giặc thì theo lối địa phương có thể nào giúp ta hiểu được những biến cố hiện tại của thời nguyên tử lực chẳng? Nhiều người lại nghi ngờ rất có lý những kết luận trẻ con và ngây thơ của một phần đông các nhà viết sử đã vượt quá sứ mạng khoa học của nhà kể chuyện để sang qua cái nghề triết luận và lý sự... Có kẻ chủ trương rằng bỏ qua những bài học của lịch sử thì có khác gì trong khi du lịch, từ chối không chịu nghe lời khuyên của người dẫn đường: kẻ ấy sành đường hơn ta... Họ làm như người ta luôn luôn có thể biết trước được những tai nạn sẽ xảy ra, họ làm như không biết đến những bất ngờ của lịch sử, và hễ biết được việc trước tất sẽ đoán được tương lai, dòng đời sẽ luôn luôn chảy xuôi mà không bao giờ chảy ngược... Họ tin tưởng một cách quá thật thà rằng “những nguyên nhân giống nhau sẽ tạo ra những hậu quả giống nhau” (les mêmes causes produisent les mêmes effets). *Tương lai đâu phải là quá khứ tái diễn lại.*

Phải coi chừng, trong cuộc cờ người ta đâu phải chỉ chơi mãi một nước cờ mà thôi đâu. Lắm khi người ta có thể nói theo André Gide rằng: “*Lịch sử để lại cho ta nhiều bài học có hại hơn là có lợi. Nó tạo cho ta nhiều ảo vọng sai lầm... rất đáng nguy hiểm*”. Chính vì quá tin nơi những bài học của trận giặc vừa qua mà phần đông có lắm bộ tham mưu phải chịu thất bại nặng nề trước những chiến thuật tối tân của quân địch.

André Gide cho rằng: “Bài học của lịch sử nếu có thể nói là một bài học, là nó dạy cho ta biết rằng *quá khứ không thể dùng để soi sáng tương lai*, và muốn đối phó với những biến cố hiện tại và mới mẻ, thì có một đầu óc không quan thiết gì đến quá khứ còn hơn là có một đầu óc quá bị mù loà vì những ánh sáng giả tạo của quá khứ”.

Thật là câu nói đáng cho ta suy nghĩ mà dè dặt và hoài nghi, một thứ “hoài nghi triết học” theo Descartes.

Với những “dè dặt” trước đây, thì đọc sử mới có bổ ích mà không sợ bị di hại.

Nhưng học sử cần nhất là *học phương pháp viết sử và phương pháp học sử*. Hai phương pháp ấy đều quy về một mối: *phương pháp phê bình sử học*. Muốn đọc sử mà không sành phương pháp phê bình sử học, rất nguy hiểm. Thật vậy, muốn cho hành động ta khỏi có sự sai lầm hay thất bại, cần phải thấy đúng sự thật trong những việc xảy ra chung quanh ta hằng ngày.

Vậy phải làm thế nào để nhận thấy được sự thật? Có hai cách: tự mình tai nghe mắt thấy, hoặc nghe hay đọc lại những gì kẻ khác đã nghe, đã thấy.

Nhưng đối với mắt thấy tai nghe, chắc gì ta đã nghe thấy đúng y như sự thật đã xảy ra, hay ta chỉ thấy nghe những gì ta muốn thấy muốn nghe và mong ước nó phải xảy ra như thế nào? Vì quyền lợi, vì tư dục, vì thành kiến... ta đã nghe thấy sai cả với sự thật. Ta hãy để ý nghe câu chuyện cái vĩa của hai người, ta sẽ nhận thấy rõ điều ấy: mỗi người mỗi nghe theo ý riêng của mình, chứ không ai chịu nghe những gì họ không muốn nghe.

Huống chi sự thấy nghe ấy lại do kẻ khác thuật lại hay biên chép lại, thì quả quyết ta cần phải hết sức thận trọng và hoài nghi trước khi tin nó.

Những nguyên nhân xúi giục người ta mang đến cho mình những tin tức sai lầm thật rất nhiều. Và, cũng như ta, ai lại là người không đeo theo mình một quyền lợi, một thành kiến hay một tư dục... Lẽ cố nhiên sự nghe thấy của họ khó có thể khách quan được và không nên tin họ bằng lời mà phải biết xem xét và phê bình cẩn thận lại. Muốn có được một bộ óc phê bình cho đúng đắn, theo tôi, không còn phương pháp nào hay bằng dùng đến phương pháp phê bình sử học

Phương pháp phê bình sử học, (xem lại quyển *Thuật Tư Tưởng*) không phải chỉ dùng vào việc sưu tầm tài liệu để viết lịch sử mà thôi, nó lại còn giúp cho ta phê bình tất cả những điều ta nghe hay đọc, do báo chí, sách vở hoặc những lời đồn đãi của dư luận đem lại cho ta hằng ngày.

Vậy, trước một câu chuyện nào bất luận, ta phải tự hỏi:

- Ai thuật lại chuyện đó?
 - Người thuật lại chuyện đó có thuật lại rõ ràng câu chuyện của họ thuật chẳng?
 - Người đó có thể tin cậy được chẳng?
 - Người đó có phải là người hay quả quyết suông những chuyện vu vơ, và họ làm thế là để thích ra mặt sành chuyện hơn người không?
 - Người ấy có quyền lợi gì để dối mình hay dối người chẳng?
-

Tánh tự nhiên của con người là hay tin những điều kẻ khác thuật lại. Vậy chớ ta không thấy, hằng ngày, bất kỳ là chuyện gì của ai thuật lại, ta sẵn sàng tin theo một cách dễ dàng, không đòi hỏi một bằng cứ nào cả hay sao? Trừ ra khi nào tin tức ấy quan hệ đến quyền lợi ta nhiều, ta mới chịu để ý đến mà phê bình, mà gạn lọc... bằng không, nếu câu chuyện ấy không đến ngở ngẩn hay phi thường thì ta nhận nó ngay, lại còn đem nó mà thuật lại cho kẻ khác nghe và có khi lại còn tô điểm thêm cho nó có duyên hơn là khác nữa. Bất cứ ai thành thật với mình đều phải công nhận rằng mình thường có tánh hay lười biếng cầu thả như thế. Bởi vậy óc phê bình không phải là tánh tự nhiên của con người, mà cần phải tập luyện nó lâu ngày mới thành thói quen được.

Những sự vật trên đời mà chính tai ta nghe, mắt ta thấy rất ít. Hầu hết những điều ta hay biết đều do kẻ khác đem lại cho ta: hoặc nhân nói chuyện mà biết, hoặc do đọc sách, đọc báo hay nghe đài phát thanh mà biết. Những điều mà kẻ khác mang lại cho ta, sử gia gọi chung là *chứng cứ*. Chứng cứ thật rất quan trọng trong đời sống của ta không phải nhỏ, vì không có nó, ta không thể biết được những điều gì đã qua. Vị lai thời chưa có thể biết được, người ta cần phải căn cứ nơi hiện tại mới có thể độ mà hiểu trước được. Nhưng hiện tại làm sao hiểu được, nếu không đem so sánh với những gì đã qua. Người ta bảo: Quá khứ là nguồn gốc của sự hiểu biết của con người.

Nhưng, những chứng cứ ấy có nên tin cả không? Và phải làm sao biết nó có thể tin đáng? Đó là vấn đề quan trọng mà phương pháp phê bình sử học giải quyết cho ta vậy.

Phần đông ai ai cũng tin rằng: một người kia, nếu không có lợi riêng gì để gạt gẫm ta, ắt không bao giờ họ nói dối với ta làm chi cả. Nghĩ thế là không đúng. Thường thường những điều họ nói với ta nếu đúng cả trăm phần trăm, thì có lẽ đó là một điều may mắn bất ngờ. Như ta đã thường thấy xảy ra hằng ngày có lắm chứng cứ không đúng với sự thật đã gây ra không biết bao tai hoạ. Một chứng cứ sai đủ làm cho người lương thiện hàm oan trong ngục thất. Nếu phải kể ra những vụ “sai lầm của công lý” thì không biết phải bao nhiêu quyển sách mới nói ra hết được.

Ngay trong đời sống hằng ngày của ta đây, cả danh dự và hạnh phúc ta, có thể do một chứng cứ sai lầm mà tiêu tan như giá rữa. Nguy hiểm nhất là có những lời vu báng tồi tệ nhất lại do những kẻ thành thực nhất đưa ra. Họ không phải vì ác tâm mà hại ta, nhưng vì họ thấy sai hoặc nghe kẻ khác thuật sai mà vội tin và lặp lại với kẻ khác. Chúng ta cần phải để ý đến sự mỏng manh của chứng cứ mà không bao giờ vội tin liền. Hãy biết thận trọng phê bình trước khi tạm thời chấp nhận nó.

Ta nên biết rằng trí não ta bị luật tư lợi chi phối, chỉ thấy và nghe cùng nhớ được có những gì quan thiết ích lợi đến ta mà thôi, ngoài ra đều bị để qua một bên cả, nghĩa là ta sẽ không thấy gì khác hơn những gì ta cần muốn thấy. Giữa một sự vật ở ngoài với cái tâm nhận thức của ta ở trong, có một khoảng cách xa hoặc nhiều hoặc ít, không thể nào không có được. Ta thử thí nghiệm như vậy thì rõ: để trên bàn một mớ đồ thường dùng như cây viết mực, cây viết chì, một cái khoá, một cái ly... và trong mớ đồ đó ta có thể thêm vào một cái ghế nhỏ (đồ chơi con trẻ) mà thiếu một chân. Ta bảo một người nào quan sát kỹ các vật ấy. Ta cho họ một thời gian vừa ngó qua đủ món. Rồi bắt họ tả lại các vật họ thấy, ta sẽ thấy họ tả lộn xộn cả. Cây viết chì có khía, họ cho là tròn; cái ly tròn, họ cho là có khía. Nhiều món họ lại kể thiếu, có khi có cái thiếu họ lại kể thêm. Nếu hỏi cái ghế nhỏ có mấy chân, họ sẽ nói có bốn, trong khi sự thật chỉ có ba. Họ không quen quan sát, nhứt là họ không biết cách quan sát. Mà phần đông con người là thế. Ta không nên quá tin cậy nơi trí nhớ của ta.

Lại nữa, ta cũng cần để ý đến điều quan trọng này: Ta chỉ có thể thấy được những gì ta đã biết thôi. Những y sĩ quen với cái sắc bệnh nhân, hễ nhìn ai là họ đã nhận thấy kẻ ấy đau bệnh gì rồi mà chính người ấy soi mặt hằng ngày không thấy biết gì cả.

Do đó ta nên để ý hai điều này:

a. Trước một sự vật, chỗ nghe thấy của ta không bao giờ đầy đủ đặn. Có nhiều việc và chi tiết ta không thể nghe thấy đặn, mặc dù ta đã để cả hai mắt mà nhìn, hai tai mà nghe.

b. Sự nguy tạo của trí nhớ rất là tai hại. Thường ta hay thêm vào những gì ta không nhớ để cho sự nhớ được đầy đủ. Chính đó là cách nhận lầm cái bóng đen là kẻ trộm, sợi dây thừng là con rắn. Thấy trong bóng tối mập mờ một sợi dây thừng, và bởi thấy không rõ, ta bèn dùng trí tưởng tượng mà thêm vào và cho đó là con rắn.

Chứng cứ sai không phải luôn luôn do sự thiếu trí nhớ. Thường lại do nơi sự nhận thức sai lầm. Chính ngay vào lúc ta nhận thức sự vật, đã bắt đầu có sự thay hình đổi dạng rồi. Ở đây, ta lại đi vào cái thế giới bao la của “tình cảm”. Ta thấy sự vật, thường ít khi nào y như nó có thật mà thường thường là theo cái chiều của ý muốn của ta ao ước nó phải xảy ra như thế nào. Dục vọng, yêu ghét, óc phe đảng, tư lợi... làm cho ta giải thích sai lầm tất cả những điều ta nghe thấy. Không cần phải nói ra, cái kết quả tai hại của những chuyện hiểu lầm rất đáng tiếc thường xảy ra giữa người và người, hoặc giữa dân tộc khác nhau, rất là nhan nhản, không ai không thấy.

Tai hại hơn hết, là những kẻ đem lại cho ta những chứng cứ sai ngoa ấy, lại là những kẻ hết sức thành thật. Họ không có chút lòng dối trá gì cả, vì chính họ tin thật những điều họ đã thuật lại cho mình kia là đúng cả trăm phần trăm. Họ tin như thế, nên họ mới quả quyết như vậy. Đó mới thật là nguy hiểm. Bởi vậy, đối với những kẻ tố cáo, thuật lại hay biên ra, ta phải hết sức thận trọng dè dặt cho lắm mới đặn. Bất cứ là chứng cứ nào, hãy phê bình nó rồi sẽ tin sau. Phải coi chừng sự dối trá của con người, nhứt là những nguyên nhân sai lầm về tâm lý mà người thường vô tâm sa vào như ta đã thấy ở trên.

Ta nên đề ý điều này: Những kẻ có ý gạt gẫm mình thì ít, mà những kẻ vô tâm gạt mình thì rất nhiều. Vì vậy, những chứng cứ thành thực (sincères) rất dễ tìm hơn những chứng cứ xác thực (véridiques).

Giờ đây xin bàn qua phương pháp phê bình sử học:

A. PHÊ BÌNH NGOẠI BỘ

1. Trước hết, nhà làm sử hay viết sử phải để ý đến sự tìm tài liệu cho đầy đủ. Tài liệu mà thiếu sót thì không thể nào có cơ sở để phê bình được. Tìm tài liệu là để tìm ra thực-sự.

Thực-sự là gì? Là những sự có thực xảy ra. Đó là lấy theo nghĩa hẹp và cụ thể của nó. Còn lấy theo nghĩa rộng và trừu tượng của nó thì thực-sự cũng dùng để chỉ một ý tưởng, một trạng thái của tâm ý hay một ý kiến.

Nếu lấy theo cái nghĩa hẹp của nó, thì ta phải để ý kỹ điều này: có tài liệu, chưa ắt ta đã nắm ngay được thực-sự. Như ta đã thấy, tài liệu là những hình ảnh sai lầm của thực-sự. Những chứng cứ của kẻ khác mang lại cho ta đâu phải là luôn luôn đúng với sự thực trăm phần trăm. Trái lại, có khi nó chỉ là những phán đoán hay phỏng đoán của kẻ khác, trong đó đã pha phách ít nhiều dục vọng ưa ghét rồi. Thật vậy, những điều kẻ khác mang lại cho ta toàn là những điều mà họ muốn cho ta thấy như họ. Nếu họ ưa thì họ sẽ thêm thắt hoặc xới bớt câu chuyện, sắp đặt cách nào cho câu chuyện ấy được dễ ưa. Trái lại, nếu họ ghét họ sẽ thêm bớt câu chuyện và sắp đặt cách nào mà cho câu chuyện trở nên dễ ghét.

Bởi vậy, ta phải phân biệt cẩn thận cái nào là “thực-sự”, cái nào là “phán đoán” hay “phỏng đoán” và cố nhiên là phải dùng “thực-sự” làm tài liệu và chứng cứ mà thôi. Những cái sau thì nếu muốn dùng, cần phải lo tẩy sạch cái màu chủ quan của nó đi, để tìm lại cái thực diện của nó, nghĩa là phải phê bình nó một cách không thiên lệch mới được.

Ứng dụng phương pháp này, tưởng không gì hay bằng đem năm, bảy tờ báo khác đảng chính trị với nhau nhưng cùng thuật lại một việc mà so sánh... Ta hãy so sánh lại những điều các báo ấy thuật lại, phân tích ra từng bộ phận sau đây:

- những chỗ dị đồng, thuộc về “thực sự”;
- những cách thuật lại khác nhau, vì chánh kiến, vì dục vọng biến thiên thể cách;
- những phỏng đoán rất rờn rợn là phỏng đoán thôi, chứ không dính dấp gì đến thực-sự cả.

Bên Anh trong những trường bình dân cao đẳng, có những lớp học gọi là “lớp học báo chí”. Ở đó diễn viên mỗi tuần gom góp lại tất cả báo chí trong nước, nghiên cứu và đem ra diễn giải cho học sinh thấy những chỗ dị đồng về thực-sự, phân tích những chỗ khác nhau về cách trình bày và giải thích những tin tức của các báo, và tìm cắt nghĩa lý do của những sự sai biệt ấy. Thật rất bổ ích cho óc phê bình không biết chừng nào.

2. Tìm được *tài liệu* rồi, hãy phê bình về *lai lịch* của nó.

Phê bình lai lịch của nó, phải hỏi coi:

- nó ở đâu mà đến?
- nó xảy ra hồi nào?
- ai thuật nó lại đó?

Phê bình lai lịch của sử liệu là cốt kiểm soát lại sự *chính xác* của nó, bởi thường có rất nhiều tài liệu hoàn toàn giả, do bọn con buôn giả mạo để bán cho những nhà hiếu cổ. Cũng có nhiều câu chuyện người trước tạo ra, truyền tụng lại một cách quả quyết như việc có thật. Ta phải thận trọng những thứ nguy tạo ấy.

3. Ta lại cũng phải biết “*phục hồi*” lại nguyên văn hay nguyên thể những tài liệu mình đang nghiên

cứu nữa.

Có nhiều tài liệu truy ra, thấy tuy thật là món tài liệu chính xác rồi, nhưng trong đó có nhiều chỗ hoặc nhiều chữ, nhiều câu hoặc nhiều đoạn văn bị kẻ khác thêm vào (sách xưa thường bị sự thêm thắt ấy, vì người chép sách hay thêm ý riêng của mình vào), hoặc vì kẻ sau cho là nói không hết ý nên tự viết tiếp theo mà thành ra “tam sao thất bản”. Lại nữa cũng có khi quyển sách bị ấn công sắp lộn làm sai cả nguyên văn, vậy ta phải để ý tìm cách phục hồi lại nguyên văn mới đăng.

B. PHÊ BÌNH NỘI BỘ

Biết đặt lại lịch và phục hồi lại được nguyên thể hay nguyên văn của sử liệu rồi, đó cũng mới chỉ là công việc phê bình ở *ngoại bộ* mà thôi. Muốn cho sự phê bình được đầy đủ hơn, phải đi sâu vào *nội bộ* nó mà phê bình.

Phê bình một chứng cứ, theo cái nghĩa *rộng* và *hẹp* của nó, cần phải phân ra làm hai giai đoạn:

1. *giải thích nó*;
2. *tìm sự thành thực và đích xác của nó*.

1. Giải thích tài liệu

Trước hết, phải tìm coi *tác giả muốn nói gì?*

Đây là lời phê bình, để tìm lại cái *nghĩa chánh* của một văn bản, từ cái toàn thể đến từng chi tiết của nó. Nếu tư tưởng của tác giả trong sáng, văn chương của tác giả rõ ràng thì có gì là khó khăn. Nhưng sự thực thì đâu phải luôn luôn gặp được như thế mãi. Phải coi chừng: nhiều khi tác giả (thuộc về thế hệ trước) dùng một thứ tiếng như ta, nhưng thực ra để chỉ một nghĩa khác hơn ta đang hiểu và đang dùng bây giờ. Đọc cổ văn thường gặp những khó khăn này. Bởi vậy, có nhiều nhà nghiên cứu họ gán cho cổ nhân nhiều tư tưởng tân thời mà tự cổ nhân không bao giờ nghĩ đến.

Có khi tác giả lại viết một lối văn tự riêng của họ, nhất là những nhà tư tưởng triết học. Vậy ta phải biết cho thật rõ cái định nghĩa riêng của văn tự ấy. Tỉ như đọc sách của Montaigne mà thiếu bản tự vị về những danh từ dùng riêng của ông và ở thế hệ ông, thì không tài nào hiểu nổi ông. Đọc sách Lão, Trang mà cứ hiểu theo cái nghĩa văn tự bây giờ thì hiểu sai đến vạn dặm.

Chẳng những văn tự khác, mà cả đến văn pháp cũng khác nữa. Tìm lại được cái nguyên nghĩa của bài văn xưa thật không phải dễ dàng gì.

Có khi tác giả lại dùng một lối văn “ẩn dụ” hay “bóng dáng”, hoặc “mĩa mai” hay “hài hước”. Nếu vô tình, ta lại tưởng đó là lời nói thật, thì lại càng bị sai lầm biết mấy.

Seignobos và Langlois nói: “*Cái khuynh hướng tự nhiên, dù là những nhà viết văn làm việc theo phương pháp cũng vậy, khi đọc một bản văn nào là cốt tìm ngay tài liệu để tham khảo, chứ không chịu tìm hiểu coi ý tác giả nói gì trong đó. Lối làm việc có thể được đối với những tài liệu thuộc về thế kỷ thứ 19, do những kẻ cùng lối tư tưởng, cùng một lối ngôn ngữ như ta. Trái lại, nếu gặp phải những lối văn chương tư tưởng không cùng thời với ta nữa, hoặc cái nghĩa của bài văn không được rõ ràng và không thể dự nghị được nữa thì thật là nguy hiểm. Kẻ nào đọc văn mà không lo tìm hiểu tác giả, cố nhiên là đọc nó theo cảm tưởng của mình; trong (bài văn dùng làm) tài liệu kia, họ chỉ để ý đến những câu hoặc những chữ nào thích ứng với quan niệm riêng của họ, hoặc hợp với ý kiến của họ đã có sẵn trước đối với sự vật, họ trích riêng ra những câu hoặc những chữ ấy mà họ đâu có dè, đã làm thành một bản văn riêng theo trí tưởng tượng của họ và đem bản văn ấy mà thay vào bản chánh của tác giả*”.

Nhà viết sử phải tự lập cho mình một quy luật này: “*Phải tìm hiểu bài văn theo cái chân nghĩa của nó trước hết, rồi sau sẽ tự hỏi: nó có thể dùng được chỗ nào để làm tài liệu.*” (17)

Vậy, ta có thể tóm lại trong một câu, quy tắc trọng yếu này của phép làm sử: “*Một câu văn, nghĩa nó thay đổi, chẳng những tùy theo thời đại và tùy theo vị trí của đoạn văn ấy trong bài; ta chớ bao giờ tách một câu ra ngoài cái văn mạch của nó, nghĩa là ngoài cái bài mà nó chỉ là một câu hay một đoạn trích ra; và nếu giải thích, phải giải thích nó theo cái ý chánh và tổng quan bao trùm bài văn*” (17).

Thật vậy, trong một bài văn, luôn luôn tư tưởng này cùng với tư tưởng kia liên quan mật thiết nhau, nếu chỉ “tách” ra một đoạn hay một câu, thì tư tưởng bị “tách” ra kia ngoài bài văn có khi không còn ý nghĩa gì nữa, hoặc có những nghĩa trái nghịch với tư tưởng chung của toàn bài văn, có khi có những nghĩa trái nghịch với tư tưởng chung của toàn bài cũng không chừng. Thường những nhà phê bình mà có ác ý, hoặc những người bút chiến, họ thích “chặt khúc” hoặc “trích” rời một đoạn văn trong một bài, một câu văn trong một đoạn, hoặc một chữ trong một câu, để thay đổi cái chánh nghĩa của nó đi và cố bắt bên địch phải nói những điều mà kẻ ấy không bao giờ có nói... “*Cái thủ đoạn thô bỉ và vô liêm sỉ ấy rất được phân đông công chúng vô học thức hoan nghênh và tín nhiệm lắm, nhưng nó chỉ là một sự khiếp nhọc mà thôi. Nhà phê bình thường cũng có thể vô tình sa vào cái lầm này nếu họ*

không chịu để ý đến văn mạch”. (4)

Trích sai hay trích thiếu một nguyên văn là không nên, huống hồ lại trích những đoạn văn trích của kẻ khác đã trích thì lại càng không nên nữa. Phải đọc ngay nguyên văn, do tay đầu tiên viết ra. Không nên bao giờ căn cứ nơi những sách do tay thứ hai chép lại. Những đoạn văn hoặc những câu văn của họ trích ra, ta cần phải xét xem lại thật trong, không nên lấy đó dùng làm tài liệu: biết đâu họ không trích thiếu hay trích sai? Vậy, nếu muốn dùng nó, ta hãy đọc lại với chánh văn mà kiểm soát lại. Đọc sách nghiên cứu không nên trọn tin nơi những câu chứng dẫn của họ, trái lại, phải luôn luôn dò lại chánh văn. Bởi vậy, những nhà khảo cứu khi chứng dẫn cần phải chua xuất xứ mới đúng phép.

Nếu ta chỉ muốn biết tư tưởng của tác giả mà thôi thì công việc tìm hiểu bản ý của họ như thế là đủ rồi. Nhưng, nhiều khi chủ ý lại muốn tìm coi cái việc họ nói đó có thật không? Cho nên, chỉ giải thích nó mà thôi chưa đủ, cần phải phê bình thêm một bước nữa để tìm sự thành thực của tác giả và sự đích xác của tài liệu.

2. Tìm sự thành thực của tác giả

Tác giả có thành thực không? Muốn trả lời câu hỏi này, ta hãy xét qua những nguyên nhân tâm lý đã khiến tác giả nói sai với sự thật:

a. Tác giả có phần vì *tư lợi* mà nói dối không? Quyền lợi họ buộc họ phải nói như thế vì nếu nói khác đi, họ sẽ bị thiệt. Hoặc vì *địa vị* họ cần phải gìn giữ. (Ở đây, các công văn, sử sách của nhà nước thường hay sa vào cái tệ ấy). Hoặc vì *lý tưởng*, vì *tự kiêu* mà họ buộc lòng bỏ qua hay thêm bớt sự thật đi, để đừng chạm đến tín ngưỡng và danh dự riêng của họ?

b. Tác giả có phải vì hoàn cảnh buộc lòng phải nói không đúng với sự thật để mưu sự an thân không? Những nhà văn ở các triều đại xưa, đâu có dám nói ngay sự thật, họ phải quanh co úp mở... Những nhà văn ở các nước độc tài, sống trong những chế độ văn hoá chỉ huy... cũng một thế.

c. Tác giả có những ưa ghét riêng, đối với một người nào hay một nhóm người nào?

d. Tác giả có phải vì muốn mị-chúng nghĩa là chiều theo thị dục của quần chúng, hoặc vì muốn tránh sự đụng chạm hay xung đột với lòng tín ngưỡng của quần chúng mà nói sai với sự thật không?

đ. Tác giả có phải vì thiên về một chủ nghĩa nào, thiên về một đảng phái chính trị hay tôn giáo nào, thiên về xứ sở quê hương mình, thiên về giai cấp xã hội mình... mà nói sai với sự thật không?

e. Hoặc tác giả có phải vì quyền lợi chung của một hội đảng nào mà chính mình là phần tử quan trọng. Dĩ nhiên vì quyền lợi chung của hội hay đảng, tác giả buộc phải làm thinh hoặc không được nói ngay sự thật nào có hại cho hội hay đảng.

g. Tác giả có phải vì *hiếu danh* mà xướng xuất ra những điều không đúng với sự thật không?

h. Tác giả có phải vì chuộng mỹ thuật văn chương hơn sự thật, muốn cho câu chuyện được ly kỳ, đẹp để... mà thành ra nói không đúng với sự thật không?

Phần đông con người có tánh hay thuật lại một câu chuyện không phải y như nó đã xảy ra, mà là theo cái ý tưởng tượng muốn cho nó phải xảy ra như thế nào... Phần nhiều, những “tiếng nói lịch sử” là do toàn trí tưởng tượng của nhà viết sử tạo ra. Họ tiểu thuyết hoá hay thi vị hoá cả mọi sự việc của họ nghe thấy.

3. Tìm sự đích xác của chứng cứ

a. Chỉ tìm sự thành thực của tác giả mà thôi, không đủ. Vì người thành thực chưa đủ bảo đảm điều họ nói là đúng với sự thật: họ vẫn bị sai lầm như mọi người.

Vậy tìm sự thành thực của tác giả rồi, cần phải tìm coi điều họ nói có đúng với sự thật không? Tác giả rất có thể là người thành thực lắm, nhưng bị ở vào một trường hợp không thuận tiện cho sự quan sát nên sự nghe thấy sai đi.

Bất kỳ là ai đều không bao giờ chịu tin những lời nói của người điên. Là vì những điều họ nói đều do ảo giác mà ra, không sao có thể dùng làm bằng cứ được. Nhưng nếu không nên tin nơi ảo giác của người điên thì mình cũng phải coi chừng những “thành kiến” và “ảo tưởng” vì đó là những cái mà nhà triết học gọi là “bản ảo giác”.

Chúng ta thường xem sự vật trong đời theo lòng sở nguyện của ta muốn cho nó phải xảy ra như thế nào, hoặc, theo như ta quen thấy nó đã xảy ra. Nếu trái lại, nó xảy ra không chiều theo ý muốn của ta thì ta lại cưỡng ép nó phải chiều theo ta, nghĩa là ta sẽ giải thích nó theo thành kiến của ta. Hoặc nếu nó xảy ra không giống với những điều ta quen thấy thì ta cũng cố cưỡng giải thích nó theo những điều ta đã quen thấy, chứ không chịu thoát khỏi cái tâm lý eo hẹp của ta, để mà độ hiểu hành vi của kẻ khác. Bởi vậy, những câu chuyện của những nhà du lịch kể lại thường không bao giờ đúng với sự thật, hoặc vì, họ gặp phải tâm lý các dân tộc không giống với tâm lý họ, nên họ không thể hiểu được.

Tác giả sai lầm vì thấy sai, nghe sai, hoặc nhớ sai... vì quan sát không đúng, nhận thấy sự vật theo thành kiến của mình, và tưởng rằng mình nhớ trong khi mình chỉ có tưởng tượng thôi.

Tùy theo việc, nếu người thuật lại một câu chuyện mà mình biết chắc rằng người ấy là người chuyên môn và sành chuyện thì lẽ cố nhiên mình có thể tin người đó hơn. Tỉ như, nếu là một y sĩ mà thuật lại về việc bệnh hoạn, tự nhiên mình tin họ hơn tin một kẻ “tay ngang”. Vì chỉ có những nhà chuyên môn mới có thể thấy rành được những chi tiết trong môn chuyên môn của mình, chứ những kẻ không biết gì cả trong đó, dù họ có mở trao trao đôi mắt, cũng không làm gì thấy trong đó có những gì cho đúng được. Bởi vậy, sở dĩ tác giả thành thực nhưng lời họ thuật không đúng với sự thực là tại câu chuyện của họ thuật lại ở ngoài cái tầm hiểu biết của họ. Các y sĩ xem bệnh có bao giờ chịu tin theo những lời khai bệnh của bệnh nhân hay của người nhà người bệnh đâu. Là vì họ biết rằng những người ấy có hiểu gì được về bệnh chứng mà thấy rõ được nó như thế nào.

b. Những tài liệu, nếu không phải là những tài liệu “sốt dẻo” chép lại liền sau khi quan sát hay mục kích, mà chép lại sau một thời gian lâu, tất nhiên phải thận trọng. Ta nên biết rằng: trí nhớ của ta không sao tin cậy được, dù mình nhớ dai đến bậc nào. Những thiên hồi ký trong đó tác giả thuật lại những việc làm lúc nhỏ, không thể trọn tin được. Đó là chưa kể cái lòng tự đắc, thiên vị của tác giả thường có thói “che cái dở, đỡ cái hay” của mình.

c. Tác giả vì phận sự của nghề nghiệp buộc phải biên chép những điều không quan hệ gì đến mình cả. Hoặc như trả lời cho một bản điều tra của nhà chức trách, hoặc làm phóng viên cho nhà báo, tác giả chỉ biên lại những lời nói của kẻ khác mà tác giả đã nghe “lóm” đó đây chứ không phải tự mình quan sát.

Nếu là một anh thuộc viên thuật lại cho ta nghe câu chuyện trong một hội nghị cơ mật thì anh ấy làm gì thuật lại đúng sự thật? Chẳng qua anh ấy nghe lóm một vài mẩu của câu chuyện rồi thì chỗ nào thiếu sót, anh dùng trí tưởng tượng mà bổ khuyết vào cho câu chuyện có đầu đuôi. Đó là anh nhận lầm sự *giải thích* của anh làm *thực-sự*, thành ra trong câu chuyện của anh, ta không biết chỗ nào là thực-sự, chỗ nào là câu chuyện tưởng tượng.

Thường những việc xảy ra trước mắt ta, dễ nhận thấy hơn là những việc xảy ra trong tâm giới. Cho

nên, mỗi khi có người quả quyết một việc thuộc về tâm lý... ta phải biết cho đó chỉ là một ước đoán chứ không phải là một thực-sự. Ở trong trường hợp này ta phải tự hỏi: người ấy có đủ điều kiện cần thiết để ước đoán như thế không? Người ấy có biết cách áp dụng những điều kiện cần thiết để quyết đoán đúng đắn không?

d. Có người thuật lại cho ta nghe một việc, nhưng là một việc do một kẻ khác thuật lại cho họ: đó là thứ tài liệu của một kẻ thứ hai, hoặc của một kẻ thứ ba hay thứ tư thuật lại cũng không chừng. Từ “tài liệu do tay đầu tiên” thuật lại cho ta hôm nay đã trải qua không biết bao nhiêu lần nghe đi nói lại, thì sự sai lạc lại càng to tát là chừng nào.

Lại nữa, những câu chuyện xưa khởi đầu bằng câu: “*Xưa kia, có tích rằng...*” hay “*Có kẻ nói rằng...*” đều là không thể tin là thực sự được. Những câu chuyện do thiên hạ đồn, nhưng không biết đích xác là của ai, đều là những câu chuyện không nên tin vội...

4. So sánh tài liệu

Như ta đã thấy, nguyên nhân sai lầm rất nhiều, nên đối với một việc xảy ra mà chỉ có một người chứng thì chứng cứ ấy không đáng kể. Muốn biết sự thực, cần phải có chứng cứ của nhiều người để so sánh mới có thể tin được.

Nhưng các chứng cứ cần phải được khác nhau, chứ nếu người này chỉ chép lại chuyện người kia thì không thể gọi đó là hai chứng cứ, mà phải kể là có một thôi. Dù có cả trăm người thuật lại, cũng chỉ nên kể là có một chứng cứ thôi.

Tóm lại, nếu hai chứng cứ mà giống hệt nhau, ta không có quyền xem đó như hai chứng cứ. Thật vậy, dù hai người cùng đứng trước một việc, khi thuật lại họ sẽ không bao giờ thuật lại giống nhau từng chi tiết. Trước tòa nếu có hai người chứng thuật lại một câu chuyện giống nhau từng chi tiết, từng lời ăn tiếng nói như trả một bài học thuộc lòng, quan tòa dĩ nhiên sẽ không thể không nghi ngờ rằng đây là một sự a ý của người chứng. Vậy ta có thể kết luận rằng: *Những tài liệu so sánh với nhau, được nhận là đúng nhau khi nào nó giống tương tự nhau thôi, chứ không giống như khuôn.*

Tuy nhiên, lắm khi ta cũng gặp được nhiều chứng cứ giống hệt nhau về một việc. Đó là điều may mắn lạ thường. Nhưng ta cũng phải thận trọng: con người mà chum nhum cho thật đông thường hay bị *ảo giác chung*^[20] mà đồng thấy giống nhau nhưng sai với sự thật. Ảo giác ấy có thể do ám thị của một người thấy sai đầu tiên, rồi thì càng đông người sự truyền nhiễm tư tưởng và cảm giác càng mạnh, người ta bị sai sử theo một ám thị sai lầm không dè.

Trái lại, nếu nhiều người không cùng một phái đảng, không cùng một lý tưởng... lại đồng thanh chứng nhận một việc, thì dĩ nhiên việc đó rất đáng tin hơn hết, vì vô lý cả thiên hạ một thể hệ đều a ý để lừa gạt mình.

Muốn biết một việc là có thật không, người ta hay lấy những sự hiểu biết hiện thời để đối chiếu. Nếu là một việc quả quyết là có thật, nhưng trái với lẽ thường, trái với khoa học thì ta cũng không nên tin liền là có được.

Tuy vậy, ở đời cũng không biết bao nhiêu chuyện có thật mà rất vô lý, lại cũng có không biết bao nhiêu chuyện rất hợp lý lại không có thật. Khoa học chưa phải đã đạt đến mục đích cuối cùng của nó: nó còn đang dò dẫm, tìm kiếm bươi móc những huyền vi của tạo hóa. Cho nên, biết đâu theo quan niệm hiện thời của khoa học, chuyện ấy là vô lý mà vài ba chục năm sau này, chứ đừng nói thế kỷ sau này, khoa học tiến bộ sẽ lại cho đó là hợp lý. Cách vài trăm năm nay nói đến những luồng điện giết người cách ngoài ngàn dặm người ta sẽ cho là vô lý, mà ngày nay chuyện ấy đâu còn là vô lý nữa. Ta lại cũng nên để ý câu này của Diêm Thiết Luận: “*Vì không trông thấy mà cứ không tin thì cũng như con ve sâu không biết tuyết*”.

Nhà làm sử cũng như nhà phê bình, thường cho những điều gì hạp với lý thuyết mình, hạp với điều mình ưa thích là có thể đặt mà thôi, trái lại là không thể có, vì mình không muốn cho nó có, mặc dù nó có thật.

Tóm lại, phương pháp phê bình sử học mà tôi lược thuật đại cương trên đây, không phải chỉ để dùng trong việc nghiên cứu sử mà thôi. Một vị thẩm phán muốn tìm thủ phạm cũng dùng phương pháp phê bình sử học. Thường những sai lầm của công lý là do sự thiếu óc phê bình mà ra. Trong đời sống hằng ngày, bất luận là một tin gì kẻ khác mang lại cho ta, ta phải thận trọng phê bình gặt gao mới được, nhưt là những câu chuyện thiên hạ đồn đãi, hoặc những tin tức của báo chí đưa đến cho ta. Báo chí, thường là một cơ sở buôn bán ở dưới quyền điều khiển của tiền bạc hoặc là những cơ quan tranh đấu chánh trị, thường dễ bị dục vọng chánh trị chi phối và lôi cuốn. Đối với họ, ta phải hết sức dè dặt cho lắm

mới đặt. Bằng không, vô tình ta sẽ là cái môi thơm của họ rất dễ dàng, và nhân thể tự mình làm giảm nhân phẩm của mình để biến thành một con vật hi sinh vô ý thức.

3. ĐỌC BÁO

Ở đây tôi không nói chung đến sự ích lợi của báo chí mà chỉ bàn riêng về sự lợi ích của nó trong vấn đề học vấn.

Người không thích đọc sách cũng thường ưa đọc báo. Có kẻ mỗi ngày đọc năm bảy tờ báo, đọc từ cái tin vặt đến mớ quảng cáo thầy bói thầy khoa. Người ta đọc báo tùy nhu cầu: có kẻ đọc báo để “săn tin”, có kẻ đọc báo để theo dõi những tin thể thao hay tin tòa án và án mạng, có kẻ đọc báo để theo dõi những thiên tiểu thuyết tình tứ ly kỳ hay trinh thám nghĩa hiệp, có kẻ đọc báo để theo dõi kịch trường hay những cuộc giải trí khác... Nhưng, báo có giúp ích gì cho ta về văn hóa chẳng, đó là một vấn đề khác.

Tôi chắc chắn rằng báo chí không giúp được bao nhiêu cho người tự học, tìm cho mình một cơ sở văn hóa vững chắc. Tôi biết có nhiều tờ báo (phần nhiều là tạp chí văn hóa) rất đứng đắn, vì báo cũng có nhiều đường báo. Nhiều tờ báo đăng nhiều bài nghiên cứu về văn học, khoa học, kinh tế, chính trị rất hay, nhưng chỉ có những bậc túc học, bác học, học giả mới đọc mà thôi... Kỳ dư những kẻ học thức tầm thường không thu rút được lợi ích là bao; họ cần phải có một sự dìu dắt từ bước ban đầu. Vì vậy, báo chí đăng những bài nghiên cứu chỉ giúp tài liệu cho những nhà có một cơ sở văn hóa cao và vững vàng, chứ không phải viết cho “tay ngang”, vì vậy ít người đọc được và đọc có hiệu quả. Đọc một bài nghiên cứu về kinh tế, hay chánh trị... người ta định ninh rằng người đọc bài ấy ít ra phải có một số vốn học thức khá khá về đại cương. Bởi vậy đối với dạng độc giả ít học hoặc chưa có một cơ sở học vấn khá, cần phải được người ta chỉ dẫn vào bước đầu, một cách nhẫn nại và tuần tự, có phương pháp. Họ muốn cho ta cầm lấy tay họ mà dắt đi từng bước một, chứ đâu có muốn cho ta mỗi ngày mỗi thay đổi và theo con đường mới. Báo chí chỉ là cơ hội để cho họ tiêu tán và tán mác tinh thần thôi, chứ thực ra không giúp gì cho họ bồi đắp cơ sở học vấn của họ là bao. Hôm nay báo chí bàn với họ về vấn đề Dương Tử, câu chuyện chưa ngã ngũ là ngày mai họ đã bàn về những bức thư tình của Hàn Mặc Tử. Đề tài hỗn tạp làm cho họ biến thành như con bướm giỡn hoa: cái gì cũng “ném” phớt qua mà không có một cái gì là thật biết rõ. Sự thu thập học vấn cần phải có một sự cố gắng hướng về một chiều sâu và khéo nhất trí hơn, chứ bắt họ chứng kiến mãi những cuộc bàn cãi về sử học, về văn học, về những tác phẩm mà họ chưa từng biết đến hoặc biết một cách mơ hồ về những lý thuyết mới về khoa học mà cái này chống báng cái kia, hoặc chữa sửa cái kia, những lý thuyết mà họ “mù tịt” không rõ đầu đuôi gì cả. Các bạn hẳn cũng đã được đọc qua những bài phê bình sách của một vài tạp chí mà dụng tâm của nhà phê bình không phải cố ý trình bày một cách khách quan những quyển sách mình phê bình, mà trái lại, họ phê bình với tánh cách hằn học, thù ghét và vu cáo để cốt dìm kẻ khác đăng nâng cao mình lên, trong khi tự mình cũng chưa biết cách đọc sách là gì cả. Họ đã làm lẫn công kích với phê bình. Có khi họ không đọc hết tác phẩm, chỉ đọc “mớ nhắm”, “cắt xén văn mạch” rồi “vơ đũa cả nắm”, phê bình và lên án liều lĩnh vô cùng, xuyên tạc, vu khống, bắt tác giả nói những gì họ không nói. Độc giả thiếu học thức tin lời và bị họ gạt gẫm. Cũng có nhiều nhà phê bình có óc bè đảng, đề cao và khen tặng quá lời những tác phẩm của bè bạn, bất chấp liêm sỉ của nhà phê bình chân chính. Tuy nhiên, cũng có được một số những nhà phê bình đứng đắn, liêm sỉ giúp cho ta rất nhiều trong việc chọn lựa sách đọc. Nhưng phần ấy thật rất ít. Dù sao, mình cũng không nên quá tin và để cho kẻ khác, dầu họ là nhà túc học, đa văn quảng kiến bậc nào, thay thế ta mà phán đoán suy nghĩ thế cho ta. Đọc sách mà tự mình làm giảm óc phán đoán và suy nghĩ của mình là một điều tai hại vô cùng cho tinh thần độc lập và tự do của mình. Đừng để cho ai “che cái ánh mặt trời của mình” như Diogène đã bảo với Alexander đại đế.

Tôi có biết một vài người suốt đời không bao giờ chịu đọc một quyển sách gì cho kỹ... họ toàn đọc mớ nhắm một vài bài báo tạp chí như Nam Phong, Trung Bắc chủ nhật, Tao Đàn... rồi cũng tự tin là đã

có sẵn một học vấn “uyên thâm” cho phép họ được “mục hạ vô nhân” và xem người bằng nửa con mắt. Còn nói gì có nhiều người có chút tây học chuyên môn đọc báo ngoại quốc, và đọc ròng những bài báo phê bình văn học, chánh trị v.v... rồi tha hồ mà diu dắt quần chúng, dẫn đạo dư luận... Kẻ nào muốn có một cơ sở học vấn chắc chắn không nên phiêu lưu theo dõi sự diu dắt của những nhà “dẫn đạo” ấy. Tôi có biết nhiều nhà “học thức” bàn bạc về Malraux, Jean Paul Sartre, Camus, André Gide, Romain Rolland v.v... hể đưng đến họ là họ kể cho nghe những thuyết Phân tâm học, Siêu nhiên học, Hiện thực học, hoặc Phật học v.v... mà thực ra, trong đời họ, họ chưa từng đọc kỹ một tác phẩm nào của Malraux, Jean Paul Sartre, Camus, André Gide, Romain Rolland, của Freud hay một quyển kinh Phật nào cả... Họ sở dĩ biết được tên những người ấy là nhờ đọc ba bài báo phẩm bình tác phẩm, lịch sử, của những nhà văn ấy trên tạp chí hay trong những quyển văn học sử.

Những bài nghiên cứu đứng đắn ở các báo chí trang nghiêm thật ra không dùng gì được cho những kẻ thiếu căn bản học vấn. Những bài báo ấy chỉ có ích lợi cho những nhà chuyên môn hay học giả mà thôi, để họ theo dõi tình hình hiện tại của khoa học hay văn học trên thế giới. Những báo chí có cao vọng đào luyện học vấn cho quần chúng bằng một cái học truyền bá phổ thông kể ra thật là mỏng manh, vì tự nó muốn đào tạo văn hóa mà miễn phải dùng đến sự cố gắng tinh thần, lại chỉ đi tìm những con đường tắt thì đó cũng đã là sai rất xa với nguyên tắc đầu tiên của văn hóa rồi. Cho nên phần nhiều cái vốn học vấn tìm thấy trong báo chí không có là bao.

Tóm lại những báo chí nghiên cứu đứng đắn thường viết ra cho những người đã có một học vấn khá cao. *Báo chí văn hóa và khoa học chỉ là những món ăn bổ túc, chứ không phải là những món ăn căn bản.* Muốn có được một món ăn căn bản và xây dựng, phải dùng đến những phương tiện khác, tôi muốn nói đến “sách”. “Báo chí chỉ đem lại cho ta những cái có thừa, nhưng lại để cho ta thiếu những cái gì cần thiết”. (3)

Ở thời buổi này, báo chí là hình thức văn học được truyền bá rộng nhất: dù là người dốt cũng như người có học, người giàu cũng như người nghèo đều không sao thoát khỏi ít nhiều ảnh hưởng của nó. Những bài xã thuyết của mỗi tờ báo thường khác nhau, nhưng tựu trung đều đưa ra một tài liệu chung, cốt ý “nhồi nắn” dư luận theo một chiều nào.

Bởi vậy, dù báo chí có cố gắng trình bày sự việc xảy ra hằng ngày một cách hết sức khách quan, thực sự bên trong bao giờ cũng có những ý kiến chủ quan, những phê phán đại cương để tỏ ra những “thái độ” hơn là những “chân lý”. Báo chí là tiêu biểu lý tưởng hoặc những nhu cầu của một hạng độc giả nào. Ngoài ra, báo chí cũng không còn sứ mạng nào khác hơn được nữa, nghĩa là không làm sao vô tư khách quan được.

Bởi vậy, các sự việc xảy ra đều được họ trình bày theo những khía cạnh thuận lợi cho quyền lợi và chánh kiến của họ, còn những gì không lợi cho họ, họ giả lờ bỏ qua, hay chỉ nói phớt qua cho có. Như thế, đọc báo mà chỉ đọc “chết” một tờ chỉ dù có thiện chí đến bậc nào, óc sáng suốt cũng sẽ có ngày mờ tối, óc phê bình cũng sẽ có ngày lệch lạc.

Muốn thấy đặng sự thật, phải đọc báo như đọc sử, nghĩa là phải biết phê bình như người ta phê bình sử liệu.

4. ĐỌC NHỮNG SÁCH VỀ THIÊN VĂN VÀ ĐỊA LÝ

a. Con người trong Vũ trụ

Như ta đã biết, người có cao vọng xây đắp cho mình một cơ sở học vấn đứng đắn, không thể không khởi sự bằng nghiên cứu học hỏi về mình trước hết. Biết mình là cái học đầu tiên của người trí thức.

Con người không phải là một sinh vật độc lập trong hoàn vũ, mà là một sinh vật sống trong hoàn vũ. Người học thức không thể sống giam mình trong “lũy tre xanh”, mà phải có một sự hiểu biết về những cái gì xa xăm trong không gian và thời gian mới được. Không có được sự hiểu biết ấy thì có khác nào kẻ sống trong một thung lũng, không bao giờ vượt ra khỏi những dãy núi chung quanh, suốt đời giam mình trong một vòng chân trời eo hẹp... Họ cần phải biết vượt thời gian và không gian để mà nhìn cao và nhìn rộng, biết rõ được hoàn cảnh xã hội của mình đang sống, biết đặt hoàn cảnh xã hội ấy trong một khung cảnh rộng hơn và bao bọc nó, đem dân tộc mình sánh với dân tộc khác, biết đem nhân loại đặt trong một khung cảnh rộng hơn là vạn vật trong vũ trụ... Muốn được vậy thì cần phải nhờ đến khoa thiên văn để mở rộng nhãn quan của ta ra ngoài vũ trụ.

Thiên văn học là một ngành học rất cần thiết để cho ta nhận thấy cái địa vị con người trong vũ trụ là như thế nào. Địa vị của thiên văn học phải có một chỗ ngồi xứng đáng và quan trọng trong cái học về con người.

Có bao giờ các bạn ngồi trước mặt bể bao la, nhìn thấy cái mênh mông của những lượn sóng trùng dương mịt mù trước mắt, bạn có những cảm tưởng như thế nào? Có bao giờ bạn nằm ngoài bãi cỏ hay trên núi cao, mắt nhìn bầu trời bao la với hàng triệu ức ngôi sao lấp lánh và khi bạn biết rằng mỗi vì sao ấy có thể là một vàng thái dương to lớn mấy trăm ngàn lần thái dương hệ của ta đang ở, khi mà bạn biết rằng ánh sáng của nhiều vì sao, như vì sao Bắc Đẩu, phải để 36 năm trời mới đến hành tinh ta, mà ánh sáng thì đi nhanh đến mức 300.000 cây số một giây đồng hồ... Đó là chưa nói đến những tinh vân mà mắt ta thấy được, như tinh vân Andromède, ánh sáng từ đó đến ta phải để cả triệu năm mới tới... Thế thì không gian quả là vô tận mà thời gian lại cũng vô cùng. Tầm thân nhỏ bé của con người với trăm năm là hạn, ví với cái không gian vô tận, với cái thời gian vô cùng của Vũ Trụ thì không thể còn so sánh được nữa, không thể nói rằng ta đối với Vũ Trụ chỉ là một hạt cát trong bãi sa mạc, một giọt nước ở Thái Bình Dương... Cảm tưởng bạn như thế nào ở giữa cảnh vô biên vô tận của trời đất? Pascal đã nói: *“Sự lặng thinh của những khoảng không gian vô tận này làm cho tôi kinh khủng!”*. Nó là mối phát sanh những tư tưởng thanh thoát đưa con người ra khỏi những cảm tưởng nhỏ nhen ti tiện và chật vật của cuộc đời vật chất... và gây cho mình có nhiều tư tưởng thâm trầm về ý nghĩa của nhân sinh.

Nói thế không phải bảo ta phải đọc sách và nghiên cứu khoa thiên văn như những nhà bác học thiên văn. Khoa học này đòi hỏi nơi ta nhiều năng khiếu đặc biệt và học vấn sâu rộng mà không phải ai ai cũng làm được. Ta chỉ cần học nơi khoa Thiên văn học trước hết hai điều cương yếu này thôi:

- Nhận chân rằng, *có một trật tự thiên nhiên vĩnh cửu trong trời đất vạn vật và bất di bất dịch mà người ta gọi chung là luật của tạo hóa*: Không một vật nào trong Vũ trụ mà thoát khỏi định luật tự nhiên ấy, từ một cái cực tiểu đến cái cực đại của trời đất.

- *Quả địa cầu ta ở đối với vũ trụ thì nhỏ bé không thể nói, cũng không phải là trung tâm của vũ trụ* như ngày xưa người ta đã tin. Không biết rằng vũ trụ mênh mông vô tận, cho rằng những con đường di chuyển của mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao mà ta thấy đây là những con đường di chuyển thật, đó là nhìn sai cả sự thật.

Muốn có được một ý niệm tổng quát và rõ ràng về vị trí của quả địa cầu ta ở đối với các vì hành

tinh, tinh tú trên không gian vô tận, một quyển sách về thiên văn học đại cương đủ rồi. Sách Việt tôi chưa thấy có quyển nào đáng kể^[21]. Về sách Pháp, nên đọc các quyển *Initiation Astonomique* của Camille Flammarion (Hachette), *Le ciel et l'Atmosphère* của L. Houllévigne (A.Colin), quyển *Le Destine des Etoiles* của Svante Arrhénius (Alan), hoặc quyển *De l'Espace à l'atome* của Carl Stormer (Alcan)... Quyển *Le Ciel* của Alphonse Berget (Larousse) là một quyển phổ thông rất hay, đã rất dễ đọc lại đọc một cách say sưa cho bất cứ ai có một cái học ngoại ngữ cỡ cử nhân ngày nay, cỡ trung học đệ nhất cấp ngày xưa thời Pháp thuộc.

Trước khi chấm dứt chương này, tôi xin trích dẫn lời nói sau đây của Alphonse Berget, để gọi là tạm kết luận:

“Khi bàn đến khoa thiên văn học người ta đã bảo rất đúng rằng đó là “khoa đẹp nhất”. Thật vậy, chỉ nhờ có nó mà thôi; nhờ chiêm vọng bầu Trời mà tinh thần ta được nâng cao trên những quan niệm cao cả nhất; trong khi nó giúp ta quen thuộc với những ý niệm về sự vô cùng của không gian và sự vô tận của thời gian, nó chỉ cho ta thấy rõ cái nhỏ bé không đáng kể của ta trong Vũ trụ, nhưng đồng thời cũng chứng minh rằng đầu óc con người “to rộng” là bậc nào mới có thể hiểu biết được nổi những kỳ diệu ấy”^[22] (On a dit très justement, de l’Astronomie, qu’elle était “la plus belle des Sciences”. Elle seule, en effet, élève notre esprit, par la contemplation du Ciel, aux conceptions les plus hautes; en l’accoutumant à ces deux notions de l’Infini de l’Espace et de l’Infini du Temps, elle nous montre combien nous sommes peu de chose dans l’Univers, et, cependant, combien est grand le cerveau de l’homme pur avoir pu s’élever à l’intelligence de toutes ces merveilles).

Học được bấy nhiêu cũng đã là đầy đủ lắm rồi. Người học thức mà thiếu sự hiểu biết ấy là một thiếu sót rất quan trọng vậy.

b. Con người trong thời gian

Sau khi đặt địa vị con người trong vũ trụ, ta cũng cần đem cái đời sống ta mà đặt vào một khung cảnh co hẹp hơn, là *nhân loại*. Vậy, ta phải tìm trở lại trong thời gian cái nguồn gốc nhân loại, tức là tìm mà hiểu biết sự phát sinh đầu tiên của con người trên mặt đất và sự tiến bộ của nhân loại trong từng giai đoạn của nó trong lịch sử. Đặt nhân loại vào hoàn cảnh tự nhiên của thuở ban đầu, đâu phải chỉ để thỏa mãn óc hiếu kỳ của một đầu óc biết nhìn lại quá khứ mà là một cần thiết cho sự hiểu biết thâm sâu cái đường lối tiến bộ của con người trong thời gian và không gian.

Tôi xin giới thiệu các bạn quyền *La Terre avant l'histoire* của Edmond Perrier. Quyền này là một cái thang nối lại lịch sử và những khoa vật lý. Mục sách tham khảo rất đầy đủ để cho ai muốn đi sâu vào vấn đề có thể tìm kiếm được dễ dàng. Quyền *La Vie et la Mort* của Dastre (Flammarion) rất hay và rất dễ hiểu. Đọc xong nó, ta có thể có được một mớ kiến thức căn bản để đọc tiếp những quyền sâu sắc và khó khăn hơn như: *La Genèse des espèces animals* (Alcan), *L'Adaptation* (Doin) của Lucien Cuénot, hoặc những quyền như: *Le Transformisme et l'Expérience* (Alcan), *L'Hérédité* (Colin), *L'Evolution et l'Adaptation* (Chiron) của Etienne Rabaud, nhất là quyền *Éléments de biologie générale* (Alcen) cũng một tác giả.

Nhờ đọc những quyền trên đây, ta có thể đi từ tinh vân đến sự phát sinh con người trên quả địa cầu.

Muốn truy tìm đến nguồn gốc của nhân loại, chúng ta cần phải quay về tiền sử. Trước hết chúng ta là người Đông Phương, tiền sử các nước láng giềng như Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản không thể bỏ qua. Cổ học của Trung Hoa lại rất cận với ta, phải được quyền ưu tiên chọn lựa^[23]. Một cái vốn hán học để đọc nổi cổ văn là tối cần cho bất cứ người nào muốn có một nền học vấn vững chắc. Kế đó phải để ý đến các nước Tây Phương, nhất là về lịch sử thời trung cổ Âu châu. Nhưng cái học cổ điển Tây Phương, cũng như cái học cổ điển Đông Phương đều là những cái học rất khó khăn và phải tốn nhiều công phu. Đọc nổi một bài văn cổ đâu phải là dễ. Người học thức Việt Nam ngày nay không thể là một người chỉ biết có một thứ tiếng mẹ đẻ mà thôi, ít ra cũng phải có một cơ sở về sinh ngữ tối thiểu về Hán văn, Pháp văn hay là Anh văn. Những dân tộc hậu tiến là những dân tộc cần phải biết được nhiều ngoại ngữ chừng nào hay chừng nấy... mới mong theo kịp các nước tiền tiến – mới có thể gọi là “đa văn quảng kiến”.

c. Con người trong không gian

Muốn rõ được vị trí con người trong không gian, tức là muốn biết thế giới chung quanh ta, phải cần đến những sách về địa lí, du kí.

Nên đọc quyển *Ce monde où nous vivons* của Lincoln Barnet (Hachette). Hình ảnh rất đẹp và bài vở chọn lựa, cách trình bày hấp dẫn, thật là một quyển sách quý.

Các sách giáo khoa về Địa lí, nhất là quyển *Géographie Générale Illustrée* (Quillet xuất bản) dưới quyền giám đốc của Maurice Allain với sự cộng tác của các ông Elicio Collin, Hardy, Vallaux và Weulersse cần phải có trong tủ sách. Phải có một quyển địa đồ đầy đủ. Hiện thời các nhà xuất bản Quillet, Hachette, Colin có cho in ra nhiều quyển địa đồ rất đầy đủ, quyển nào cũng dùng được cả.

Cũng cần đọc những quyển du kí và những quyển sách bàn về tâm hồn của từng dân tộc. Muốn biết về dân tộc Tây Ban Nha thì nên đọc những quyển *Essence de l'Espagne* của Miguel de Unamuno (bản dịch tiếng Pháp của Marcel Bataillon, Plon, 1923), quyển *L'Espagne moderne vue par ses écrivains* của Henri Guerlin (Perrin, 1924); – về dân tộc Anh thì nên đọc quyển *Histoire de la littérature anglaise* của Taine (Hachette, 5 quyển), quyển *Nouvelles Études anglaises* (1910), quyển *L'Angleterre et la guerre* (1915) của André Chevrillon (Hachette), quyển *L'Angleterre moderne, son évolution* của Louis Cazamian (Flammarion, 1911); – về nước Đức thì nên đọc quyển *L'Allemagne moderne, son évolution* (Flammarion) của Henri Lichtenberger, quyển *Panorama de la littérature allemande contemporaine* của Félix Bertaux (Kra, 1928); – về nước Nhật thì nên đọc *Société Japonaise* (Plon), quyển *Nouveau Japon* (Perrin) của Bellesort, quyển *Japon* của Emile Hovelacque (Flammarion). Không nên bỏ qua quyển du kí *Journal d'un Philosophe* của Hermann de Keyserling (Stock).

Lại còn có một cách khác để hiểu biết tâm hồn của một dân tộc là đi sâu vào sự nghiên cứu những tác phẩm trứ danh của mỗi dân tộc, nghĩa là nghiên cứu văn học của dân tộc đó.

Muốn biết về tâm hồn dân tộc Anh thì nên đọc sách và dịch của Shakespeare, nhất là những quyển *Hamlet* (Fasquelle, bản dịch của E. Morand và Schwob, hoặc của Guy de Pourtalès (Gallimard)), quyển *Antoine et Cléopâtre* (bản dịch của A. Gide), quyển *Roméo et Juliette* (bản dịch của Koszul), *Macbeth* và *Othello* (bản dịch của Derocquigny), *Jules César* (bản dịch của Ch. M. Garnier), *La Tempête* (bản dịch của Aynard).

Tiểu thuyết của Dickens thì nên đọc *David Copperfield* (Hachette), *Moel Flanders* của Daniel de Foé (bản dịch của Marcel Schowob).

Muốn hiểu về tâm hồn nước Đức thì nên đọc sách của Goethe như *Faust*, *Werther*, *Les Affinités électives*, *Les Années d'Apprentissage* và *Les Années de voyage de Withelm Meister*, *Vérité et Poésie* (bản dịch của Porchat do Hachette xuất bản), quyển *Correspondance avec Schiller* (Plon) bản dịch của Lucien Herr, quyển *Conversations avec Eckermann* (Charpentier) bản dịch của Emile Délerot.

Đọc sách của văn hào Heine, thì nên đọc những quyển *De l'Allemagne*, *Lutèce* (Calmann Levy). Đọc Hoffmann thì đọc *Contes fantastiques*, bản dịch của X. Marmier (Fasquelle). Đọc Schopenhauer thì nên đọc *Aphorismes sur la sagesse dans la vie*, và nếu có một căn bản học vấn khá cao thì nên xem cả bộ *Le Monde comme Volonté et comme Représentation* (bản dịch của Burdeau). Về nhà văn Nietzsche, thì tất cả sách của ông, đọc quyển nào cũng được cả.

Muốn nghiên cứu hiểu biết về tâm hồn nước Ý thì nên đọc trước hết nhà văn hào Dante, quyển *La*

divine comédie (bản dịch của Lamennais (Didier) là hay nhất). Cũng nên đọc tác phẩm *Mémoires* của Benvenuto Cellini (bản dịch của Leclanché). Sách của Annunzio thì đọc những quyển *L'enfant de volupté*, *Le Feu*, *Le Triomphe de la Mort*, *Les Vierges aux Rochers* (Calmann-Lévy).

Về Tây Ban Nha, nên đọc *Don Quichotte* của nhà đại văn hào Cervantes. Bản dịch hay nhất của Viardot hoặc của Xavier de Cardaillac và Jean Labarthe (Toulouse, Edouard Privat 1927).

Về văn hào Lope de Vega thì đọc *Théâtre* (bản dịch của Damas Hinard). Đọc của Sainte Thérèse quyển *Vie écrite par elle-même* (Beauchesne, 6 quyển).

Về Nga, thì nên đọc sách của Tolstoi, nhất là những quyển *La Guerre et la Paix* và *Anna Karénine* (Hachette). Đọc sách của Dostoiewski thì nên đọc *Crime et Châtiment* bản dịch của Derély (Calmann-Lévy), *Frères Karamazov* bản dịch H. Mongault và Leval (Bossard), *Possédés* và *Confession de Stravroguine*, bản dịch của Chuzeville (Bossard), *L'Idiot* (Plon), *Humiliés et Offensés* (Plon) – Về nhà văn hóa Kropotkine thì nên đọc *Autour d'une vie* (bản dịch của Martin và Leray, Stock).

Đây là sơ lược những sách mà ta cần phải đọc để có một ý niệm về văn tài cũng như về tâm hồn các dân tộc khác ta. Dù sao ta nên biết rằng trên đây chỉ nói về những tác phẩm được dịch ra tiếng Pháp là tiếng ngoại ngữ mà người Việt được biết nhiều nhất. Những ai không đọc được tiếng Pháp hay tiếng Anh thì đành phải chịu vậy mà đọc qua một vài tác phẩm ngoại quốc đã được người ta bắt đầu phiên dịch, nhưng hiện thời tôi chưa thấy được một bản dịch nào xứng đáng có thể giới thiệu cho các bạn được.

Ta cũng cần phải quan tâm nghiên cứu đến ảnh hưởng của địa lý đối với đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Ảnh hưởng của thời tiết, của khí hậu, của thổ nghi, của địa cuộc, của cảnh vật thiên nhiên đối với sức khỏe, tính tình, tư tưởng của con người rất là quan trọng.

Vấn đề này nên đọc quyển *Géopsyché* của bác sĩ Willy Hellpach (bản dịch chữ Pháp của bác sĩ F. Gidon – Payot) trong đó trình bày một cách tinh tường ảnh hưởng của địa lý đối với tâm hồn con người. Cũng nên đọc *La Géographie Humaine* của Maurier Le Lannou (Flammarion), *L'Homme et le Sol* của Henri Prat (Gallimard), *Géographie psychologique* (Gallimard) của Georges Hardy, *L'Homme et la Côte* (Gallimard) của Marcel Hérubel, *Géographie dt Religions* (Gallimard) của Pierre Deffontaines, *L'Homme et le Vent* (Gallimard) của E. Aubert de la Rue, *Géographie des frontières* (Gallimard) của Jacques Ancal và *Esquisse de Géopolitique* của Ernest H. Short (Payot).

Người xưa khuyên người trí thức phải có một cái học “*thượng tri thiên văn, hạ tri địa lí, trung tri nhân sự*” thật là chu đáo. Phải chăng đó cũng là cao vọng của tất cả mọi người hiếu học, mong mỗi có được một nền học vấn rộng rãi và vững vàng.

CHƯƠNG THỨ SÁU. HỌC NHỮNG GÌ

Như ta đã thấy trước đây, đọc sách mà muốn có được kết quả văn hóa phải là một công trình học tập, chứ không thể là một công việc giải trí của những kẻ nhàn hạ.

Học, không có nghĩa là chỉ để ứng dụng lập tức, mà trước hết phải là một công trình văn hóa, nghĩa là công việc đào luyện trí não và tinh thần.

Vấn đề học văn và văn hóa là vấn đề mà từ lâu người ta đã suy nghĩ và đặt ra khi lập ra chương trình học chính cấp trung học. Đứng về phương diện nguyên tắc thì chương trình học văn ở các cấp trung học phải là một chương trình văn hóa.

Như chúng ta điều biết: Cấp tiểu học là cấp chỉ lo dạy cho trẻ em một mớ kiến thức cần thiết và cấp bách trong một thời gian hạn định. Dù làm nghề gì, một người sống trong thời đại văn minh này cần phải biết đọc, biết viết, biết tính toán, biết một mớ kiến thức về vệ sinh, về khoa học thường thức, về văn phạm và sử kí, địa dư. Đó là điều mà không ai có thể cãi gì được nữa.

Cũng như cái học của cấp Đại học là lo đào tạo những chuyên viên, những luật sư, những y sĩ, những nhà lý học, ngôn ngữ học, sử học hay triết học v.v... Còn về sứ mạng của cấp Trung học là như thế nào?

Nếu người ta hiểu rằng cấp Trung học là cấp lo dự bị cho học sinh lên Đại học tức là người ta hiểu nghịch lại. Đành rằng, tùy theo mỗi nước, giữa cấp Tiểu học, học sinh rời trường lồi mười hai, mười ba hay mười bốn tuổi, và cấp Đại học thu nhận sinh viên lồi mười bảy tuổi, mười tám tuổi, cấp Trung học thường là cấp học khoảng giữa từ mười ba đến mười bảy nghĩa là bốn năm hay năm năm. Khoảng ấy dùng để làm gì? Tiếp tục chương trình học của cấp tiểu học ư? Nếu muốn tiếp tục thì người ta đã lập thêm cấp “*Cao đẳng tiểu học*.” mà ở đây gọi sai lầm là “*Trung học đệ nhất cấp*”. Còn bảo nó là lớp dự bị để vào Đại học thì cũng sai, vì nói thế người ta lại chỉ xem đám học sinh này như là những nhà chuyên viên tương lai sao, và như thế thì cứ mở ra những lớp dự bị để học chuyên môn cũng đủ rồi, người ta sẽ tiết kiệm được một cấp Trung học, rất có lợi cho ngân quỹ. Dĩ nhiên là nó phải có một sứ mạng riêng của nó. Sứ mạng ấy như thế nào?

– Tất cả các nhà giáo dục trên thế giới đều đồng ý với nhau về điểm này: Cần phải lợi dụng thời gian cấp Trung học này, giữa cấp Tiểu học và Đại học, để dạy cho trẻ em một cái vốn hiểu biết căn bản thuần túy, dạy cho chúng biết sử dụng óc thông minh và tình cảm tốt đẹp, tạo cho chúng một nếp sống tinh thần, một phương pháp làm việc có lẽ lối và học hỏi kiểu mẫu, sửa chữa cho chúng những sai ngoa về tư tưởng và khuynh hướng sai lầm, đồng thời tu bổ và khởi phát những khả năng tốt đẹp chưa có cơ hội phát triển đúng đường lối.

Như thế, cấp Trung học có sứ mạng là lo tu tạo, bồi dưỡng, nuôi nấng cái tiềm lực của con người. Vậy chứ những thói quen, nếp sống, cũng như những khuynh hướng của con người không phải là những tiềm lực đang nằm yên lặng lẽ trong đáy lòng của con người sao? Nói tắt một lời, lối dạy dỗ ở cấp Trung học phải biết làm sống lại cái sống tiềm tàng trong con người, tức là cái học về bề sâu, cái học về con người sâu thẳm của mình.

Đành rằng cái học ở Tiểu học hay ở Đại học cũng đâu có hoàn toàn quên hẳn được cách đào luyện những nếp sống cùng những khuynh hướng tốt. Nhưng ở cấp Tiểu học, sự truyền giáo cho học sinh một mớ kiến thức thực dụng để ra đời, phải được thi hành cấp bách: Đứa trẻ sắp lìa nhà trường để ra đời và sống với cái vốn học thức ấy. Còn cấp Đại học thì chỉ chuyên tạo những chuyên viên, tức người biết dùng tài năng mình trong một ngành hoạt động hạn định theo nghề nghiệp mình. Dĩ nhiên là lối giáo dục các nhà chuyên môn cũng phải đào tạo cho họ những nếp sống và khuynh hướng của một nhà

chuyên môn, nghĩa là hạn định, để làm thành một luật sư, một y sĩ hay một sử gia giỏi thôi. Thực ra, ở đây người ta đâu có nhắm vào sự đào luyện chung về tình cảm, có óc thông minh và tánh khí của một con người toàn diện.

Như vậy ta thấy, chương trình và phương pháp dạy dỗ ở cấp Trung học, theo nguyên tắc, phải là chương trình và cách dạy dỗ để đào luyện óc thông minh, tình cảm và tính khí con người, nghĩa là đào luyện tinh thần toàn diện của con người, hay nói một cách khác, phải là một chương trình văn hóa.

Nói thế là tôi muốn nói, nếu ta muốn lập một chương trình học văn và văn hóa là phải bắt chước lấy chương trình văn hóa của cấp Trung học. Chương trình ấy hiện thời, vì hoàn cảnh xã hội một phần nào, đã không thực hiện đúng với nguyên tắc của nó, nhưng đó lại là một vấn đề khác. Và vì thế mà chúng ta cần phải làm lại học văn văn hóa của ta.

Hiện thời nếu muốn đào tạo cho mình một cơ sở học văn và văn hóa trung bình, ta cần để ý đến mục đích và phương pháp giáo dục của cấp Trung học ở những nước tiên tiến nhất. Ta thấy những nhà giáo dục cao thâm nhất đều dành cho cấp học này phần ưu tiên văn học và dành cho những bài tập-luyện văn-học thời giờ nhiều nhất, mặc dù sự đào tạo một căn bản học văn về khoa học là cần thiết. Giáo dục về văn học không phải chỉ rỗng ở sự học hỏi kỹ lưỡng về tiếng mẹ đẻ mà lại cũng cần chuyên chú về những bài tập về dịch thuật những bài văn ngoại ngữ qua tiếng mẹ đẻ, nghĩa là tập đem tư tưởng của người ngoại quốc mà biểu diễn bằng tiếng mẹ đẻ.

Chương trình Trung học cũng dành cho những khoa về sử học một địa vị không kém quan trọng, nhưng không có tính cách nhồi sọ và bắt đầu óc của học sinh phải nhớ những sự kiện, những niên biểu, những tên tuổi các nhân vật lịch sử cùng những câu chuyện vụn vặt, mà nó chỉ là một phương thế dạy cho học sinh cái “ý nghĩa” của những gì đã xảy ra trong lịch sử. Người ta muốn dùng sử để tập cho ta óc tưởng tượng, lý luận cùng đức dục, đồng thời tập cho ta phép phê bình sử liệu. Và nhất là bên Pháp, chương trình cuối cùng bao giờ cũng bắt buộc phải học một năm triết lý, dù là ở ban toán cũng phải dạy về triết lý khoa học và triết lý đạo đức. Ở các nước khác, triết học là môn học cao đẳng và dành riêng cho nhà chuyên môn. Bên Pháp thì triết học là khoa bổ túc cho chương trình văn hóa tổng quát.

(3)

Đó là đại cương những nét đặc biệt nhất của nền học chính Trung học, trong đó có thể tóm tắt như thế này:

Học viết, biết đem ý tưởng của tiếng nói nước này sang qua tiếng nói của một nước khác, biết hướng mình trong thời gian và không gian, biết phân biệt được những gì có thể chứng minh được bằng lý luận và thực nghiệm với những gì không thể chứng minh được, biết đào luyện óc sáng tác, biết tổ chức lại tư tưởng của mình cho có trật tự và nhất trí bằng triết luận. Và phải chăng đó là một chương trình kể ra khá gọi là đầy đủ cho những người có cao vọng tạo cho mình một cơ sở học văn có căn bản. Nhưng chương trình học tập này cần phải bổ túc bằng hai điều kiện này nữa là:

1. Phải tìm cách nhận thức ngay sự vật bằng mắt thấy, tai nghe, bằng du lịch;
 2. Đào luyện cảm giác và tình cảm bằng cách sống trong cảnh thiên nhiên và bằng nghệ thuật.
-

A. HỌC VIẾT VĂN

Đào luyện nhãn thức, phương pháp muôn đời là tập làm văn^[24].

Thật vậy, *làm văn hay* tức là tư tưởng đúng đắn mực thước, tức là biết phân tích tinh tế tình cảm của mình, tức là biết dùng danh từ đúng với tình ý và tư tưởng của mình, nghĩa là biết so sánh, cân nhắc, biết dùng những câu văn sáng sủa mà hàm súc, gọn gàng và bóng bẩy, chứ không phải như những kẻ cầu kì phiền phức, dùng toàn sáo ngữ mà không nói được một ý nghĩ gì tân kì. Viết được một bài văn hay tức là mình đã đào luyện cho mình được cái khiếu biết điều hòa và mực độ, biết lợi dụng những phương tiện nghệ thuật để biểu diễn tư tưởng tình cảm mình, một cách nhẹ nhàng.

Người ta bảo, ngoài phép viết văn, cũng còn rất nhiều nghệ thuật khác có thể giúp ta đào luyện nhãn thức như *vẽ, họa, nhạc* v.v... Nhưng, nghệ thuật viết văn có tính cách thực dụng hơn. Nhạc, thì ta có thể cảm được hay không cảm được, nhưng nói ra được cái cảm của mình thật là khó mà thực hiện cho rõ ràng được. Một bài văn hay, xem qua có thể biết liền và ta có thể nói ra được cảm tưởng của mình, người dạy cũng có thể giảng ra được cái hay của nó.

Làm cách nào để tập viết văn?

Trước hết cần phải *viết cho thường*. Người ta bảo: Có thường rèn giũa mới thành anh thợ rèn giỏi. Có thường viết, người viết văn mới thành nhà văn.

Dĩ nhiên là khi làm văn, ta phải có óc phê bình tối thiểu về nghệ thuật viết văn để khỏi phải sa vào lối viết văn tầm thường của những nhà văn hạng rẻ tiền, chỉ viết bừa bãi mà không biết mình muốn nói gì. Dĩ nhiên là cũng phải có một học vấn tối thiểu về nghệ thuật viết văn, phải biết cách lựa chọn tài liệu, sắp đặt ý tứ, trình bày hấp dẫn, kết luận tân kỳ.

Về nghệ thuật viết văn, sách Việt dường như chưa có quyển nào đầy đủ đáng kể ngoài bộ *Luyện văn* của Nguyễn Hiến Lê. *Thuật viết văn* của Nguyễn Văn Huyên, do Cơ sở Báo chí Tự Do xuất bản thì quá đơn giản và chỉ dùng cho học sinh cỡ Trung học thôi. Sách Pháp ngữ thì nên đọc bộ *L'Art d'Écrire enseigné en 20 leçons, La Formation du Style* và *Le Travail du Style enseigné par les corrections manuscrites des grands écrivains*, của Antoine Albalat, quyển *L'Art de la Prose, Conseils sur l'Art d'Écrire* của Gustave Lanson, quyển *L'Apprentissage de l'Art d'Écrire* của Jules Payot. Quyển này thật hay.

Có một nhóm sinh viên trường Đại học Sư phạm bên Pháp dùng đến phương pháp này để tập viết văn. Mỗi tối, một người trong nhóm đọc lớn lên một bức thư của nhà đại văn hào Voltaire, mà mỗi người, qua ngày sau phải viết lại bức thư ấy. Dĩ nhiên, là mỗi người mỗi viết một cách. Tuy nhiên, khi nghe đọc văn của Voltaire, một lối văn cực kì giản dị, sáng sủa thì không một ai là không nghĩ rằng có khó gì mà không viết được những điều dễ dàng và tầm thường như thế! Nhưng khi cầm bút viết lại, họ mới cảm thấy khó khăn vất vả. Ý tưởng mất lần sự tế nhị, giọng mỉa mai lại mất sự nhẹ nhàng... Có nhiều bài đầy dẫy chi tiết nặng nề và phải viết có trên mười hàng trong khi Voltaire chỉ viết vắn tắt có ba hàng. Bấy giờ đem đọc lại với nguyên văn, mỗi người mỗi thấy những lỗi vụng về của mình, bấy giờ mới hiểu biết thế nào là văn hay và gọn ghẽ. Chừng ấy mỗi người mới biết rằng lối văn mà ta thường gọi là văn dễ dàng giản dị đâu phải là lối văn dễ viết. (3)

Đó là phép làm văn bằng cách theo gương mẫu các đại văn hào. Cần phải tập viết lối văn tự nhiên mà hàm súc, giản dị và nhẹ nhàng, chứ đừng bắt chước lối văn tầm tối, cầu kì, đa đoan gút mắt. Văn luận thì cần phải có dục có luận xen nhau thì văn mới được linh hoạt.

Văn là người. Người mà tâm hồn chất phác thật thà thì văn cũng chất phát thật thà. Tư tưởng mà được hàm dưỡng, thì lời văn hàm súc sâu xa. *Cho nên học làm văn, cần phải học làm người trước.*

Viết văn hay rất khó và không phải ai cũng làm được, nhưng viết văn đừng cho dở lắm thì ai ai cũng có thể làm được cả, miễn mình biết tránh lối viết bằng sáo ngữ và biết nói thẳng những gì mình đã nghiền ngẫm lâu ngày.

B. HỌC DỊCH VĂN

Muốn học viết văn cần phải học dịch văn. Đó là phương pháp hay nhất để viết văn hay, mà đó cũng là ý kiến của phần đông các thức giả từ xưa đến nay.

Là tại sao? Bất cứ ai cũng nhận thấy rằng dịch văn là khó. Thà là mình viết, thì viết sao cứ viết, chứ dịch văn phải giữ ý của tác giả, lựa chọn chữ dùng cho thích đáng, không được viết bừa. Ta bị bắt buộc phải thật hiểu ý của tác giả và những danh từ, trạng từ, tính từ cùng động từ mà tác giả đã dùng. Đó là một cách bắt buộc ta phải biểu diễn cho thật đúng một ý tưởng, không được miễn cưỡng dùng sai, dùng tạm.

Muốn dịch văn cần phải nhớ hai nguyên tắc chính này:

1. Phải đi từ cái chung đến cái riêng, tức là đi từ cái ý chính của đoạn văn mà tìm hiểu ý nghĩa những chi tiết, những từ ngữ, những bút pháp của tác giả đã dùng để biểu diễn tư tưởng của mình. Vì vậy, đừng có lật đật tìm từ điển mà phải lo đọc trước cho thật kỹ bài văn, đọc đi đọc lại đôi ba lần cho đến khi nào thoáng hiểu được cái thâm ý của tác giả, đạt được cái ý chính của đoạn văn, bấy giờ sẽ tìm hiểu cái vai trò của mỗi câu trong đoạn văn và cái ý nghĩa của từng chữ trong câu văn. Sau đó mới tìm những danh từ tương đồng để dịch ra cho sát ý. Ta nên nhớ rằng mỗi danh từ đều có nhiều nghĩa, tùy vị trí của nó trong câu, tùy ý tưởng chung của đoạn văn mà nó có một nghĩa nào đó. Nếu cứ lật từ điển mà tìm chữ tương đương dịch càn dịch bướng, bất chấp mạch lạc của câu văn và đoạn văn, bài dịch sẽ không sao trung thành được với nguyên văn. Hơn nữa cũng phải rõ bút pháp của tác giả. Như dịch văn Anatole France mà chỉ dịch ý, bất chấp cách hành văn rất trào lộng u mặc, thì còn hương vị gì nữa!
2. Người dịch văn mà có kinh nghiệm bao giờ cũng theo cái lý mà dịch, chứ không căn cứ vào sự tương đồng về hình thức của câu văn. Có những từ ngữ bề ngoài giống nhau mà trong thực sự không đồng nghĩa với nhau. Dịch cổ văn lại càng khó: danh từ dùng ngày xưa với ngày nay có khi khác nhau rất xa, nếu cứ hiểu theo nghĩa ngày nay thì dịch sai đến vạn dặm. Tiếng Anh mà dịch qua tiếng Pháp cũng rất khó. Như chữ *To be agreeable* đâu phải luôn luôn có nghĩa là “*être agréable*” mà thường lại có nghĩa là “*consentir à*”; chữ “*evidence*” của tiếng Anh không phải đồng nghĩa với tiếng “*évidence*” của tiếng Pháp, mà thường có nghĩa là “*preuve*” hay là “*témoignage*”...

Muốn dịch văn Anh ra văn Pháp, nên xem quyển “*Les faux amis ou les trahisons du vocabulaire anglais*” của Maxime Koessler và Jules Derocquigny (Vuibert xuất bản). Những từ ngữ mà những tác giả trên đây gọi là “bạn giả” (faux amix), tiếng nước nào cũng có. Vậy phải thận trọng (3).

Tóm lại, dịch văn là phương pháp hữu hiệu nhất để tập cho ta biết tôn trọng lý luận và biết biểu diễn trung thành tư tưởng của mình trong khi biểu diễn lại một cách trung thành tư tưởng của kẻ khác.

Như ta đã thấy trước đây, chương trình học vẫn có thể tóm trong ba điều này:

1. có một kiến thức rộng rãi về sử học, then văn và địa lý;
2. tạo cho mình có được một đầu óc khoa học, biết cách vật trí tri;
3. và cố gắng đi lần đến một quan niệm tổng quát về cuộc đời, nghĩa là đi đến một quan niệm triết lý về vũ trụ và nhân sinh.

CHƯƠNG THỨ BẢY. BA YẾU TỐ CHÍNH ĐỂ XÂY DỰNG MỘT NỀN VĂN HÓA VỮNG VÀNG

A. ÓC KHOA HỌC

Tạo cho mình có được một đầu óc khoa học là phát huy được cái khiếu ham chứng minh và lý luận, đồng thời phân biệt được rõ ràng thế nào là một chứng minh luận cứ, thế nào là một thực nghiệm.

Chứng minh luận cứ là đem một thực nghiệm để chứng minh, để lập luận, – còn thực nghiệm là một sự kiện và chỉ là một sự kiện thôi. Như trước đây đã có nói: những sự kiện không chứng minh gì cả (*les faits ne prouvent rien*). Chứng minh luận cứ thì có màu sắc chủ quan, trái lại không cố cưỡng đem thực-sự để chứng minh gì cả, đó là nhận xét khách quan.

Vì thế, óc khoa học có rất nhiều hình thức khác nhau, nhưng tựu trung ta nên phân biệt *óc toán học* và *óc thực nghiệm*. Người có *óc toán học* (*esprit mathématique*) thì ưa lý luận, ưa chứng minh; – người có *óc thực nghiệm* (*esprit expérimental*) thì trái lại, không tin nơi lý luận mà chỉ dùng thực nghiệm làm nền tảng cho sự hiểu biết của mình. Thực ra hai khuynh hướng ấy không phải nghịch nhau mà thường bồi bổ cho nhau. Các bậc vĩ nhân trong giới khoa học như Henri Poincaré, tự mình vừa là một nhà toán học đại tài, vừa cũng là một nhà vật lý học đại tài, ông không chịu hạn chế mình trong khu vực một khoa học nào cả. Nhà toán học cần phải nhận thấy rằng đời rất là phức tạp và những vấn đề nhân sinh không thể nằm ngoan ngoãn trong hình thức của những phương trình toán học. Còn nhà sinh vật học cũng phải biết nhìn lên trên những hình thức phức tạp của các giống sinh vật, cây cỏ và thú vật, để tìm lấy một ý nghĩa chung của sự vật trên đời, tìm mà hiểu biết và chứng minh (3).

Bởi thế, tinh thần khoa học đòi hỏi nơi ta một học vấn khá cao về toán học và biết rành rẽ những phương pháp thực nghiệm. Nhưng, ở đây cái phẩm quý hơn cái lượng cũng như bất cứ trong các vấn đề liên quan đến văn hóa. Sự học vấn của ta nên chú trọng về bề sâu hơn bề rộng.

Hình học sơ đẳng cũng đủ cho ta ý niệm được thế nào là một luận chứng. Không có gì giúp ta thấy rõ cách cấu tạo một khoa học khít khao bằng một quyển hình học. Hình học là một cái học giúp cho người ta tiến bằng cách “đứng dừng một chỗ”. Thật vậy, *mỗi định lý mới đều bị quy về một định lý cũ*: “luận chứng” tức là lập định rằng cái định lý mới chẳng qua là mới về hình thức thôi, thực ra nó là kết quả dĩ nhiên của những định lý cũ, những công thức mà ai ai cũng phải nhìn nhận không cần chứng giải, những thứ chân lý tiên thiên. Cho nên mới nói rằng hình học là cái học “đứng dừng một chỗ” (3).

Tuy nhiên, lần lần tinh thần ta nhờ sự nghiền ngẫm mà tiến lên, tiến một cách từ từ mà ta không dè, vì chân đứng đã vững vàng rồi.

Toán học giúp cho vật lý học phương tiện biểu diễn một cách rạch ròi những qui luật của thiên nhiên. Nhưng, ta cũng nên nhớ rằng lý thuyết suông không đủ, cần phải thông hiểu những phương pháp thực nghiệm. Có được một mớ hiểu biết thực dụng như có được vài phương thức sẵn để trở thành một anh thợ chụp ảnh hay sửa chữa máy xe, chưa có thể xem đó là mình đã thông hiểu được phương pháp thực nghiệm. Một cái học *đã* thành lập rồi thường lại che lấp không cho ta thấy cái học *đang* thành lập, những “phương thức sẵn có” thường làm cho ta lãng quên những kinh nghiệm mà người khác đã trải qua và dò dẫm lâu ngày để lần mò đến chân lí. Vì vậy, tự mình tìm tòi và kinh nghiệm tuy không là bao, nhưng nó giúp cho sự hiểu biết của mình rất linh động sâu sắc hơn là sự thu nhận thụ động một số kiến thức sẵn có do kẻ khác phát minh sáng tạo đã trình bày trong các sách khoa học.

Bởi vậy, thay vì “nhồi nhét” một mớ học thức “sẵn” về một phát minh nào, ta cần trình bày trước những dò dẫm vất vả của nhân loại đi từ kinh nghiệm này sang kinh nghiệm kia mới đến kết quả ấy. Có

khi chỉ vì một sự kiện mới vừa được phát minh mà tất cả hệ thống học thuyết đã an bày kia cần phải kiểm soát lại và đánh giá lại. Người ta sẽ thấy rõ sự cần thiết của phương pháp thực nghiệm trong sự đi tìm chân lí. Cũng phải chỉ cho học sinh biết rằng lắm khi kết quả của một cuộc tìm tòi khoa học lại đi ngược lại với mục đích ban đầu, nghĩa là thực nghiệm thường chống đối lại với ức thuyết (3).

Học khoa học, cần phải tìm biết bằng cách nào và bởi những nguyên nhân nào các nhà bác học đã phát minh sáng tạo được, tức là biết được lẽ lỗi làm việc trong công trình suy tầm chân lý nghĩa là hiểu được những phương pháp thực nghiệm của những bậc vĩ nhân trong khoa học giới. Đời sống hằng ngày của ta không cung cấp cho ta đủ phương tiện để tự mình thực hiện được phương pháp thực nghiệm, thì ta chỉ còn có một cách là theo dõi những công trình tìm kiếm của những nhà bác học đương thời đã được ghi trong những tập trần thuyết của họ hay trong những tiểu sử do những kẻ cộng sự của họ tường thuật lại. Nhà sách Armand Colin có cho ra tập sách nhan đề là *Classiques de la Science*, trong đó chính các bậc bác học viết ra những thực nghiệm của họ như tập trần thuyết của Augustin Fresnel về ánh sáng, của Lavoisier về không khí và nước. Công trình tìm tòi và phát minh khoa học của Pasteur được René Vallery Rodot miêu tả tỉ mỉ trong một quyển tiểu sử nói về ông^[25]. Darwin đã để lại cho ta một tài liệu vô cùng quý giá về sự cấu tạo tư tưởng của ông ta trong quyển *Voyage d'un naturaliste autour du monde fait à bord du navire le Beagle de 1831 à 1836* (bản dịch của Barbier, Paris – 1883). Tủ sách *Bibliothèque de Philosophie scientifique* in ra dưới quyền giám đốc của bác sĩ Gustave le Bon (Flammarion) cũng như tủ sách *Nouvelle Collection scientifique* sau này xuất bản dưới quyền giám đốc của Emile Borel (Alcan), có cho in nhiều quyển sách về khoa học trong đó miêu tả rất rõ ràng những phương pháp thực nghiệm của chính những nhà phát minh khoa học viết ra. Nhờ đọc những quyển sách ấy người ta mới quen thuộc được với những phương pháp thực nghiệm. Đó là vai trò của những quyển lịch sử khoa học và trần thuyết khoa học đối với sự đào tạo óc khoa học của ta vậy.

B. ÓC TRIẾT HỌC

Con người mà biết suy nghĩ, dù lòng có ham thích đeo đuổi theo cái học trực vật bức nào, dù có muốn hạn định ngành hoạt động của mình trong một khu vực khoa học nào, trong đời cũng không sao có lần trách khỏi chạm đến những vấn đề to tát của nhân sinh, liên quan đến cái số phận của con người biết suy tưởng, biết cảm giác, biết đau khổ, biết hy vọng, nghĩa là biết phấp phồng lo sợ tương lai, biết tiếc uổng đau buồn vì quá khứ. Khi mà ta biết thắc mắc tự hỏi thế nào là ý nghĩa của cuộc đời, ở đâu ta đến, nơi đâu ta ở, và trên con đường vô định sau này, ta sẽ đi về đâu, sao là phải, sao là quấy, đâu là cứu cánh giá trị của khoa học, của nghệ thuật, của tôn giáo và đâu là chỗ sơ khởi và dừng lại của kiếp người trong khoảng mệnh mông vô tận, đó là ta đã bắt đầu triết luận. Triết luận tức là tìm hiểu cái ý nghĩa của mọi sự vật trên đời, tức là tìm cái chỗ ý thức và nhất trí của những gì rời rạc vô ý thức, tức là biết dòm lại quá khứ, nhận định được hiện tại và phòng bị cho tương lai. Triết luận là tìm một phương hướng, một thái độ trước sự phiền phức của cuộc đời. Tìm hạnh phúc, tránh đau khổ và tìm hiểu những nguyên nhân đã tạo ra cái khổ, đó là mục tiêu của triết lí.

Thực ra, trong đời sống hằng ngày của ta, mỗi người đều đã, hoặc vô tâm hay hữu ý, nhìn nhận thái độ triết lý nào rồi. Dù là kẻ không tin đến triết lý và tìm cách để chứng minh rằng sống không cần đến triết lí, sự chứng minh ấy tỏ rằng họ cũng đã triết lý nhiều rồi đấy!

Một thứ triết lí, dù tầm thường và nông cạn bức nào, cũng ảnh hưởng ít nhiều đến cách ăn ở, cư xử của người nhận nó, hoặc giúp cho mình có thêm nhiều can đảm, nhiều hy vọng mà chịu đựng mọi đau khổ trên đời. Tôi nhớ có một nhà văn đã nói: “Có nhiều người – mà tôi là một trong nhóm người ấy, – tin rằng sự quan trọng nhất và ích lợi nhất cho ta là đứng trước bất cứ một ai, cần phải biết quan niệm của họ về vũ trụ như thế nào... Đành rằng ông chủ đất cần phải biết trước số huê lợi của người mướn đất, coi họ có đủ điều kiện trả tiền thặng cho mình không? Nhưng quan trọng hơn nữa, là phải biết nhân sinh quan của người ấy như thế nào? Một vị tướng trước khi giao chiến đành rằng phải biết tổng số quân binh của địch, nhưng quan trọng hơn hết là phải biết trước triết lý về nhân sinh của quân địch... như thế nào...” Câu nói này thâm thúy vô cùng! Đối với một kẻ có nhân sinh quan như Tào Tháo: “Thà ta phụ người hơn để người phụ ta”, thì giao thiệp với con người ấy là điều đáng lo ngại vậy.

Bất cứ một thứ học nào mà thiếu những chân trời rộng rãi của triết học làm hậu thuẫn là những thứ học còn thiếu sót và không vững chắc.

Triết học phải là cứu cánh của tất cả mọi ngành học của ta, mỗi khoa là mỗi con đường, chung qui rồi cũng phải đổ dồn về một mối, là Triết học.

Chân lý là một cái gì duy nhất, bao trùm; khoa học chỉ cắt xén nó ra từng mảnh mún vụn vật để nghiên cứu riêng về một khía cạnh nào thôi. Mỗi khoa học chỉ nhìn thấy có một khía cạnh chứ không sao thấy được thật toàn diện, lại cũng thường thiên hẳn về phần vật chất hơn.

Sứ mạng của Triết học là nhằm vào sự thỏa mãn óc tổng quan của con người, tổng hợp lại những gì rời rạc, mâu thuẫn trong đời. nhìn cuộc đời một cách cao xa và rộng rãi hơn như người đứng trên núi cao mà nhìn khắp chân trời... Vì vậy, nhờ óc triết học, người ta thấy được sự liên lạc giữa các sự vật, vì bao giờ họ cũng có cái nhìn bao trùm. Khoa học thì thiên về óc phân tích hơn, triết học thì chuyên về óc tổng quan hơn.

Tuy vậy, “*óc hệ thống*” (esprit de système) không phải là không nguy hiểm: Óc tổng quan thường lại dễ biến thành óc hệ thống, vì vậy chân lý chỉ có một mà học thuyết triết học thì mọc lên như nấm, khiến cho kẻ nào đam mê triết học, đọc triết học miết cũng phải điên đầu. Tâm trí loài người không thể nào

nhận được có một sự mâu thuẫn, cái này phủ nhận cái kia, cái kia phủ nhận cái nọ, vì vậy họ tìm đủ cách để hệ thống hóa tư tưởng của họ, chung qui chỉ vì bản tính của loài người như thế: Không thể chấp nhận được luật mâu thuẫn. Và vì thế mà suốt đời vẫn triết luận mãi không thôi.

Dù sao triết học vẫn phải là cái học căn bản của con người, một cái học làm danh dự cho con người.

Phải làm cách nào để tạo cho mình có được một cơ sở tạm vững về triết học? Ở đây, nếu có được một bậc thầy chỉ dẫn cho thì rất có lợi. Nhưng nếu mình là kẻ chỉ biết cậy nơi mình mà thôi, không được cái hạnh phúc được người giỏi, người hay chỉ dạy cho, thì bước đầu tiên là phải nhờ đến những sách triết học đại cương, loại sách giáo khoa đang áp dụng trong các trường trung học.

Nhưng nên nhớ kĩ điều này: nhờ đến những sách giáo khoa là để mà vượt qua khỏi nó. Nghĩa là chỉ có những nhà triết học mới có thể truyền cho ta cái hiểu biết về triết học mà thôi. Vậy đọc sách giáo khoa trong đó người ta tóm tắt, lược thuật lại tư tưởng của các nhà triết học sao bằng đọc ngay tác phẩm của các nhà đại triết học. Dĩ nhiên là lúc đầu, phải có sự giới thiệu của một người sành sỏi trong triết học giới để ta làm quen được với tư tưởng các bậc đại triết gia ấy, bằng không ta phải mất nhiều thời giờ vô ích.

Bắt đầu các bạn nên khởi bằng *Tâm lý học*, rồi tiếp đó *Luận lý học* và *Luân lý học*. Đó là hệ thống mà người ta đã dùng trong các lớp triết học.

Về sách giáo khoa thì phần đông các nhà giáo khuyên ta nên đọc bộ *Traité de Psychologie* của Georges Dumas. Sách này dày đến hai nghìn trang. Như vậy, mới học triết học mà đọc nó sẽ bị lác mắt, vì sách này là một bộ sách do nhiều tay chuyên môn viết. Sách mà do nhiều tay viết, nhất định là thiếu mạch lạc, nó là một bộ sách nghiên cứu sâu rộng về những vấn đề mà sau khi ta biết rõ đại cương, sẽ trở lại với nó là phải hơn. Vậy, tốt hơn là mình hãy tìm đọc những sách do một người viết ra, một quyển sách văn tắt hơn, gọn gẽ hơn để cho ta dễ nhìn thấy mạch lạc về đại cương trước đã.

Theo chúng tôi, thì quyển *Précis de Psychologie* của William James, bản dịch của E. Baudin và G. Bertier (Marcel Rivière, 1909) là dễ đọc và linh động hơn hết. Gần đây E. Baudin lại cũng có cho xuất bản một quyển *Cours de Psychologie* (Payot), và G. Dwelshauvers, quyển *Traité de Psychologie* có vẻ thông thái hơn, nhưng sách của Désiré Roustan thì gọn gẽ hơn.

Khởi đầu học triết lý cần phải quan tâm đến cái ý nghĩa chính xác của những danh từ chuyên môn. Cần phải mua những bộ sách này: quyển *Vocabulaire philosophique* của Edmond Goblot (Colin, 1909) – và nhất là quyển *Vocabulaire technique et critique de la Philosophie* của André Lalande với sự cộng tác nhiều hội viên của Société française de Philosophie (Alcan). Quyển của Goblot thì sơ lược lắm, nhưng rất có ích. Quyển của Lalande là một quyển sách rất hay và rất đúng đắn. Trước khi học triết lý cần phải biết rõ định nghĩa của những từ ngữ triết học, bằng không chúng ta không sao tránh khỏi sự hiểu sai lầm.

Học về *luận lý học* thì những bộ sách giáo khoa của Rabier (Hachette) và Liard (Masson) vẫn còn dùng được tuy quá cũ.

Có những quyển mới hơn như *Leçons de Logique et de Morale* của R. Horrticq (Delagrave), *Philosophie scientifique et Philosophie morale* của Félicien Challaye (F. Nathan); *Manuel de Philosophie* của A. Cuvillier (Colin).

Nên đọc thêm quyển *Lectures sur la Philosophie des sciences* của A. Lalande (Hachette). Quyển

Logique của Goblot hay nhất, nhưng không phải viết cho hạng độc giả mới bắt đầu học triết học.

Nhân các quyền nói trên của Hourticq, Challaye, Cuvillier, chúng ta nên bắt qua khoa Luân lý học. Về khoa luân lý, ta không cần phải lệ thuộc các sách giáo khoa nữa vì đề tài luân lý không khó gì mấy mà phải theo dõi những sách có tính cách giáo khoa. Ta nên thoát ra ngoài kiềm tỏa của các sách giáo khoa mà đọc ngay những bộ như *Justice et Liberté* của Goblot (Alcan), *Devoirs* của Jacob (Rieder). Muốn hiểu biết các triết gia hiện thời đối với vấn đề luân lý ra sao thì nên xem quyền *Le problème moral et la pensée contemporaine* (Alcan) và *Les bases psychologiques de la vie morale* (Alcan) của Parodi.

Giờ đây ta hãy đi ngay vào trung tâm triết học. Cần học qua những quan niệm chính của các bậc đại triết gia về những vấn đề Tâm, Vật và Trời. Đi vào siêu hình học thì nên đọc bộ Triết học của Cuvillier, nhưng muốn có được một ý niệm rõ ràng và sơ lược về những danh từ triết học như các lý thuyết về duy tâm, duy vật, duy linh, v.v... thì phải đọc *lịch sử triết học* mới được.

Nên đọc *Les Systèmes philosophiques* của A. Cresson, quyền *La Philosophie Comparée* của Masson Oursel, quyền *Histoire de la Philosophie* của E. Bréhier. Những quyền *Initiation à la Philosophie* của S. de Coster và *Initiation philosophique* của A. Ponceau cần phải đọc kỹ và nghiền ngẫm, nó sẽ giúp ta có nhiều ý tưởng hay lạ. Quyền *Tour d'horizon philosophique* (Gallimard) của Matila C. Ghyka giúp ta có được một luồng mắt tổng quan rất cần thiết cho những ai bắt đầu học triết học, mặc dù hơi nông cạn.

Về triết học Đông phương, thì cần phải đọc trước hết những bộ lịch sử triết học để có sơ lược một ý niệm chung về các luồng tư tưởng triết học của tam giáo: Nho, Lão, Phật, ba hệ thống tư tưởng căn bản của triết học Đông phương. Bộ *Trung Quốc triết học sử* của Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc triết học sử cương yếu* của Tưởng Duy Kiêu, hoặc của Hồ Thích, đều đọc được cả. Bộ triết học sử của Phùng Hữu Lan xuất bản bằng tiếng Anh đã được dịch ra tiếng Pháp nhan đề *Précis d'histoire de la philosophie chinoise* (Payot).

Sách của người Việt Nam viết, có bộ “*Lịch sử Triết học Đông phương*” của ông Nguyễn đăng Thục. Bộ sách này gồm 5 quyền, nội dung lủng củng, phần nhiều chép lại các sách Trung hoa mà không có sáng kiến gì. Văn mù mờ, khó đọc. Đọc xong, nếu có đủ can đảm, không ai biết tác giả muốn nói gì. Mà có lẽ chính tác giả cũng chưa hiểu mình muốn nói gì nữa. Tác giả đã tỏ ra không hiểu rõ ràng Phật giáo, Lão giáo và cả Nho giáo hình nhi thượng. Có thể dùng làm tài liệu, vì tác giả chép sách kẻ khác rất nhiều.

Những sách về triết học Đông Phương do các học giả Tây Phương viết ra như của Marcel Granet, René Grousset, H. de Glasenapp, Masson Oursel, Wiéger, Brémond, Borel, Foucher, David Néel Linssen, Maspéro, Jean Hébert, Docteur Benoit, René Guénon, Romain Rolland, v.v... đều cần phải đọc cả. Trừ ra một vài học giả sâu sắc như René Guénon (mà tôi xin đặc biệt giới thiệu với các bạn) phần đông đều ít nhiều mang đầu óc một người Tây phương để hiểu biết Đông phương, vì vậy có nhiều chỗ chưa có thể gọi là khám phá. Tác phẩm của Hermann de Keyserling nhan đề *Journal d'un Philosohpie* cũng xin đặc biệt giới thiệu với các bạn. Phần phê bình của ông về các học thuyết Đông phương rất là sâu sắc.

Đọc triết học, không nên đọc sách một chiều. Như trước đây tôi đã nói, ta nên tìm mà đọc những lý thuyết chống đối. Lại cũng không nên tản mát tư tưởng mình trong những học thuyết này, học thuyết

kia vô cùng phiền phức. Trong các học thuyết, cần phải chọn lọc cái nào hợp với tâm hồn ta, bấy giờ cũng như lựa bạn mà chơi, ta hãy quyết tâm đi cho thật sâu vào học thuyết ấy để tìm lấy một con đường tu tâm xử thế đúng theo nguyện vọng thâm sâu của lòng mình. Sách mà đọc nhiều quá cũng có hại, vì nó không ảnh hưởng gì ta được cả. Người xưa có nói: “*Tôi sợ người chỉ đọc có một quyển sách mà thôi*”.

Dưới đây, xin giới thiệu các bạn một số sách của người Tây Phương viết về triết học Đông phương mà tác giả đã đọc qua và cho là hay:

A. Sách thuộc về Triết Đông Đại Quan:

1. *Histoire de la Philosophie orientale* của René Grousset (Lib. Balois). Sâu sắc.
2. *La Pensée Chinoise* của Marcel Granet (Renaissance). Công phu.
3. *Histoire de la Philosophie chinoise* của E. V. Zenker (Payot).
4. *Philosophie de l'Orient* (trong bộ *Histoire de la Philosophie*) của Masson Oursel (Alcan). Nhiều ý kiến tân kì.
5. *Les trois Religions de la Chine* của W.E. Southil (Payot).
6. *L'Orient et sa Tradition* của Alfred Le Renard (Dervy).
7. *Les Cinq Grandes Religions du monde* của H. de Glassenapp (Payot). Quyền này thâm sâu.
8. *Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine, depuis l'origine jusqu'à nos jours* của Wiéger. Công phu.
9. *Introduction générale à l'Etude des doctrines hindoues* của René Guénon (Chacornac). Rất hay.
10. *Orient et Occident* của René Guénon. Cần đọc kĩ.
11. *La métaphysique orientale* của René Guénon (Chacornac).
12. *Trois courants de la Pensée Chinoise antique* của A. Waley (Payot).

B. Sách thuộc về loại Tam Giáo:

a) Phật giáo:

1. *La doctrine suprême* (2 quyển) của bác sĩ H. Benoit (Cercle du Livre). Thật hay.
2. *Lâcher-prise* của H. Benoit. Trong mấy quyển này tác giả bàn rất sâu về Thiền tông (Zen).
3. *Essais sur le Bouddhisme en général et sur le Zen en particulier* của R. Linssen (2 quyển). Văn tắt và hàm súc.
4. *Le Bouddhisme* của A. David Néel (F. Alcan). Gọn gầy và xác đáng.
5. *Les Enseignements secrets dans les sectes bouddhistes tibétains* của A. Davil Néel (Adyar). Thật hay.
6. *Le Mental Cosmique* của Hsi-Yun (Adyar). Sách nghiên cứu về thiền tông.
7. *Essais sur le Bouddhisme Zen* của Daisetz Teitaro Suzuki (A. Michel). Bộ này rất quý tuy khó đọc.
8. *La Sagesse du Bouddha* của Georges Grimm (Lib. Paul Geuthmer, Paris, 1931). Có thể nói là tinh hoa của Phật học.
9. *Sectes bouddhiques japonaises* của E. Steinilber Oberlin. Quyền này thật hay, văn chương lại bay bướm.
10. *L'Essence du Bouddhisme* của Daisetz T. Suzuki (Cercle du Livre). Chương đầu là một bài nghiên cứu của C.G. Jung về *Le Zen et l'Occident*. Rất thâm.
11. *La Religion du Bouddha* của Georges Grimm (A. Maisonneuve). Hay.
12. *Le Non-Mental selon la Pensée Zen* của D.T. Suzuki (Cercle de Livre).
13. *Le Bouddhisme* của Entai Tomomatsu (F. Alcan).

(Sách về Phật giáo còn rất nhiều, nhưng thiết nghĩ những cuốn trên đây đều là lựa chọn, nếu đọc kỹ, sẽ giúp ta có một cái vốn hiểu biết khá khá về Phật giáo).

Sách Việt về Phật giáo cũng khá nhiều, ngoài những bộ sách phổ thông của Phạm Quỳnh, Phan văn Hùm, Thiện Chiếu, ta nên đọc tạp chí *Viên Âm* (Huế) là tạp chí về Phật giáo khá nhất trong nước từ trước đến giờ. Sách *Phật giáo Đại quan* của Phạm Quỳnh rất tầm thường, chỉ dừng nơi luân lý đạo đức thông thường của tiểu thừa. Sách *Phật giáo triết học* của Phan văn Hùm đại khái dịch ở sách Tàu. Sách *Phật giáo Tinh Hoa* của Thu giang Nguyễn duy Cần.

b) Lão giáo:

Sách Pháp:

1. *Les Pères du Système taoiste* của Leon Wiéger (Cathasia).
2. *La Sagesse Chinoise selon le Tao* của René Brémond.
3. *Wu-Wei* của H. Borel (Ed. du Rochar).
4. *L'Esprit du Tao* của Grenier (Flammarion).
5. *Le Taoisme* của Henri Maspéro (Civilisations du Sud S.A.E.P – Paris).
6. *Le Livre de la Voie et de la Vertu* bản dịch của Stonislas Julien. (1812). Rất công phu.
7. *La Voie et sa Vertu* bản dịch *Đạo đức kinh* của Houang Kia Tcheng và Pierre Leyris. (Bản dịch khéo giữ được phần nào khí văn của nguyên tác).

Sách Việt:

1. *Lão Tử* (1842) của Ngô Tất Tố – Nguyễn Đức Tính. Bình luận sai lạc nhiều và có nhiều thiên kiến đáng tiếc.
2. *Nam hoa kinh* của Nhượng Tống dịch. (Tân Việt – Hà Nội). Bản dịch này chỉ dịch này chỉ dịch sát văn một cách quá máy móc mà không sát ý. Không công dụng gì cả. Rất khó đọc. Dịch sai nhiều.
3. *Đạo đức kinh* bản dịch của Nghiêm Toản (Bộ QGGD). Sách có tính cách giáo khoa hơn là phổ thông.
4. *Trang Tử Tinh Hoa* của T.G. Nguyễn Duy Cần. (Khai Trí).
5. *Trang Tử Nam Hoa Kinh* bản dịch có chú giải và phê bình của T.G. Nguyễn Duy Cần.
6. *Lão Tử Tinh Hoa* của T.G. Nguyễn Duy Cần.
7. *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, bản dịch có chú giải và bình luận của T.G. Nguyễn Duy Cần.

c) Nho giáo:

Sách Việt:

1. Bộ *Nho giáo* của Trần Trọng Kim. (Công phu).
2. *Khổng học đặng* của Phan Sào Nam. Sâu sắc nhưng khó hiểu.
3. *Vương Dương Minh* của Phan Văn Hùm (Tân Việt). Tầm thường. Chưa thấu đáo phần hình nhi thượng của học thuyết.
4. *Đại cương Triết học Trung Hoa* của Giản Chi và Nguyễn hiến Lê; công phu, nhưng thiên về phần hình nhi hạ, chưa thông suốt phần hình nhi thượng của Triết học Trung Hoa như hai tác giả đã tự thú.

Một số nhận xét thiên lệch, võ đoán và sai lầm theo Vũ Đồng.

5. *Lịch sử Triết Đông* (5 quyển) của Nguyễn đăng Thục. Bộ sách khá công phu. Tác giả biên chép rất nhiều, nhưng chỉ chép quá nhiều mà không biết tóm lược, cho nên khó đọc. Văn tối mò mò, đó là đặc tánh của bộ sách này. Tác giả lại có cái bệnh rất lòng dòng mà không biết tiếc lời.

Sách Pháp:

1. *Textes Philosophiques* của L. Wiéger
2. *Les quatre livres* của Couvreur.
3. *La Sagesse de Confucius* của Lin Yu Tang (Victor Attinger). Hay.
4. *Le Yih King* (texte primitive rétabli, traduit et commenté) của Ch. de Harlez (Bruxelles – 1889).

Nền tảng triết học Trung Hoa. Không và Lão đều ở Kinh Dịch mà ra.

Sách Việt:

Sách bàn về DỊCH ở Việt Nam hiện cũng có một số đã xuất bản. Tôi cũng biết còn một số chưa xuất bản, nhưng đã được in ronéo và phát không cho một số thân hữu. Đường như hiện trong nước có được một phong trào nghiên cứu DỊCH, nhưng chưa được đứng đắn như ở các nước Âu Tây.

1. *KINH DỊCH*, tức là *CHU DỊCH ĐẠI TOÀN*, do Ngô Tất Tố dịch (nhà x.b. Mai Lĩnh). Bộ sách này gồm 4 quyển, nhưng chỉ in được 3, rồi thôi. Tác giả dịch, không phải vì thích, mà có lẽ vì lời yêu cầu của nhà xuất bản nên dịch sai nhiều. Trong báo Tri Tân, ông Nguyễn văn Tố đã điếm qua rất đúng: tác giả chưa hiểu rõ DỊCH. Đó là cái hại của những sách dịch thiếu sự say mê và tâm đắc (1944).
2. *CHU DỊCH BỐN NGHĨA*, do Nguyễn Duy Tính dịch. Trung Tâm Học Liệu xuất bản. Dịch sai nghĩa nhiều, thua xa bản dịch trên đây của Ngô Tất Tố. Đây là lỗi dịch nghĩa, chứ không dịch văn. Mà nghĩa thì tối mò mò. Không rõ dịch giả dịch cho ai xem? (1968).
3. *DỊCH KINH*, của Nguyễn Mạnh Bảo dịch. Sai nhiều hơn cả 2 quyển trên. Sách không công dụng gì, nhiều sai lầm to tát, mặc dù vẫn được Giải thưởng Văn chương Toàn Quốc. (1964).
4. *MỘT NHẬN XÉT VỀ KINH DỊCH*, của Nguyễn Uyển Diễm (Vỡ Đất x.b.). Đây chỉ là một nhận xét, như tựa sách, nhưng là một nhận xét thiên vị: tác giả phủ nhận việc mà truyền thuyết gán cho Không Tử san lại Kinh Dịch. Thái độ của tác giả là thái độ của một chiến sĩ Duy Vật Biện Chứng Luận cuồng tín. (1953)
5. *THIÊN VẤN*, của Bùi thị Bích Trâm, nhà in Mirador (Huế) x.b. (1942). Tác giả đã dùng khoa Thiên văn học Thái tây để chứng giải Tiên thiên và Hậu thiên Bát Quái. Nhưng tác giả hơi quá thiên về khoa học Thái tây, nên đã cho Dịch là duy vật biện chứng luận của Trung Hoa. Dịch không duy gì cả, không duy tâm cũng không duy vật. Nó không duy Âm hay duy Dương gì cả. Nó là một thứ Nhất Nguyên luận làm thế, và Nhị Nguyên luận làm dụng, nghĩa là một thứ Tương đối luận, lấy chữ THỜI và TRUNG làm căn bản.
6. *TÌM HIỂU KINH DỊCH*, của Bửu Cầm. Sách gồm hai quyển, như lời tựa của tác giả đã cho biết. Sách xuất bản tập I, năm 1957 nhưng đến nay tập II vẫn chưa thấy xuất bản. Không có gì độc sáng như tác giả đã loan, mà một phần quan trọng chỉ đồ lại y hệt từ văn đến tứ quyển sách của Bùi thị Bích Trâm trên đây.
7. *CHU DỊCH*, do Phan Sào Nam dịch và bình chú. Sách dịch theo một lối riêng, không dịch văn mà cũng không dịch nghĩa, nhưng trong khi bình giải, người đọc hiểu được rõ ràng chánh văn. Đây là một sách chí thành của một học giả uyên thâm Dịch học, riêng về phương diện xử thế và chánh trị. Rất tiếc, phần Hệ từ thượng hạ nhiều thiên chương khuyết hám. Sách in không được chăm sóc cẩn thận, nên có nhiều lỗi chánh tả quan trọng.

Những sách về triết học Đông phương của Ấn Độ, tôi xin giới thiệu các bạn từ sách *Les grands Maîtres spirituels l'Inde contemporaine*, *Les trois Lotus*, *Bouddhisme et Jainisme* và *Spiritualités Vivantes* (Albin Michel). Các bạn hỏi ngay nhà sách Adrien Maison-neuve, 11, Saint Sulpice, Paris (6è).

Jean Herbert, Romain Rolland, René Guénon, Henri Maspéro là bốn học giả uyên thâm đáng là nhà

hướng dẫn ta trong con đường đi tìm ánh sáng của triết học Đông phương. Tuy nhiên, nên biết: đó là cái nhìn của Tây phương, rất cần cho chúng ta là những người đã bị tây phương hóa khá nặng nề.

Triết học phải là cái học căn bản cho các thứ học khác. Triết học giúp ta nhận chân được sự tương đối của khoa học, sự hạn định của khoa học trong vấn đề nhân sinh và nhắc cho ta nhớ rằng còn có nhiều giá trị khác nữa cũng không kém quan trọng.

Tuy nhiên, học triết lý không có nghĩa là làm con một sách, nhớ vanh vách những gì của kẻ khác đã nói, thuộc lòng những hệ thống tư tưởng, những học thuyết của bá gia, để mà đem ra lèo người. Dù là những kẻ có cấp bằng tiến sĩ triết học mà chỉ là những kẻ giỏi thuộc lòng tư tưởng của kẻ khác, giỏi cái thuật nhớ dai...để lập đi nói lại cho kẻ khác nghe, chứ không biết suy nghĩ tư tưởng theo mình, kẻ ấy cũng vẫn là người chưa có óc triết học. Học triết học là để đào tạo cho mình cái khiếu ham suy nghĩ, biết tư tưởng, biết phán đoán, biết nhìn xét việc đời bằng một luồng mắt thống quan, biết tìm hiểu những ý nghĩ sâu kín bên trong các sự vật.

Tôi có nhiều người bạn rất sành về triết học, họ lại là người có những mảnh bằng cao. Mỗi khi ngồi hầu chuyện với họ, tôi hết sức bức mình vì bị gán là kẻ mang đầu kẻ khác mà suy nghĩ. Bất cứ là mình nói với họ những gì thì đã bị họ cắt ngang và bảo: đó là của Hegel... hay đó là của Descartes. Thật là những người đáng thương hại với cái vốn học vẫn không tiêu hóa của họ.

Ông Phan Văn Hùm, trong bài tựa quyển *Phật giáo triết học* có nói: “Tôi muốn sao như vị hòa thượng^[26] kia ở Trung Kỳ. Ngài sung sướng đề lên vách chùa bốn câu tuyệt diệu:

*Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu, cũng không dư.
Năm nay tính lại: chừng... quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ “như.”*

Có học, có hiểu, rồi có quên đi hết, mới thật là nhập diệu. Mới không câu nệ nơi sách. Mới thoát được lên trên một học thuyết mà điều khiển những vấn đề thuộc về nó, không để bị điều khiển bởi học thuyết hay bởi vấn đề. Jules Lachelier, chấm vở của Emile Boutroux ở trường Normale Paris, luận về một điểm nọ trong học thuyết Spinoza có đề một câu sâu sắc: “*Pour comprendre un système, la première condition est d’y entrer, mais, la seconde est d’en sortir*”. (Để hiểu đặng một học thuyết, điều thứ nhất là phải vào trong đó và điều kiện thứ hai là phải ra khỏi nó).

Người có óc triết học không phải là người chết trong các chồng sách triết học, mà là người đã biết thần hóa cái học của mình rồi. Pascal nói: “*La vraie philosophie se moque de la philosophie*”. (Chân triết học chẳng cần gì đến triết học)

C. BIẾT XÚC CẢM

“Biết xúc cảm là điều kiện cốt yếu để tạo cho mình một cơ sở văn hóa sâu sắc hơn.”

Thật vậy, ta thường gặp biết bao kẻ học giỏi, biết tư tưởng, biết phán đoán... nhưng dường như cơ sở học vấn vẫn ở mức tầm thường mãi... Là tại sao?

Là vì họ thiếu “ngọn lửa” lòng, họ là những tâm hồn thiếu hăng hái, thiếu say mê vì ít thắc mắc và rất dễ dãi đối với bất kì việc gì... Sở dĩ họ cố công học hỏi ngày đêm là vì phải trải qua những kì thi khó khăn. Bởi vậy, họ phải “học gạo”, chỉ học và đọc những gì có trong chương trình thi mà thôi, những môn nào không bắt buộc phải thi, thì họ dẹp lại một bên. Miễn cưỡng vì bị bắt buộc nên họ xem sự học như một phận sự phải làm, không gì hứng thú cả. Đến khi họ trở thành một nhà giáo, họ cũng vẫn dạy cho có dạy. Không phải bài dạy của họ sai lầm hay vô ý thức, nhưng họ dạy một cách buồn chán, lạnh lùng, họ chỉ dạy trong chương trình, trung học hay đại học, một cách lặt lẻo, không gây được lòng hăng hái ham mê của học sinh, cũng không truyền được cho học sinh lòng nhiệt thành ham mê học hỏi gì cả. Họ thiếu ngọn lửa thiêng của lòng hăng hái nhiệt thành.

Người ta đã nhận xét rất đúng: “Thiếu dục vọng, khó mà làm nên đại sự”. *Kẻ thiếu nhiệt thành là những kẻ tầm thường*. Học mà không biết ham mê, không bao giờ thành công. Luận ngữ có nói: *“Biết mà học, không bằng thích mà học, thích mà học không bằng vui say mà học”*.

Làm sao tạo cho mình một tâm hồn nhạy cảm? Một tình cảm dồi dào?

1. *Phương pháp thứ nhất là sống cho người khác*. Sống cho kẻ khác là biết hi sinh cho kẻ khác, lấy hạnh phúc của người làm hạnh phúc của mình, tức là biết cảm và biết yêu. Kẻ mà không biết yêu ai cả, không biết thương thân phận của những người khác ngoài cái thân phận của mình, tức là người sống một đời chỉ lo cho mình thôi, là người mà tâm hồn cằn cỗi, không thể là một con người văn hóa cao được. Người có văn hóa cao là người có Tâm và có Trí. Một văn hào Pháp có nói: “Những tư tưởng cao cả đều do quả tim mình mà ra cả”. Chính vì lòng yêu nhân loại mà Pasteur tìm kiếm và phát minh vô số phương thức cứu nhân loại. Thích Ca, Jésus phải chăng là những bậc phi thường chỉ nhờ một tấm lòng yêu thiết tha nhân loại hơn người? Nói thế không phải muốn nói rằng chỉ có lòng yêu nhân loại mới xui người làm nên những phát minh vĩ đại. Có rất nhiều nhà bác học đại tài lại đi phụng sự bạc tiền và quyền thế thì sao? Không! Con người văn hóa cao, trước nhất phải là một người xứng đáng danh hiệu con người, nghĩa là trước hết phải là một người Tài và có Đức, một người quân tử. Người chỉ có Tài mà không có Đức, chẳng phải là một người chỉ có hại cho đời mà thôi, tự mình lại cũng chưa hoàn thiện được sứ mạng làm người của mình.

2. *Phương pháp thứ nhì để tạo cho mình một môi cảm xúc dồi dào, phải cậy đến văn nghệ*. Văn nghệ làm tăng gia xúc cảm của ta bằng cách kích động nó. Thi ca, kịch, nhạc, họa... sẽ gây cho ta những xúc cảm mỹ thuật dồi dào. Thường ta gặp một cảnh hoạn nạn thương tâm, ta hay đem lòng thương cảm, rồi nhân cái đau khổ của người, ta liên cảm đến cái đau khổ của ta... nhờ vậy ta thấy mình biết cảm và ra khỏi cái tâm trạng khô khan của một tâm hồn không biết rung động...

Trên màn bạc hay sân khấu, kịch sĩ đã khéo gây thương cảm và làm cho lòng ta bồi hồi xúc động đến lệ rơi lã chã... Những vở tuồng hay là những vở tuồng bắt ta khóc sụt sùi, ta thấy lòng ta nhẹ nhàng vì đã biết động cảm cái đau khổ của kẻ khác. Có điều là kẻ đi xem kịch mà khóc vẫn biết là mình khóc những cảnh thương tâm trong tưởng tượng chứ không phải những cảnh thương tâm có thực. Vì thế mà ta ưa nó hơn những cảnh thực ở ngoài đời.

Ta đòi hỏi nơi nghệ sĩ cái tài tạo ra xúc cảm. Nhân loại đều ngảnh mặt về phía các nghệ sĩ là tại sao? Là vì ai ai cũng đều muốn sống trong mộng, muốn thoát mình ra khỏi một cõi đời tẻ nhạt, vô vị,

chấn nản bằng cách lao mình vào ảo vọng. Nghệ sĩ sở dĩ được coi là cao quý tùy tài nghệ tạo xúc cảm của họ đã khéo đưa ta vào cõi mộng đến bậc nào và đó cũng là một sự đắc thắng tạm thời của ta đối với những đau khổ quá trắng trợn chán chường của cõi đời thực tế.

Phải chăng câu thơ hay là câu thơ làm cho lòng ta xúc cảm. Và truyện Kiều sở dĩ được đa số ưa thích một phần nào phải chăng cũng vì cốt truyện cũng như văn chương thật là lâm li cảm động?

Trong chương trình văn hóa của người trí thức ngày xưa có bốn hoạt động văn nghệ là *Cầm, Kì, Thi, Họa* kể ra cũng rất là chu đáo. Theo chỗ tôi biết, người học thức ngày xưa ít thấy có người nào là không biết làm thơ, không thích ngâm thơ.

Mà thơ là một nghệ thuật bao gồm gần hết các nghệ thuật. Théodore Bainville nói: “*Thơ là gồm cả âm nhạc, hội họa, điêu tượng, hùng biện. Và phải chăng nó là một nghệ thuật bao gồm đầy đủ nhất*”. Và theo Lamartine, một câu thơ hay phải gồm đủ 4 yếu tố sau này: phải có *cảnh*, có *tình*, có *tứ*, có *nhạc*. Nghĩa là nó phải thể hiện được một cái *tứ* cho trí não, một cái *tình* cho tâm cảm, một *hình ảnh* cho con mắt và một *nhạc điệu* cho lỗ tai. Như vậy bốn câu thơ sau đây của Nguyễn Du:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa,
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi mang mác biết là về đâu.
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

phải chăng là những câu thơ tuyệt hay vì nó gồm đủ cả bốn yếu tố đã nói trên, có sức gợi cảm mãnh liệt.

Thơ hay là ở *sự kêu gọi*, chứ không phải ở chỗ nói hết được ý mình. Những cái mông lung, mờ mịt càng kích động óc tưởng tượng và làm cho câu thơ trở nên huyền ảo li kì... Tiếng đàn hay là hay ở dư âm... Câu thơ hay là hay ở chỗ hàm súc, lời vắn tắt mà hậu ý thâm trầm man mác.

Trong Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị có câu:

*“Thủy tuyến lãnh sát huyền ngưng tuyết,
Ngưng tuyết bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u tình ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.”*

Tạm dịch:

Doanh lạnh ngắt tơ màn như đứt,
Đứt chẳng thông tạm ngớt cung tơ
Như sầu như giận như ngờ
Tứ riêng hay gấp tiếng tơ muôn phần.
(Vô Danh dịch)

Thơ, thuộc về tâm cảm hơn là lý luận, vì vậy có kẻ khuyên nên đọc thơ bằng con tim hơn bằng khối óc. Lời khuyên ấy, kể ra cũng có lý.

Con người đâu phải chỉ sống bằng Lý, mà cũng phải sống bằng Tình. Một đời sống mà người ta chỉ nghĩ đến ăn, ngủ, làm việc... mà lòng mình không bao giờ biết đến những xúc cảm mãnh liệt của tâm

tình, thì dễ chán làm sao!

Một nhà trí thức có văn hóa cao mà không biết thích thơ, hoặc không biết làm thơ, không biết thế nào là một câu thơ hay và hay ở chỗ nào... tôi cho là một điều thiếu sót đáng tiếc. Có nhiều kẻ đã vu cho Thơ là mơ mộng, là huyền ảo, là lơ lửng trên hư không... Nhà văn Ernest Bersot trả lời: “*Người ta thường tin tưởng rằng Thơ là giả dối bởi nó biến thể tất cả những gì nó mô đến; người ta lầm: Thơ, không phải là giả dối, nó chính là chân lý đấy, nhưng là thứ chân lý mãnh liệt hơn cái chân lý trong đời sống tầm thường*”.^[27]

Theo Lamatine, Thơ là “*một sự an ủi tâm hồn mình bằng những tiếng khóc nức nở của quả tim*”. Nó là tiếng “*kêu thương, rên rỉ*” của tâm hồn. Bởi vậy Anatole France mới nói: “*Khoa học không quan tâm gì đến việc làm vui lòng hay làm buồn lòng ai cả. Vì vậy, nó không có lòng nhân. Thơ làm cho ta say mê ngây ngất, an ủi vỗ về ta, cho nên nó còn cần thiết hơn là khoa học*”.^[28]

Nhà bác học Darwin, lúc về già, than thở vì đã mất hứng thú về mỹ cảm: “*Từ mấy năm nay tôi không thể đọc được một câu thơ nào cả... Tôi cũng không thể đọc Shakespeare... lại cũng đã không còn ưa thích họa và nhạc nữa... Than ôi, mất những hứng thú ấy là mất một nguồn hạnh phúc có thể rất nguy hại đến sự thông minh và tính tình của mình bằng sự làm giảm mất cảm xúc của tâm hồn*”.^[29]

3. Phương pháp thứ ba là biết sống một mình trong cô tịch, giữa cảnh vật thiên nhiên.

Sống trong xã hội, người ta vì nể nhau mà phải bị bắt buộc sống trong giả dối. Cả một giàn “*nghi lễ*” giả tạo bắt buộc ta phải dẹp tình cảm ta qua một bên, tỏ vẻ lạnh lùng và cố giữ vẻ trầm lặng bí ẩn. Chẳng những ta không được quyền bộc lộ bản tính của ta, lại còn bị phong tục, tập quán xã hội làm thiên đi và lại phải thay vào đó bằng những cử động, những cảm tưởng mà xã hội, thời thượng chấp nhận, dù là trái với tâm cảm của ta. Cái sống phiền phức, nhộn nhịp của kinh thành dễ làm khô héo tình cảm thanh cao của ta. Sống trong cô tịch là dịp hay để mình sống trở lại trong sự thành thực với cõi lòng.

Trong những lúc mà văn minh trở nên phiền phức nhất có lẽ là những lúc mà lòng người cảm thấy ham thích cái thú sống trong những cảnh thiên nhiên cô tịch nhất. Là vì cái đời sống quá giả dối và ràng buộc trong một cuộc đời quá nhộn nhịp khiến lòng ta càng khao khát sự sống trong yên tĩnh, thành thực và tự do. Sống được năm ba ngày trong thôn quê, nơi một làng mạc xa xôi hẻo lánh đem lại cho tâm hồn mình một liều thuốc thanh lương và giải thoát (12).

Lại nữa, nếu cảnh vật thiên nhiên càng gồ ghề hùng vĩ thì sự tâm bỏ tinh thần lại càng thêm sâu mạnh. Con người đứng trước những cảnh tượng bao la bát ngát, trước những lượng lượng tự nhiên vô cùng vĩ đại dường như luôn luôn lấm le chìm đắm ta trong vực sâu hay nghiền nát ta như tro bụi... thì những bằng giá trị sai lầm cốt đề cao bản ngã của ta mà ta đã sống hằng ngày, trong xã hội phù phiếm xa hoa, bỗng biến lặn và có khi mất hẳn nơi tâm hồn ta. Trước cảnh vật vô cùng hùng vĩ, con người cảm thấy những cao vọng của mình đều là ti tiện không đâu. Một thứ tình cảm thanh cao sâu sắc xâm chiếm tâm hồn ta và nâng nó cao lên trên những vùng cao nhất của tinh thần... “*Khí tượng như chim phụng hoàng trên mây xanh thì những lợi hại con con không còn động được tâm nữa...*”

Thánh Bernard có nói: “*Anh sẽ tìm được một cái gì rộng rãi hơn và sâu thẳm hơn trong những cảnh rừng hoang vu vắng lặng hơn là trong sách vở*”. Vì vậy, ta đã thấy, các bậc đạo học cao thâm thường là những kẻ thích sống trong những cảnh non cao rừng thẳm, chẳng phải để tránh đời mà là vì hợp với tâm hồn thiên về hướng nội của mình hơn. Kẻ nào thích sống một mình, bao giờ cũng là người thâm trầm sâu sắc hơn kẻ thích sống trong nhộn nhịp tưng bừng của bè bạn, hội hè... Ảnh hưởng của

thiên nhiên đối với tâm hồn thật là rõ rệt như ta đã biết qua khi bàn đến trước đây ảnh hưởng của địa lý đối với tâm tính con người. Người xưa tin nơi địa lý cũng có một phần nào đúng với tâm lý đã nói trên.

*Hồng Lĩnh sơn cao,
Song ngư hải khoát.
Nhược ngộ minh thời
Nhân tài tú phát.* [\[30\]](#)

Hoan Châu (Nguyễn Thiếp)

Văn hào André Maurois cũng có nói:

“Những người làm việc nhiều, nên thỉnh thoảng sống một đời sống ẩn dật”...

“Họ tìm về nhà quê, bên sườn núi, hay những bãi bẽ vắng vẻ để xa hẳn với mọi liên lạc, từ chối cả sự luyến ái tâm tình cùng bè bạn. Trong một khung cảnh rộng rãi bát ngát như thế mới thích hợp với tâm hồn của họ được. Ở giữa sự nhộn nhịp tưng bừng của các đô thị lớn, thì một tuồng hát, một bài báo, một câu chuyện ngồi lê đôi mách cũng sẽ thành ra điều quan trọng, lấn át cả công việc của ta, cả tình cảm đứng đắn của ta. Nhưng dưới cảnh trời sao mênh mông bát ngát, những chuyện vụn vặt ấy phải chìm lặn mất hẳn trong bóng tối. Trong sự im lặng ban đêm và trong sự im lặng của tâm hồn, trên những khoảng bao la man mác thì mọi sự phù phiếm vô giá trị đều bị gạt bỏ hết, và ta có thể xây dựng được những công trình lâu dài. Sự tĩnh mịch không bao giờ làm hèn yếu con người đâu.”(12)

CHƯƠNG THỨ TÁM. MỘT VÀI NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

Nguyên tắc thứ nhất là đi từ cái dễ đến cái khó, và phải tin ở sự thành công.

Đừng đặt mục đích của mình cao quá, quá cái khả năng và phương tiện của mình. Đặt cho mình một mục đích quá cao để rồi không thể đạt được thật là một việc làm chẳng những vô ích lại còn nguy hiểm là khác. Là vì sự thất bại sẽ giết mất lòng tin và làm tê liệt sức cố gắng của mình đi. Goethe thường khuyên các nhà thơ trẻ tuổi nên làm các bài thơ ngắn trước khi viết những thiên anh hùng ca. Đối với một tác phẩm to và phiền phức, hãy bắt đầu viết những phần dễ nhất trước. Nếu con đường quá dài, không sao đi một mạch được thì tốt hơn là *chia nó ra từng đoạn và thi hành cho xong từng đoạn một*. Người đăng trí cho cái gì cũng dễ, dễ rồi bị thất vọng; người ươn hèn cho cái gì cũng khó, dễ rồi không chịu làm gì cả; chỉ có người thông minh mới biết rằng không có gì là dễ dàng cả, nhưng với sự cố gắng và biết phân phối tổ chức, thì rồi việc gì cũng sẽ trở nên dễ dàng tất cả. Dĩ nhiên, đâu phải làm việc mười giờ một ngày mà ta có thể trở thành một đại thi sĩ. Phải có năng khiếu. Nhưng cố gắng mãi thì cũng có khi *“thiên tài chỉ là một sự kiên nhẫn lâu ngày mà thành”*.(12)

Nguyên tắc thứ hai để làm việc có hiệu quả là phải làm việc đều đều, không nên để gián đoạn.

Nhà văn Emile Zola có cho khắc trên phòng ông câu này: *Nulla dies sine linrea* nghĩa là “không một ngày nào mà không viết một hàng.” Thật sự thì mỗi ngày ông viết có cả nghìn hàng chữ, nhưng câu châm ngôn trên đây là một khẩu hiệu rất hay để bắt buộc mình làm việc đúng giờ và đều đều không gián đoạn. Đừng bắt chước việc làm của những kẻ làm việc suốt ngày suốt đêm, để rồi nằm không chống cằm ngủ cả hai ba tuần lễ sau. Đây là một nguyên tắc làm việc rất hay cho bất cứ một sự học hỏi hay làm việc nào. Cứ ngày nào cũng học mười lăm phút đồng hồ thôi, nhưng ngày nào như ngày nấy, không bao giờ sai chạy. Đó là một thói quen rất tốt cho những ai muốn làm nên việc lớn và đó cũng là một phương pháp để luyện tập ý chí.

Lương Khải Siêu, trong *Ấm Băng Thất* có viết:

“...Hồ Văn Trung khi ở trong quân, mỗi ngày đều đọc Thông Giám mười tờ.

Tăng Văn Chính khi tại quân mỗi ngày đều viết nhật kí vài mục, đọc thơ vài bài, đánh cờ một bàn.

Lý Văn Trung mỗi ngày dậy sớm viết theo Lan Đình một trăm chữ.

Suốt đời họ, lấy đó làm thường thường, người thường tình thấy thế, há chẳng cho rằng những sự tiểu tiết ấy không có liên lạc gì đến việc lớn sao? Nhưng các người ấy đâu hiểu rằng đặt ra các phép tắc có chừng mực và làm theo đó luôn luôn một cách không sai chạy, thật là một sự to tát đệ nhất của phẩm giá con người. Kẻ khéo quan sát đều xem xét mãnh lực tinh thần con người bằng cách ấy.”

Sự làm việc, có ngày ta hăng hái, có buổi ta uể oải, bơ phờ... Nhưng kinh nghiệm cho ta biết rằng, dù có hứng hay không có hứng, phải tự mình cương quyết đặt cho mình một kỉ luật là phải ngồi tại bàn viết, cầm cây viết lên... rồi thì “cái máy” của ta bắt đầu “ấm” lại và “mở máy” chạy như thường. Đừng bao giờ tự nhủ: “Hôm nay thấy trong mình không muốn làm việc... Vậy hẹn ngày mai!”. Đó là cách nuôi dưỡng cái tính lười biếng của ta mà thôi.

Bàn viết của tôi bao giờ cũng sẵn sàng giấy mực cả. Viết của tôi luôn luôn đầy mực. Thời dụng biểu cùng chương trình làm việc đã ghi rõ chiều hôm qua những gì tôi làm sáng hôm nay... Tất cả đều sẵn sàng chờ đợi tôi. Chỉ chờ có tôi đến ngồi là tất cả “guồng máy” bắt đầu làm việc theo ý muốn.

Nguyên tắc thứ ba là bất cứ học môn nào phải *khởi đầu bằng những yếu tố đầu tiên của môn học ấy*, nghĩa là khởi học lại những căn bản sơ đẳng và *đừng bao giờ nhảy giai đoạn*.

Phần nhiều những thất bại về tinh thần đều do sự không biết xây đắp vững chắc cho nền tảng học thức đầu tiên của ta.

Một phần đông chúng ta ngày nay thích học nhảy giai đoạn, “*học tắt*”. Họ muốn nghiên cứu đến các khoa học phức tạp về những vấn đề hết sức gay go trong khi họ không hiểu gì ráo về hình học và đại số học sơ đẳng. Có nhiều cô cậu bàn luận đến Einstein mà chưa hiểu nổi Euclide! (13)

Nguyên tắc thứ tư: Biết lựa chọn.

Biết lựa chọn, là biết lựa chọn những công việc nào hợp với khả năng của mình. Và một khi đã lựa chọn xong thì hãy can đảm thực hiện cho kì được môn mình đã lựa chọn.

Ta chỉ có thể là một nhà viết tiểu thuyết, hoặc một nhà đại thương gia hay một nhà chính trị, nhưng đừng cao vọng mình sẽ kiêm luôn cả ba, trừ ra những kẻ phi thường.

Tuy nhiên, nếu ta quá chăm chú vào một việc gì thì ta cũng phải thỉnh thoảng *biết giải trí bằng cách thay đổi công việc làm*. Ignace de Loyola khuyên các tu sĩ dòng Gia Tô đầu tiên đừng bao giờ làm quá hai tiếng đồng hồ vào một công việc. Ở nhà trường thời dụng biểu không bao giờ cho dạy luôn một môn suốt ba tiếng đồng hồ. Đó là một nguyên tắc làm việc rất hay. Trong đời ta phải có một trung tâm hoạt động duy nhất và ít ra cũng có vài trung tâm hoạt động phụ thuộc.(12)

Nguyên tắc thứ năm là phải biết quý thời giờ làm việc của ta và đặt cho nó thành một kỉ luật.

Đối với người làm việc, cần phải có bốn phận là gạt bỏ những kẻ làm mất thời giờ của mình, tức là những kẻ phá khuấy ta. Lễ độ, nhần nhục đối với họ đều là những lỗi lầm nặng. Phải hết sức gắt gao đối với hạng người này, đón rước họ tức là mình tự phá hoại đời mình đó.

Goethe khuyên ta: “Phải tuyệt đối sửa dạy những kẻ đến khuấy rầy ta cho họ mất cái thói đến làm rộn mình mà không cho hay trước. Họ chỉ đến bắt ta phải nghe chuyện của họ...” Ai muốn làm việc ích lợi cho đời phải coi chừng đừng để bị kẻ ấy đến khuấy rối. Khi gặp phải trường hợp có kẻ xông vào phòng ông làm việc một cách trâng tráo, thì thi sĩ giữ một thái độ hết sức lạnh nhạt làm cho họ phải thất vọng ngay: Goethe chỉ chấp tay sau lưng, không nói một tiếng gì cả. Nếu khách là một người danh giá thì Goethe chỉ làm bộ ho hen và thỉnh thoảng: “Hừ! Hừ!...” cho qua, thế là câu chuyện đứt ngang. Đối với thư từ, thi sĩ chia ra làm hai loại: thư xin xỏ cầu cạnh thì ông liệng vào sọt giấy, chỉ thư nào giúp ông có được cơ hội để tiến thêm thì ông mới chịu trả lời. Ông lại thường nói: “A, thanh niên! Các anh không biết giá trị của thời giờ!” (12).

Kể ra cách cư xử ấy có thể xem là tàn nhẫn thật, vì cũng có không biết bao bậc vĩ nhân sẵn sàng luôn luôn trả lời cho tất cả mọi người cần dùng đến mình, trong đó có rất nhiều kẻ đáng thương hại và đáng nâng đỡ chú ý. Nhiều người cho rằng cách cư xử của Goethe thiếu hẳn lòng nhân, nhưng sự thiếu lòng nhân ấy đã giúp cho ông để lại cho hậu thế những tác phẩm như *Faust* và *Wihelm Meister*. Thực sự, kẻ nào tự mình để cho kẻ khác xâm chiếm sẽ bị xâm chiếm, và rốt cuộc rồi cũng sẽ không để lại được cho đời một công trình gì đáng kể. Kẻ nào ham mê làm việc phải biết từ khước tất cả mọi việc nhảm, làm phí thời giờ quý báu của mình, như những cuộc hội họp, trò chuyện, tán hão và không đâu. Goethe lại còn khuyên ta đừng quan tâm đến thời sự, nếu tự mình không có phận sự gì để thay đổi được cuộc diện xã hội. Nếu mỗi sáng đều phí mất một vài giờ đồng hồ để theo dõi tin tức chiến tranh ở ngoài tận xa xăm mút bên kia thế giới, để suy nghĩ vẩn vơ về những hậu quả tai hại của thời cuộc có thể xảy ra trong khi chúng ta chẳng phải là một nhà chính khách, một vị tướng lĩnh hay một kí giả hoặc không phải là gì gì cả... thì liệu chúng ta có làm việc gì được cho xứ sở không, lại còn làm mất thời giờ quý báu một cách rất vô ích trong một cuộc đời sống ngắn ngủi và chỉ có sống một lần thôi (12).

Kỉ luật “*quý thời giờ*” này bắt ta cũng đừng để cho tình cảm không đâu làm phí tổn thời giờ khó kiếm của ta trong khi ta đang làm một công việc quan trọng. Cái ý nghĩa cao cả về đời sống của một bậc nam nhi không phải ở trong những mối tình cảm cón con, chỉ làm tổn mất thời giờ vô ích. Người quyết tâm làm nên đại nghiệp cần phải biết hi sinh. Có nhiều bạn trai đầy nhựa sống, đầy thiên chí, đầy khả năng làm việc và học hỏi lại bỏ mất thời giờ quý báu của mình để bận đến những mối tình “đầu lười” của các bạn gái lãng mạn. Người đàn bà là một cạm bẫy, kẻ nào sa vào đều hỏng cả cuộc đời mình. Có bao kẻ học thi lại vì những tình cảm không đâu, đành phải làm hại cả một đời mình vì một vài cô nhí nhảnh!

Phải dám hy sinh tình cảm mình cho những công trình quan trọng hơn. Đọc tiểu sử các bậc vĩ nhân anh hùng ta thấy rõ rệt điều này: họ không bao giờ để ái tình họ trên sự nghiệp. Những bậc nam nhi mà đời họ chỉ biết nuông chiều theo tình cảm, phí thời giờ để làm vui lòng người đàn bà, suốt đời sẽ không làm nên đại nghiệp gì cả và có khi vì thế mà tan nát cả tương lai mình là khác. Bởi vậy, người đàn bà, sẽ làm nên sự nghiệp cho chồng, giúp cho chồng đạt thành sở nguyện bằng sự hi sinh, không đòi hỏi nơi người đàn ông phải vì mình mà làm mất những thời giờ quý báu trong khi làm việc. Bà vợ của Edison là gương mẫu một người đàn bà của một bậc vĩ nhân. Bà kính cẩn tôn trọng những giờ phút làm việc của chồng như một cái gì thiêng liêng bất khả xâm phạm, và suốt đời không bao giờ đòi hỏi

chồng phải chiều chuộng mình mà làm mất thời giờ quý báu của chồng.

Nguyên tắc thứ sáu: Biết dùng thời giờ làm việc và tiết kiệm từng phút một.

Thời gian đối với một kẻ lười biếng thì dài lê thê bất tận, họ tìm cách giết thời giờ mà giết không sao cho hết. Trái lại, đối với những kẻ ham làm việc và học hỏi thì ngày giờ rất eo hẹp vô cùng. Một đời sống như của Pascal hay Spinoza tuy rất ngắn ngủi nhưng thật là phong phú lạ; trái lại có những cuộc đời dài lê thê mà vô vị khô khan như bãi sa mạc.

Thời gian làm việc rất là ngắn. Nếu kẻ 60 năm là hạn, mà phải trừ lại tuổi của lúc ấu thơ, những giấc ngủ thì chỉ còn lại bao nhiêu năm? Ba mươi năm là cùng. Thế mà nếu lại trừ bớt trong số 30 năm ấy những thời giờ tắm rửa, ăn uống, tiêu hóa, đau ốm, mệt mỏi, những cuộc viếng thăm, xã giao, tán nhảm, thư từ, nghỉ hè... cùng những thời giờ bị kẻ ở không nhưng đến quấy rối... thì còn lại bao nhiêu năm để làm việc bằng trí? Mười hoặc mười hai năm là nhiều nhất! Kinh khủng chưa?

Những kẻ bị nghề nghiệp ràng buộc, đầu tắt mặt tối thì dĩ nhiên không sao còn có thời giờ nhàn rỗi. Đối với họ, đời sống trôi chảy một cách lạnh lùng tẻ nhạt và không gì gọi là có tư tưởng cả! Nhưng giả sử bạn là một sinh viên, bạn là người có phúc hơn nhiều và được nhiều ưu đãi vì bạn được có thời giờ tự do để làm việc và học hỏi, bạn thử tính lại ngày giờ làm việc thật của bạn được là bao? Nhất là trong những giờ bạn làm việc, thời giờ lo tìm tự điển, chép bài, nói chuyện khào, đọc sách nhảm hay nhặt báo... thời giờ làm việc của các bạn thực sự còn có là bao? Giỏi lắm là hai mươi phút trong một giờ là cùng. Nhưng hai mươi phút ấy cần phải để mà suy nghĩ, nghiền ngẫm, đem tất cả nghị lực vào việc làm không xao lãng.

Trong thời gian hai mươi phút làm việc của ta trong một giờ ấy, ta có để mất nó nữa không? Thiếu gì cơ hội bất thường đến làm cho ta bị xao lãng mà bị ngưng công việc. Một con ruồi rớt trong bình mực cũng là một cơ hội ta bị xao lãng. Con mèo kêu trên mái nhà... Cánh cửa bị gió đập mạnh... Một chiếc xe hơi đậu lại trước nhà mà máy vẫn chạy... đều cũng là cơ hội để ta bị xao lãng. Trong khi đi tìm một chữ nào ở tự điển lại cũng có khi bị quyến rũ mà liếc mắt xem mấy chữ ké bên, hoặc nếu là một quyển tự điển có hình nhiều làm sao tránh khỏi không xao lãng mà nhìn sang các hình bên cạnh... Rồi đến lượt có một tờ báo đến nhà, mình cũng ngưng đi một chút để xem qua các tí... Có gì đâu... chỉ vài phút thôi là xong! Đó là chưa nói đến những mơ mộng phiêu lưu theo sự kêu gọi của vài danh từ quen quen! (10)

Littre^[31] lúc ban mai, khi ông chờ người bồi phòng làm xong công việc dọn dẹp, ông viết bài tựa cho bộ tự điển khổng lồ của ông. Có những phút đồng hồ kẻ là bỏ mà người biết tiết kiệm thời giờ lại dùng nó để làm được nhiều công trình to lớn. Ông d'Aguesseau thay vì rầy rà, bất bình bà vợ có tính chậm chạp bắt ông luôn luôn chờ đợi lúc giờ ăn, ông lợi dụng những phút đợi chờ ấy mà viết một quyển sách. Ngày kia, ông đưa cho bà quyển sách ấy và nói: “Đây là những món ăn “*đầu bữa*” của tôi đây” (11).

Nguyên tắc thứ bảy là hễ làm việc gì thì hãy làm cho hoàn tất, đừng phải trở lại một lần thứ hai.

Đó là một thói quen rất tốt cho tất cả mọi công việc.

Chesterfield trong một bức thư gửi cho con có nói: “Không có gì dễ bằng, miễn là *chỉ nên làm một việc thôi* và đừng bao giờ để qua ngày mai việc gì ta có thể làm ngay bây giờ.”(13)

Việc gì cũng vậy, hãy từ từ mà làm, đừng làm hồi hải, vụt chạc, làm một cách *tắc trách* mà phải làm một cách đàng hoàng dứt khoát với tất cả tâm hồn. Phải tập quen cái tính này: không bao giờ chịu làm một việc gì mà làm cho có, miễn cưỡng, cầu thả và phải làm lại một lần thứ hai.

Khổng Tử có nói: “*Học cho rộng, hỏi cho kĩ, phân biệt sáng rõ, làm cho hết sức. Có điều không học, nhưng đã học điều gì không hay, không thôi. Có điều không hỏi, nhưng đã hỏi điều gì mà không biết, không thôi. Có điều không phân biện, nhưng đã phân biện điều gì mà không minh bạch, không thôi. Có điều không nghĩ, nhưng đã nghĩ điều gì mà không nghĩ đến nơi, không thôi. Có điều không làm, nhưng đã làm điều gì mà chưa tận lực, không thôi. Người ta dụng công một, ta dụng công một mà không được thì phải dụng công gấp trăm, người ta dụng công mười, ta dụng công mười mà không thành thì phải dụng công gấp nghìn để đến kì được mới thôi. Nếu quả theo được đạo ấy thì tuy ngu rồi cũng thành sáng, yếu cũng thành ra mạnh.*” (Trung Dung)^[32].

Nguyên tắc thứ tám là muốn làm việc cho nó hiệu quả phải có một *sức khỏe* dồi dào.

Một thân thể tráng kiện là điều kiện cốt yếu cho một tinh thần sáng suốt. Bệnh hoạn là một trở ngại to tát cho sự làm việc bằng trí óc.

Tôi có nhiều bạn văn, ngày nay đã ra người thiên cổ vì làm việc không nguyên tắc, không biết giữ gìn sức khỏe. Họ làm việc ban đêm với chè tàu và cà phê, thuốc lá... Sống trong những căn phòng tồi tàn, không đủ không khí, vì vậy, bệnh tật dấy lên và cướp mạng sống họ trong lúc tuổi mới vừa ba mươi, tương lai đang đầy hứa hẹn...

Có người đã bảo: *Ba điều kiện để được thành công là: "Tài hoa, sức khỏe và may mắn!"* Lời nói ấy gần cũng chí lí. Epicure có nói: *"Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn, đó là chân hạnh phúc của con người."* Thật vậy, có được một tinh thần không loạn cũng nhờ một phần nào nơi một thân thể không đau. Ảnh hưởng của sức khỏe đối với tính tình và tư tưởng của ta đâu phải là thường!

Như vậy, điều kiện đầu tiên của sự thành công là được một thân thể tráng kiện. Và muốn được như thế, dĩ nhiên là phải có đủ những điều kiện sau đây: ăn uống đầy đủ, bổ dưỡng, nhẹ nhàn; vận động thân thể vừa vừa, đừng nặng nhọc lắm; thường sống ngoài trời có gió, nắng và nhất là có được những giấc ngủ ngon lành. Sự vui vẻ cũng là một liều thuốc bổ nhất.

Giấc ngủ là quan trọng hơn hết. Nhưng đừng ngủ thái quá, nhất là ngủ nướng. Ngủ nhiều quá làm cho máu chạy chậm lại, làm cho cảm giác nhụt lùn và óc thông minh thêm nặng nề uể oải. Nhưng, ngủ vừa đủ để lấy lại sức khỏe là cần nhất. Về số giờ phải ngủ thì không sao định được, nó tùy mùa, tùy công việc làm nặng nhẹ, tùy sự mệt mỏi nhiều ít... Chính mỗi người tùy nhu cầu mà tự định đoạt lấy.

Nhưng nếu mình cảm thấy mất ngủ, thì phải ngưng lập tức các công việc làm bằng trí óc, và hãy đi ra ngoài chỗ thoáng khí. Sự mất ngủ, nếu không phải do sự dùng chất kích thích thần kinh như rượu, trà hay cà phê cùng thuốc lá hoặc vì ăn quá no, thì đó là triệu chứng của sự làm việc quá độ. Khi nào ngủ lại được thì mới nên bắt đầu làm việc lại. Những lo âu, cũng là nguồn kích động làm cho ta mất ngủ.

Ngoài trời rộng, đi bách bộ, giúp cho máu chạy mạnh, rất có lợi cho sự trầm tư mặc tưởng. Nhà nhạc sĩ đại tài Beethoven thường thích lưu động ngoài đồng ruộng, có khi đi suốt ngày quên cả giờ ăn. Trong khi đó, ông biên chép tất cả những ý gì hay... hiện ra.

Cicéron cũng thích làm việc bằng cách đi chơi ngoài trời. Spencer cũng nói: "Tôi thường làm việc bằng cách đi rong ngoài ruộng. Trong khi tôi đi thì đầu óc tôi làm việc mãnh liệt". Stuart Mill thuật rằng phần lớn quyển sách *Logique* của ông đã được nghiền ngẫm trong những lúc đi làm việc mà phải đi bách bộ đến sở.

Làm việc ban đêm là nguy hiểm nhất. Đừng bao giờ thức khuya, sau 10 giờ đêm là phải ngưng làm việc ngay.

Không có gì nguy hại bằng nghĩ ngợi công việc làm bằng cách tiêu pha sức khỏe mình trong các tiệm nước hay các rạp xinê. Những giờ nghỉ, cần tìm cách tiêu khiển ngoài trời tốt hơn, nhưng cũng đừng quá phung phí sức mình trong các cuộc thể thao quá nhọc mệt.

KẾT LUẬN

Người *học thức*, tức là người thà biết ít mà thật biết những gì mình biết, còn những gì mình không biết, thì cũng biết rõ là mình không biết. “*Không có sự đốt nát nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã biết trong khi mình chưa biết*”. Văn hóa là một vấn đề thuộc *phẩm* chứ không phải thuộc *lượng*.

Tuy nhiên, càng biết rộng càng hay, càng biết sâu càng quý. Một cái học về bề rộng mà kém về bề sâu, là một cái học nông nổi phù phiếm. Một cái học về bề sâu nhưng kém về bề rộng, là một cái học câu chấp hẹp hòi. Cả hai đều là thiếu sót cả. Có được một cái học rộng rãi thì tránh được nạn thiên kiến chấp nhất. Có được một cái học chuyên môn thì cái học của mình mới biến thành thực dụng. Điều hòa được cả hai lối học ấy là thực hiện được mức cao nhất của công trình văn hóa của mình.

Đọc sách và biết đọc sách rất cần, nhưng chính mắt thấy tai nghe, biết nhìn xem và quan sát, biết suy nghĩ và phê bình những sự việc chung quanh ta hằng ngày lại càng cần hơn. Cái lợi của sách là giúp cho mình suy nghĩ, chứ không phải suy nghĩ thế cho mình.

Học khoa học và triết học rất cần, nhưng đào tạo cho mình một tinh thần khoa học và triết học lại càng cần hơn.

Mỗi người, tùy khả năng, tùy phương tiện, tùy tính khí, tùy khuynh hướng... phải biết tự mình tìm thấy một phương pháp thích ứng cho riêng mình.

Thật vậy, sở dĩ “*không ai giúp ai được là vì không ai giống ai cả*” như Jules Payot đã nói (11). Và cũng vì tin tưởng như thế nên tôi chỉ nêu lên những nguyên tắc mà không dám đưa ra những thí nghiệm của bản thân. Tôi lại còn muốn nói thêm: “*Không ai bắt chước ai được, vì không ai giống ai cả*”. Socrate nói rất chí lý: “*Tôi không dạy ai được cả, tôi chỉ kêu gọi mà thôi*”.

Học cũng như ăn. Tuy là cần thiết cho tất cả mọi người, nhưng không phải món ăn nào cũng hợp cho tất cả mọi người. Có kẻ ăn mau tiêu, có người ăn lâu tiêu: sức tiêu hóa của mỗi người mỗi khác. Lớn ăn khác, nhỏ ăn khác; mạnh ăn khác, đau ăn khác; ở xứ nóng khác, ở xứ lạnh ăn khác. Có phương pháp học, lợi cho người này, nhưng không lợi cho người kia. Ai đã từng đi dạy học đều biết rằng phương pháp dạy phải *tùy từng cá nhân mà áp dụng*. Nhà giáo dục phải như người trồng cây. Cho nên người Tây phương đã dùng chữ “*culture*”^[33] để chỉ về văn hóa. Mỗi loại cây đều có những nhu cầu khác nhau, cần sự chăm nom săn sóc khác nhau.

Nói thì dễ... nhưng làm được bấy nhiêu thôi, đâu phải còn dễ nữa. “*Tri dị, hành nan*” hay “*tri nan, hành dị*”? Theo tôi, cả hai đều khó cả.

Học đâu phải là công việc của một thời kì cấp sách và trường, “*thập niên đăng hỏa*” mà thực ra, phải là công phu thực hiện của suốt một đời người. “*Học là một vấn đề không biết lúc nào là cùng. Còn sống giờ nào, còn phải học giờ nấy*.”

Nhưng, học mà không hóa có hại cho tinh thần, cũng như ăn mà không tiêu, có hại cho sức khỏe. Người có học thức là người đã “*thần hóa*” cái học của mình. Bởi vậy, học mà đến mức gần như quên hết cả sách vở của mình đã học ấy mới gọi được là cái học “*tinh nghĩa nhập thần*”.

Văn hóa không là quyền sở hữu của bất cứ một dân tộc nào: những quyển *Bible*, *Koran*, *Bhagavad Gita*, *Đạo Đức Kinh*, *Dịch Kinh*, *Hoa Nghiêm Kinh* không phải là của riêng của một màu da, một dân tộc, một thể hệ nào cả. Nó là kho tàng chung của nhân loại. Và người văn hóa cao cũng không phải là người riêng của một màu da, của một dân tộc hay của một thể hệ nào cả, mà là một người đã hoàn thành sứ mạng con người của mình, trong nhân loại.

LỜI HAY Ý ĐẸP

1. Thiên tài, chẳng qua là một sự nhẫn nại lâu ngày. (A. DE VIGNY)
2. Không có cái gì là dễ, nhưng cái gì rồi cũng sẽ trở nên dễ, nếu ta biết trì chí kiên tâm. (ANDRÉ MAUROIS)
3. Điều mà tôi biết chắc hơn hết là tôi không biết gì cả. (SOCRATE)
4. Biết mà học, không bằng thích mà học; thích mà học không bằng say mê mà học. (LUẬN NGŨ)
5. Mỗi người đều phải nhận hai thứ giáo dục: một thứ do kẻ khác truyền cho; một thứ, quan trọng hơn, do chính mình tạo lấy. (GIBBON)
6. Sự dốt nát là đêm tối của tâm hồn, một đêm không trăng mà cũng không sao. (CICÉRON)
7. Giá trị của mỗi người đều tùy lý tưởng cao thấp của mình theo đuổi. (P. HYMANS)
8. Đọc sách mà tin cả sách, thà đừng đọc sách còn hơn. (MẠNH TỬ)
9. Sĩ phu ba ngày mà không đọc sách thì soi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện lạt lẽo khó nghe. (HOÀNG ĐÌNH KIÊN)
10. Học mà chưa thấy vui thì chưa gọi là học. (TƯ MÃ QUANG)
11. Đọc sách mà con mắt không tinh, thế là vùi dập cái khổ tâm của người xưa. (CỔ NGẠN)
12. Muốn cho thân không bệnh, trước phải để cho tâm không bệnh. (TUÂN SINH TIÊN)
13. Ta có tai, mắt, ta nghe, ta trông; ta có tâm tư, ta suy, ta nghĩ; đối với người xưa, có lúc ta thờ như thầy, có lúc ta kính như bạn, cũng có lúc ta kinh địch không chịu. Ta theo lý, nhất quyết không làm tôi tớ cổ nhân. (LƯƠNG KHẢI SIÊU)
14. Tuổi trẻ không gắng sức, già cả phải ngậm ngùi. (CỔ THI)
15. Người không có chí như thuyền không lái, như ngựa không cương: trôi giạt, lông bông không ra thế nào cả. (VƯƠNG DƯƠNG MINH)
16. *Biết* không phải là khó.
Làm mới là khó. (KINH THU)
17. Khí quyết không vận dụng thì bệnh.
Tinh thần không vận dụng thì ngu. (LỤC CỬU UYÊN)
18. Người ta ngu đến đâu cũng còn dạy được;
Mà không đến đâu cũng phải dạy thêm. (TRẦN HOÀNG MU)
19. Đường tuy gần, không đi không bao giờ đến;
Việc tuy nhỏ, chẳng làm chẳng bao giờ nên. (TUÂN TỬ)
20. Tài cao mà không học, vẫn chưa là hoàn toàn. (THIỆT UYÊN)
21. Ở đời chẳng có việc gì là chẳng phải khó nhọc mà làm nên. (VĂN TRUNG TỬ)
22. Trăm lần nghe, không bằng một lần trông thấy. (TRIỆU SUNG)
23. Việc đời, có việc không nên biết;
Có việc không nên quên;
Có việc không nên không quên. (ĐƯỜNG TUY)
24. Nền không chắc, mà tường cao: sự hư hại nằm sẵn ở đó. (HẬU HÁN THU)
25. Có yên tĩnh mới nảy ra tinh thần;
Có tinh thần mới nảy ra trí lực. (HỒ LÂM DỰC)
26. Người đi học đừng lo không có tài, chỉ lo không có chí. (DIÊM THIẾT LUẬN)
27. Không gì nghèo bằng không có tài, không gì hèn bằng không có chí. (UÔNG CÁCH)
28. Khoa học mà không có lương tâm là sự bại hoại của tâm hồn. (RABELAIS)
29. Bất cứ sự hiểu biết gì cũng đều do quan sát và kinh nghiệm mà biết. (SAINT BEUVE)

30. Kẻ nào tự mình cam làm thân phận con trùn, có nên than thở vì sao bị người chà đạp trên đầu mình không? (KANT)
31. Hễ muốn, là được. (CỔ NGŨ)
32. Với thời gian và kiên nhẫn, lá dâu sẽ thành sợi tơ óng ánh. (TỤC NGŨ BA TU)
33. Lựa sách mà đọc cũng như lựa bạn mà chơi: Phải coi chừng bạn giả. (DAMIRON)
34. Chỉ nên đọc sách giúp ta tư tưởng mà thôi, đừng đọc sách khỏi phải tư tưởng nữa. (GIBBON)
35. Quá khứ không khác nào cây đèn để nơi ngưỡng cửa tương lai, để làm tan bớt một ít bóng tối bao phủ nó. (LAMENNAIS)
36. Có ba thứ đốt:
 - Không biết những gì mình phải biết;
 - Biết không rành những gì mình biết;
 - Và biết những gì mình không nên biết.(LA ROCHEFOUCAULD)
37. Chính những gì chúng ta đã biết cản trở không cho ta hiểu những gì chúng ta chưa biết. (A. DAULES)
38. Tinh thần khoa học chẳng những là một tính tốt, nó là một đức hay. Ấy là sự liêm sĩ của tinh thần vô tư. (E. GOBLOT)
39. Phê bình, không phải là chống đối. (RENÉ LALOU)
40. Cái học lưng chừng, hào nhoáng và chưa tiêu hoá còn tệ hại hơn là sự ngu dốt: nó làm suy nhược óc phán đoán và giảm bớt lòng đạo đức. (ANDRÉ LALANDE)
41. Nhà phê bình là người biết đọc sách và chỉ dẫn cho kẻ khác biết cách đọc sách. (SAINT BEUVRE)
42. Phận sự đầu tiên của nhà phê bình đâu phải là đóng vai một bậc thầy để mà sửa trị những đứa học trò khó dạy, mà là phải phục vụ, và có thể tóm tắt trong ba danh từ này: thông cảm, soi đường và truyền bá. (LOUIS LE SIDANIER)
43. Tôi viết là để cho tư tưởng của tôi được sáng tỏ thêm. (R. DE GOURMONT)
44. Người khôn, khéo lựa chọn sự hiểu biết mà không chông chất sự hiểu biết. (Bà DE LAMBERT)
45. Sự đồng tán thưởng của mọi người chưa hẳn đã là một sự đảm bảo thiết thực cho sự trường tồn của một tác phẩm.
Những nhà văn nhất đán được người ta ưa thích thường lại là những nhà văn mau bị lãng quên nhất. (A. GIDE)
46. Có loại sách chỉ cần đọc phớt qua thôi;
Có loại nên đọc ngấu đọc nghiền;
Có một số rất ít cần phải đọc một cách nghiền ngẫm và suy tư. (FRANCIS BACON)
47. Thời giờ người ta đã dùng để bàn chuyện phiếm, đủ để đọc được một tác phẩm mỗi ngày. (PRAGNER)
48. Giá trị của tuổi cao rất cần cho bốn điều sau đây:
 - 1. Gỗ già bền lửa;
 - 2. Rượu cũ ngon miệng;
 - 3. Bạn cũ nên tin;
 - 4. Tác phẩm cổ nên đọc.(FRANCIS BACON)
49. Có học vấn mà không có đạo đức, là người ác;
Có đạo đức mà không có học vấn, là người quê. (LA TU PHÚC)
50. Về khoa học hãy chọn những tác phẩm mới nhất;

Về văn chương nên đọc những tác phẩm cũ nhất.

Văn chương cổ điển bao giờ cũng vẫn tân kỳ. (EDWARD BULWER LYTTON)

51. Nếu tôi có quyền thế, tôi sẽ đem sách mà gieo rắc khắp mặt địa cầu như người ta gieo lúa trong luống cày vậy. (HORACE MANN)
52. Sự gần gũi với sách an ủi tôi trong cảnh già cô độc. (MONTAIGNE)
53. Trong con đường học vấn, hễ không tiến là lùi. (M. ROUSTAN)
54. Tiền vốn đặt vào công việc gì cũng không lợi bằng đặt vào việc mua những sách hữu ích. (H. N. CASSON)
55. Đọc sách là nói chuyện với những người thành thật nhất của những thế kỷ đã qua. (DESCARTES)
56. Cố gắng mà viết ra tư tưởng của mình là phương pháp hay nhất để suy tưởng. (MIGUEL DE UNAMUNO)
57. Những điều chúng ta đã biết sánh với những gì chúng ta chưa biết chỉ là một giọt nước đối với đại dương. (NEWTON)
58. Gặp một quyển sách hay, nên mua liền dù đọc được hay không đọc được, vì sớm muộn gì cũng sẽ cần đến nó. (WINSTON S. CHURCHILL)
59. Groom tuy tốt, không mài không sắc;
Tài tuy hay, không học không cao. (TỤC NGŨ)
60. Kẻ sĩ cần phải có khí độ lớn lao, và kiến thức rộng rãi. (BÙI HÀNH KIÊM)
61. Tôi đọc chẳng những cho trí thức mở mang mà còn để cho tâm hồn thanh thoát nữa. (EUGÉNIE DE GUÉRIN)
62. Có những quyển sách mà phần đẹp nhất chỉ là cái bìa và cái lưng. (CH. DICKENS)
63. Học rộng điều gì, không bằng biết phần cốt yếu của điều ấy;
Biết phần cốt yếu của điều ấy, không bằng thực hành điều ấy. (CHÂU HY)
64. Sớm nghe được Đạo;
Chiều chết cũng vui.
(*Triều văn Đạo, tịch tử khả hỷ*). (LUẬN NGŨ)
65. Triết luận là nghệ thuật đặt vấn đề hơn là giải đáp những vấn đề đã đặt ra. (K. JASPERS)
66. Cái gì cũng nhằm chán cả, trừ ra học hỏi. (VIRGILE)
67. Sự hiểu biết của kẻ tầm thường thì rời rạc không thống nhất;
Sự hiểu biết của nhà khoa học, là một sự hiểu biết được thống nhất một phần nào thôi;
Còn sự hiểu biết của nhà triết học là sự hiểu biết đã hoàn toàn được thống nhất. (H. SPENCER)
68. Ta hiểu được Chân lý chẳng phải chỉ nhờ bộ óc, mà còn nhờ con tim. (PASCAL)
69. Đọc sách là dễ mà tư tưởng. (GIBBON)
70. Cần phải trích ra những gì mình đã đọc qua. (HÉRAUT DE SÉCHELLES)
71. Một khắc đồng hồ để mà suy ngẫm những gì ta đọc mở rộng tâm hồn trí não ta hơn là đọc nhiều mà không suy nghĩ. (Bà DE LAMBERT)
72. Đem cái điều mình ưa thích để chống đối lại với cái điều mình không ưa thích, đó là căn bệnh trầm trọng nhất của tâm hồn. (TĂNG XÁN)
73. Chân lý như hạt kim cương: nó chiếu muôn mặt, chứ không phải chỉ chiếu có một mặt. (GOETHE)
74. Kẻ đui, làm gì tin có ánh sáng của mặt trời. (CỔ NGŨ)
75. Cái thói thích phê bình chỉ trích làm tắt hẳn lòng biết ham mê thưởng thức những gì tốt đẹp trên đời. (LA BRUYÈRE)
76. Học ít, nhưng mà học kỹ. (M. FAUCONIER)
77. Biết nghe tức là đã biết suy tưởng. (HENRY MAVIT)

78. Kẻ nào không có tham vọng trở nên cao trọng hơn cái người của mình hiện thời, không xứng đáng chiếm một chỗ đứng dưới bóng mặt trời. (E. F. BERRY)
79. Kẻ nào chỉ biết rành một việc nào và thực hành được ngay việc đó là kẻ có văn hóa cao hơn kẻ việc gì cũng biết, nhưng chỉ biết nửa chừng. (GOETHE)
80. Không có sự dốt nát nào nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã biết những gì mình chưa biết. (SOCRATE)
81. Biết thì biết là mình biết;
Không biết thì biết là mình không biết;
Đó mới thật là biết. (LUẬN NGŨ)
82. Hiểu biết, phải chăng là hiểu biết tới những nguyên nhân các sự vật? (GUSTAVE LEBON)
83. Giờ phút nào mà người thanh niên chỉ biết cặm cụi học tập để làm tiền là giờ phút đen tối nhất của cuộc đời thanh xuân. (GREELEY)
84. Một vấn đề bao quát bao giờ cũng khó giải quyết hơn là một vấn đề được hạn chế. (H. MAVIT)
85. Món ăn tinh thần cũng như món ăn vật chất. Chẳng phải những món ta ăn nuôi dưỡng ta mà chính những gì ta đã tiêu hoá mới nuôi dưỡng được ta thôi. (GUSTAVE LEBON)
86. Người có học không phải là người biết nhiều việc, mà là người biết rõ những gì mình phải biết và hiểu rõ những gì mình đã biết. (MARIUS GROUT)
87. Học là một vấn đề không biết đâu là cùng. Còn sống giờ nào là còn phải rán học giờ nấy. (BEAUGRAND)
88. Phải tạo thêm nhiều thư viện, chẳng phải để thoả mãn những tò mò dễ dãi tầm thường mà là để đáp lại những khát vọng cao thượng của quần chúng. (MAURICE PÉIN)
89. Đọc nhiều sách không bằng đọc sách nhiều. (ROLLIN)
90. Đừng bao giờ là độc giả của một tờ báo nếu muốn thấy được sự thật muôn mặt, nếu muốn là một người có một cơ sở văn hóa vững vàng. (MAX LECLERC)
91. Học, tức là học cách để hiểu. (PIERRE MILLE)
92. Đọc sách nhiều và đung đầu đọc đó làm tản mát tinh thần; đọc ít mà đọc kỹ, nhất là đọc mà suy nghĩ sẽ giúp ta tìm được chân lý của sự vật. (ROGER MUNSCH)
93. Óc hẹp hòi là những đầu óc không thể hiểu được hoặc không chịu tìm hiểu những gì mình không ưa thích. (MASSON OURSEL)
94. Chỉ có những ai không biết lo ngại đến sự thành công của mình mới dám nói thẳng những chân lý nghịch với thời đại. (J. J. ROUSSEAU)
95. Hãy hành động theo nhà tư tưởng, và tư tưởng như nhà hành động. (H. BERGSON)
96. Đọc sách không nhiều thì không lấy gì làm chứng cho sự biến hoá của Lý. Đọc sách nhiều mà không cầu ở Tâm thì lại là tọc học. (HOÀNG LỆ CHÂU)
97. Người văn hóa cao là người phát triển được đầy đủ mọi năng khiếu của tinh thần. (R. VETTIER)
98. Ta không bao giờ có thể trở nên thông thái được nếu chỉ chịu đọc hay chịu học những gì ta ưa thích mà thôi. (JOUBERT)
99. Tất cả mọi người đều là nhà văn cả khi nào họ có điều muốn nói. Viết ra, không khó gì cả; cái hiếm có, cái khó khăn là phải có trong đầu óc những câu chuyện gì để kể, những ý tưởng gì đáng nói để mà nói ra. (JÉRÔME và JEAN THARAUD)
100. Hai điều làm lớn:
◦ Bất chấp đến Lý;
◦ Và chỉ chấp nhận có Lý mà thôi.
(BLAISE PASCAL)
101. Đọc sách là hai người cùng sáng tác. (H. DE BALZAC)

102. Khi một tác phẩm nâng cao tinh thần ta lên và kêu gọi cho ta được những tình cảm cao quý và can đảm, ta không cần đi tìm một nguyên tắc nào khác để đánh giá nó nữa: nó là quyền sách hay đây, và do một nghệ sĩ viết ra đây. (LA BRUYÈRE)
103. Thỉnh thoảng cần du lịch để dẹp bớt lòng tự ái và mở rộng kiến thức. (SAINT BEUVE)
104. Óc hẹp hòi dễ đi đến sự cuồng tín. (H. MARION)
105. Óc châm biếm là chứng bệnh của một tâm hồn bị tự ti mặc cảm. (MARYSE CHOISY)
106. Nước chảy đá mòn. (TỤC NGŨ)
107. Đơn giản là điều khó khăn nhất trong đời: ấy là tiếng nói cuối cùng của kinh nghiệm và tài hoa. (GEORGE SAND)
108. Kẻ nào không còn biết ngạc nhiên gì nữa cả, nên kẻ như người ấy đã chết; mắt họ đã mờ tắt rồi. (ALBERT EINSTEIN)
109. Nhìn lên cao,
Học rộng thêm nữa,
Tìm cách lên cao mãi. (PASTEUR)
110. Tôi chưa từng gặp một người nào mà tôi không học được nơi họ một cái gì. (A. DE VIGNY)
111. Sự lặng lẽ cô tịch là nơi ở tự nhiên của những tâm hồn cao thượng. (LACORDAIRE)
112. Lịch sử chứng minh được tất cả những gì mình muốn. Nó cũng không dạy cái gì thực sự cả, vì nó chứa đựng tất cả, đem ví dụ và gương mẫu cho tất cả. (PAUL VALÉRY)
113. Chúng ta không tự do, thấy đều bị lệ thuộc trong quá khứ. (HENRI BARBUSSE)
114. Quá khứ xiềng trói và cột chặt ta lại với nó; trong khi chúng ta tưởng đã giải thoát được nó, thì chính nó lại chỉ huy cả tư tưởng hành động của ta. (JÉRÔME và JEAN THARAUD)
115. Kẻ Chết ngự trị người Sống. (AUGUSTE COMTE)
116. Quá khứ luôn luôn có mặt nơi hiện tại. (M. MAETERLINCK)
117. Ôn lại cái xưa để mà biết được cái nay. (CỔ NGŨ)
118. Nhân kiến phải mỗi lúc mỗi mới! Người khôn ngoan là kẻ mà cái gì cũng thấy mới lạ. (ANDRÉ GIDE)
119. Đọc sách mau quá hoặc chậm quá, sẽ không hiểu gì cả. (BLAISE PASCAL)
120. Tất cả mọi sự hiểu biết đều do hoài nghi mà nên được. (ANDRÉ GIDE)
121. Chỉ có cái gì trường cửu là cần phải nói, chứ không nên nói những cái tạm thời. (ANTOINE BOURDELLE)
122. Đời là trường học của tôi. (ANTOINE BOURDELLE)
123. Trong đời sống hằng ngày, trong khi giao tế với đồng loại, người ta cần phải dùng đến Trí, nhưng ta sẽ ít lầm lỗi hơn nếu ta biết nghe tiếng nói của Lòng ta. (P. LECOMTE DU NOUY)
124. Không có một quyển sách nào hay đối với một người ngu; cũng không có một quyển sách nào dở đối với một người trí. (DIDEROT)
125. Biếm nhẽ là sự cần cỗi của tinh thần. (LA BRUYÈRE)
126. Những tư tưởng thanh cao đều do cái tâm của mình mà ra cả. (VAUVENARGUES)
127. Biết tất cả để mà yêu tất cả. (F. CHALLAYE)
128. Phải dám tư tưởng theo mình, dù là đang học phép tư tưởng cho đúng. (F. MASSON OURSEL)
129. Càng hiểu biết nhiều, càng ít dám quả quyết. (CÁCH NGÔN Ý)
130. Bậc thật khôn ngoan không cãi cò gì với ai cả, cũng không bênh vực gì cho mình cả.
Họ nói, hoặc họ lắng lắng mà nghe.
Họ nói thẳng ra, hoặc họ tìm mà hiểu những ý nghĩa thâm sâu. (H. DE KEYSERLING)
131. Rất ít người có thời giờ để đọc sách một cách chăm chú. (VOLTAIRE).
132. Phê bình bằng cách chỉ trích một tác phẩm, rất dễ. Tìm mà hiểu cái hay của nó, rất khó.

(VAUVENARGUES)

- 133. Đọc sách để mà suy nghĩ;
Đừng đọc sách để mà khỏi suy nghĩ. (GIBBON)
- 134. Tài hoa chỉ thành tựu nơi cô tịch của tâm hồn. (GOETHE)
- 135. Người ta luôn luôn được khen hay bị chê, nhưng không ai được hiểu cả. (F. NIETZSCHE)
- 136. Nhìn thấy những cái đẹp khó hơn là nhận thấy những cái xấu. (CHATEAUBRIAND)
- 137. Học vẽ có công dụng văn hóa cao hơn là âm nhạc. (ANDRÉ GIDE)
- 138. Phải có một cái học tổng quát để phụng sự cho ngành chuyên môn của mình. (VICTOR DURUY)
- 139. Biết mình là đầu mối của sự khôn ngoan. (SOCRATE)
- 140. Biết người là Trí;
Biết mình là sáng. (LÃO TỬ)
- 141. Kẻ có trình độ văn hóa cao rộng là kẻ có rất nhiều bậc thầy, nhưng không nô lệ một ông thầy nào cả. (DÉSIRÉ ROUSTAN)
- 142. Ngộ Đạo nhất dĩ quán chi. (KHÔNG TỬ)
- 143. Ta là người, hễ có việc gì nghĩ chưa ra thì nghĩ mãi đến quên cả ăn; nghĩ ra được rồi thì vui quên cả lo; không biết rằng tuổi già đã sắp tới vậy. (KHÔNG TỬ)
- 144. Những đầu óc tinh nhuệ mới nhận thấy được sự khác nhau trong sự vật;
Những đầu óc tầm thường chỉ thấy toàn là những sự giống nhau thôi. (X...)
- 145. Không có sự dốt nát nào nhục nhã bằng tin tưởng rằng mình đã hiểu những gì mình không hiểu. (SOCRATE)
- 146. Kẻ đồng chí của ta là bạn ta;
Kẻ nghịch với ta là thầy của ta. (X...)
- 147. Phân tích để mà phân tích giết chết tự nhiên: hột thóc mà nghiền thành bột không còn nảy mộng được nữa. (AMIEL)
- 148. Những bậc thông thái mà đứng trước thiên nhiên cũng không khác nào những đứa trẻ đứng bên bờ bể, lấy vỏ ốc để mà lường nước bể. (NEWTON)
- 149. Bậc thông thái nào mà chả biết kinh sợ trước sự dốt nát của mình là một kẻ “nguy” thông thái. (THIAUDIÈRE)
- 150. Chỉ có bậc thật thông thái mới biết rõ mình là người ngu dốt mà thôi. (VICTOR HUGO)
- 151. Cái mà ta gọi là khoa học chỉ là sự mò mẫm trong bóng tối. (VICTOR HUGO)
- 152. Chỉ có kẻ nào không biết gì cả mới không hoài nghi gì cả. (X...)
- 153. Đứa học trò hay nhất của tôi là đứa không đồng ý với tôi. (JULES LEMAÎTRE)
- 154. Người ta bắt thỏ rừng bằng chó săn, bắt người đàn bà bằng bạc tiền và bắt bọn ngu si bằng những lời khen láo. (TỤC NGŨ ĐỨC)
- 155. Không bao giờ có văn hóa những đâu không có tự do tinh thần, không có phê bình tự do, không có sự đề cao nhân phẩm. (ANDRÉ GIDE)
- 156. Sự phát triển cá nhân để trở thành một con người đầy đủ phải là mục tiêu chính của tất cả mọi cố gắng của ta hiện thời. Văn minh loài người chỉ xây được một cách vững vàng trên những con người ấy thôi. (ALEXIS CARREL)
- 157. Tin tưởng mà không lý luận, là cái mạnh của kẻ yếu;
Phủ nhận mà không biết phân biệt, là cái yếu của kẻ mạnh. (X...)
- 158. Người bác học chưa ắt là người có văn hoá. (D. ROUSTAN)
- 159. Đừng để qua ngày mai, những gì ta làm được ngày nay. (B. FRANKLIN)
- 160. Mưa nhỏ thì mưa lâu, mưa to thì mau dứt. (W. SHAKESPEARE)
- 161. Phê bình kẻ khác là tự phê bình mình. (W. SHAKESPEARE)

162. Hãy suy nghĩ trước khi nói;
Hãy cân nhắc trước khi làm. (W. SHAKESPEARE)
163. Miếng vải xấu là miếng vải thô mà người ta nhìn bên này thấy rõ bên kia. Theo tôi, sách dở cũng một thứ: nhìn trang đầu đã độ biết trước được trang cuối. (HENRY FIELDING)
164. Thường thường có khi sự dối trá cắt nghĩa rõ tâm hồn ta hơn là sự chân thật. (MAXIM GORKI)
165. Người mạnh nhất thế giới là người dám sống một mình mình. (HENSI IBSEN)
166. Chân lý, như ánh sáng, làm mờ cả mắt. Sự giả trá, trái lại, như bóng hoàng hôn làm nổi bật lên cả mọi vật. (ALBERT CAMUS)
167. Biết bao kẻ đọc sách và học hỏi, không phải để tìm chân lý, mà là để tìm cách tăng gia cái tiểu ngã của mình! (JULIEN GREEN)
168. Tư tưởng thì bay như gió, còn ngôn ngữ thì chậm như rùa... Đó là thảm kịch của nhà văn. (JULIEN GREEN)
169. Đến tuổi trưởng thành, tức là đến tuổi sống một mình. (JEAN ROSTAND)
170. Chúng ta không thể nào sống chung nhau: tôi, thì có tật xấu kinh khủng; còn anh, thì cũng có những tánh tốt không thể chịu được. (ANDRÉ MIRABEAU)
171. Đừng sợ máy móc bên ngoài.
Hãy sợ máy móc của lòng mình. (GEORGES DUHAMEL)
172. Mục đích của khoa học là để mà dự phòng, chứ không phải để mà hiểu biết. (PIERRE LECOMTE DU NOUY)
173. Sự trầm lặng là yếu tố chính làm nảy sinh những công trình vĩ đại. (MAURICE MAETERLINCK)
174. Tôi yêu sự thật trên tất cả. Tôi tin rằng tất cả mọi người cũng đều cần đến nó. Nhưng theo tôi, nhân loại còn cần đến sự giả dối hơn nếu nó an ủi ta, nó ngọt ngào bờ đờ ta, nó đem lại cho ta những hy vọng tuyệt vời. Không có sự giả dối, nhân loại sẽ chết mòn trong tuyệt vọng và buồn chán. (ANATOLE FRANCE)
175. Chút gì mà tôi biết được cũng nhờ sự dốt nát của tôi mà có được. (SATRA GUITRY)
176. Khoa học không quan tâm gì đến việc làm vui lòng hay làm buồn lòng ai cả. Vì vậy, nó không có lòng nhân. Thơ làm cho ta say mê ngây ngất, an ủi vỗ về, cho nên nó cần thiết hơn là khoa học. (ANATOLE FRANCE)
177. Phải tôn sùng óc phê bình. (LOUIS PASTEUR)
178. Người ta nặn cam, rồi liệng vỏ. (VOLTAIRE)
179. Khi tình yêu phải lên tiếng, thì lý trí phải ngậm câm. (J. F. RÉGNARD).
180. Kinh nghiệm là khởi điểm của sự khôn ngoan. (ALEMAN)
181. Hạnh phúc thay kẻ đã khám phá được nguồn gốc sâu kín của vạn vật. (VIRGILE)
182. Không có cái gì vĩ đại mà thành công được nếu không có nhiệt tình. (HÉGEL)
183. Biết tìm thấy được chỗ đại đồng trong những tiểu dị, biết tìm thấy sự khác nhau giữa những sự vật giống nhau, đó là đã đạt đến tinh nhuệ rồi vậy. (H. ARTHUS)
184. Học, tức là biết nhận thấy được sự liên quan giữa không gian và thời gian, giữa nhân và quả trong mọi sự mọi vật. (HENRI ARTHUS)
185. Óc phê bình không phải là óc phản bác, óc chống đối... dìm kẻ khác để nâng cao mình lên. (JACQUES ROCAFORT)
186. Khoa học, kỹ nghệ và thi văn đều để đáp ứng với ba đòi hỏi tự nhiên này của con người: đòi hỏi chân lý, đòi hỏi tiện nghi, đòi hỏi lý tưởng. (X...)
187. Tôi thích mọi ngành khoa học; mỗi một ngành là một áp dụng tốt đẹp của một phần nào tâm trí con người; nhưng văn học, đó chính là tất cả tâm trí con người. (NAPOLÉON 1^{er})
188. Ông thầy hay nhất là ông thầy biết dự bị cho học trò của mình không cần đến mình nữa; hay nói

- một cách khác, ấy là ông thầy không lo nhồi nhét sự hiểu biết mà lo truyền dạy phương pháp tự học cho chúng. (LAVARENNE)
189. Nhà viết sử chẳng qua là người nhận thấy sự đời luôn luôn thay đổi và tìm hiểu tại sao nó thay đổi. (HENRI PIRENNE)
190. Một cái thói quen ảnh hưởng đời người một cách mạnh mẽ hơn tất cả mọi lẽ phải. (POPE A. SWIFT)
191. Người ta phê phán bằng bộ óc thông minh, nhưng người ta tự điều khiển bằng tính khí của mình. (GUSTAVE LEBON)
192. Tin tưởng rằng mình có lý, và chỉ có mình là có lý mà thôi, là nguồn gốc của độc tài, một tai hoạ ghê gớm cho nhân loại. (CHARLES BAUDOUIN)
193. Vì không trông thấy mà cứ không tin, thì cũng như con ve sâu không biết tuyết. (DIÊM THIẾT LUẬN)
194. Sở dĩ người ta phân biệt được những bậc vĩ nhân không phải nơi sự tân kỳ của họ mà là nơi lòng rộng rãi bao la của họ. (R. W. EMERSON)
195. Những quyển sách mà đời gọi là vô luân lý phần nhiều là những quyển sách tố cáo sự vô luân lý của đời. (OSCAR WILDE)
196. Ta có thể chứng minh được tất cả những gì ta muốn chứng minh, nhưng cái điều khó nhất là phải biết rõ những gì ta muốn chứng minh. (ALAIN)
-

GHICHÚ

Trước đây có nhiều trang có đánh số mà không có chua dưới trang, đó là số thứ tự của những sách tham khảo dưới đây:

1. Henry MAVIT: *Introduction à la Culture personnelle*. Paris 7e, 1952. Ed. Oliven.
 2. Pierre TIBERGHIE: *Comment se cultiver*. Paris 14e, 1937.
 3. Désiré ROUSTAN: *La Culture au cours de la vie*. Paris, Institut Pelman. 1930.
 4. Gustave RUDLER: *Les Techniques de la Critique et de l'Histoire Littéraire*. Oxford, 1923.
 5. Marcel PRÉVOST: *L'Art d'Apprendre*. Paris, Flammarion. 1922.
 6. Docteur P. CHAVIGNY: *Organisation du Travail Intellectuel*. Paris, Lib. Delagrave, 1928.
 7. Jean GUITON: *Le Travail Intellectuel*. Paris, Aubier, 1951.
 8. Charles WAGNER: *La Vie Simple*. Paris Armand Colin.
 9. Max FAUCONNIER: *Voulez-vous étudier seul?* Paris, Ed. Scientifiques et Littéraires.
 10. Jules PAYOT: *L'Education de la Volonté*. Paris, F. Alcan, 1925.
 11. Jules PAYOT: *Le Travail intellectuel et la Volonté*. Paris, F. Alcan, 1925.
 12. André MAUROIS: *Un art de vivre*. Paris, Plon, 1939.
 13. André MAUROIS: *La Jeunesse devant notre temps*. Paris, Flammarion, 1937.
 14. Elizabeth HUGUENIN: *Education et Culture d'après Kerchensteiner*. Paris, E. Flammarion, 1928.
 15. Jean GUITTON: *Apprendre à vivre et à penser*. Paris, Arthème Fayard, 1957.
 16. Jean GUITTON: *Nouvel Art de Penser*. Paris, Aubier, 1946.
 17. Emile BOREL: *De la Méthode dans le Sciences*. (1ère et 2e série). Paris, F. Alcan, 1911.
 18. Roger COUSINET: *La Culture Intellectuelle*. Paris, Les Presses d'Ile de France, 1954.
 19. Jean ELORY: *Simple conseils pour étudier*. Paris, Lib. Vuibert, 1926.
 20. J. BEZARD: *De la méthode littéraire*. Paris, Lib. Vuibert, 1926.
 21. Docteur TOULOUZE: *Comment former un esprit*. Paris, Hachette, 1913.
 22. Paul NYSSSENS: *Comment lire*. Belgique, Lib. de la Culture humaine, Belgique, 1936.
 23. Pierre MILLE: *Le Bel Art d'Apprendre*.
 24. Paul BERNARD: *Comment devenir un homme cultivé*. Paris, Fernand Nathan.
 25. V. HONNAYS: *Humanisme et livres de choix*. Paris, Ed. Desclée de Brouwer et Cie.
 26. Jules PAYOT: *La Faillite de l'Enseignement*. Paris, F. Alcan, 1930.
 27. R. VETTER: *Culture et Démocratie*. Paris, F. Nathan, 1958.
 28. Benigno CACÉRÈS: *Regards neufs sur autodidactes*. Paris, Ed. du Seuil, 1960.
 29. Marcel et André BOLL: *L'Elite de demain*. Paris, Calman-Lévy, 1946.
 30. Julien CAIN: *Le Livre de la Civilisation*. (Encyclopédie française, tome XVIII, fondée par M. de MONZIE).
 31. Romain MOTIER: *Traité de l'Intolérance*. Paris, Ed. de la Couronne, 1948.
 32. Jacques MARCIREAU: *L'Art de composer un livre*. Paris, J. Marcireau Editeur, 1947.
 33. Gonzague TRUC: *Savoir Lire*. Paris, E. Albin Michel, 1946.
 34. René LALOU: *Défense de l'homme*. Paris, Ed. Rieder, 1937.
 35. Docteur Henri ARTHUS: *Comment acquérir une culture individuelle*. Paris, Ed. Oliven, 1950.
 36. Georges DUHAMEL: *Défense de Lettres*. Paris, Mercure de France, 1937.
 37. Basile JOSEPH: *La formation culturelle des cadres et des dirigeants*. Paris, 1965, Marabout service.
-

[\[1\]](#) Câu này, ý nghĩa thâm trầm không phải có cái nghĩa thô thiển như trên. Đây chẳng qua là một viện lẽ ngụ biện và xuyên tạc của hạng người làm biếng mà thôi.

[\[2\]](#) *Les Années d'Apprentissage*, p.59 (Traduction Porchat).

[\[3\]](#) TAINÉ – *Correspondances*, III, trang 320.

[\[4\]](#) *Xem lại quyển Óc sáng suốt – trang 183 cùng một tác giả.*

[\[5\]](#) Trang Tử (*Đạt Sanh thiên*).

[\[7\]](#) *Le esprits fins voient les différences des choses, les esprits médiocres ne voient que de ressemblances.*

[\[8\]](#) *Ce que je sais le plus c'est que je ne sais rien. (Socrate).*

[\[9\]](#) *Il n'y a pas d'ignorance plus honteuse que de croire que l'on connaît ce que l'on ne connaît pas.*
(Socrate).

[\[10\]](#) *L'étonnement est l'origine de la philosophie.*

[\[11\]](#) Xem lại quyển “*Óc sáng suốt*” cùng một tác giả.

[\[12\]](#) *Mon meilleur élève est celui qui n'est pas de mon avis – Jules Lemaitre.*

[\[13\]](#) *Theo Jean Guiton: Nouvel Art de Penser (Aubier-1946).*

[\[14\]](#) *Tiểu thuyết của Tolstoi.*

[\[15\]](#) *Tiểu thuyết của E. Fromentin.*

[\[16\]](#) *Ngữ lục (Pensée) của Pascal*: trong tiết 5 ở sau, ghi là: *Tư tưởng lục (Pensée) của Pascal (?)*. (Goldfish).

[\[18\]](#) *Mười lăm năm giáo dục.*

[\[19\]](#) *Khảo về Tiểu thuyết của Phạm Quỳnh.*

[20] *Hallucination collective.*

[\[21\]](#) Cơ sở Báo Chí và xuất bản Tự Do mới vừa cho xuất bản quyển “*Từ tình yêu đến con người.*” Tác giả chưa được hân hạnh đọc quyển ấy nên chưa có thể có một ý niệm gì về nó để giới thiệu với độc giả.

[\[22\]](#) *Le Ciel Préface d'Alphonse Berget. (Larousse éditeur).*

[\[23\]](#) Dĩ nhiên là ưu tiên trong các nước láng giềng. Còn cổ sử của nước nhà lại là phần chính. Người ta không thể quan niệm người Việt Nam lại không rõ cổ sử nước nhà.

[\[24\]](#) Xem quyển “Để Thành Nhà Văn” cùng tác giả.

[\[25\]](#) nhà sách Hachette xuất bản.

[\[26\]](#) Túc Hòa thượng Thích Phước Hậu (1862-1949). (Goldfish).

[\[27\]](#) “*On croit trop souvent que la poésie est un mensonge, qu’elle aliène tout ce qu’elle touche, on se trompe: elle n’est pas un mensonge, elle est la vérité même, mais la vérité plus forte que celle de la vie vulgaire.*”

[\[28\]](#) *La science ne se soucie pas de plaire ni de déplaire. Ell est inhumaine. C'est la poésie qui charme et qui concole. C'est pourquoi la poesie est plus nécessaire que la science.*

[30] Dịch: *Chót vót Hồng Sơn/ Mênh mông Ngư Hải/ Trong sáng gặp thời/ Nhân tài bừng phát.*
(Theo Vũ Quang, *Nghi Xuân – tình đất tình người*, <http://www.bleudethuy.com.vn/nghi-xun-tnh-dat-tnh-nguoi> [Goldfish]).

[\[31\]](#) Soạn giả bộ Tự điển từ danh: *Dictionnaire de la langue francaise*.

[\[32\]](#) *Bản dịch của trần Trần Trọng Kim (Nho Giáo I).*

[\[33\]](#) có nghĩa đen là trông trặc.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>
